NĂM THỨ MƯỜI • # 112 • AUGUST 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

ĐẾN SÀI GÒN TỪ THUẬN HÓA, THĂNG LONG VÀ LUY LÂU

TS. LÊ HIẾU LIÊM

HỒI TƯỞNG VÀ MƯỜNG TƯỢNG

HỒ TRƯỜNG AN

THỜI ĐẠI BẤT NHÂN

TƯỞNG NĂNG TIẾN

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7
  Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Không gian ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

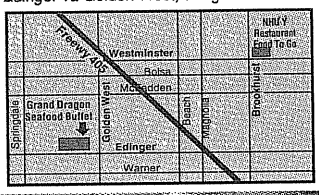

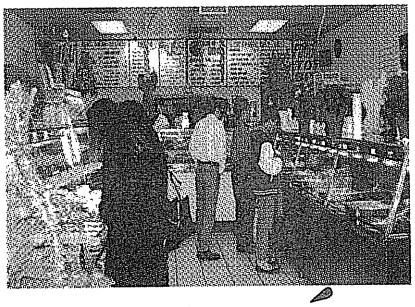

Chủ nhân Như Ý kính mời

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Như Ý FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm chỉ dẫn thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING

SEAFOOD RESTAURANT

CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY
CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

Phát Hành Trong Tháng 5, 1998

Video Ca Vũ Nhạc Đặc Biệt Diễn Tả Một Khía Cạnh Quan Trọng Của Đời Sống Hằng Ngày: **Tiền Bạc**

TIỀN BẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN HAY CỨU CÁNH CỦA CUỘC ĐỜI???

PARIS BY NIGHT 44

Chủ đề: TIỀN

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Chúng ta có thể **CHÁN** đàn bà, **CHÁN** đàn ông, nhưng không ai có thể **CHÁN "TIỀN BẠC"**, do đó xem **VIDEO PARIS BY NIGHT 44** sẽ không bao giờ **CHÁN.**

với sự góp mặt đặc biệt:

Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Phương Vy, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Kiều Hưng, Tuấn Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá **$28** 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.
Tel: (02) 796-7227

MỚI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- **Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)**
- **Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)**

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 9284[illegible] [illegible]-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

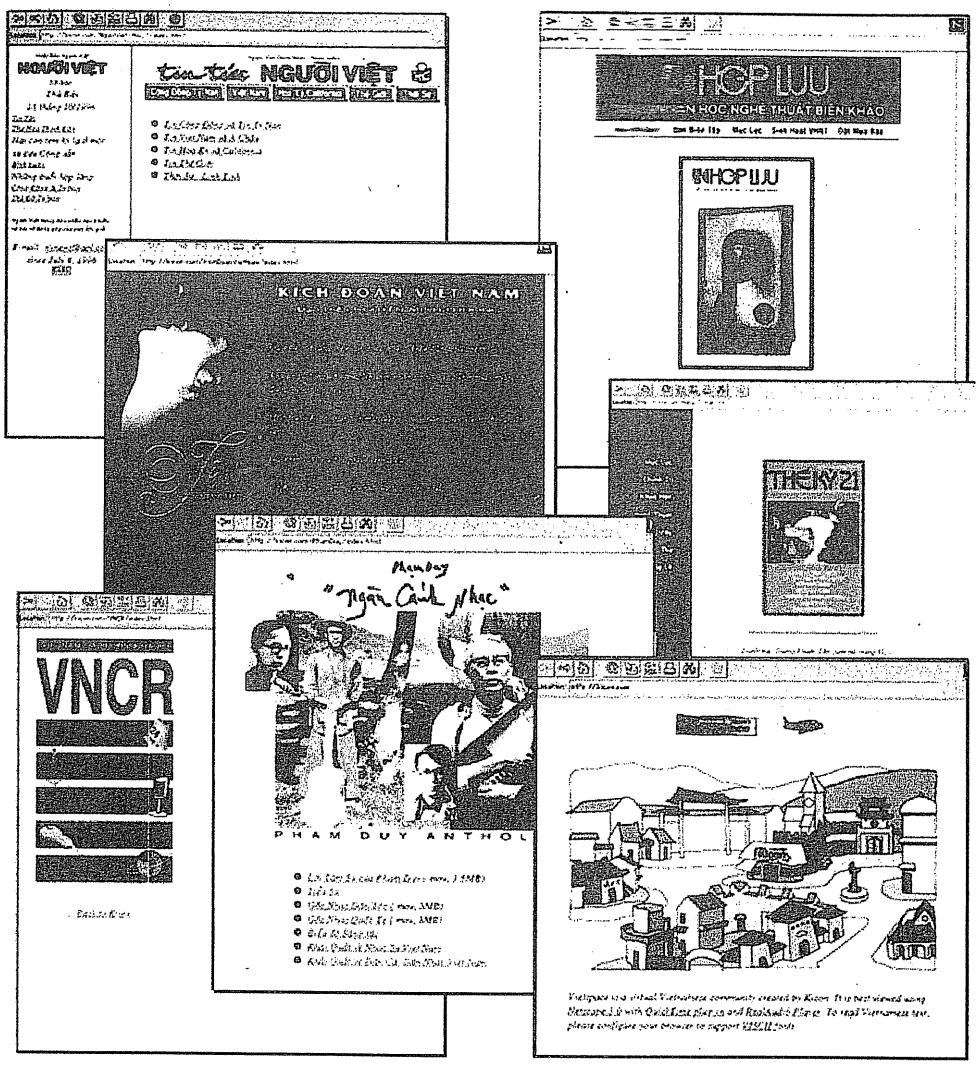

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tử Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association
11022 Acacia Parkway, Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 537-8352 * Fax: (714) 638-1944

LỚP VẼ THIẾU NHI KHÓA HÈ 1998

do nữ họa sĩ SUZIE VƯƠNG hướng dẫn

Khai giảng: Ngày thứ Bảy, 18 tháng 7 năm 1998, lúc 9 giờ 30 sáng.
Bế giảng: Ngày 03 tháng 10 năm 1998
Khóa học: Kéo dài 12 tuần lễ vào mỗi sáng Thứ Bẩy, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa.
Cấp 1: Dành cho các em mới học vẽ.
Cấp 2: Các em đã theo học lớp hè 1997.
Địa điểm: Tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, địa chỉ như trên đây.
Hạn tuổi: Từ 7 đến 15 tuổi, không phân biệt nam nữ.
Sĩ số thu nhận: Từ 10 đến tối đa là 25 em.
Học phí: 150 Mỹ kim, cộng thêm 10 Mỹ kim tiền mua giấy, bút, màu. Đóng tiền ngay lúc nhập học và không hoàn trả nếu bỏ học vì bất cứ lý do gì. Tiền mặt hay chi phiếu, trả cho VAALA.
Mọi chi tiết xin liên lạc với ông **Vũ Duy Tự, điện thoại (714) 537-8352.**

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

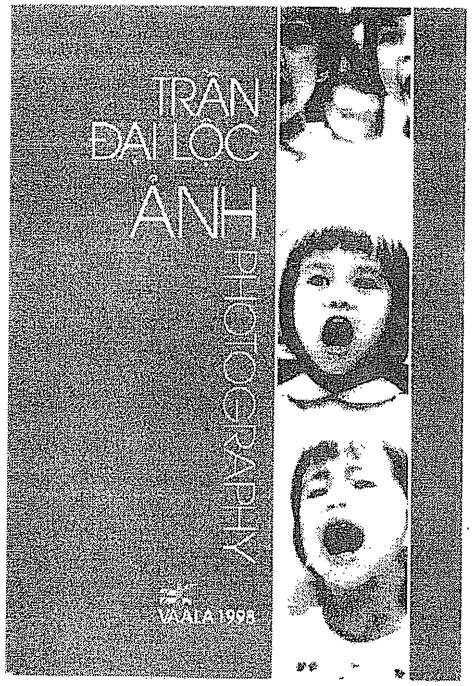

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cầm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Binh Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiều Nhàn, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

Tranh bìa: Tranh màu nước của **Nguyễn Thị Hợp**
(vẽ cho bìa sách Sự Tích Quan Âm Hương Tích).
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Hiếu Đệ**, trích báo **Tin Tức** (Paris)
Ảnh: **Anh Thành, Bùi Dương Chi, Tiểu Du**, ảnh lưu trữ

MỤC LỤC

Số 112 . Tháng Tám 1998

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ - LỊCH SỬ

3 Cơn thử thách sinh tử của General Motors - **Ngô Nhân Dụng**
15. Kinh tế Nhật gãy cánh - **Quang Võ**
23 Đến Sài Gòn từ Thuận Hóa, Thăng Long và Luy Lâu - **TS Lê Hiếu Liêm**
31 Thị trường chứng khoán và cổ phần hóa - **Vương Hữu Bột**
34 Thư gửi các báo - **Trần Độ**

TÀI LIỆU - PHIẾM LUẬN

48 Giáo hội Huyền Vi Chỉ - **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
52 Quảng Châu, thủ phủ của chàng Trọng Thủy - **Tiểu Du**
60 Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn - **Đặng Trần Huân**
100 Mặt trận Dân chủ dưới sách lược Mạc Tư Khoa - **Tưởng Vĩnh Kính, Thượng Huyền** dịch

NGÔN NGỮ

56 Vấn đề thay Y bằng I trong quốc ngữ - **Phụng Nghi**
74 Nói thêm về chữ I và Y trong chính tả Việt - **Doàn Xuân Kiên**

VĂN

62 Hồi tưởng và mường tượng - **Hồ Trường An**
78 Bữa cơm chiều - **Võ Doãn Nhẫn**
84 Những giới hạn của Ann - **Trần Như**
89 Quê ai - **Lý Không Minh**
92 Thời đại bất nhân - **Tưởng Năng Tiến**
98 "Khổ dôi" về cái chết của Đức Thánh tử vì đạo Đỗ Bá Lung - **Kiều Duy Vĩnh**
104 Chuyện đá banh - **Phạm Xuân Đài**

THƠ

65. Như một hồi âm - **Luân Hoán**. 73. Quê mình - **Khánh Hà**. 76. Người ngồi như tượng cổ. **Trăng Bắc Phương**. 80. Sao em lại về làm chim thành phố - **Nguyên Dũng**. 87. Trên quãng đường về - **Cao Thị Nguyệt Lãng**. 96. Về thuở chia xa - **Hoàng Lộc**. 101. Một ngày ở Mỹ - **Babui**. 108. Mắt Uyên buồn - **Trần Yên Hòa**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Mười điều tâm niệm vẫn còn mới - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
43 Sổ tay
110 Vòng Chân trời VHNT
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: [illegible]21@kicon.com
Web: http://[illegible].com/theky21

Hội [illegible] Quản Trị:
Đỗ Quý T[illegible] Ngọc Yến, Hà Tường C[illegible] Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, [illegible] Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

[illegible]540

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM VẪN CÒN MỚI

VƯƠNG HỮU BỘT

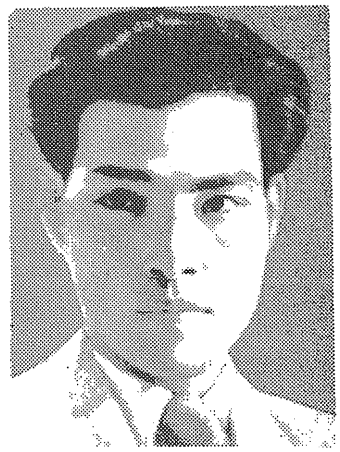

Nhà văn Hoàng Đạo

Trong tháng qua ở vùng Quận Cam, California có một lễ tưởng niệm Hoàng Đạo, nhà văn, nhà báo, chiến sĩ cách mạng. Ông qua đời 22 tháng Bẩy năm 1948 khi sống lưu vong ở Trung Hoa.

Khi còn sống, Hoàng Đạo đã thực hành đúng lời ông khuyên các bạn trẻ. Trong cuốn *Mười điều tâm niệm* mà lúc đầu là những bài Hoàng Đạo viết trên báo *Ngày Nay,* với nhan đề "Mười điều tâm niệm của các bạn trẻ," điều thứ ba ông đề nghị là "Sống theo một lý tưởng." Nay nay đọc lại các tác phẩm của ông, chúng ta thấy tất cả chứa đựng những hoài bão xây dựng một "Con đường sáng," mở mang dân trí để cho một nước Việt Nam lành mạnh, tốt đẹp hơn. Ông không viết báo, viết văn vì mình, mà tha thiết viết để giúp đồng bào, từ giới thanh niên ở thành phố đến những người dân sống "bùn lầy nước đọng."

Người Việt Nam ở trong nước cũng đã thắp hương tưởng nhớ Hoàng Đạo. Cuốn *Hoàng Đạo* của Vũ Gia xuất bản ở Hà Nội năm 1997 đã trân trọng giới thiệu và ca ngợi các tư tưởng mới mẻ và đóng góp văn học của Hoàng Đạo.

Vũ Gia nhắc lại lời khuyên của Nguyễn Quyền, vào đầu thế kỷ: *"Phen này cắt tóc đi tu, Tụng kinh Độc lập, ở chùa Duy Tân,"* và nói tiếp: chính Hoàng Đạo là người đã "chép kinh, dựng chùa, cụ thể hơn, sát sườn với cuộc sống, với hoàn cảnh của đất nước hơn."

Vũ Gia viết về cuốn *Mười điều tâm niệm:* "...một tác phẩm được nhiều người, nhất là giới trẻ cấp sách đến trường bậc trung học đệ nhị cấp ở miền Nam trước năm 1975 không ai không biết." Nay giới thanh niên ở miền Bắc cũng nên đọc.

Vì *Mười điều tâm niệm* vẫn còn hữu ích cho thanh niên Việt Nam hiện nay. Hoàng Đạo thể hiện một thái độ thực tế, phóng khoáng, không giáo điều. Điều Tâm niệm thứ nhất là một lời nhắn nhủ rất thời sự: Theo mới - Hoàn toàn theo mới không do dự. Hoàng Đạo viết: "Ta phải đem hết nghị lực và lòng nhiệt thành ra làm việc để vớt lại thì giờ đã mất,.." Quả thật từ 50 năm sau khi ông mất, dân tộc ta đã phí mất khá nhiều thời giờ và năng lực, nên mới chịu thua kém các nước chung quanh như bây giờ. Ông khuyến khích bạn trẻ tin tưởng ở sự tiến bộ, phải luyện tập thân thể cường tráng, luyện tính khí, luyện bộ óc khoa học, cần sự nghiệp không cần công danh, v.v.

Hoàng Đạo khuyên thanh niên phải làm việc xã hội, "để mưu việc cho xã hội, để tự cứu lấy nhau, đó là phương pháp thần hiệu để tiến đến cõi văn minh." Hoàng Đạo còn khuyên phụ nữ "chị em phải mạnh bạo hơn chút nữa, gom tài góp sức để lập hội học, hội thể dục, hội cứu tế, đoàn hướng đạo..." Những lời kêu gọi đó, nếu thực hiện được, sẽ phát triển các hình thức sinh hoạt tự nguyện và giúp ích, từ đó tập cho các bạn trẻ những tác phong cần thiết cho nếp sống dân chủ.

Các sinh hoạt tư nhân tự nguyện và tự phát đó tạo nên những định chế mà ngày nay chúng ta gọi là xã hội công dân. Như đã trình bầy nhiều lần trên tờ báo này, khoa học xã hội ngày nay đã thấy xã hội công dân, gồm các hiệp hội, đoàn thể tư nhân, tự nguyện và tự lập, là nền tảng để xây dựng chế độ dân chủ. Một quốc gia thiết lập hiến pháp, luật lệ dân chủ chưa đủ, cần phải xây dựng một xã hội công dân thì nếp sống dân chủ mới thấm nhuần. Ngay trong thời Pháp thuộc các thanh niên Việt Nam đã gieo những mầm, hạt cho xã hội công dân, và ngày nay nếu muốn giới trẻ vẫn có thể tiếp tục thực hành những lời khuyên của Hoàng Đạo.□

Hoan nghênh sự lương thiện tri thức

Kính gửi Ông Nguyễn Phúc Bửu Tập,

Trong bài Về Tạp Chí Bulletin de la Société des Études Indochinoises trong *Thế Kỷ 21* (số 110, 6/1998, tr. 49-52), tôi nêu lên hai chi tiết mà Ông đã viết không đúng về tên Société des Études Indochinoises (Hội Nghiên Cứu Đông Dương, cũng gọi là Hội Cổ Học Ấn Hoa) và tên tạp chí của hội cốt để dẫn tới kết luận rằng, *có thể Ông chưa đọc Tạp chí Bulletin de la Société des Études Indochinoises.* Tiếc thay, tòa soạn *Thế Kỷ 21* đã nhuận sắc mất câu kết luận quan trọng này, khiến nay tôi bị mang tiếng oan là người sửa văn tiếng Pháp của người khác. Tôi kém Pháp văn - nói thực đấy - nên không dám sửa văn tiếng Pháp của ai đâu, xin đừng hiểu lầm. Nay Ông đã công khai nhìn nhận Ông chưa đọc tạp chí Bulletin de la Société des Études Indochinoises. Sự trung thực tri thức của Ông đáng ca ngợi biết bao!

Nhân tên Hội Société des Études Indochinoises, Ông có khẳng định một điều, xin trích nguyên văn của Ông: *Chúng ta có thể nhầm, nhưng Cha Cadière khó thể viết sai.* Xin góp ý với Ông: mục Échanges trong tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Hue không ký tên người viết, làm sao ta quả quyết được là mục này do chính Linh mục Cadière viết? Hai nữa, và điều này quan trọng hơn, quả quyết *một tác giả khó thể viết sai* là một điều khá nguy hiểm cho những ai đọc sách, chưa nói đến những người muốn bước vào đường nghiên cứu. Suốt cả cuộc đời đọc sách, lúc nào tôi cũng phải tâm niệm câu *tận tín thư, bất như độc thư* là để tránh điều nguy hiểm ấy!

Ba mươi năm trước đây, tôi có điểm một sử phẩm tựa đề *Xã Hội Nhà Lý Nhìn Dưới Khía Cạnh Pháp Luật* trong đó lời chê nặng hơn tiếng khen, nhưng tác giả của sử phẩm ấy - giáo sư Nguyễn Hữu Châu Phan của Viện Hán Học Huế - đã không nệ theo tình cảm thương ghét thường tình mà vui vẻ chấp nhận những lời phê bình thẳng thắn, và tôi bỗng nhiên có thêm một bạn văn với mối giao tình đặc biệt cho mãi đến năm 1975. Ba mươi năm sau, tôi lại được biết Ông với tinh thần nghiên cứu nghiêm túc, chấp nhận phê bình, âu cũng là một hân hạnh cho tôi.

Tôi xin cảm phục lòng can đảm và sự lương thiện tri thức của nhà biên khảo Nguyễn Phúc Bửu Tập. Ông đã nêu một gương tốt cho học giới Việt Nam. Cuối cùng, tôi chỉ là một người cầu học, niên kỷ chưa đến 60, xin Ông tha cho hai chữ Tiên Sinh.

Trần Anh Tuấn *(Alameda, CA)*

World Cup đối với một người di dân ở Mỹ

Hơn một tháng qua, cho đến ngày cuối là 12 tháng Bảy, chúng tôi sống rất vui nhờ được coi đá banh. Cuộc đời hiện tại của chúng tôi coi như không có giải trí. Phương tiện giải trí trong tầm tay là cái ti vi thì vì ngôn ngữ, sự thưởng thức của mình rất hạn chế, nhất là các màn diễu, nói một câu nghe người Mỹ cười ầm ầm, còn mình thì cứ... tỉnh bơ. Thể thao là món duy nhất có thể có một ngôn ngữ riêng, ai cũng có thể hiểu và thưởng thức được, nhưng khốn thay, ngay cả thể thao của người Mỹ chúng tôi cũng không hiểu! Không có ngôn ngữ chung nào ở đây cả. Các môn football, base ball người Mỹ say mê thì khi xem, mình lại... tỉnh bơ. Mình chỉ mê có môn đá banh thôi, mà ở đây thì lại không có.

World Cup vừa rồi thật là một bữa đại yến thịnh soạn kéo dài làm cho đời sống của chúng tôi đổi khác hẳn. Cứ nhìn thấy cái sân cỏ xanh là trong lòng cảm thấy náo nức như thời còn trẻ. Cuộc sống hình như bắt lại được một nhịp xưa cũ nào đó. Nhà tôi có cái ti vi to do các con sắm, bữa nào có trận đấu mấy ông bạn HO của tôi lại tụ tập, vừa coi đá banh vừa bình luận, vừa lai rai ba sợi, rất là vui. Gặp những pha hay hoặc làm bàn, cũng la hét ra trò. Lâu lâu mới được sống "hết mình" đúng với sở thích của mình một lần, đã thiệt!

Lâm Thế Kính *(Santa Ana, CA)*

World Cup trong mắt một người ở Pháp

... Dân Pháp đôi khi ê chề trước những hành động hung bạo của tuổi trẻ Tây phương. Hàng trăm khán giả Anh bị cảnh sát câu lưu và sau đó đưa họ trở về Anh. Vài trăm [illegible]

Đức đã đả thương một cảnh sát gần chết tại thành phố Lens, tạo một ấn tượng xấu về người Đức khiến chính phủ Đức phải xin lỗi trên đài truyền hình ngày 29 tháng Sáu. Tại thành phố Saint Etienne, khán giả Nhựt mấy ngàn người ngồi ở khán đài hạng nhứt, mỗi người đều có mang theo một túi nhỏ để bỏ rác, tàn thuốc, không la lối, đập phá. Có một nền công dân giáo dục rất tốt, người Nhựt đi đến đâu cũng đều để lại một ấn tượng thật đẹp.

... Trận chung kết, Pháp đã hạ Ba Tây 3-0 ngoài sự chờ đợi của dân Pháp và cả dân Ba Tây. Chỉ vài tiếng đồng hồ sau, cả xứ Pháp ăn mừng chiến thắng. Chưa bao giờ có cảnh ăn mừng lớn lao như thế. Một triệu người tụ họp trên đại lộ Champs Elysées của thủ đô Paris vào lúc 1 giờ sáng ngày 13 tháng Bảy, ca hát, phất cờ Pháp cho tới năm giờ sáng để mừng lần đầu tiên đội Pháp trở thành vô địch thế giới. Tất cả các thành phố trên xứ Pháp đều ăn mừng, với 35 triệu người đã uống rượu Champagne, kể cả vợ chồng chúng tôi...

Trần Quang Hải *(Paris, Pháp Quốc)*

Phản đối lấy I thay Y

Tôi xin được cổ võ ý kiến của độc giả Nguyễn Ngọc Kim (Philadelphia) ở mục Bạn Đọc Viết "Đổi mới hay lập dị" (TK 21 # 111).

Thành thật mà nói tôi rất lấy làm khó chịu khi phải đọc nguyên *lí* thay vì nguyên *lý*, hay nhà *Lí* thay vì nhà *Lý*.

Muốn góp ý (í??) với Tòa soạn nhiều lần, nhưng vì kiến thức chữ nghĩa của tôi vốn nghèo nàn, sợ gửi thư tới Tòa soạn chỉ làm trò cười cho các vị học giả vì cái vốn liếng nông cạn của mình. Nay được độc giả Nguyễn Ngọc Kim nói dùm tôi điều thắc mắc tôi rất là mừng vì thấy điều mình nghĩ không phải là vô nghĩa.

Cũng trong số báo nói trên, phần trả lời của Tòa soạn tôi thấy không được chính đáng lắm. Có một số chữ có thể dùng I hay Y, nhưng riêng với nhà Lý (Lý là họ, danh từ riêng) không thể tùy tiện viết Lí hay Lý gì cũng được. Báo chí viết ra là cho đại đa số người đọc, nên chọn cái chung hơn cái riêng. Vả lại, có một số độc giả lâu ngày không viết tiếng Việt (như tôi), sự dùng chữ sai lầm trên báo có hại cho họ, khiến họ hoang mang không biết cái nào đúng để dạy cho con cháu.

Lúc còn nhỏ tôi rất dở môn chính tả, nhất là các dấu hỏi, ngã, đến nay tuổi đã trung niên tôi vẫn học thêm về phần này (đó cũng là lý do tôi là độc giả thường xuyên của quý báo). Tôi tin rằng nếu còn ở Việt Nam thời trước, viết chính tả mà các vị viết *nguyên lí* hay *nhà Lí*, chắc chắn sẽ bị lỗi ngay.

Một lần nữa tôi mong quý báo nên đọc kỹ lại bức thư của Nguyễn Ngọc Kim đã viết, để tìm một câu trả lời xác đáng hay một đường hướng chung cho đại đa số độc giả với số kiến thức trong bình nhưng đang chịu khó học hỏi và trau đồi.

Kính chúc quý báo luôn là một tờ báo được mọi người yêu chuộng để giới thiệu cho nhau cùng đọc.

Trần Thị Hằng *(Garden Grove, CA)*

Trong số báo này có hai bài bàn kỹ về vấn đề i ngắn i dài. Tòa báo mong bà và các vị lưu tâm đọc để chia sẻ những nguyên ủy không đơn giản về việc dùng I và Y trong tiếng Việt. Sự trao đổi hiểu biết sẽ giúp chúng ta nhìn vấn đề một cách toàn diện hơn và từ đó có thể cùng nhau chóng tìm ra một giải pháp chung.

Nỗi buồn trong World Cup

Nhớ những năm sau 1975 ở trong nước, đọc báo Nhân Dân tường thuật những trận bóng đá giữa những đội các nước XHCN anh em và Việt Nam tại Hà Nội, tôi ôm bụng cười lăn lộn. Đội này có bóng đá lên, đội kia có bóng đá xuống vân vân... một hồi, rồi: "trận đấu kết thúc trong tinh thần hữu nghị thắm thiết tình đoàn kết anh em." Hết. Không biết ăn, thua, huề như thế nào. Không một tỉ số nào được thông báo. Hồi đó tôi hoàn toàn không hiểu được cái công thức viết tường thuật thể thao quái đản như thế. Nhưng ở lâu với họ tôi mới dần dần hiểu: mọi thứ đều quái đản như thế cả. Đọc bài tường thuật bóng đá mà thấy vô duyên như ngậm một viên kẹo mà không bóc giấy gói.

Say sưa xem World Cup năm nay tôi không thể không nhớ tới giải Mondeal 1986 hồi đó tôi còn ở Sài Gòn. Cũng vui lắm. Dân Sài Gòn có tinh thần và trình độ thưởng thức thể thao khá cao, gặp cái lối "chỉ đạo" là họ bực lắm, dù là chỉ đạo trong thi đấu hay tường thuật. Những năm cuối thập niên 70 đầu 80 thì những đội trong Nam có bổn phận phải thua những đội ngoài Bắc vào thi đấu tại Sài Gòn. Và ngay năm 1986, báo chí phải viết bài ca tụng đội Liên Xô trong giải thế giới. Phe ta mà. Phải đưa tinh thần lên xem ai thắng ai. Nhưng rồi Liên Xô bị loại, dân Sài Gòn khoái ra mặt. Sáng sớm hôm đó người ta gặp chỗ

bảng tin công cộng loan báo kết quả thi đấu hàng ngày một dòng chữ lớn của một ai đó đã lén viết vội trong đêm: *Liên xô thua rồi!* Dòng chữ tự nó đầy vẻ hả hê. Đám đông đọc nó cũng hả hê không kém. Dĩ nhiên đây là nỗi hả hê chính trị chứ không phải thể thao.

Giai đoạn gần chung kết giải World Cup vừa rồi, tôi có gọi điện thoại về Sài Gòn nói chuyện với người bạn cũng mê đá banh như tôi. Sau một hồi bình luận trận nọ trận kia rất tương đắc, bạn tôi nói với tôi: "Chắc tụi Pháp thắng Brasil quá. Ở trong cái thế không thể nào để thua được, thế nào Pháp cũng tìm cách MUA. Đây là dịp ngàn năm một thuở, Pháp phải làm mọi cách để thắng."

Tôi sửng sờ. Đó là điều tôi không thể nào nghĩ tới được, sau hơn mười năm sống trong thế giới Tây phương. Nhưng bạn tôi đã nghĩ tới một cách dễ dàng, như một giải pháp tất nhiên. Tôi thầm nghĩ: đầu óc thằng này hỏng rồi, ở trong một xã hội mọi chuyện đều được giải quyết theo cách không lành mạnh, nó mang một não trạng bệnh hoạn, nhìn đâu cũng thấy móc ngoặc, âm mưu.

Sau đó tôi cảm thấy rất buồn.

Phạm Huỳnh Trí *(San Diego, CA)*

Lại "Nghĩa Lý hay Vô Nghĩa Lý"

Trong TK 21 số vừa qua, ý kiến về khái niệm "tình cờ" của ông Phạm Ngọc Khôi bị ông Nguyễn Kết phản đối. Tôi có ba điều muốn góp ý với ông Kết.

1. Sự suy diễn (interpretive reasoning) về ý niệm "tình cờ" đã gây nhiều hiểu lầm. Ông Khôi chủ ý một đằng, ông Kết lý luận một nẻo, và cách sử dụng tiếng Việt của ông làm người đọc như tôi rối trí, không hiểu ông muốn nói gì.

Khi ông Khôi phê bình "thuyết tình cờ," tôi nghĩ ông Khôi *không* có ý nói về yếu tố bất định không giảm được (*irreducible uncertainty in quantum measurement*), hay sự tan rã bất ngờ của một nguyên tử phóng xạ, mà ông Khôi chỉ muốn nhấn mạnh sự có mặt của con người không phải do tình cờ, mà phải có một lý do *duyên tiền định* nào đó vượt ra khỏi tầm hiểu biết của con người. Thường tình mà nói, con người khó mà có thể chấp nhận nó chỉ là thành quả của một thứ thuyết tiến hóa mù quáng. Và theo tôi, đây chỉ là lòng tin cá nhân, đông cũng như tây, không dính líu gì đến môn lượng tử, là môn vật lý nghiên cứu vật chất thuần túy hạ đẳng (reductionism), chính duy vật nhưng vô nghĩa. (Trong thí dụ con mèo của Strodinger, vật lý gia có thể viết hàm sóng cho toàn bộ vi hạt tạo nên con mèo trên lý thuyết, nhưng không cách nào biết đó là mèo đực hay cái, có khả năng bắt chuột hay không, mèo chết hay còn sống. Vì thế, tuy thâm sâu và là một trong hai nền tảng chính cho khoa học hiện đại, thuyết vi lượng lại trở thành vô nghĩa trong cuộc sống hàng ngày, và khi ông Kết viết hàm sóng chứa toàn bộ thông tin về hệ thống khảo sát, điều đó chỉ đúng trong giới hạn toán học của thuyết vi lượng. Schrodinger cat paradox vẫn làm điên đầu giới vật lý bao lâu nay, đưa đến những lý giải khó tin, khôi hài như multiworld interpretation của Hugh Everett). Để nói rõ, trong cuốn sách của Gs Trịnh Xuân Thuận, ông đã viết: *Sự hình thành của vũ trụ có thể giải thích hoàn toàn bằng những tiến trình vật lý* (trang 241). Và ông gạt bỏ Thượng Đế ra ngoài bằng câu: *Bàn tay của Thượng Đế dường như không còn cần thiết nữa* (trang 244). Dĩ nhiên xác quyết như thế sẽ có người không đồng ý vì tại thời điểm Planck, vật lý lượng tử cũng như thuyết tương đối và ý niệm không-thời gian trở nên vô dụng. Ý niệm "Vũ trụ phát khởi từ chân không" vì thế chỉ là một cách nói để né tránh vấn đề tạm thời. *Quantum fluctuation* là một tiến trình vi lượng, mà đã nói đến tiến trình là phải nói đến yếu tố thời gian. Nguyên nhân thứ nhất (nếu có) phải nằm ngoài không-thời gian, và như vậy không còn thuộc lãnh vực khoa học thực nghiệm hay lý thuyết (Hiểu rõ được sự chi phối của yếu tố không thời gian trong toán kỷ hà, vật lý gia, điển hình là Ed Witten, đã dùng topology thay vì non-Euclidean geometry để giải thích căn nguyên của vũ trụ ngoài thời điểm Planck, như trong thuyết siêu vi tuyến).

2. Những tư tưởng về Đạo của Lão tử, về vũ trụ của Phật giáo tôi thấy lúc nào cũng có chỗ đứng của nó và những tiến triển của khoa học, dẫu tối tân đến đâu, cũng không thể thay thế những suy tưởng siêu hình của tiền nhân. Những thần chú như "Ý trời," "Bất khả tư nghì," tiếng Anh chữ *ineffable - có nghĩa không thể diễn tả thành lời - nghe coi bộ cao siêu huyền bí, thực ra chỉ là một cách trả lời để mà không trả lời.* Những ý niệm đó không thể bị xem là những lý do cản bước tiến của khoa học thực nghiệm, mà nên xem nó như những gì bổ túc cho tâm hồn con người, khi mà khả năng biết của lý trí đã đi đến chỗ tận cùng của

3. Đối với *mainstream physics*, những tên tuổi như Frijof Capra, Fred Wolf, Goswami... thường được xem là một thứ *renegade physicists* (vật lý gia vong bản), vì những suy diễn siêu hình của họ, tôi không phải nói nhiều làm gì. Còn về Paul Davies, ông ta là một vật lý gia lý thuyết chính thống, rất được đồng nghiệp kính trọng. Tôi nghĩ ông Kết hãy thay đổi nhận định thiếu bằng chứng và bề ngoài của ông về Davies. Việc Davies được những món tiền grant hoàn toàn không dính dáng gì đến việc khảo sát khoa học chuyên nghiệp của ông ta. Khoa học và thần học cùng nỗ lực đi tìm Thượng Đế. Nếu khoa học gia đưa ra được những nhận thức mới mẻ về ý niệm Thượng Đế (Chân Lý) để thay thế những niềm tin mù quáng và vô lý phát xuất từ sự thiếu hiểu biết khoa học thì đó chẳng phải là điều đáng làm hay sao?

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

Đính chính

* Tên tác giả bài thơ *Đêm trong tù* đăng trên TK 21 số 110 đã được ghi lầm là Nguyễn Chí Thiện. Nay xin sửa lại là **Kiều Duy Vĩnh.**

* Thế Kỷ 21 số 110, trang 107, bài thơ *Lối Hẹn*, câu thứ năm từ dưới lên xin đọc: **Và tin người hiểu tôi** thay vì *Và, xin người hiểu tôi.*

Thành thật cáo lỗi cùng quý tác giả và bạn đọc.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Huy Sao, Huy Anh, Đạm Thạch, Cao Thị Nguyệt Lãng, Vũ Anh Mai, Nguyễn Thị Khánh Hà, Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Thái Anh Duy, Hiếu Đệ, Bùi Mỹ, Quang Võ, Babui, Võ Doãn Nhẫn, Trương Đức Hiên, Trần Minh Tùng, Dị Sĩ Phạm Nguyên Lương, Hồng Khắc Kim Mai, Tưởng Năng Tiến, Huỳnh Mạnh Tiên, Thích Nữ Như Lưu, Phạm Trọng Chánh, Nguyễn Văn Cường, Đặng Trần Huân, Đỗ Thì Kênh G, Hồ Trường An, Hoàng Huy Khánh, Đạt Thạnh.

Anh chị Lại Mạnh Cường *(Amsterdam, Hòa Lan)*: Hai tấm ảnh đồng hoa anh chị gửi cho đẹp quá, trông cứ như tranh vẽ, anh em trong Tòa soạn ai cũng thích. Có người còn đề nghị dùng làm bìa báo (nhưng không dám, vì sợ bị kiện). Anh em gửi lời cám ơn món quà đặc biệt cùng tấm tình của anh chị đối với TK 21.

Hộp thư tri sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Mai Đông Thành (Garden Grove CA), Phạm Công Hiến (Lakewood CA), Bùi Ngọc Dung (Chicago IL), Lê Hữu Chí (Anaheim CA), Georgetown University (Washington D.C.), Paul Bechtold Library (Chicago IL), Huỳnh Thị Lộc (San José CA), Radio Free Asia (Washington D.C.), Đoàn Thanh Đan (Springfield VA), Bửu Đoàn (Modesto CA), Trịnh Văn Toàn (Clackamas OR), Bà Sơn (Westminster CA), Healey Library (Boston MA), Hạnh Diệu (Charlotte NC), Hồ Văn Thái (GERMANY), Trần Quân (BELGIUM), Lộc Huỳnh (San Diego CA), Nguyễn Hoàng Khương (DENMARK), Trần Quý Trung ,M.D.(San Diego CA), Đỗ Linh (Houston TX),Dương Phước Luyến (Royal Palm Beach FL), Nguyễn Ngọc Thanh (Phoenix AZ), Vũ Gia Ân (Stamford CT), Đỗ Hùng (Columbus GA), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH), Nguyễn Thanh Giang (Falls Church VA), Trần Thị Trâm (Pacifica CA), Lê Văn Tâm (Irvine CA), Nguyễn Xuân Hiếu (Margarita CA), Triều Ngọc Quách (Arlington VA), Trần Lợi (Thousands Oaks CA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Ngô Minh Triết (Long Beach CA), Joseph N Đức Minh (Camarillo CA), Trần Anh Tuấn (Alameda CA), Lê Hữu Thuần (Adelphi MD), Nguyễn Anh Ngọc (North Hills CA), Trương Văn Thanh (Elk Grove CA), Thu Hương Nguyễn (West Hills CA), Bùi Hạnh Nghi (GERMANY), Đàm Trung Pháp (Dallas, TX).

Độc giả đổi địa chỉ

Dương Phước Luyến (Royal Palm Beach), Kích Huỳnh (Garden Grove).●

KINH DOANH Ở MỸ
CƠN THỬ THÁCH SINH TỬ CỦA GENERAL MOTORS

NGÔ NHÂN DỤNG

Cuộc đình công của Công đoàn Xe hơi (United Auto Workers- UAW) khiến cho hầu hết các nhà máy ráp xe của General Motors đóng cửa, bắt đầu từ Tháng Sáu. Từ bên ngoài nhìn vào, ai cũng thấy cả một sự phí phạm: 9,200 công nhân đình công ở hai xưởng chế các bộ phận xe ở Flint, tiểu bang Michigan làm cho 175 ngàn công nhân các nhà máy khác phải nghỉ việc. Trong sáu tuần lễ hãng G.M thiệt 1 tỷ 200 triệu, mỗi ngày công ty lỗ 80 triệu Mỹ kim. Các công nhân đình công được trợ cấp của nghiệp đoàn ngay, mỗi tuần chừng 300 Mỹ kim, nhưng các công nhân phải nghỉ vì cơ xưởng đóng cửa thì còn phải chờ làm thủ tục trợ cấp thất nghiệp. Số sản xuất công nghiệp ở Mỹ giảm xuống, Tổng Sản Lượng Quốc Nội mất 1/2 của 1%, tính ra số hàng năm, cũng vì cuộc đình công ở General Motors.

Tại sao cả ban giám đốc lẫn các nghiệp đoàn lại giằng co nhau như vậy? Đây là một kinh nghiệm về thay đổi cơ cấu khiến một tập thể phải hy sinh, và người ta chưa thỏa thuận được ai phải hy sinh nhiều hơn ai.

Công ty General Motors là hãng sản xuất xe lớn nhất thế giới, nhưng đang bị các hãng xe hơi khác đuổi theo, không bao lâu họ sẽ vượt qua nếu GM không thay đổi. Ban Quản đốc thấy cần phải thay đổi từ cơ cấu. Các nghiệp đoàn thấy sự thay đổi thiệt hại cho quyền lợi của đoàn viên nên chống lại. Hai bên cố dùng pháp luật để tranh hơn thua, trong khi chờ đợi cả các cổ đông, ban quản đốc, và công nhân đều chịu thiệt. Cũng như nhiều cuộc xung đột khác trong xã hội loài người, phải chờ đến khi cả hai bên thấy cùng bị thiệt đến mức chịu không nổi thì chắc mới tìm đường thỏa hiệp.

Một ông khổng lồ chân đất

Công ty General Motors lớn đến mức có lúc là tượng trưng cho kinh tế Mỹ. Có câu "Cái gì tốt cho GM thì cũng tốt cho nước Mỹ." Tính trên số lượng xe bán, General Motors nay vẫn đứng hàng thứ nhất trên thế giới. Nhì là Ford, cũng của Mỹ, thứ ba là Toyota, rồi đến Volkswagen, Diamler-Chrysler, Fiat, Nissan, Honda, Peugeot-Citroen.

Nhưng số lượng xe bán được không chứng tỏ sức mạnh tài chánh và triển vọng tương lai. Các công ty xe hơi lớn khắp nơi đang tìm cách kết hợp, thay đổi cả cuộc tranh giành thị trường thế giới. Daimler (Đức) và Chrysler (Mỹ) đã kết hợp. Volkswasgen đã mua Rolls Royce (Anh), đang nhòm ngó Volvo. Ford tính mua Kia (Đại Hàn), sau khi đã mua Mazdaz.

Công ty General Motors đã bị tụt hậu từ nhiều năm trước, so với các đối thủ. Sáu năm trước đây, tiền lỗ lã lên đến 10 tỷ mỹ kim một năm. Hội đồng quản trị đã cho Chủ tịch công ty nghỉ việc, mời một nhà quản trị từ bên ngoài vào lèo lái để cứu vãn. Ông John F. Smith đã cố gắng cải thiện, và vài năm gần đây công ty đã có lời, đến mức kỷ lục. Nhưng, ông Stephen Girsky, một nhà phân tích chuyên về xe hơi được mời đến thuyết trình với 175 nhà lãnh đạo GM hồi tháng Năm năm nay, nói: "General Motors đã có tiến bộ. Khổ một nỗi là tất cả các công ty xe hơi khác họ tiến bộ nhiều

hơn! Quý vị đạt số bán kỷ lục thật, nhưng đó là nhờ kinh tế Mỹ đang phát đạt. Đừng để bị các con số đó che mắt. Khi kinh tế xuống thì các nhược điểm sẽ lộ ra hết."

Ta có thể so sánh GM với hãng xe đứng hạng nhì là Ford để thấy hiệu năng quản lý của GM thấp như thế nào.

Trong năm 1997 GM bán 8.78 triệu xe hơi khắp thế giới (4.73 triệu ở Mỹ) so với Ford 6.94 triệu chiếc xe, (ở Mỹ, 3.81 triệu). GM chiếm 31.5% thị trường trong sáu tháng đầu năm nay, so với Ford chỉ có 24.5%. Số công nhân làm việc cho GM là 156.525 người, gấp đôi số công nhân làm việc cho Ford, 75,569 người. GM có 8090 cơ sở bán xe (dealers) còn Ford chỉ có 5000. Những con số này cho thấy GM có nhiều thợ, nhiều cửa hàng bán lẻ, bán nhiều xe hơn Ford.

Nhưng khi nhìn vào số tiền thì khác. Số doanh thu của GM chỉ hơn số thu của Ford 16% (178 tỷ so với 154 tỷ đô la.) Lợi nhuận của GM năm 1997 là 6.7 tỷ mỹ kim, thấp hơn của Ford 6.9 tỷ. Chỉ cần so sánh số lợi nhuận với số bán, lợi nhuận so với số tích sản và số nhân viên, chúng ta cũng thấy hiệu năng ở hãng nào cao hơn.

Tại sao bán nhiều xe mà tiền lời lại ít? Lý do hiển nhiên là chi phí quá cao. Với số thợ đông gấp đôi, mỗi công nhân GM trung bình sản xuất được 27 chiếc xe một năm, công nhân Ford làm được hơn 45 chiếc xe, gần gấp đôi. Chi phí quá cao khiến tiền lời xuống thấp. Năm 1993 mỗi chiếc xe Ford bán ra trung bình lời hơn chiếc xe GM 613 đô la, trước khi đóng thuế. Đến năm 1997 mức chênh lệch lên đến 978 đô la. Công ty Ford vẫn tiếp tục giảm chi phí. Năm 1997 họ đã cắt đi 3 tỷ, sáu tháng đầu năm nay cắt được 1.3 tỷ đô la nữa.

Công nhân General Motors có năng suất thấp hơn các đối thủ. Một bài nghiên cứu công bố ngày 15-7 cho biết trung bình công ty GM cần 46.5 giờ công mới làm xong một chiếc xe hơi, trong khi đó ở Ford chỉ cần 34.7 giờ, còn hãng xe hơi có năng suất cao nhất là Nissan chỉ mất 27.6 giờ làm xong một chiếc xe.

Bộ phận kỹ sư, vẽ kiểu của GM là một nơi hiệu năng thấp nhất. Từ năm 1992 công ty đã tái tổ chức 11 bộ phận vẽ kiểu xuống còn bốn: xe hơi, xe tải, máy với hộp số, và các trung tâm kỹ thuật để hỗ trợ ba bộ phận trên. Các hãng Chrysler và Ford đã cải tổ từ lâu việc sản xuất trong từng toán, với nhiều phần vụ chế và bán một loại xe ở cùng một nơi. Đây là lối đã được thí nghiệm thành công ở Volvo và nhiều nơi đã bắt chước. Hiện nay GM mới thực hiện được 40% cuộc cải tổ này. Cuộc cải tổ về kỹ thuật này đã giúp cắt ngắn thời gian từ lúc bắt đầu họa kiểu đến khi bán xe ra thị trường xuống còn 24 đến 26 tháng. Năm ngoái cần 30 tháng, và năm 1993 cần 43 tháng. GM tính đến năm 2000 sẽ chỉ còn 18 tháng, tương đương với Ford và Chrysler. Những cải tổ này chậm ngày nào thiệt hại ngày đó.

Cuộc chạy đua cắt giảm chi phí

Nhưng công nhân ở đâu thì cũng là người như nhau. Năng suất thấp hay cao là vì tổ chức quản trị công việc khác nhau.

Một thí dụ là các nhà máy rập và cán thép ở Flint, nơi phát khởi cuộc đình công. Ở đó mỗi xưởng làm theo cách riêng, khi cần muốn đưa công việc từ xưởng này sang chỗ khác làm cũng không được. Bốn năm trước đây GM bỏ ra 850 triệu Mỹ kim để cải thiện, tiết giảm chi phí trong 13 nhà máy rập thép. Chương trình này đang tiến hành được một phần ba, sẽ giảm 57 kiểu máy rập, cán thép, xuống còn 6 kiểu máy. Riêng cải tổ này sẽ cắt bớt được mỗi năm 500 triệu Mỹ kim kinh phí. Nhưng đây cũng là một đầu mối khiến công đoàn phản đối. Trước đây nhà máy ở Michigan và ở Ohio còn dùng các loại máy và điển trình sản xuất khác nhau, muốn đem bộ phận nơi này thay thế cho nơi kia cũng không được. Nếu các loại máy đồng bộ với nhau, công ty có thể sản xuất nhiều bộ phận ở Ohio thay vì ở Flint, Michigan. Ngoài ra còn vấn đề đặt bộ phận từ các nhà sản xuất nhỏ ngoài công ty, thay vì chế tạo lấy, như hai hãng Chrysler và Ford đã thực hiện, bắt chước lối quản lý của Toyota, để vừa giảm bớt chi phí vừa có tự do thay đổi lịch trình sản xuất. Công nhân các xí nghiệp bên ngoài lương thấp hơn công nhân GM. Ông Chủ tịch Smith đã hứa hẹn từ năm 1994 là công ty sẽ đạt mức lời 5% trên số bán, để lợi suất trên tổng số tài sản là 12,5%. Năm ngoái mức lời mới chỉ là 2,3%. Chắc là ông Smith không còn ngồi ở ghế chủ tịch lâu.

Chính vì GM muốn cải tổ hệ thống làm việc, cắt giảm bớt nhân viên mà công đoàn UAW phát khởi các vụ đình công. Tại nhà máy ở Flint, họ thấy rõ là việc cải tổ sẽ khiến cho mấy ngàn công nhân mất việc! Công nhân đoàn viên của UAW có mức lương trung bình là 44 đô la một giờ. Nhiều nhà cha truyền con nối làm việc cho GM, hãng xưởng đã trở

thành gia đình đối với họ, phải nghỉ hưu non cũng là một nỗi đau lòng.

Mấy năm trước đây, công ty Ford cũng gặp nhiều khó khăn, và từ năm 1996 ông chủ tịch mới Jacques Nasser đã tấn công mạnh trên mặt trận cắt giảm chi phí. Trước hết, ông chấm dứt việc sản xuất những kiểu xe đẹp và nổi tiếng nhưng không có lời, như Thunderbird, Lincoln Mark VIII. Ông đã cắt được 3 tỷ Mỹ kim. Công ty Ford cũng bắt kịp với thị hiếu khách hàng sản xuất loại xe tải nhỏ và xe thể thao càng như xe tải (Sport-Utilitiy). Trong ban giám đốc GM còn thảo luận xem thị hiếu mới này có kéo dài hay không, thì Ford và các công ty khác sản xuất ngày càng nhiều loại xe tải, làm không kịp số bán.

Cuộc cải tổ tại Ford bắt đầu từ "đổi mới tư duy," đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên, làm các nhân viên cao cấp cũng khó chịu, nhưng ông Nasser vẫn tiến tới. Các quản đốc cao cấp, trung cấp và công nhân phải qua những khóa hội thảo - huấn luyện. Công ty GM cũng tuyên bố áp dụng ngay tư duy mới, nhưng chưa có khóa huấn luyện nào cả. Trong khi Ford tìm cách cắt giảm chi phí, họ thương thảo được với công đoàn UAW để duy trì "hòa bình lao động." Ngày 14 Tháng Bẩy vừa qua, có tin Ford đã thỏa hiệp cho 10% của 53 ngàn nhân viên trong hè này đến cho họ tự ý thôi việc. Trong khi đó ty GM cắt giảm chi phí khiến công đoàn UAW phát động chín cuộc đình công trong hai năm trước đây. Để đạt tới năng suất ngang với Ford thì GM phải giảm bớt từ 30 đến 50 ngàn công nhân nữa.

Cải tổ nào cũng gây đau đớn

Ngày 12 Tháng Bẩy, sau khi công nhân Flint đình công gần 3 tuần, các cuộc thương thảo thất bại, hãng GM đệ đơn kiện công đoàn. Theo thỏa ước chung thì UAW không được đình công, trừ khi công ty vi phạm các điều khoản về sức khỏe và an toàn nơi làm việc. Vì thế công đoàn đã lấy lí do an toàn và sức khỏe làm động cơ đình công. GM kiện công đoàn để tranh luận coi nguyên do đình công có hợp lý hay không. Trong số các nhà máy của GM thì xưởng sản xuất xe Saturn là nơi mà giao tế giữa ban giám đốc và công đoàn tốt đẹp nhất, nhưng đến lượt xưởng này cũng đe dọa đình công. Khi việc đó xẩy ra, chỉ còn một trong số 29 nhà máy của GM còn hoạt động, nhà máy này ở Mexico.

Cả công ty và nghiệp đoàn đang đứng trước một thử thách. Nếu họ không thỏa hiệp được để tăng gia hiệu năng công việc thì GM sẽ bị các công ty khác qua mặt. Cải tổ xí nghiệp cũng như cải tổ kinh tế một nước, thế nào cũng có những đớn đau. Nhưng thay đổi sớm thì các đớn đau sẽ nhẹ hơn, để lâu thì có lúc hết thuốc chữa.●

KINH TẾ NHẬT GẪY CÁNH? ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HỒI PHỤC Á CHÂU RA SAO?

QUANG VÕ

Cách đây hai năm, các chuyên gia đều tiên đoán là thế kỷ 21 sẽ là "thế kỷ Á châu," Trung Quốc sẽ qua mặt Hoa kỳ v.v. Việc này đã làm cho nhiều nước Á châu hãnh diện. Hãnh diện vì tăng trưởng kinh tế của họ đều, vượt mức tưởng tưởng, lợi tức được phân phối khá đồng đều và họ đang trên đường bắt kịp các nước phương Tây trong một thời gian ngắn. Muốn được mức lợi tức như vậy, các nước Âu châu phải mất nhiều thế kỷ, trong khi đo´ thì Á châu chỉ mất nửa thế kỷ.

Từ năm ngoái đến nay là đúng một năm, nhiều nước Á châu lâm vào khủng hoảng và có nhiều triển vọng là sẽ lây qua Âu châu và Hoa Kỳ. Nếu chú ý hơn thì ta thấy các lãnh đạo CSVN không còn rêu rao là tránh được cơn bão kinh tế và tài chính Á châu mà ngược lại than là VN bị cơn bão gây vạ. Cái gì đã xẩy ra?

Từ nhiều năm các nước Á châu chép mô hình phát triển của Nhật dựa trên tiết kiệm cao - liên hệ mật thiết giữa chính phủ và khu vực tư và khu vực sản xuất, phát triển dựa trên xuất khẩu. Kết quả là các nước Á châu đã tăng trưởng cao (7-12% /năm) đối với các "rồng Á châu" như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore và Hong Kong và các "con cọp con Á châu" như Thái Lan, Malaysia và Indonesia. Gần đây họ Đặng từ bỏ mô hình phát triển cộng sản và TQ đang bước vào câu lạc bộ "cọ p con tương lai." Các nước này đã đi từ chỗ nghèo khó đến tình trạng tương đối phát triển. Mô hình phát triển kiểu Nhật Bản đã giúp các nước này bắt kịp các nước Tây phương nhưng mô hình này cũng gây nhiều hiện tượng xấu như nạn "tham nhũng" (vì liên hệ mật thiết giữa chính phủ và khu vực tư), "thiếu trong suốt" (giấu sổ sách hay có hai, ba bộ sổ sách), và thiếu "mềm dẻo."

Vì được chính phủ chỉ dẫn, ủng hộ và bảo lãnh cho nên các công ty không cố gắng đủ, đã dùng tiền thuế (do việc vay với lãi suất thấp) để "đánh liều," đầu tư thiếu tính toán vào các ngành không có lời — nhằm chiếm các thị trường (nhiều khi bán lỗ) nhiều hơn là tìm lợi cho các người đầu tư. Đó là đặc điểm các nền kinh tế chậm tiến Á châu.

Về phần Nhật, mô hình phát triển này đã giúp Nhật chiếm nhiều thị trường ngoại quốc, tăng trưởng cao, tỷ lệ thất nghiệp thấp, phát triển tốt công nghiệp như xe hơi, điện tử, đóng tầu, v.v. Trên 40 năm sau đệ nhị thế chiến, về kinh tế Nhật đã đứng thứ nhì trên thế giới. Họ nghĩ đã bắt kịp Hoa Kỳ. Nhật là nước viện trợ Á châu nhiều nhất thế giới, đóng góp nhiều nhất cho các cơ quan quốc tế, và cũng đầu tư nhiều vào công khố phiếu và vào nhiều khu vực khác tại Hoa Kỳ. Nhật đã thành công vượt bực về công nghiệp chế tạo xe, đóng tầu, điện tử, v.v. Họ đã "lấn át" được công nghiệp điện tử tiêu dùng Hoa Kỳ, có khi gần như qua mặt Hoa Kỳ về máy vi tính, điện tử thực dụng...

Sau khi các nước Á châu bị "nạn" thì nay Nhật bắt đầu bị vạ lây: kinh tế khủng hoảng và đồng Yen mất giá. Bài này sẽ tìm các nguyên nhân "trì trệ kinh tế" tại Nhật. Việc trì

trệ này đã ảnh hưởng ra sao tại các nước Á châu và có phải nó là nguyên nhân kéo dài cơn khủng hoảng kinh tế tại Á châu chăng?

Tại sao Hoa Kỳ đã phải giúp Nhật (lấy lại "niềm tin" của các nhà đầu tư) qua việc hỗ trợ hối suất đồng Yen? Kinh tế Nhật đã gẫy cánh, hay là đây chỉ là cơn khó khăn tạm thời trong một thời gian giới hạn?

I. Các lý do khiến kinh tế Nhật trì trệ

1.1 Nguyên nhân xâu xa của "phát triển" cũng như "trì trệ" kinh tế tại Nhật

Các con số căn bản (tỷ lệ tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, cán cân chi phó) cho thấy từ tám năm nay kinh tế Nhật phá triển rất chậm hay gần như không có. Các con số trong các năm qua và tiên đoán cho năm 1998 như sau:

	Quý 1, 1998	Quý 2, 1998	Quý 3, 1998	Quý 4, 1998	Quý 1, 1999	Năm 1997	Năm 1998
Thay đổi GDP (theo quý %)	-5	1.1	1.9	2.0	-0.3	0.9*	0.0
Thay đổi GDP (theo năm %)	-3.4	-0.4	-0.7	-0.1	1.2		
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	4.1*	4.1*	3.6	3.7	3.9	3.5	3.7
Lạm phát (thay đổi năm)	2	0.4	0.3	0.1	0.0	2.0	0.2
Cán cân thương mại (ngày tỷ Yen)	13.9	16.2	17.4	17.7	18.3	13.0	17.4
Lãi suất ngân hàng TU	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

Suất xứ: Viện nghiên cứu tài chính Daiwa, tháng 6, 1998; * số thật

Các chuyên gia phân tích kinh tế Nhật cho là nguyên nhân trì trệ kinh tế bắt nguồn từ khu vực tài chính. Sau đệ nhị thế chiến cơ cấu kinh tế Nhật được gây dựng trên nền tảng tái thiết, khuyến khích công nghiệp để bắt kịp các nước tây phương. Hệ thống tài chính được xây dựng để hướng tiết kiệm của dân chúng vào đầu tư phát triển. Ngoài ra có sự liên kết mật thiết giữa bộ tài chính và các ngân hàng/công ty tài chính Nhật trong việc hỗ trợ kinh tế, tìm thị trườn g và tàI trợ xuất khẩu.

Dân chúng tiết kiệm chỉ nhận được lãi suất rất thấp vì lãi suất trong hệ thống ngân hàng Nhật do chính phủ chỉ định (lãi suất Ngân hàng trung ương đối với các ngân hàng thương mại). Hơn nữa không có việc cạnh tranh giữa các ngân hàng nhiều cấp (Nhật có ba cấp ngân hàng) qua lãi suất. Nhờ lãi suất thấp, các công nghiệp dựa trên đó vay tiền để phát triển, tìm thị trường và xuất khẩu. Ngoài việc liên kết ngân hàng-bộ tài chính và các công nghiệp để thực hiện kế hoạch pha 1t triển thì luôn luôn các công nghiệp và khu vực ngân hàng được chính phủ nâng đỡ và ít khi có tình trạng ngân hàng bị phá sản.

Nhờ chính sách kinh tế trên, tỷ lệ thất nghiệp tại Nhật rất thấp. Kinh tế Nhật "trì trệ" nhưng tỷ lệ thất nghiệp chỉ có 4.1% (tỷ lệ thất nghiệp tại Hoa Kỳ là 4.7% nhưng cách tính tỷ lệ thất nghiệp của Nhật khác Hoa Kỳ và nếu dùng cách tính thống kê thất nghiệp kiểu HK thì tỷ lệ thất nghiệp của Nhật tương đương với 7.1%) nhưng cũng là một tỷ lệ rất thấp so với các con số tại Âu châu hay tại nơi khác.

Ít khi các công ty Nhật sa thải công nhân và thường thì các công nhân làm suốt đời với một công ty. Tiền lương là do thâm niên chứ không phải do tài năng. Nhật đã phát triển nhiều tổ chức làm việc trong công nghiệp. Trong thập niên 70 và 80, kinh tế Nhật tăng trưởng nhanh (HK lo về chiến tranh VN và chiến tranh lạnh trên thế giới), chiếm nhiều thị trường kể cả thị trường điện tử thông dụng tại Hoa kỳ và chiếm tỷ lệ cao về công nghiệp xe hơi. Về các công nghiệp tiên tiến, Nhật đã thành cô ng khá tốt trong việc phát triển các phát minh trên thế giới và sản xuất - tiếp thị một cách thành công: TV, VCR, laser disc, mành ảnh computer dẹp, kỹ nghệ đóng tàu, thép, nylon, hoá chất-phân bón, xe hơi, vv.

Trong khi lo sản xuất, dân chúng đã hy sinh rất cao. Nhà cửa chật chội, nhỏ, thiếu cống rãnh, v.v. Khi Nhật thành công, việc thiếu nhà cửa và cách điều động tiết kiệm tốt của khu vực ngân hàng đã hướng đầu tư để giải quyết một lãnh vực thiếu thốn: địa ốc - nhà đất. Nhưng khu vực nhà đất đã đem lại "tăng trưởng giả tạo" về nhà đất và giá đất tăng vọt. Các ngân hàng, dư tiền, đã cho nhiều người vay tiền "đầu cơ" vào khu vực nhà đất. Lúc đầu là vay tiền xây nhà giải quyết một vấn đề quan trọng tại Nhật (50 năm sau chiến tranh,

Tokyo mới tương đối có đủ nhà và giá cả đã dần dần hạ. Tại Tokyo, cách trung tâm độ 30 phút xe điện ngầm, giá thuê trung bình một apartment 60 m2 là US$ 2000/tháng (còn giá mua thì độ 500,000 US dollar). Tokyo là một chỗ đất nhất thế giới. "Cơn sốt" nhà đất, giá cả đất tại trung tâm Tokyo - chỗ thiên hoàng ở đắt hơn cả thành phố Washington DC. Lẽ dĩ nhiên giá cả này giả tạo. Đầu tư phải sinh ra lời để trả lãi suất ngâ n hàng. Khi "cơn sốt" hạ xuống (Hoa Kỳ gọi là bong bóng xẹp - bubble) thì giá cả nhà đất làm cho nhiều người vay tiền đầu tư "phá sản" và ngân hàng cho họ vay cũng bị liên đới vì không thể bán nhà bù nợ được.

Sau khi "cơn sốt" nhà đất giảm (bong bóng xẹp gây nhiều vụ phá sản và tự tử), các ngân hàng Nhật bị lỗ nặng — nhưng không ai biết biết lỗ đến mức nào.

Để gỡ gạc việc lỗ về địa ốc, các ngân hàng Nhật tìm cơ hội đầu tư tại ngoại quốc, tại Á châu, để "gỡ" phần nào số nợ "coi như không đòi được." Các ngân hàng Nhật đã cho Á châu vay ồ ạt, nhất là tại Trung Quốc (đầu tư trực tiếp qua các dự án), Indonesia (đầu tư dự án và chứng khoán), Thái Lan (đầu tư trực tiếp qua các dự án và cho vay chứng khoán) v.v.

1.2 Tại sao các ngân hàng Nhật không phá sản?

Bị "xẹp bong bóng" nhưng tại sao các ngân hàng Nhật không phá sản? Hệ thống tài chính Nhật được chính phủ hướng dẫn và hỗ trợ trong nhiều năm qua. Các ngân hàng và công ty tài chính ngoại quốc không được tự do cạnh tranh (mối căng thẳng giữa Nhật và Hoa Kỳ vì các ngân hàng Nhật tự do đầu tư vào HK nhưng ngược lại thì các ngân hàng Hoa Kỳ gặp nhiều khó khăn) và do đó khu vực ngân hàng Nhật không những được bảo vệ nhưng coi như độc quyền. Khi có độc quyền thì thươ ng có "lộng hành."

Theo các luật ngân hàng quốc tế, khi một món nợ không trả đúng hạn thì được xếp vào loại nợ quá hạn. Sau một thời gian nữa thì các món nợ quá hạn sẽ phải thanh toán. Các ngân hàng phải bán các tài sản thế chấp để xiết nợ. Nếu không đòi được hay không xiết nợ đủ thì các ngân hàng phải xếp các món nợ này qua phần rủi ro và coi như lỗ. Các món nợ này sẽ xuất hiện trong các bản tường trình tài chính hàng năm (balance sheet, Income statement, etc.) Các ngân hàng thường pha i tăng khoản "dự trữ món nợ không thanh toán" trong sổ sách của ngân hàng.

Đối với Nhật, thì ngân hàng không muốn người vay "mất mặt." Họ phải tiếp tục cho vay (roll-over) và trên sổ sách các món nợ coi như chưa hết hạn và không được đưa chuyển qua loại lỗ. Ngoài ra, các ngân hàng còn đầu tư vào các công ty, như vậy họ "vừa là cổ đông vừa chủ nợ." Quan hệ này thiếu "lành mạnh." Luật kế toán không bắt các ngân hàng báo cáo tổng số nợ không không hoàn trả một cách rõ ràng. Các bản tường trình tài chính hàng năm không nói lên đư ợc tình trạng lỗ lãi. Trong sổ sách của ngân hàng thì vẫn cân bằng và ngân hàng được coi như quản trị tốt. Vì lãi suất thấp, các cổ đông ít có dịp hỏi về cách quản lý của ban giám đốc. Khi bị chất vấn trong các buổi họp hàng năm, các ngân hàng mướn "băng đảng" doạ nạt cổ đông [Si-căng-đan mới nhất là liên hệ các công ty Nhật như Nomura và băng đảng].

Nếu nợ quá hạn quá lâu, ngân hàng sẽ chuyển món nợ này qua một công ty khác, như vậy món nợ vẫn coi như chưa quá hạn. Vì có sự giữa liên hệ chính phủ và khu vực ngân hàng, nếu có kiểm tra kế toán cũng không thấy vì mọi bên (chính phủ, ngân hàng và kiểm toán) đều làm ngơ. Quốc tế gọi là thiếu trong suốt tài chính. Việc này đã làm cho Bộ tài chính (kiểm tra các ngân hàng) không nắm được con số nợ quá hạn một cách chính xác. Liên hệ giữa các công chức bộ tài chính va 141 khu vực ngân hàng làm cho các cuộc kiểm tra ngân hàng được biết trước và thiếu hiệu nghiệm vì ngân hàng có thời gian che dấu.

Khi ngân hàng gặp khó khăn, bộ Tài chính luôn luôn "bơm tiền" để hỗ trợ các ngân hàng này (các ngân hàng theo chỉ thị bộ Tài chính cho các ngành công nghiệp hay công ty vay nhiều khi bị lỗ, do đó bộ Tài chính phải can thiệp). Khi kinh tế tăng trưởng đều đặn thì tình trạng này có thể che đậy. Nếu kinh tế trì trệ, các ngân hàng sẽ không tìm đủ lời để trả lãi cho các người gởi tiết kiệm và việc vỡ lỡ. Từ thời kỳ hậu chiến đến nay, khu vực ngân hàng đã huy động tiết kiệm dân chúng để phát triển kinh tế. Ví dụ 1: lãi suất ngân hàng trả cho người gởi tiết kiệm hiện nay là 0.5 - 1.5% và lãi suất cho vay là 3 - 4.5% trong khi lạm phát khoảng 3% nghĩa là lãi suất là số 0 hay là số âm. Khi gặp khó khăn, ngân hàng sẽ không có đủ phương tiện để lèo lái và đối ứng với các bất trắc. Ví dụ 2: tại Nhật ít người có trương mục ký thác (checking account). Nếu muốn

mở một trương mục sẽ phải gặp nhiều phiền hà, đòi hỏi nhiều thời gian [giấy chứng minh chỗ ở, giấy chứng minh của cơ quan mình làm việc, lệ phí cao, vv]. Người sử dụng phải đóng nhiều lệ phí khi dùng các dịch vụ tài chính (bên Hoa Kỳ ta có thể mở một trương mục trong 20 phút và không phải trả tổn phí nếu có 300 dollar trung bình trong trương mục. Tại Nhật sẽ không phải trả tổn phí nếu có trên 300,000 Yen (tương đương US$ 2,500) trong trương mục). Dân chúng không có quyền đầu tư bằng ngoại tệ hay đầu tư chứng khoán quốc tế. Họ phải đầu tư qua trung gian khu vực tài chính/ngân hàng. Hậu quả là đa số các dịch vụ mua bán là bằng tiền mặt hay bằng credit card. Khu vực ngân hàng Nhật có hiệu quả kinh tế thấp vì quá được bảo vệ. Nói tóm, Nhật, cũng như các nước Á châu ở trong tình trạng "thiếu trong suốt tài chính" và thiếu cạnh tranh. Người gởi tiền không được lựa chọn vì tuỳ thuộc chính sách chính phủ thiên sản xuất.

1.3. Thay đổi chính sách kinh tế - tài chính tại Nhật

Từ 1990 đến gần đây kinh tế Nhật không có tăng trưởng. Để "mồi" máy kinh tế, bộ Tài chính đổi chính sách kinh tế vì tất cả các biện pháp đều đã được thử trong tám năm nay. Bộ Tài chính sẽ không còn "bảo vệ" các ngân hàng và nếu lỗ lã, sẽ để cho các ngân hàng phá sản.

Tháng 11, 1997 công ty tài chính Sanyo Securities phá sản, làm nhiều người thất nghiệp. Cùng thời gian, ngân hàng địa phương Hokkaido Takushoku, đứng hạng 10 tại Nhật cũng phá sản [tại Nhật có ba cấp ngân hàng: Trung Ương/lớn, địa phương, và ngân hàng/tổ hợp tài chính]. Công ty tài chính Yamaichi Securities (thứ 4 tại Nhật) và ngân hàng Tokyo City Bank (một ngân hàng địa phương) cũng tuyên bố phá sản. Việc này đã làm chấn động khu vực tài chính (các ngân hàng đã dấu trong sổ sách những món nợ không trả đư ợc). Việc phá sản các ngân hàng làm cho nhiều vùng (như Hokkaido một vùng miền bắc Nhật) bị lâm vào tình trạng thiếu tiền và các công ty không vay vốn để điều hành hay khuyếch trương được. Việc này làm cho kinh tế trì trệ thêm và gây tình trạng bất ổn "lo ngại" về tương lai. Hệ thống ngân hàng Nhật có ba yếu kém chính:

1) Số nợ quá hạn quá cao. Các kinh tế gia ước lượng số nợ quá hạn hay không lấy lại được là 100 ngàn tỷ Yen (trillion Y hay trên 600 tỷ US dollar tùy theo hối suất);

2) có quá nhiều nhân hàng;

3) hệ thống ngân hàng ảnh hưởng quá cao trong kinh tế vì vừa là cổ đông vừa là chủ nợ.

Gần đây, công ty chuyên môn đánh giá rủi ro tài chính Moody's đã đánh giá thấp nhiều ngân hàng Nhật trong đó có có ngân hàng Tokyo-Mitsubitsu và ngân hàng Long term Credit Bank. Nay các ngân hàng Nhật vay ngoại quốc sẽ phải trả lãi suất cao hơn là các ngân hàng được đánh giá tốt.

Vào tháng Tư, 1998, chính phủ cũng "bơm" 33 ngàn tỷ (trillion) Yen để hỗ trợ chung chính sách trợ giúp kinh tế. Mới đây, vào tháng Năm, ngân hàng vay dài hạn (Long Term Credit Bank) và ngân hàng Nippon Credit Bank cũng gặp khó khăn trong khi hai bên thương thuyết sát nhập. Theo thú nhận của 18 ngân hàng lớn nhất tại Nhật thì số nợ quá hạn của họ được ước lượng là 21.7 ngàn tỷ (trillion) Yen hay US$ 158 tỷ dollar. Các kinh tế gia ước lượng số nợ quá hạn hay không lấy lại tương đương với 100 ngàn tỷ Yen US$ 600 tỷ dollar tùy theo hối suất). Tháng 4, 98 vừa qua, các ngân hàng lớn đã bỏ trên 10 ngàn tỷ (trillion) Yen trong sổ sách của họ coi số nợ này như "mất - lỗ" và nhiều ngân hàng đã bắt đầu "xiết nợ" các thân chủ họ, gây nhiều công ty phải phá sản.

Việc "xiết nợ" còn gặp nhiều trở ngại vì luật phá sản còn gây nhiều khó khăn cho các ngân hàng bán đấu giá các tài sản công ty thiếu nợ và ngoài ra nhiều ngân hàng không đủ vốn để cho vào dự trữ "thiệt hại - lỗ lã." Ngoài ra, các đầu tư và tài sản ngân hàng ở ngoại quốc được tính bằng US dollar trong khi tiền Yen xuống giá. Để giữ tỷ lệ vốn ngân hàng/tiền cho vay, các ngân hàng phải tăng vốn hay bớt việc cho vay.

Bộ Tài chính đã thiết kế một chương trình "mở cửa" khu vực tài chính hầu gây thêm cạnh tranh và cho phép các công ty tài chính quốc tế vào cạnh tranh với các ngân hàng Nhật qua chính sách "Big Bang." Chính sách gọi là "Big Bang" nhằm mở khu vực tài chính và các khu vực khác cho cạnh tranh, cho nhiều ngân hàng ngoại quốc vào và nhất là các Mutual Funds (MF) vào để thay đổi cơ cấu và lối làm ăn của Nhật. Chính sách này bắt đầu vào tháng 4, 1998 và nhờ vậy, người tiêu thụ Nhật có quyền cho
9n lựa giữa các ngân hàng Nhật với số lời

trung bình 2%/năm so với 10-12%/năm của các MF Hoa Kỳ.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN CẢI CÁCH KINH TẾ NHẬT

2.1. Kinh tế Nhật gần đây

Kinh tế Nhật trong tám năm qua không có tăng trưởng hay tăng trưởng ở mức thấp. Phép lạ Nhật đã biến mất. Có nhiều dấu hiệu cho thấy là kinh tế trì trệ và thụt lùi gây thêm khó khăn cho khu vực ngân hàng sẵn yếu vì các món nợ không "giải quyết" từ thập niên 80.

Tháng 12, 1997 chính phủ Nhật thông báo chương trình "hỗ trợ kinh tế." Tháng Hai, 1998 quốc hội đã chấp nhận một chương trình tái phục hồi kinh tế US$ 228 tỷ để hỗ trợ kinh tế Nhật. Các thành phần chương trình này gồm xây cất hạ tầng, bớt thuế trực thu, hỗ trợ vốn khu vực ngân hàng, v.v.

Theo báo cáo của Ngân Hàng Trung Ương Nhật tháng 4 vừa qua (1) thì dân chúng bi quan cho nên tiêu thụ giảm (-4.5% so với cùng thời gian năm trước), số xe bán giảm 15% và tỷ lệ thất nghiệp lên 3.6%, một tỷ lệ cao. Theo bản tường trình của IMF tháng Tư vừa qua thì kinh tế Nhật sẽ tăng trưởng 0% và có thể tụt xuống âm nếu không có các chương trình thúc đẩy kinh tế như giảm thuế lợi tức và các chương trình chi tiêu của khu vực công.

Từ tháng Tư, 1998, thị trường chứng khoán Nhật xuống và tiền Yen mất giá từ 120 Y/US$ vào đầu năm xuống 130-135 Y/US$ dollar. NHTƯ Nhật can thiệp, bán US$ 20 tỷ để can thiệp nhưng chỉ chấn chỉnh đồng Yen trong một thời gian ngắn.

Theo báo cáo của NHTƯ Nhật tháng Sáu vừa qua (2) thì kinh tế Nhật đang gặp nhiều khó khăn, không tăng trưởng và tỷ lệ thất nghiệp lên từ 3.5% lên đến 4.3% [lãi suất ngân hàng TƯ coi như thấp nhất thế giới (0.5%/năm) nhưng kinh tế vẫn không tăng trưởng].

Theo nghiên cứu của Viện tài chính Daiwa (3) thì tăng trưởng GDP Nhật sẽ là con số âm và cũng tiên đóan là tăng trưởng trong quý 1, 1999 cũng là âm.

Từ tháng Sáu, 1998, thị trường hối đoái và chứng khoán Nhật xuống. Tiền Yen mất giá từ 130 Y/US$ vào tháng Năm nay xuống 146 Y/US$ dollar. Nhiếu nước Á châu đòi chính phủ Nhật phải mạnh dạn can thiệp để hồi phục kinh tế vì ảnh hưởng xấu đến việc phục hồi Á châu. Bộ Tài chính Hoa Kỳ cùng NHTƯ Nhật đồng can thiệp để lấy niềm tin thị trường chứng khoán và hối đoái.

Bản thăm dò ý kiến của 10,000 công ty trong tập san Tankan của NHTƯ Nhật (4) cho thấy là chính phủ Nhật phải mau chóng "phục hồi tin tưởng vào khu vực ngân hàng" và phục hồi tiêu thụ nội địa. Tin tưởng của khu vực sản xuất thấp nhất từ 1994. Đối với các công ty nhỏ và trung, mức tin tưởng thấp nhất từ 1978. Vậy trong lúc này các công ty cỡ nhỏ là bị thiệt hại nhiều và bi quan nhất.

2.2. Lý do hối suất đồng Yen giảm giá trị - ảnh hưởng đến các nền kinh tế Á châu

Kinh tế Nhật xuống hay trì trệ phần là do "tâm lý bất ổn định" của dân chúng. Vì ngân hàng địa phương Hokkaido Takushoku phá sản, nhiều công ty trong vùng Hokkaido không có chỗ vay tiền và nhiều công ty địa phương phải đóng cửa làm nhiều công nhân thất nghiệp lần đầu tiên. Việc này gây bất ổn định tâm lý và dân chúng càng ít tiêu xài, tiết kiệm cho ngày mai, làm giảm nhập khẩu gây thêm thặng dư cán cân thương mại.

Qua chính sách "Big Bang," lần đầu tiên có thể đầu tư trực tiếp qua các Mutual Funds (MF) quốc tế do đó dân Nhật rút tiền Yen trong ngân hàng, mua dollar để đầu tư kiếm lời cao tại Hoa Kỳ. Kinh tế Á châu bất ổn (Indonesia nơi có nhiều đầu tư Nhật trong tình trạng bất ổn, Thai Lan, Nam Hàn cũng vậy), kinh tế Nhật không tăng trưởng, tiền Yen lên xuống bất thường gây tâm lý bất ổn, dân Nhật gởi tiền tiết kiệm đầu tư vào Hoa Kỳ, nước ổn định nhất trên thế giới. Việc rút tiền đầu tư vào Hoa Kỳ cu 212a dân Nhật làm trầm trọng thêm việc mất giá tiền Yen.

Thị trường chứng khoán thấy chính phủ Nhật không có "ý chí" thay đổi cho nên "chọn cách ôm tiền" chạy. Theo họ, trong nhiều năm, chính phủ cứ tuyên bố các chương trình "mồi máy bơm kinh tế" qua việc xây dựng hạ tầng — đòi hỏi nhiều năm mới có hiệu quả — bớt thuế, trợ giúp các công ty, vv. nhưng đã có trên bốn chương trình rồi mà kinh tế vẫn trì trệ. Họ bỏ thị trường chứng khoán Tokyo và các thị trường khác tại Nhật, bán tiền Yen, mua US$ dollar gây khó khăn cho hối suất tiền Yen và cho thị trường chứng khoán Nhật. Đây là lý do thứ hai làm tiền Yen xuống giá.

Hai lý do trên nặng về tâm lý hơn là về thực chất vì kinh tế Nhật, mặc dầu không có tăng trưởng nhưng vẫn hơn nhiều kinh tế Âu châu với tỷ lệ thất nghiệp gần 12%, và vẫn có

cán cân thương mại thặng dư.

Nhưng, khi không tiêu thụ, nhập khẩu của Nhật giảm gây khó khăn cho việc phục hồi của các kinh tế Thái Lan, Nam Hàn, Trung Quốc, và các nước khác tại Á châu. Nhật là một đầu tầu và khi đầu tầu chậm thì cả đoàn tàu theo.

Đối với Thái Lan, mặc dù hối suất tiền Baht hạ 30% so với tiền Yen mà Thái Lan cũng không thể tăng số hàng xuất khẩu qua Nhật được.

Tại Nam Hàn, tiền Yen giảm sẽ cạnh tranh trực tiếp với công nghiệp xứ này. Ví dụ công nghiệp đóng tàu bị cạnh tranh với Nhật vì tiền Yen sẽ giảm giá đóng tàu Nhật. Nhưng NH cũng nhập khẩu nhiều hàng của Nhật với giá rẻ hơn. Cán cân thương mại của NH nghiêng về phía Nhật do đó khi đồng Yen xuống, NH có lợi nhiều hơn.

Du khách Nhật giảm tại Hồng Kông. Kinh tế bất ổn vì môi trường kinh tế Á châu bất ổn ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, cho nên chính phủ Hồng Kông phải làm một chương trình trợ giúp kinh tế để tránh ảnh hưởng xấu.

Trung Quốc hăm dọa phá giá đồng Nhân dân tệ. Đây chỉ là chính trị, một sự trả giá trước khi TT Clinton viếng thăm TQ. Thực vậy, kinh tế TQ không bị ảnh hưởng nhiều vì hàng TQ không cạnh tranh với hàng Nhật. Các hàng TQ xuất khẩu qua Nhật là giầy, quần áo, hàng tiêu dùng rẻ, v.v. và người ta cũng chỉ mặc một bộ quần áo hay một đôi giầy mà thôi nhưng ngược lại nếu hối suất đồng Yen rẻ thì người Nhật cũng phải sử dụng và nhập khẩu các hàng này và TQ cũng không thể bán thêm đ 50ợc nhiều. Muốn tăng trưởng, TQ phải tìm lối cách khác.

Với Đài Loan, tiền Yen giảm sẽ cạnh tranh trực tiếp với một số công nghiệp nhỏ (điện tử vi tính). Đài Loan nhập nhiều hàng của Nhật với giá rẻ hơn là bán cho Nhật. Cán cân thương mại của ĐL nghiêng về phía Nhật do đó khi đồng Yen xuống, ĐL có lợi nhiều hơn.

Nói tóm, việc giảm hối suất tiền Yen, trên thực chất (phần sản xuất) ít ảnh hưởng đến kinh tế Á châu nhưng ảnh hưởng "tâm lý" rất quan trọng. Nó ảnh hưởng nhiều đến thị trường chứng khoán của các nước Á châu, đến việc phục hồi khu vực tài chính tại đây.

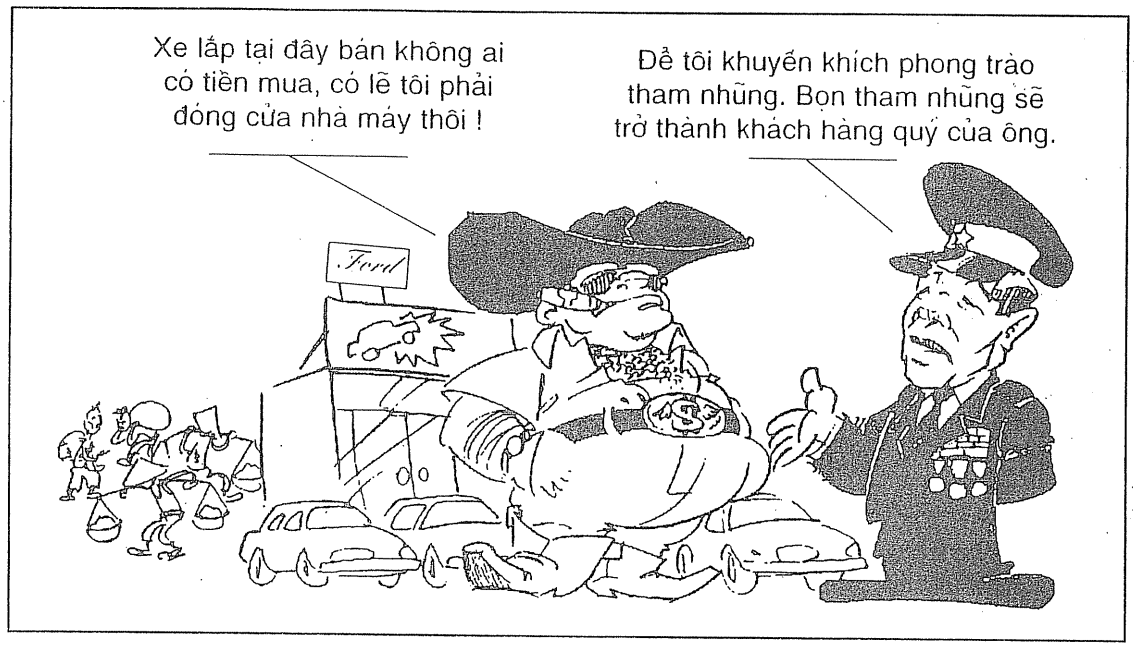

Trích báo Tin Tức, Paris

2.3 Các yếu kém cơ cấu Kinh tế Nhật

Có 5 yếu tố làm kinh tế Nhật yếu kém:

- Về kế toán, chỉ số Nikkei của thị trường chứng khoán đã sụt 37% so với thập niên 80 nhưng trong sổ sách các công ty giá cả nhà đất vẫn không được điều chỉnh. Một ví dụ là công ty Kyotaru, công ty bán sushi lớn tại Nhật đã xin phá sản khi kế toán không chịu tiếp tục "điều chỉnh" sổ sách. Nợ của công ty này đã lên trên US$ 1 tỷ;

- Tục lệ "nensho" hay thơ "chứng nhận." Theo tục lệ này công ty "mẹ" thường chứng nhận với ngân hàng là biết là các chi nhánh

của công ty có vay tiền. Công ty xây cất Daido có công nhận là chi nhánh của họ vay tiền ngân hàng nhưng trên phương diện luật pháp, các thơ này không có giá trị. Công ty bêtông Daido đã phá sản vì các ngân hàng "không chịu tiếp tục" cho Daido vay vì các món nợ chi nhánh ngoại quốc không được trả [Daido có viết các chứng nhận (Nensho) cho các chi nhánh tại hải ngoại]. Tục lệ Nensho là cách cho vay không bảo đảm - cách làm ăn không có "giấy tờ, không đúng luật pháp" của các ngân hàng Nhật;

- Lãi suất tiết kiệm bưu chính trả là 0.35% cho gởi định kỳ một năm trong khi đó ngân hàng chỉ trả có 0.30%/năm. Tại Hoa Kỳ lãi suất định kỳ là 4.65%/năm. Do đó từ khi có "big bang" dân đã rút ra trên US$ 20 tỷ để đầu tư tại Hoa Kỳ. Nhưng nếu tăng lãi suất thì nhiều công ty sẽ phá sản vì không đủ trả tiền lãi suất cao.

- Đồng Yen đã xuống 50% so với đồng dollar trong hai năm qua. Đồng Yen gặp ba cái ách: lãi suất thấp, kéo theo trị giá đồng Yen thấp, và thị trường chứng khoán cũng thấp.

- Thiếu tiền mặt: Vì tình trạng khu vực ngân hàng cho nên các ngân hàng Nhật phải trả giá đắt hơn khi họ đi vay - trả 0.20 - 1.5 % đắt hơn bình thường. Vì phải trả đắt hơn cho nên thiếu tiền mặt. Nếu quá thiếu tiền do đó Nhật có thể bán công khố phiếu Hoa Kỳ để có tiền. Nếu Nhật bán quá nhiều một lúc sẽ làm lãi suất công khố phiếu Hoa Kỳ hạ xuống. Năm ngoái khi ngân hàng Hokkaido phá sản, NHTƯ Nhật đã phải "bơm" thêm US$ 200 tỷ vào kinh tế. Mới đây (cuối tháng 6), NHTƯ đã bơm thêm US$ 8 tỷ để giải quyết vấn đề thiếu tiền mặt.

2.4. Các khó khăn cải cách kinh tế của Nhật

Mặc dù có nhiều mặt yếu kém, Nhật cũng là cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới. Kinh tế có nhiều khu vực có khả năng cạnh tranh cao. Ví dụ sản phẩm như xe Lexus vẫn bán tại Hoa Kỳ và các hàng công nghiệp Nhật vẫn xuất khẩu bán tại ngoại quốc. Cán cân thương mại Nhật tiếp tục có thặng dư.

Yếu tố thứ hai là Nhật có tiết kiệm cao nhất thế giới. Chính phủ Nhật có bốn ngàn tỷ US$ dollar (4 trillion) về tài sản và dân Nhật tiết kiệm trên 12 ngàn tỷ (trillion) US$ và tài sản tương đượng với 28 ngàn tỷ (trillion) dollar. Nhật cũng không có nợ ngoại quốc.

Cải cách kinh tế, nhất là cải cách cơ cấu, đòi hỏi thời gian. Các chính phủ Nhật đã không mau chóng giải quyết "mụt nhọt" ngân hàng trong nhiều năm cho nên nay khó cải cách — nếu không khéo thì gây thêm trì trệ kinh tế.

Luật xiết nợ: Nếu các ngân hàng phá sản thì các người gởi tiền phải được chính phủ bảo vệ. Do đó phải có luật về việc này. Muốn "xiết nợ," các ngân hàng phải có phương cách mau chóng đấu giá các tài sản thế chấp. Hiện nay Nhật chưa có các luật về việc bán tài sản nhà đất. Phải mất nhiều năm mới giải quyết các tài sản thế chấp. Vậy Quốc Hội phải phê chuẩn luật mới về phá sản.

Trong chính sách Big Bang, quyền quản lý thanh tra các ngân hàng được chuyển từ bộ Tài chính qua một Ủy Ban thanh tra tài chính (Financial Supervisory Board) trực thuộc thủ tướng. Ban này mới được thành lập từ ngày 22/6/98. Ban thanh tra nay không trực thuộc bộ Tài chính nữa. Phải có thời gian mới có thể thanh tra các ngân hàng để biết tổng số nợ còn sót lại.

Tổ chức công ty thanh toán nợ: Muốn làm mau, chính phủ phải lập nhiều ngân hàng gọi là "Bridge Bank" (hay hệ thống bridge bank theo mẫu "Resolution Trust Corporation" của Hoa Kỳ). Nhiệm vụ của hệ thống ngân hàng do vốn chính phủ là tiếp tục cho các công ty vay khi ngân hàng thương mại gặp khó khăn hay phá sản. Họ còn mua các món nợ và bán đấu giá mong chóng có tài sản thế chấp. Như vậy các nợ từ thập niên 80 sẽ được "xoá" khỏi sổ sách các ngân hàng. Vì nhiều ngân hàng sẽ không đủ vốn để cho vào dự trữ "lỗ lã" cho nên phải tổ chức việc sát nhập các ngân hàng yếu, thiếu vốn vào với các ngân hàng mạnh để lập thành các ngân hàng lành mạnh, có thể cạnh tranh trong chính sách "Big Bang" và tránh hậu quả xấu về xã hội. Thật vậy, nếu các ngân hàng phá sản hết, không còn có ngân hàng đủ sức để có thể sát nhập các ngân hàng nhỏ và sẽ gây phản ứng giây chuyền [như trường hợp tại Hokkaido].

Tốc độ cải cách khu vực ngân hàng: Tốc độ cải cách là quan trọng. Nếu quá mau thì các ngân hàng "tốt sẽ thành xấu" (các ngân hàng đủ sức phục hồi nhưng thiếu vốn và cần thời gian để nâng vốn) và nếu chậm quá thì không còn ngân hàng để cải cách vì đa số ngân hàng sẽ phá sản và lúc đó sẽ khó mà sửa hệ thống ngân hàng.

Hơn nữa, tới nay, các cuộc cải cách là do hệ thống hành chính/công chức đề xướng và thực

thi. Các "chính trị gia" trong 50 năm đã mặc để họ làm các chương trình phục hồi kinh tế nhưng trong 10 năm qua năm "chương trình phục hồi kinh tế" đã không phục hồi được phát triển bền vững. Nay các chính trị gia "tự đề xướng" chương trình phục hồi cũng như hệ thống "bridge bank," như các "uỷ ban" - commission của Quốc Hội Hoa Kỳ xây dựng các dự án luật để trình cho các dan bie 134u.

Đảng chính quyền đang cố gắng làm việc này và gặp nhiều khó khăn vì thiếu chuyên môn. Hơn nữa đảng chính quyền của TT R. Hashimoto không muốn làm gì quá "nặng" trước khi ứng cử ngày 12/7/98. Chính phủ nếu có nhiều chương trình "cải cách" cũng không giám tuyên bố mặc dù có nhiều sức ép từ G7, từ Hoa Kỳ, TQ, Hồng Kông, Mã Lai, vv.

Sứ ép của "thị trường": Thị trường chứng khoán tại Á châu mong Nhật chấn chỉnh mau chóng kinh tế để làm đầu tầu kéo kinh tế các nước Á châu khác bị lâm nạn chóng phục hồi. Do đó "thị trường" bất tín nhiệm chính phủ Nhật bằng cách bán Yen mua dollar, gây thêm khó khăn - bất ổn tâm lý cho kinh tế Nhật. Nếu đồng Yen xuống quá thấp, NHTƯ Nhật phải phải bán công khố phiếu HK [Nhật có hàng tỷ US$ bằng công khố phiếu - Treasury Bonds] mua đồng Yen gây bất ổn đến Hoa Kỳ. Bất ổn tiền Yen sẽ a 2nh hưởng đến TQ và do đó HK phải hỗ trợ Nhật, không để họ sụp.

Dưới sức ép của Hoa Kỳ, của các nước G7 và các nước Á châu, Nhật đã bắt đầu "nhúc nhích." Vì lý do chính trị nội bộ (ứng cử ngày 12/7/98 mà đảng chính quyền mong nắm đa số tại thượng viện và gây thêm "tâm lý bất ổn định" trong dân chúng), chính phủ không dám tuyên bố các chương trình do đó bị "thị trường" coi là không có "ý chí" cải cách.

Nói tóm, vì cách làm ăn thiếu trong suốt cho nên Nhật đã mắc phải khó khăn trong khu vực ngân hàng. Ảnh hưởng "tâm lý" đã làm cho thị trường chứng khoán xuống và đồng Yen lên xuống bất thường. Việc này làm cho dân Nhật ít tiêu thụ gây thêm khó khăn cho việc phục hồi kinh tế của họ. Nếu Nhật giải quyết được khu vực ngân hàng thì họ sẽ tăng trưởng nhanh hơn và dân chúng sẽ nhờ vì giá cả rẻ hơn. Nhật sẽ phải mất vài ba năm để phục hồi lại tăng trưởng.

*

Cơn khủng hoảng Á châu đã làm mọi người chú ý đến kinh tế Nhật vì đây là kinh tế số hai trên thới giới và số một tại Á châu. Sau 10 năm trì trệ kinh tế, chính phủ Nhật mới bắt đầu nhúc nhích theo sức ép của quốc tế. Kinh tế Nhật (nhất là các công ty có tầm cỡ quốc tế) còn rất mạnh và còn rất nhậy bén. Cán cân thương mại của Nhật thặng dư và Nhật là nước cho vay lớn nhất trên thế giới.

Trong quá khứ NHTƯ trực thuộc bộ Tài chính thiếu xót trong việc kiểm soát các ngân hàng để cho họ làm ăn thiếu nghiêm chỉnh, để nợ chồng chất vào khu vực nhà đất và giấu việc này. Khi kinh tế phát triển trong thập niên 1980, mọi ngân hàng đều lạc quan và cho vay một cách thiếu suy nghĩ.

Khi có khủng hoảng tài chính tại Á châu - các nước ASEAN đã làm việc cho Nhật cần "thay đổi mau chóng" kinh tế để giúp phục hồi vì kinh tế liên đới trong một thế giới toàn cầu hoá, một nước bị khủng hoảng sẽ ảnh hưởng nặng nề đến các nước khác.

Vì nhiều lý do, có nhiều sức cản trở (thói quen, sợ thay đổi, muốn giữ thị trường, v.v.) chống lại việc thay đổi cơ cấu. Theo phúc trình IMF thì tăng trưởng của Nhật sẽ là 0% trong năm 1998 nhưng Nhật không chấp nhận. Sự thực đã cho thấy là "thị trường" đã "mất tin tưởng" kinh tế Nhật bằng cách bán đồng Yen, gây thêm sức ép cho thị trường chứng khoán và ép Nhật "cải cách" khu vực tài chính vì thiếu "trong suốt." Cơn khủng hoảng Á châu và việc đồng Yen lên xuống ba 160t thường ảnh hưởng và gây khó khăn cho việc cải cách khu vực tài chính/ngân hàng của Nhật.

Cải cách cơ cấu kinh tế đòi hỏi thời gian. Nay vì sức ép của thị trường "chứng khoán," sức ép của các nước G 7, các nước Á châu do đó Nhật phải chấn chỉnh kinh tế để làm đầu tầu kinh tế cho các nước Á châu khác bị nạn chóng phục hồi. Bất ổn của tiền Yen do sức ép của thị trường là yếu tố làm cho chính phủ Nhật phải hành động.

Nếu mau chóng giải quyết "cơ cấu" kinh tế/ngân hàng [mở thị trường cho cạnh tranh, trong suốt trong quan hệ kinh tế/tài chính, vv,] Nhật sẽ trở thành một đầu tầu kinh tế rất mạnh.

Tokyo, đầu tháng 7/1998

Chú thích

(1) Japan Times, April 2, 1998
(2) Central Bank of Japan report, June 16, 1998
(3) Daiwa Institute of Research, Economic Forecast and Review, June 1998
(4) Central Bank of Japan, Tankan mid June, 1998

ĐẾN SÀI GÒN TỪ THUẬN HÓA, THĂNG LONG VÀ LUY LÂU

Tiến Sĩ LÊ HIẾU LIÊM

(Góp ý với nhà văn Sơn Nam, nhân dịp kỷ niệm 300 năm thành phố Sài Gòn)

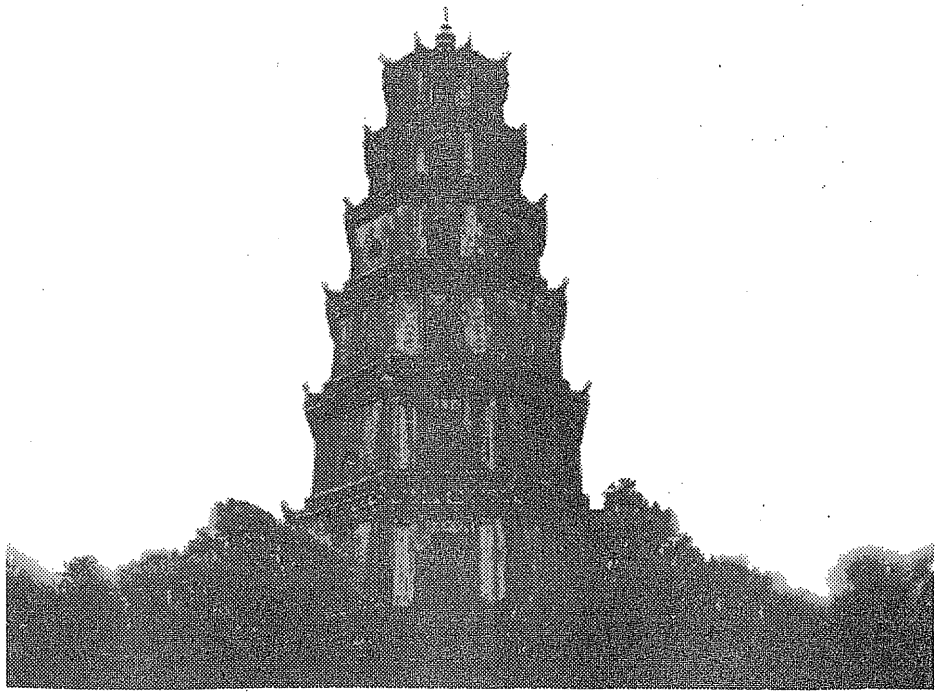

Nhà văn Sơn Nam nhận định "Cách đây 300 năm, đúng vào triều Nguyễn, thời điểm này nhà Nguyễn đã coi Phật giáo là quốc đạo." (Giác Ngộ số 92). Quan điểm này khá táo bạo và mới lạ. Trên cùng tờ báo, đã có một độc giả trích dẫn một số quan điểm của vài tác giả khác và kết luận: "Qua một số trích dẫn trên thì không thể nói là nhà Nguyễn đã coi Phật giáo là quốc đạo, mà Phật giáo là tín ngưỡng của nhân dân." (GN số 107). Tôi bác bỏ quan điểm này và hoàn toàn đồng ý với nhận định của nhà văn Sơn Nam: Phật giáo là quốc đạo của Việt Nam khi Sài Gòn được chính thức khai sinh, hay Phật giáo là quốc đạo của Việt Nam Đàng Trong, Việt Nam dưới sự lãnh đạo của các Chúa Nguyễn đầu tiên, từ giữa thế kỷ 16, đạt đến cực điểm vào cuối thế kỷ 17, với sáu sự kiện nổi bật:

1. Chúa Nguyễn chinh phục vùng đất cuối cùng của Chiêm Thành, vùng đất Phan Rang, Phan Rí, vào năm 1693, kết thúc vĩnh viễn cuộc tranh hùng Chiêm-Việt kéo dài suốt 15

thế kỷ (Chiêm Thành là hậu thân của nước Lâm Ấp, lập quốc vào thế kỷ thứ hai).

2. Việc Chúa Nguyễn Phúc Chu quy y Tam Bảo và thọ bồ tát giới với đại sư Thạch Liêm, đồng thời bảo trợ cho việc tổ chức một giới đàn vĩ đại tại Huế (Thuận Hóa) với hơn 3,000 giới tử, trong đó có trên 1,400 tăng, ni vào năm 1695.

3. Sự khai sinh chính thức của thành phố Sài Gòn vào năm 1698 bằng một sắc chỉ của chúa Minh vương Nguyễn Phúc Chu, sau khi tiến chiếm vùng Prey Kor (Sài Gòn), Kampeap Srekatrey (Biên Hòa), Bà Rịa theo lời cầu cứu của một viên quan Chân Lạp nổi loạn.

4. Việc quân Chúa Nguyễn chinh phạt Nam Vang vào năm 1700, vua Chân Lạp là Nặc Thu đến đầu hàng, nhưng quân của Chúa Nguyễn đã tự ý rút về, không chiếm đóng Chân Lạp.

5. Vào năm 1708, Mặc Cửu, một nhà đại tư bản có tầm cỡ quốc tế, hoạt động hàng hải, buôn bán trên toàn vùng Đông Á và Đông Nam Á, lãnh chúa của vùng Hà Tiên, Rạch giá, Cà Mâu, Phú Quốc, đã đem lụa, ngọc đến Thuận Hóa dâng toàn bộ vùng đất này cho Chúa Nguyễn. Điều này chứng tỏ vương quốc Phật Giáo Đàng Trong của vị quân vương Phật tử Nguyễn Phúc Chu là vương quốc hùng cường, hưng thịnh nhất tại bán đảo Hoa-Ấn.

6. Việc đúc đại hồng chung nặng 3285 ký đặt tại chùa Linh Mụ vào năm 1710 với lời chú nguyện rất độc đáo, do chính người lãnh đạo quốc gia viết ra "Mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an, chúng sanh trong pháp giới đều thành đại viên chủng trí."

Điểm đáng chú ý là cả sáu sự kiện quan trọng này đều được thực hiện bởi một người Phật tử nhiệt thành hay đều xẩy ra trong thời gian trị vì của ông.

Khởi đầu từ vùng Bình Trị Thiên hoàn toàn thiếu tài nguyên thiên nhiên, không những thế còn khan hiếm người có học vấn, vùng đất này khi Nguyễn Hoàng mới vào cai trị, cũng như nhiều vùng Nam Bộ lúc mới mở mang, kiếm một trường dạy học chữ Nho chưa chắc đã có, hành trang lập quốc và mở nước của họ không có gì khác hơn là một bảo vật vô giá, đó là Phật giáo. Chính Phật giáo đã là yếu tố mạnh mẽ quy tụ, đoàn kết nhân tâm, là nguồn gốc sâu đậm của nền chính trị nhân từ và sáng suốt, là sức bật vạn năng đã đưa những đám người phiêu bạt ít học thành một tập thể có văn hóa, đạo đức rất cao và chuyển hóa mầu nhiệm vùng Bình Trị Thiên nhỏ bé thành một vương quốc hùng mạnh nhất tại Đông Nam Á.

Phật giáo, với Việt Nam Đàng Trong trong buổi đầu dựng nước, đã trở thành một quốc đạo đầy hùng khí cao ngất, một lực lượng tinh thần có khả năng dời non lấp biển. Đây chính là đặc điểm nổi bật nhất của Phật giáo tại Việt Nam Đàng Trong, trong thế kỷ 16, 17, cũng như của Phật giáo thời đại Lý Trần trong các thế kỷ 11, 12, 13 và 14.

Quan điểm coi Phật giáo chỉ là một tín ngưỡng là quan điểm quá đơn sơ, không nói lên được mức độ phát triển của Phật giáo. Nhận định của nhà văn Sơn Nam không những chính xác mà còn thâu tóm được nội dung văn hóa, chính trị, của cả một thời đại.

Thật vậy nói Phật giáo là tín ngưỡng của nhân dân, trong giai đoạn này hay các giai đoạn khác là cũng như nói Phật giáo là một tôn giáo, là một cách nói vô thưởng vô phạt, mà ta có thể dùng để chỉ cho bất cứ một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Phật giáo có cái gì đặc biệt trong giai đoạn này? Và Phật giáo có quan hệ gì đến sự hình thành của Sài Gòn? Đó mới là điểm để chúng ta thảo luận. Từ "một tín ngưỡng của nhân dân" hay một tôn giáo đến quốc đạo là cả một bước phát triển dài, mà tại Việt Nam, không một tôn giáo nào vượt qua nổi suốt 2000 năm qua, trừ Phật giáo.

Từ tín ngưỡng đến quốc đạo

Một tín ngưỡng hay tôn giáo phải tiến lên một mức phát triển vượt bực mới trở thành một tín ngưỡng của số đông quần chúng hay một tôn giáo lớn. Từ đó, nó còn phải phát triển ở một mức độ phi thường mới trở thành một tín ngưỡng của đại đa số nhân dân hay thành tôn giáo lớn nhất của đất nước.

Nhưng đây chỉ là điều kiện cần nhưng chưa phải đủ để nó có thể trở thành quốc đạo. Để trở thành quốc đạo, tức nền tảng tinh thần, chủ đạo văn hóa (mainstream), và nói rộng ra, là lối nghĩ, lối sống của đại đa số nhân dân thì tôn giáo lớn nhất này, hay tín ngưỡng của đại đa số nhân dân này, còn phải vượt qua một bước ngoặc lớn, đó là nó đã vượt qua khuôn khổ của một tôn giáo, một tín ngưỡng để trở thành, hay hòa nhập làm một, với nền văn hóa dân tộc. Và không những thế, trở thành chủ đạo chính trị của đất nước.

Trong suốt 2000 năm qua, dù Phật giáo lúc nào cũng là tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, lúc nào cũng là tôn giáo lớn nhất của đất nước, nhưng chỉ trong những thời thịnh đạt

huy hoàng nhất, Phật giáo mới trở thành quốc đạo của Việt Nam, đó là các thời Sĩ Nhiếp — với thủ độ Phật giáo Luy Lâu (Hà Bắc) — đây cũng là thủ đô chính trị - văn hóa của toàn cõi Lĩnh Nam vẫn còn là một cõi chạy dài từ hồ Động Đình, đến Hoành Sơn - thời Lý Nam Đế, với tên nước là Vạn Xuân và với chùa Khai Quốc, thời Lý Trần - thời kinh thành Thăng Long được khai sinh - bởi một quân vương Phật tử là Lý Công Uẩn và bóng dáng kỳ vĩ của đại sư Vạn Hạnh, và thời các Chúa Nguyễn trong buổi đầu lập quốc - thời thành phố Sài Gòn được chính thức chào đời.

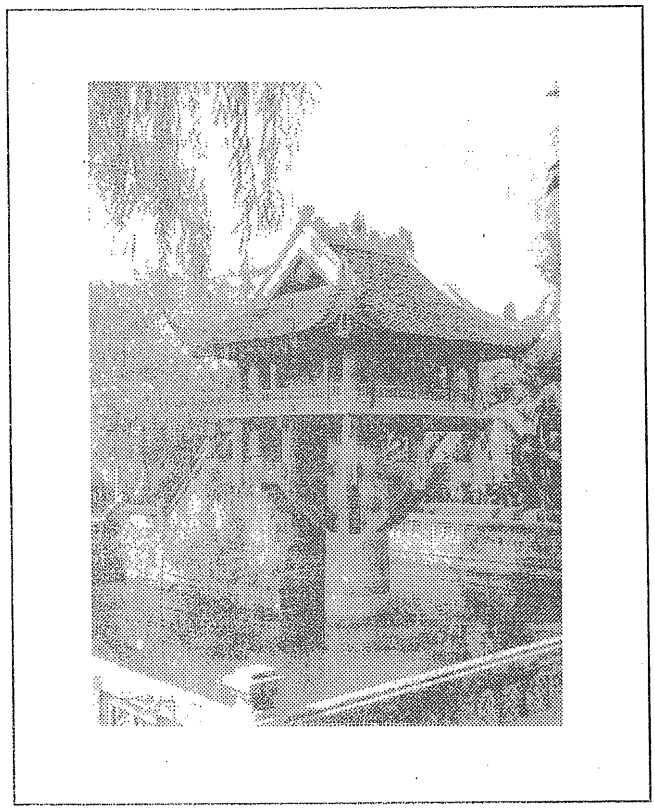

Người ký giấy khai sinh cho thành phố Sài Gòn là Chúa Nguyễn Phúc Chu, khi ông chỉ mới 24 tuổi. Ông là cư sĩ pháp danh Hưng Long, pháp hiệu Thiên Túng đạo nhân, đệ tử đời 30 phái thiền Tào Động, một người thọ bồ tát giới tại gia. Ông cũng là người đã đúc đại hồng chung chùa Linh Mụ với lời chú nguyện tuyệt đỉnh từ bi và trí tuệ, được đúc ngay trên chuông: *Ta không muốn gì cho ta, cho triều đại ta, ta chỉ muốn mưa thuận gió hòa, nhân dân thái bình an lạc và mọi người đều thành Phật.* Và đằng sau tất cả sự nghiệp vĩ đại này là bóng dáng lạ lùng của đại sư Thạch Liêm.

Không có quân vương Phật tử Lý Công Uẩn và đại sư Vạn Hạnh thì chắc gì đã có thủ đô Thăng Long - Hà Nội. Không có quân vương Phật tử Nguyễn Phúc Chu và đại sư Thạch Liêm, chắc gì đã có thành phố Sài Gòn. Và cũng không phải tình cờ mà chiếu dời đô từ Hoa Lư nhỏ hẹp về Thăng Long mênh mông được soạn bởi một thiền sư và kiến trúc sư của thủ đô ngàn năm văn vật này là một tăng sĩ: Ngài Vạn Hạnh.

Và dĩ nhiên không phải là ngẫu nhiên mà Chúa Nguyễn Phúc Chu và các Chúa Nguyễn khác đã đưa Việt Nam tiến cả 1000 cây số về phương Nam, chỉ trong hơn 100 năm ngắn ngủi.

Quốc đạo và quốc giáo

Phép lạ kỳ diệu này sẽ không thể nào có nếu Phật giáo không phải là quốc đạo của Việt Nam Đàng Trong, nếu những triều đại này không phải là những triều đại của quân chủ Phật giáo. Chính Phật giáo hưng thịnh sinh động của thời Lý Trần đã tái sinh thành Phật giáo phát triển rực rỡ dưới thời các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Trong cả hai giai đoạn huy hoàng này của lịch sử đất nước, Phật giáo không những là tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, không những là tôn giáo lớn nhất của quốc gia, mà còn là quốc đạo — chủ đạo văn hóa, chính trị — của Việt Nam. Và chính điều này là nền tảng sâu đậm nhất, là nguồn gốc vững chãi nhất, là nhân tố quan trọng nhất đã cho quê hương một thời đại Lý Trần hiển hách và một dãy đất dài chạy từ đèo Hải Vân đến mũi Cà Mâu. Thăng Long chính là một đỉnh cao, Sài Gòn chính là một đỉnh cao khác, của sự nghiệp "trụ tích trấn vương kỳ" (lấy tinh thần Phật giáo để xây dựng, phát triển quốc gia). Của các vị quân vương Phật tử, của các thế hệ tăng ni Phật tử Việt Nam, không những chỉ trong vài trăm năm qua, mà trong suốt hai ngàn năm nay.

Sự nghiệp dựng nước này chính là sự nghiệp của Phật giáo đã thành công trong sự vươn mình lên, hóa thân thành quốc đạo. Quốc giáo, tôn giáo được triều đình công nhận một cách chính thức là tôn giáo của quốc gia - không có giá trị gì bao nhiêu đối với Phật giáo Việt Nam. Một khi nó đã trở thành quốc đạo. Vì điều này có lợi cho chính quyền trong việc tranh thủ nhân tâm, đoàn kết, thống nhất lòng dân và tạo cho chế độ một sự chính thống sâu đậm, vững bền. Tuy nhiên, khi Phật giáo được công nhận là quốc giáo thì Phật giáo sẽ có nguy cơ bị biến chất và trở nên suy đồi. Cho nên lý tưởng của người Phật tử là thể hiện sinh động, mạnh mẽ Phật giáo trong cuộc đời để Phật giáo trở thành quốc đạo của đất nước, hay nói cách khác, để mọi người sống theo Phật pháp và quốc gia thành một cõi tịnh độ, và sự công nhận từ chính quyền chỉ là điều tất yếu. Còn dù được chế độ công nhận là quốc giáo mà tự thân Phật giáo không đủ sự hưng thịnh sinh động thì việc này không có lợi bao nhiêu cho Phật giáo cả.

Còn khi Phật giáo hay bất cứ một tôn giáo nào khác, được công nhận là quốc giáo, khi nó chưa trở thành trong hiện thực một quốc đạo tự nhiên của quốc dân, hay ít ra là một tôn giáo lớn nhất, một tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, thì đây chỉ là một sự áp đặt thất nhân tâm và chỉ gây tai họa cho chính chế độ và cho đất nước. Nhất là khi nó chưa dung hóa với truyền thống văn hóa và đạo lý đã có từ ngàn xưa của dân tộc.

Sài Gòn, đỉnh cao của cuộc Nam tiến

Theo Việt Nam Sử Lược, thì "Năm Mậu Thân 1698 chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Kính là kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố ra làm dinh, làm huyện, lấy Đồng Nai làm huyện Phúc Long và Sài Gòn làm huyện Tân Bình. Đặt Trấn Biên dinh (tức Biên Hòa) và Phan Trấn dinh (tức là Gia Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào lập thôn xã và khai khẩn ruộng đất." Theo Việt Sử Xứ Đàng Trong 1558-1777 thì: "Với phủ Gia Định, bây giờ chúa Nguyễn đã có đất nghìn dặm, bốn vạn hộ dân."

Điều kỳ diệu là các chúa Nguyễn đã làm thế nào để có thể Nam tiến, mở mang bờ cõi cả ngàn cây số khi đất nước bị phân đôi, hơn 9/10 lãnh thổ dân số thuộc về chúa trịnh (Đàng Ngoài), hai bên đã đánh nhau đến bảy trận lớn, gây tàn phá, chết chóc và kiệt quệ cho cả hai miền, thế mà chỉ với một mảnh đất Thuận Hóa, Quảng Nam chật hẹp, khô cằn, khắc nghiệt, Việt Nam đã lớn lên gấp đôi về lãnh thổ trong vòng một, hai thế kỷ? Và nếu chỉ kể riêng lãnh thổ của Nguyễn Hoàng khi ông mới đến lập nghiệp thu hẹp trong vùng Quảng Bình, Thuận Hóa, thì các vị quân vương nhà Nguyễn đã mở mang lãnh thổ rộng lớn hàng chục lần vương quốc của họ, trong một thời gian ngắn ngủi của vài thế hệ.

Theo bộ Lịch Sử Việt Nam thì "Xứ Thuận Hóa đầu thế kỷ XV có 5,662 suất đinh và 7,100 mẫu ruộng." Và "Cho đến thế kỷ XVI, vùng Thuận Hóa, Quảng Nam nói chung kinh tế còn lạc hậu, đất hoang còn nhiều và xóm làng cư dân còn thưa thớt." Ở Quảng Bình và Quảng Nam, dân số và ruộng đất chắc còn ít hơn nhiều con số 5,662 suất đinh của xứ Thuận Hóa (Huế - Thừa Thiên). Đó là tất cả tài nguyên mà Nguyễn Hoàng có được khi về khai phá xứ Đàng Trong vào năm 1558 với vài ngàn người lính. Thế nhưng đến năm 1776 "xứ Thuận Hóa số đinh tăng lên 126,857 người và số ruộng tăng lên 265,507 mẫu" cùng với hàng triệu mẫu đất từ vùng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đến tận mũi Cà Mâu.

Không những thế, cả vùng đất mới này, từ Thuận Quảng đến tận đồng bằng sông Cửu Long, theo nhận xét của một giáo sĩ Ý, Christoforo Borri, thì dân ở đây "sống hòa hợp với nhau, cư xử với nhau rất thẳng thắn, thật thà y như anh em được nuôi sống và khôn lớn lên cùng trong một nhà, mặc dù họ chưa từng thấy và biết nhau bao giờ" (theo sách đã dẫn). Chinh phục một vùng đất mới mênh mông, giáo hóa cho những kẻ giang hồ, phiêu bạt thành những người hiền lương, đạo đức, đây là cả một sự nghiệp lớn mà không phải thời nào cũng có. Chúa Nguyễn do đâu mà đã thành tựu sự nghiệp mở nước dựng văn tuyệt đẹp này?

Theo các cuốn sử về Phật giáo Việt Nam thì chúa Nguyễn Hoàng là người nhân đức và mộ đạo, xây cất nhiều chùa, mở đường cho các vị chúa và nhân dân sau này tin mộ đạo Phật. Bằng chứng? Năm Tân Sửu 1601 sau khi chúa vô trấn Thuận Hóa ba năm có hôm Chúa đi dạo chơi đến xã Hà Khê, huyện Hương Trà, thấy giữa cánh đồng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước nhìn ra sông Hương, cảnh trí rất đẹp, ông cho xây chùa Thiên Mụ ở nơi đó, và đã thực hiện một

lời tiên tri lưu truyền trong dân gian "sẽ có vị chân chúa đến xây chùa, để tụ hội khí thiêng cho bền long mạch." Năm Nhâm Dần 1602 rằm tháng Bảy, chúa đến chùa Thiên Mụ lập đàn chay bố thí và trùng tu chùa Sùng Hóa ở xã Triêm An, huyện Phú Vang. Năm Đinh Mùi 1607, ông cho lập chùa Bửu Châu tại Trà Kiệu, Quảng Nam, năm Kỷ Dậu 1609 dựng chùa Kính Thiên (tức chùa Hoằng Phước) ở quận Thuận Trạch, Quảng Bình. Sau khi dựng trấn Quảng Nam ở xã Cần Húc, ông lập ngôi chùa phía sau trấn gọi là chùa Long Hưng.

Từ khi chúa Nguyễn Hoàng vô trấn đấy dân được mùa no ấm, an cư lạc nghiệp... Buổi khai nguyên các chúa Nguyễn thì tinh thần Phật giáo đã theo cuộc di dân nhiều đợt định cư trước đó lan rộng rồi. Chúa thứ nhất là Nguyễn Hoàng mở tân kỷ nguyên sùng phụng Phật giáo làm gương cho các chúa sau này. Chúa Nguyễn Hoàng còn được gọi là chúa Tiên, tiếp nối là chúa Sãi (cũng có nghĩa là chúa Bụt), chúa Hiền, chúa Nghĩa nối tiếp sự nghiệp trị quốc theo Phật pháp và lấy Phật giáo làm quốc đạo. Và đỉnh cao hưng thịnh nhất là thời chúa Nguyễn Phúc Chu "Chúa hâm mộ đạo Phật vào bậc nhất" (theo Lược Khảo Phật giáo Việt Nam).

Chính trong thời vị chúa "hâm mộ đạo Phật vào bậc nhất" này mà Việt Nam Đàng Trong (Nam Hà) đã đạt đến giai đoạn hưng mạnh, thịnh trị nhất, và từ đó, thành phố Sài Gòn đã được chính thức khai sinh. Tấm lòng hâm mộ Phật pháp của chúa Nguyễn Phúc Chu đã bộc lộ trong tâm sự giải bày cùng thiền sư Thạch Liêm "Đệ tử từ bé nghe hai chữ Phật pháp đã sanh tâm kính ngưỡng, mới lúc gặp tu sĩ áo lam tức thì hoan hỉ, chẳng biết kiếp trước là ai? Làm phúc nghiệp gì? Mà nay sanh ra làm vua ở đây? Xin tôn sư chỉ điểm cho biết, hầu chẳng quên nghiệp trước, đội đức từ bi vô lượng" (sách đã dẫn). Xem thế đủ biết ông là một Phật tử nhiệt thành và chắc hẳn đã tu hành từ nhiều kiếp trước.

Với vài ngàn binh lính dân đinh năm, bảy ngàn người, chúa Nguyễn Hoàng và con cháu của ông đã không bị nghiền nát bởi hàng vạn binh sĩ của chúa Trịnh qua suốt bẩy lần đại tấn công liên tục trong gần nửa thế kỷ, mà trái lại ông và những người lãnh đạo tiếp theo đã ngăn chận được những cuộc tấn công này và đưa Việt Nam tiến những bước thật dài chưa từng có trong lịch sử. Phép lạ của Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn đầu tiên chỉ được tìm thấy trong một điều sâu thẳm, vô hình, ít ai thấy, vì nó chìm sâu như móng chân cầu: đó là các chúa Nguyễn đã xây dựng Đàng Trong trên nền tảng một quốc đạo — một chủ đạo văn hóa - chính trị — phù hợp với lòng dân và với hoàn cảnh đặc thù của đất nước. Quốc đạo đó chính là Phật giáo. Chính trên nền tảng của quốc đạo Phật giáo này mà Đàng Trong đã trở thành một vương quốc hùng mạnh bẻ gãy những cuộc tấn công của Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài (Bắc Hà), Nam tiến chinh phục toàn bộ miền Trung và Nam Bộ, đưa đất nước vươn mình đến tận vịnh Thái Lan và tỏa ảnh hưởng trên toàn bán đảo Hoa-Ấn. Không những thế những chiến thuyền của Chúa Nguyễn đã đánh tan những chiến thuyền Hòa Lan, là đế quốc có lực lượng hải quân hùng mạnh nhất thế giới thời đó. Các nhà truyền giáo ngoại quốc trong giai đoạn này đã hết sức ngạc nhiên và khâm phục trước lực lượng quân sự hùng mạnh cũng như trước mức độ văn hóa - đạo đức rất cao của Việt Nam Đàng Trong dưới sự lãnh đạo của nhân từ và trí tuệ của các Chúa Nguyễn.

Nội dung của quốc đạo Phật giáo

Nội dung của quốc đạo Việt Nam trong thời đại này là gì? Đó là lấy Phật pháp để trị quốc và người lãnh đạo quốc gia là những Phật tử hiểu đạo và biết áp dụng khôn ngoan đạo Phật vào việc chính trị. Họ biết lấy tâm hạnh bồ tát để lãnh đạo quốc gia trong viễn tượng vươn tới lý tưởng chuyển luân thánh vương, xây dựng đất nước thành một quốc đô thịnh vượng, an lạc — một cõi Tịnh độ ngay giữa cuộc đời.

* Sự lãnh đạo chấm dứt với cái chết của một bạo chúa, nhưng đối với một người tử đạo, khi ông ta chết một sự lãnh đạo mới bắt đầu.

Kierkegaard

* Can đảm có thể giả vờ, khôn ngoan không thể.

Halifax

* Để mà nhớ thế nào là chân lý, chúng ta đôi khi cần sửa đổi chân lý chút xíu.

Santayana

Những biện pháp cụ thể của việc lãnh đạo quốc gia theo chánh pháp là gì? Chúa Nguyễn Phúc Chu hỏi đại sư Thạch Liêm về sự trai giới và ông đã được giảng về sự trai giới của một người lãnh đạo như sau: Sự trai giới của bậc vua chúa không giống như người thường. Trai giới không phải chỉ giữ trong sạch thân, khẩu, ý, mà còn phải làm sao cho đất nước được thái bình, dân chúng ấm no, hạnh phúc. Trai giới là làm cho quốc gia từ trên xuống dưới được thanh lý chỉnh tề, không một người nào ngồi không đúng chỗ, không một việc nào chẳng giải quyết thỏa đáng. Làm được như thế mới là sự trai giới của một ông vua. Đồng thời đại dư Thạch Liêm đã đề nghị chúa Nguyễn Phúc Chu thực hiện trai giới bằng cách trả tự do cho những người bị giam cầm oan ức, phóng thích những tù nhân ở trong ngục thất, chẩn cấp cho những người nghèo đói, tháo gỡ cho những người bị đè nén, ép uổng, bãi bỏ những luật lệ quá nghiêm khắc, dễ dãi cho người buôn thúng bán bưng và cho thợ thuyền. Đó chính là sự trai giới của người lãnh đạo quốc gia (theo Phật Giáo Việt Nam Sử Luận và Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong).

Việt Nam Đàng Trong đã hưng thịnh một cách phi thường vì chúa Nguyễn Phúc Chu đã thực hành những biện pháp trai giới này hay nói cách khác đã lãnh đạo quốc gia bằng tinh thần khoan dung của Phật giáo và bằng chính Phật pháp, mà nền tảng là ngũ giới, thập thiện giới và lục độ. Chính trên sự hưng thịnh này, của Phật giáo và của Việt Nam Đàng Trong mà Sài Gòn đã được chính thức ra đời.

Nếu không có nền tảng quốc đạo vững chãi và hợp lòng dân này, có lẽ vương quốc non trẻ của các Chúa Nguyễn đã bị xóa tên bởi đội quân đông đảo của chúa Trịnh ở Bắc Hà, hay nó chỉ quanh quẩn trong vùng Thuận Hóa, Quảng Nam nhỏ hẹp. Như một thế lực cát cứ tầm thường không làm được gì ích quốc lợi dân.

Chính quốc đạo Phật giáo đã làm cho vùng đất cát cứ, ly khai — trấn Thuận Hóa dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn — thực chất chỉ là một tỉnh nhỏ mới khai khẩn, so với Thanh Hóa, Nghệ An cũng không bằng, đã lớn lên như Thánh Gióng, thành một vương quốc hưng thịnh nhất tại bán đảo Hoa-Ấn vào thời đó.

Cưỡi trên những đợt sóng thần cuồn cuộn, cao ngất của quốc đạo Phật giáo, các chúa Nguyễn, và dân tộc ta, đã đi và đã đến, chinh phục trọn vẹn đồng bằng sông Cửu Long và toàn miền Nam, đã đạp chân lên đầu những đỉnh núi Thất Sơn, đã tung vó ngựa đến mũi Cà Mâu và đã đưa những chiến thuyền tối tân, không thua kém những chiến thuyền Tây phương, khống chế biển Đông và vịnh Thái Lan vào giữa thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18. Và từ đó, Sài Gòn đã chào đời chính thức vào năm 1698, và người đã ký giấy khai sinh cho Sài Gòn là quân vương Phật tử Nguyễn Phúc Chu.

Sài Gòn đã được sinh trên một chiếc nôi, chiếc nôi đó là vương quốc Phật giáo Đàng Trong.

Đến Sài Gòn từ Thuận Hóa, Thăng Long và Luy Lâu

Nếu không có quốc đạo Phật giáo và những quân vương Phật tử, từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Chu, có lẽ vĩnh viễn, chúng ta không bao giờ có Sài Gòn, không bao giờ có đồng bằng sông Cửu Long, không bao giờ có một đất nước tuyệt đẹp, hình chữ S, chạy dài từ Nam Quan đến Cà Mâu.

Sẽ không bao giờ có Sài Gòn nếu không có Thuận Hóa, mảnh đất mà nơi đó, năm 1695, cách đây 303 năm, đã có một đại giới đàn 3,000 giới tử với 1,400 tăng, ni. Có bao giờ ta thấy 100 vị tỳ kheo mặc áo vàng chưa? Cả một góc phố sẽ tỏa ánh đạo vàng. 1,400 tăng, ni thọ giới xếp hàng đi khất thực theo truyền thống Phật giáo thời Đức Phật, do đại sư Thạch Liêm dẫn đầu, đi từ chùa Thiền Lâm đến phủ quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, đã làm cả Thuận Hóa, cả quê hương sáng rực trong ánh đạo vàng.

Nhưng ta cũng sẽ chẳng bao giờ có Sài Gòn, có Thuận Hóa nếu ta không có Thăng Long. Thăng Long, một kinh thành Phật giáo rực rỡ trong 1000 năm trước. Thăng Long ta vẫn nghe quân vương Phật tử Lý Công Uẩn đọc chiếu dời đô "thế đất rồng cuộn hổ ngồi, ở ngay trung tâm đất nước." Lý Công Uẩn, một chú tiểu chùa làng Đình Bảng, dưới sự dạy dỗ của đại sư Vạn Hạnh, đã trở thành một pháp khí của thời đại, đưa Việt Nam thành cọp, thành rồng từ 10 thế kỷ trước. Hay ngay cả Đại tướng Lý Thường Kiệt như bia chùa Linh Xứng năm 1126 có khắc rõ "Tuy thân vương việc đời mà lòng vẫn hướng về đạo Phật" (Lịch sử Phật Giáo Việt Nam). "Thiên hạ Lý Trần bán vi tăng," một nửa dân số trong nước vào thời Lý Trần là tăng ni. Thế nhưng ta đã ba lần đánh tan hàng chục vạn quân Mông Cổ,

ngay nơi kinh thành Thăng Long. Bằng quốc đạo Phật giáo. Như chiếc thảm thần vĩ đại trong thần thoại Ấn Độ, Quốc đạo này đã đưa dân tộc ta bay lên cao, làm nên những chiến công phi thường.

Thế kỷ 19, Việt Nam đã tự đánh mất quốc đạo siêu việt này, nên đã suy yếu cùng cực: 180 tên lính Tây phương đã đánh chiếm thành Thăng Long và năm thành quan trọng khác ở miền Bắc, như vào chỗ không người, như lấy đồ trong túi. Cái gì đã tạo ra sự khác biệt khủng khiếp này? Một đạo quân thiện chiến nhất thế giới, đã chinh phục cả Trung Hoa và cả một phần Âu Châu đã ba lần bị đánh bại ngay trên đồng bằng sông Hồng, trong thế kỷ 13. Cũng nơi này, Việt Nam đã trở thành một nước vô chủ trong thế kỷ 19. Chính chủ đạo văn hóa - chính trị của mỗi thời đại đã quyết định sự thịnh, suy, thành, bại của cả một dân tộc.

Có quốc đạo Phật giáo, ta có thành Thăng Long, ta có thời đại Lý Trần, ta có Thuận Hóa, ta có Sài Gòn và có tất cả. Mất quốc đạo Việt Nam, Việt Nam có ngay vua Lợn, vua Quỷ vào cuối thế kỷ 16 trong đời nhà Lê, và đất nước đi vào tan rã, nội chiến. Cũng vậy, mất quốc đạo Phật giáo, Sài Gòn đã loạn lạc, suy sụp, tan rã, rối ren tơi bời và phải ngã gục và đầu hàng trong cuối thế kỷ 19. Ngược lại, có quốc đạo Phật giáo, ta có Chúa Tiên, Chúa Sãi, Chúa Hiền, Chúa Nghĩa và minh vương Nguyễn Phúc Chu (xứng đáng để được gọi là Chúa Phật) ta có một Nam Hà hùng mạnh, ta một dân tộc hiền lương, đạo đức và anh dũng. Và ta có Sài Gòn, có một giải giang sơn mới lạ, phì nhiêu, xinh đẹp và hấp dẫn vô cùng.

Với quốc đạo Phật giáo, ta đã thật sự hùng cường. Ta phải thật sự mạnh mới chiếm được Sài Gòn, giữa bao thế lực Chân Lạp, Xiêm La và các nước Tây phương. Cũng như ta phải thật sự mạnh mới chiếm được Thuận Hóa, mới giữ được Thăng Long trong cuộc tranh hùng với Trung Hoa, Mông Cổ, Chiêm Thành suốt bao thế kỷ.

Và ta đã không bao giờ có Sài Gòn, có Thuận Hóa, có Thăng Long - Hà Nội nếu ta không có, từ 20 thế kỷ trước, Luy Lâu (Hà Bắc), trung tâm Phật giáo ra đời sớm nhất, kỳ cựu nhất tại Đông Á, Trung tâm Phật giáo đã chinh phục Trung Hoa bằng Phật pháp, bằng giáo pháp vĩ đại của một người được sinh đẻ, xuất gia, tu học và thành danh ở Việt Nam, ngài Khương Tăng Hội (xem tác phẩm Khương Tăng Hội Toàn Tập), nơi đây đã mở đầu cho sự bẻ gãy gông cùm Bắc thuộc — nghĩa là cho sự giải phóng dân tộc — bằng một ngòi bút của một người Việt Nam khác, ngài Mâu Tử, tác giả Lý Hoặc Luận, tác giả về Phật học và tôn giáo đối chiếu bằng chữ Hán đầu tiên trên thế giới, người đã phê bình từ cuối thế kỷ thứ hai: "Trung Hoa không phải là trung tâm của thế giới" (Xem thêm tác phẩm Nghiên Cứu Về Mâu Tử).

Chính Trung tâm Phật giáo Luy Lâu ở Hà Bắc, nơi đầy đặc các ngôi chùa Phật giáo cổ kính, đây cũng là thủ phủ của nước Việt Nam Lĩnh Nam rộng lớn nói chung, và của xứ Giao Châu nói riêng, đã cho ta hầu như tất cả.

Chính Phật giáo, ngay từ cuối thế kỷ thứ hai, đã cảm hóa Sĩ Nhiếp, một người tinh thông Nho học và một đệ tử của Lão giáo, trở thành "nhà cai trị Phật giáo" (Buddhist ruler) đầu tiên của Việt Nam (theo tác phẩm The Birth of Vietnam). Từ Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, ta có một thủ đô Phật giáo Luy Lâu và một vương quốc Phật giáo độc lập, đó là Việt Nam trong thời Sĩ Nhiếp, tuy trên danh nghĩa thuộc Đông Ngô nhưng trong thực chất là một xứ độc lập, tự chủ. Từ nền tảng hùng hậu này, từ gốc rễ bền vững này, mà trong đêm dài hung hãn của hơn một ngàn năm Bắc thuộc, ta có Lý Nam đế dựng nước Vạn Xuân và dựng chùa Khai Quốc trong thế kỷ thứ sáu. Có những anh hùng Ngô Quyền, Lê Đại Hành trong cuối thế kỷ 10, và thời đại Lý Trần với thủ đô Thăng Long từ đầu thế kỷ 11 (1009) đến cuối thế kỷ 14. (Xem thêm tác phẩm Phật Giáo và Quốc Đạo Việt Nam).

Từ Thăng Long ta có Nguyễn Hoàng, tiếp nối các quân vương Phật tử thời Lý Trần, mang gươm đi mở nước với quốc đạo Phật giáo, mở đến Quy Nhơn, Tuy Hòa, đến Gia Định, Biên Hòa, đến Châu Đốc, Hà Tiên.

Tôi dám nói "hầu như tất cả" vì Việt Nam sau cuộc khởi nghĩa thất bại của Hai Bà Trưng (năm 43) hầu như đã bị diệt chủng về văn hóa: Mã Viện tàn sát hàng chục ngàn người, lưu đày 300 lãnh tụ người Việt đến Linh Lăng, Hà Nam, Trung Hoa; thâu tóm và phá hủy hết đỉnh cao và biểu tượng kì vĩ của văn hóa Việt Cổ, những chiếc trống đồng tinh xảo. Đất nước chưa có chữ viết, chưa có sách vở hay bia đá để ghi lại bất cứ cái gì. Nền văn hóa, học thuật chỉ thuần túy truyền khẩu. Dân số quá ít và văn hóa, văn minh, tư tưởng, học thuật cũng như tôn giáo, tín ngưỡng còn quá đơn sơ làm

sao đương đầu nổi với đế quốc Trung Hoa hùng mạnh, đông đảo được trang bị bằng một nền văn hóa lâu đời và sáng chói. Và nhất là phải chịu sự thống trị của họ hơn 1000 năm?

Tình thế thật là tuyệt vọng, như trứng chọi đá, không cách gì cứu vãn. Sự diệt chủng hay ít nhất là sự đồng hóa là điều hầu như không tránh được. Nhưng chính trong hoàn cảnh đen tối, bi thảm đó mà Phật giáo, từ Ấn Độ, bằng đường biển, đã tràn tới, nhẹ nhàng như bước chân của chim bồ câu và làm thay đổi cả cục diện chính trị, cả sinh mệnh văn hóa, của Việt Nam bị nô lệ, khinh khi, chà đạp...

Dân chúng, tuyệt đại đa số sống bằng nghề nông, gặp lúc hạn hán, cả đất nước có thể bị chết đói. Thế rồi có một nhà sư, sư Khâu Đà La, chỉ gõ cây gậy xuống đất là nước phun lên như suối, hay ngay cả đệ tử của ông, bà Man Nương, cũng làm được phép lạ kỳ diệu này, cứu sống cả dân làng, cả dân trong một xứ. Nhờ những công đức như thế, chẳng mấy chốc mọi người, mọi nhà đều theo đạo Bụt... Từ nhân gian, đạo Phật hiện diện khắp nơi, sâu rộng, vững chãi. Còn giới trí thức thì kinh sách Phật giáo nhiều như rừng, sách Khổng - Lão chưa bằng một phần ngàn, đã từ từ được chảy tràn vào Giao Châu và dần dần thấm sâu trong tâm trí mọi người dân Việt... Từ dân gian, đạo Phật hiện diện khắp nơi, sâu rộng, vững bền. Và sức mạnh hạ tầng cơ sở này tác động ngược lên thượng tầng chính trị: Sĩ Nhiếp hướng về Phật giáo và trở thành "nhà cai trị Phật giáo" đầu tiên tại nước ta. Có thể nói từ cuối thế kỷ thứ hai, đầu thế kỷ thứ ba, Phật giáo là quốc đạo — là chủ đạo văn hóa - chính trị — của Việt Nam.

Kỷ niệm Sài Gòn 300 năm hôm nay, ta không thể không uống nước nhớ nguồn, không thể không nhớ đến và biết ơn ánh sáng trí tuệ và từ bi của Đức Phật được bao vị thánh tăng, bao thế hệ tăng, ni, Phật tử, thắp sáng trên quê hương Việt Nam suốt 20 thế kỷ qua. Có Sài Gòn hôm nay là nhờ có Thuận Hóa trước đây, và có Thuận Hóa là nhờ có Thăng Long, và Thăng Long, cũng như nguồn sinh lực tâm linh, đạo lý vĩ đại nhất đã nuôi lớn Việt Nam từ thủa dựng nước đến nay, đều xuất phát từ Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, Hà Bắc.

Một dòng sông lớn đôn hậu, tươi mát, hiền hòa đã chảy từ nơi đây, chảy ra khắp đất nước, chảy tràn khắp quê hương, chảy mãi trong lòng muôn dân: dòng sông Phật giáo Việt Nam.

Và từ suối nguồn Phật giáo, quê hương đã có một quốc đạo có dư khả năng để xây dựng một nước Việt Nam hưng thịnh, an lạc và vinh quang. Các thời đại vẻ vang của Sĩ Nhiếp, của Lý Nam Đế, của các quân vương Phật tử Lý Trần và của các chúa Nguyễn đầu tiên, nhất là chúa Nguyễn Phúc Chu, đã chứng minh cho chân lý và niềm tin này.●

Hoa Kỳ, tháng 5/1998, Mùa Phật Đản 2542

SÁCH THAM KHẢO

- *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim, Nhà xuất bản Miền Nam, Sài Gòn 1971.
- *Việt Sử Xứ Đàng Trong 1558-1777*, Phan Khoang, Xuân Thu, Hoa Kỳ 1983.
- *Lịch Sử Việt Nam*, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1971.
- *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Nguyễn Lang, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội 1992.
- *Lịch sử Phật Giáo Việt Nam*, Minh Chi, Lý Kim Hoa, Hà Thúc Minh, Hà Văn Tấn, Nguyễn Tài Thư, Viện Triết Học, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1991.
- *Lược Khảo Phật Giáo Sử Việt Nam*, Vân Thanh, Sài Gòn 1974.
- *Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong*, Nguyễn Hiền Đức, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995.
- *Khương Tăng Hội Toàn Tập*, Lê Mạnh Thát, Tu Thư Vạn Hạnh, Sài Gòn 1975.
- *Nghiên Cứu Về Mâu Tử*, Lê Mạnh Thát, Tu Thư Vạn Hạnh, Sài Gòn 1982.
- *Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo*, Lý Khôi Việt, Phật Học Viện Quốc Tế, Hoa Kỳ 1981.
- *Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam*, Lý Khôi Việt, Viện Tư Tưởng Việt Phật, Hoa Kỳ 1997.
- *The Birth of Vietnam*, Keith Weller Taylor, University of California Press, Berkeley, 1983.

* Khi chúng ta thuyết phục kẻ khác, chúng ta đang thuyết phục chính chúng ta.

Junius

* Sử gia là một nhà tiên tri đi ngược dòng thời gian.

Schiegel

* Mặt thật của cuộc đời chính là sự lặp đi lặp lại, đó cũng là điểm then chốt của cuộc đời.

Kierkegaard

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ CỔ PHẦN HÓA

VƯƠNG HỮU BỘT

Thủ tướng Phan Văn Khải cho mở hai Trung tân Giao dịch Chứng khoán, hy vọng mấy năm nữa sẽ tiến đến các thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán là một định chế nền tảng của kinh tế thị trường, nhưng việc thiết lập cần theo một bản lộ trình có trước có sau.

Nền tảng của thị trường là luật pháp

Nền kinh tế gọi là tư bản bắt đầu từ lúc người ta để dành tiền với mục đích lấy vốn làm ăn sinh thêm lợi. Nhưng kinh tế chỉ phát triển mạnh được khi việc "tích lũy vốn" có thể thực hiện "ở ngoài chợ," tức thị trường. Khi đó, những người không là bà con, bạn bè cũng có thể hùn vốn vào những việc kinh doanh. Khi hàng trăm, ngàn, triệu người không quen biết cùng hùn vốn thì làm sao họ tin nhau được? Phải có một sự tín nhiệm nào đó để bảo đảm. Sự tín nhiệm đó do luật pháp tạo ra. Khi mọi người có thể tin luật pháp thì không quen biết cũng có thể tin nhau.

Nhờ tạo được niềm tin trong xã hội, những công ty cổ phần "không ký danh" xuất hiện, ai làm chủ tờ giấy chứng nhận cổ phần (cổ phiếu) đều là chủ một phần công ty, và họ có thể đem bán cổ phiếu cho bất cứ ai mà không cần xin phép các người chủ khác (cổ đông.) Đây không phải là một thay đổi trong phương pháp sản xuất, mà thay đổi trong định chế, luật lệ giúp kinh tế phát triển.

Tại sao việc mua bán các cổ phiếu trên thị trường lại quan trọng như vậy? Ích lợi quan trọng nhất của các thị trường mua bán chứng phiếu, như Kenneth Arrow (giải thưởng Nobel về kinh tế) đã nêu lên, là ở đó người đầu tư có thể chia sẻ các rủi ro với nhau (risk sharing). Nhờ có cơ hội chia tiền của mình ra nhiều món đầu tư nhỏ, bỏ vào nhiều công ty, giảm bớt rủi ro chung vì lời chỗ này bù cho thua chỗ khác, nên các người có tiền để dành dễ quyết định đầu tư, dám đầu tư táo bạo hơn.

Trong thực tế, thị trường cũng là nơi tạo cho các chứng khoán một đặc tính, là dễ mua đi bán lại, gọi là tính lưu hoạt (liquidity). Khi một người cho vay hay góp vốn, mà biết rằng bất cứ lúc nào cần là mình có thể bán tờ giấy nợ (trái phiếu) hay cổ phiếu, nhanh chóng và ít tốn kém, thì người ta dễ bỏ tiền ra đầu tư. Cả xã hội được lợi vì các món tiền mọi người dấu trong nhà đem góp lại sẽ tạo công việc làm cho nhiều người khác.

Chính vì nhu cầu "lưu hoạt" đó mà các nhà đầu tư thời xưa đã tự động "họp chợ" với nhau, bên quầy gỗ các ngân hàng tại Amsterdam hay một góc phố trải đá tại New York. Từ các buổi "họp chợ" tự phát đó, dần dần họ tiến tới các ngôi nhà với thị trường đông đúc có tổ chức. Nhà nước chỉ đóng vai "trật tự viên" quy định việc mua bán sao cho công bằng, phù hợp với phong tục và luật pháp. Và ngày nay, hai chữ "thị trường" không còn nghĩa là một tòa nhà nữa, mà là một mạng lưới điện toán, luật pháp, thủ tục lại cần thay đổi.

Ở Việt Nam hiện nay, nếu mở thị trường chứng khoán thì hàng họ cũng chưa có là bao. Người phụ trách là ông Lê Văn Châu cho biết số công ty có khả năng đem cổ phiếu ra bán ở thị trường đếm chưa đủ 10 ngón tay, và cũng mới chỉ có một thứ trái phiếu dễ đem trao đổi là công khố phiếu. Giống như một cái chợ chỉ có ba con cá với vài mớ rau. Nhưng cứ mở chợ ra đã là đáng mừng, chỉ cần nhanh chóng giúp

cho chợ có đông người họp, với nhiều hàng họ để bán. Và cần nhất là tránh cảnh "chưa họp chợ đã họp kẻ cắp."

Muốn cho thị trường chứng khoán có hàng bán, thì cần phải đẩy mạnh việc tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, và cho các công ty tư nhân tự do phát triển. Các cổ phiếu và trái phiếu của các công ty đó sẽ trở thành hàng họ bán ở thị trường. Hiện nay, ông Lê Văn Châu cho biết, các công ty cổ phần hóa chưa hội đủ điều kiện về số cổ đông "bên ngoài." Nếu đa số cổ phiếu nằm trong tay một số người nhỏ, thì họ tìm nhau mua bán trực tiếp cũng được, đâu cần ra đến chợ?

Các công ty quốc doanh, hay đa số cổ phần do nhà nước làm chủ cũng có thể đem bán chứng khoán tại các Trung tâm Giao dịch, hay thị trường. Nhưng sẽ thiếu một yếu tố để việc mua bán chứng khoán có tác dụng kinh tế. Đó là mối liên hệ giữa giá cả chứng khoán với trách nhiệm mà ban quản đốc công ty cảm thấy họ phải gánh, trước các cổ đông. Khi ban quản đốc công ty do "ở trên" chỉ định chứ không phải do cổ đông bầu ra, thì chuyện giá cổ phần lên hay xuống không có tác dụng nào đối với họ, và người đầu tư thấy việc mua bán cổ phần cũng vô nghĩa, trừ khi họ chỉ tính chuyện mánh mung.

Yếu tố quan trọng thứ hai là hạ tầng cơ sở về luật pháp. Mua, bán chứng khoán là một hành động dựa trên lòng tin, lòng tin vào các tờ giấy. Các tờ giấy chỉ có giá trị khi chúng được một hệ thống luật pháp bảo đảm. Cho nên các luật lệ thương mại, luật giao kèo, luật về cách tổ chức các công ty, luật về thủ tục phá sản, hệ thống kế toán và kiểm tra kế toán độc lập, luật bắt công bố tin tức tài chánh công khai, sau đó lại cần hệ thống tòa án đáng tin cậy xét xử theo luật lệ, hệ thống cảnh sát thi hành luật, tất cả cơ sở hạ tầng pháp lý đó phải có trước khi đặt ra những luật lệ về các loại chứng khoán, cách mua bán chứng khoán, v.v.. Nếu chỉ lo mở cửa hàng chứng khoán mà không thiết lập trước các định chế pháp lý của xã hội dân chủ thì không khai thác được các tác động của thị trường trên nên kinh tế.

Cái khung pháp lý của hệ thống Kinh tế thị trường đã hình thành từng bước một từ hai trăm năm nay, dính liền với sự phát triển các định chế dân chủ. Tất cả họp lại thành một tổng thể, khó tách rời nhau, tách rời để áp dụng một định chế riêng rẽ nào đó thì không ích lợi mà còn gây hại, vì kẻ cắp sẽ tới trước khi chợ họp. Chương trình Cổ phần hóa hiện giờ nếu làm cho đúng sẽ giúp chuẩn bị "hàng hóa" bán trên thị trường chứng khoán.

Tư nhân hóa như thế nào

Sau năm năm, trong số 5800 xí nghiệp quốc doanh, đã có 29 xí nghiệp được cổ phần hóa. Nghị định số 44 của chính phủ Hà Nội mới đưa ra bốn phương pháp cổ phần hóa.

Thứ nhất là xí nghiệp quốc doanh vẫn thuộc nhà nước nhưng sẽ phát hành thêm cổ phần, bán cho người ngoài để tăng vốn.

Thứ hai, bán một phần vốn của nhà nước để tăng vốn.

Thứ ba, tách một bộ phận của doanh nghiệp ra để bán.

Thứ tư, bán toàn thể doanh nghiệp để trở thành công ty cổ phần.

Phương pháp tư hữu hóa cần nhắm các mục tiêu là 1) tìm cách bán được giá cao nhất, thu tiền cho ngân sách hay cho xí nghiệp; 2) việc bán cổ phần phải công bằng, cho mọi người tham dự bình đẳng, tránh bị tham nhũng, ăn cắp; 3) phải tạo cơ hội cho những người làm chủ sau này có quyền quyết định, nếu có quyền đó thì họ mới có thể phát triển và cải thiện xí nghiệp. Ngoài ra, có thể kể thêm 4) Dành ưu tiên cho những công nhân viên đang làm việc ở xí nghiệp được mua cổ phần, để tránh xung đột.

Nay thử nhận xét bốn phương pháp mà nhà nước đưa ra. Hai phương pháp đầu bản chất giống nhau, chỉ khác nhau trong sổ sách kế toán, vì cả hai phương pháp đều giữ một phần vốn cho nhà nước làm chủ. Nhưng thủ tục còn lờ mờ chưa rõ. Khi nhà nước vẫn giữ một phần vốn và nếu số vốn của nhà nước chỉ là phần nhỏ, thì có cho phép một công ty hay tư nhân khác làm chủ số cổ phần lớn hơn, có thể là đa số để nắm quyền quyết định hay không? Nếu có, thì người ta mới mua. Ngược lại thì

* Tại sao một chuyện chưa xảy ra có thể rất khó tin, nhưng một khi xảy ra rồi lại trở thành không có gì là lạ cả?

Hardy

* Một người không có khả năng đẩy người khác vào hỏa ngục sẽ không có khả năng cứu vớt người đó lên thiên đàng.

Kierkegaard

không ai muốn bỏ vốn vô để cán bộ tiếp tục quản lý như cũ. Tất nhiên, khi người làm ăn đứng đắn không muốn góp vốn, vẫn có người khác đem bỏ vốn vào. Họ biết rằng sau đó khi bị lỗ lã thì thế nào nhà nước (đồng thời là cổ đông) cũng phải lo bao cấp. Lúc mua, là họ mua sự bao cấp đó chứ không phải mua cổ phần xí nghiệp!

Giải pháp thứ ba, bán một phần các xí nghiệp quốc doanh, có thể mở cửa cho tham nhũng bày mưu chiếm đoạt tài sản các công ty. Thí dụ công ty có ba nhà máy, chỉ một nơi sinh lời. Nếu chỉ bán một nhà máy lỗ lã, thì chắc không ai thèm mua. Ban quản đốc xí nghiệp có thể chọn một bộ phận nào đang sinh lợi nhiều nhất thì đề nghị bán, rồi chính họ và bè đảng của họ tìm cách mua. Họ tự biến thành chủ nhân phần có lợi nhất của công ty, chiếm đoạt tài sản công một cách hợp pháp. Chuyện này đã xẩy ra ở Nga, Đông Âu.

Cuối cùng chỉ còn giải pháp đáng bàn là bán phần lớn hoặc toàn thể xí nghiệp cho tư nhân. Khi bàn về vấn đề cổ phần hóa, ở trong nước nhiều người hay thắc mắc rằng bán các cổ phần cho tư nhân theo giá nào, căn cứ vào giá trị nào để đánh giá xí nghiệp?

Giá bán đứng đắn nhất là khi có nhiều người tự do cạnh tranh nhau để mua và họ có tin tức đầy đủ như nhau, không có ai móc ngoặc. Cho nên đem đấu giá là tốt hơn cả. Năm năm trước đây, trên tờ báo của Đại học Kinh tế Sài Gòn đã có một bài của Vương Nhân bàn về phương pháp đấu giá khi cổ phần hóa. Có thể áp dụng lối bán đấu giá của William S. Vickrey, nhà kinh tế đã được giải Nobel năm 1996: Đấu giá trong phong bì kín, người hiến giá cao nhất được mua, nhưng sẽ trả cái giá hiến cao thứ nhì.

Dù muốn dành cho công nhân của xí nghiệp được dự mua một số cổ phần thì phương pháp đấu giá vẫn có thể áp dụng được. Xí nghiệp sẽ dành một số cổ phần, 20, 30% để bán cho công nhân viên, với giá đặc biệt, thí dụ bằng một nửa hay hai phần ba của "giá trúng thầu." Nhưng phần còn lại bán cho công chúng vẫn phải đem đấu giá, như vậy giá trúng thầu vẫn do thị trường quyết định một cách công bằng.

Thực hiện cổ phần hóa sớm ngày nào thì thị trường chứng khoán dễ hoạt động ngày đó. Khi thị trường hoạt động mạnh thì mới thu hút được tiền để dành, vàng và đô la cất giấu để dùng làm vốn phát triển đất nước.●

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui
Người kết nối những tiếng nói cho Tự do Dân chủ
trên làn sóng điện

ĐINH QUANG ANH THÁI

sẽ chấm dứt cuộc sống độc thân để lên xe hoa về với

NGUYỄN THỤY MAI HƯƠNG

Hôn lễ cử hành ngày 25 tháng Bảy 1998 tại Cypress, California
Toàn thể bạn hữu xin chúc mừng
đôi MAI HƯƠNG - ANH THÁI Trăm Năm Hạnh Phúc

Tạp chí THẾ KỶ 21
Nhật báo NGƯỜI VIỆT
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
Hội VAALA

THƯ NGỎ

gửi các báo *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng, Tạp chí Cộng Sản* và các báo khác

TRẦN ĐỘ

Sau đây là nguyên văn thư ngỏ của ông Trần Độ gửi trả lời các báo Đảng CSVN về những bài đả kích và bôi nhọ cá nhân ông. Bài viết này theo tác giả đã được viết từ ngày 22-5-98, nhưng đã bị mất cắp và được viết lại lần nữa vào ngày 20-6-98. Cho đến nay, như ông Trần Độ dự đoán, vẫn không có tờ báo nào của đảng CSVN dám đăng công khai cho mọi người thẩm định.

Dài lời mở đầu (1)

Trong tháng Ba, tháng Tư 1998, trên mặt một số tờ báo xuất hiện rầm rộ một loạt bài báo "bảo vệ đường lối." Tất cả khoảng 30 bài. Báo *Nhân Dân* có nhiều bài nhất, đến 15 bài. Sau đó là báo *Quân Đội Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Sài Gòn Giải Phóng* và cả báo *Văn Nghệ Quân Đội* v.v.... Các báo biểu diễn một đợt "đấu tranh tư tưởng" rất qui mô, nhắm vào phê phán một số quan điểm lệch lạc, trái với đường lối của Đảng. Đợt đấu tranh tư tưởng được diễn ra như một sự chỉ đạo hiệp đồng rất rõ rệt. Nhưng một đồng chí trong Bộ Chính trị nói với tôi là các báo thực hiện chức năng của mình là "bảo vệ đường lối của Đảng" chứ không có ai chỉ huy và chỉ đạo cả. Thế lại càng rõ. Báo chí có chức năng "bảo vệ đường lối," cho nên ai có ý kiến muốn có tự do ngôn luận, để nhân dân thực sự có tiếng nói, có diễn đàn, thì liền bị coi là "chống chủ nghĩa xã hội," "xa rời sự lãnh đạo của Đảng." Lô gích lắm thay!!!

Đợt công kích phê phán trên các báo đó đã mô tả đầy đủ và sắc nét "nền dân chủ" của ta. Tôi chỉ muốn nhân dịp này có một số nhận xét về các bài bệnh hoạn của công tác tư tưởng của Đảng, và nêu lên những nhận xét để bảo vệ danh dự và sức mạnh của Đảng (sẽ nói sau) để cho "quân tử" khách quan nhận xét xem ai làm hại Đảng, ai bảo vệ Đảng?

Trong bài viết này tôi thực hiện các quyền của tôi, theo luật báo chí, theo Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc (Điều 19), theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, theo Hiến pháp 92 của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các ông Tổng Biên tập đã vi phạm điều 10 khoản 4 của Luật Báo chí 12-1998 (2); còn tôi, tôi làm theo điều 8 luật đó (3). Tôi cũng làm theo điều 9 Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc 12-1948 (4). Chắc bây giờ không thể có người Việt Nam nào cổ lỗ và thô thiển đến mức coi Liên Hiệp Quốc là đồ tư sản, là kẻ thù. Vì, chính phủ ta thường cũng lấy làm tự hào và vinh dự khi ký sớm vào các văn bản công ước của thế giới. Nhưng những người "mắc bệnh" thường hay cứ vừa ký vừa chửi rủa "kẻ thù." Tôi còn làm theo điều 69 của Hiến pháp Việt Nam 1992 (5) và điều 3 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam 1996 tại khoản 1 và khoản 3 (6).

Tôi cho rằng tất cả những ai đã đọc báo *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Tạp chí Cộng Sản, Sài Gòn Giải Phóng* đều cần phải và được quyền đọc bài viết này. Tôi có quyền đòi các ông phải đăng bài của tôi. Nhưng tôi biết là các ông không khi nào dám đăng. Tôi có quyền kiện các ông ra tòa. Nhưng sẽ không có tòa

nào dám xử các ông. Có chăng thì cũng xử nội bộ. Chế độ dân chủ của ta nó thế mà! Các ông vẫn đàng hoàng bảo là nó dân chủ gấp triệu lần tư sản. Thế đấy! Có những sự thật hiển nhiên vậy, song nhiều người không muốn biết đến. Sau đây tôi lần lượt nêu một số ý kiến cụ thể:

1. Tranh Luận, phê phán và quy chụp

Trước hết tôi hết sức hoan nghênh việc tổ chức tranh luận và phê phán công khai trên báo chí về những vấn đề đang có ý kiến khác nhau. Lẽ ra báo chí của Đảng phải nêu cao gương sáng một cách đứng đắn việc làm tử tế này. Vừa qua có một vài ý kiến của một số ít bài mang tính chất tử tế ấy. Nhưng phần lớn các bài, nhất là các bài của báo *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân và Sài Gòn Giải Phóng,* đã nêu gương rất xấu về một việc làm không tử tế. Phần lớn người viết đều đã xác định lập trường cho những ý kiến cần phê phán là của kẻ địch rồi, của kẻ thù của Chủ nghĩa Xã hội và của Đảng CSVN. Tác giả bài viết trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* thể hiện thật xuất sắc điều này. Tất cả các loại ý kiến "nói ít đến thắng lợi," "phân tích kỹ hơn những khuyết điểm" đều bị quy chụp thành "phủ nhận thành tích," mà "phủ nhận thành tích" tức là "phủ nhận cách mạng, phủ nhận CNXH," "phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng" là đòi "thay thế sự lãnh đạo của Đảng", và như thế là chống CNXH, chống đảng Cộng sản. Và điều đó không chỉ được nói ở các báo mà còn ở lung tung nhiều chỗ. Vậy mà người nói vẫn tự cho là nói "có tổ chức," là làm tốt công tác tư tưởng.

Tôi, một người làm công tác chính trị trong quân đội suốt 30 năm, từ Chính trị viên khu Hà Nội đến Phó Chính ủy Quân giải phóng Miền Nam và có lúc là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Tôi đã có 10 năm ở chiến trường chống Mỹ. Tôi đã phải thực hiện và chỉ đạo cho công tác cổ động ở chiến trường. Tôi đã phải biết đến và đối phó với chiến tranh tâm lý của Mỹ Ngụy. Bản thân tôi đã bị Mỹ Ngụy tạo ra "cái chết" cho chiến tranh tâm lý của chúng, năm 1968. Tôi có đủ điều kiện để thấy được các thứ âm mưu chiến tranh tâm lý của địch, ít ra cũng hơn một số khá nhiều người. Và, hiện nay tôi lại đang thấy rõ có một cuộc chiến tranh tâm lý hòng giết chết sinh mạng chính trị của tôi. Nhưng Mỹ Ngụy thì bịa ra cái chết của tôi để làm chiến tranh tâm lý. Còn ngày nay các việc làm "giống như chiến tranh tâm lý" thì định giết tôi thật! Trong thực tế, mưu đồ và thực hiện mưu đồ giết một người thì dễ. Nhưng, người đó có chết thật không lại là chuyện khác! Có lẽ tôi là người có đủ điều kiện hơn nhiều người về khả năng nhận rõ đâu là kẻ thù của Tổ quốc, của nhân dân và của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đã qua. Còn hiện nay, kẻ thù đó là ai? Nó đang ở đâu? Nếu thảo luận công khai chắc sẽ giúp ích cho Đảng nhiều hơn. Sự quy chụp bừa bãi, chỉ làm hại Đảng, làm mất danh dự của Đảng.

Trong chiến tranh giải phóng, ta phải bồi dưỡng tình cảm căm thù địch, bồi dưỡng nhận thức địch ta rõ ràng. Tinh thần chủ yếu lúc đó phải là căm thù và dũng cảm. Tôi đã làm khá nhiều việc này. Ngày nay, phải đoàn kết để xây dựng đất nước, thì yêu cầu tinh thần phải là khoan dung và nhân ái, kể cả đối với những người đã từng là kẻ thù. Thế mà tại sao có những người cứ nhất định phải tìm cho được kẻ địch ngay cả trong nội bộ ta??? Cái căn bệnh quy chụp là căn bệnh rất nặng và là căn bệnh thứ nhất của công tác tư tưởng. Nó lan sang cả việc phê bình văn học nghệ thuật. Những kẻ càng tỏ ra "vững lập trường" và quy chụp bừa bãi càng bộc lộ sự dốt nát và làm hại văn hóa bấy nhiêu.

2. Hoài Việt là ai?

Trong dịp tháng Ba, tháng Tư này có xuất hiện một nhân vật, một tên thì đúng hơn, rất mơ hồ, trừu tượng và khó hiểu. Ngày 4 tháng Ba, anh Hoàng Hữu Nhân điện cho tôi, hỏi: "Anh có một bức thư ngỏ, đã nhận được chưa?" Tôi trả lời chưa. Và tôi cũng không biết. Sau đó, anh Hoàng Hữu Nhân gửi cho tôi một văn kiện dài hơn 10 trang có đầu đề là: Kính gửi ông Trần Độ, trung tướng hồi hưu. Ngày gởi 25 tháng Hai. Nơi gửi California. Anh Nhân cho biết anh đã nhận được thư ấy từ Văn phòng Trung ương.

Sau đó, trên các bài báo công kích, có ông tác giả ở báo *Sài Gòn Giải Phóng* trích dẫn một câu của Hoài Việt một cách trang trọng như trích dẫn một bậc thầy. Vài ông tác giả khác cũng trích dẫn như vậy. Có lẽ Hoài Việt đáng là bậc thầy của các ông ấy thật. Nội dung thư ngỏ kia còn được chế biến thành một bài báo đăng trên tờ *Nhân Dân* ngày 10 hay 11 tháng Ba gì đó. Gần đây, tạp chí (nội bộ) tên là *"Thông tin Công tác Tư tưởng"* số tháng Tư lại có đăng nguyên văn bức thư ngỏ đó, và sửa đầu đề là "Kính gửi T.Đ." Như vậy thì khó hiểu ở chỗ Hoài Việt là người có thế lực thế

nào trong Ban Tư Tưởng - Văn Hóa mà có thể dùng Văn Phòng Trung ương để lưu hành tài liệu, mà là tài liệu xấu. Lại dùng tạp chí của Ban Tư tưởng Văn hóa để công bố tài liệu đó. Lại được vài tác giả trích dẫn trang trọng.

Vậy nhân vật đó là ai? Sự việc này có ý nghĩa gì? Như thế là vẻ vang cho Đảng hay hại cho Đảng? Xin để mọi người suy ngẫm. Được biết, sau đó Cựu chiến binh - Đại tá - nhà văn Nguyễn Trần Thiết đã viết một bức thư rất phẫn nộ. Đồng chí Trần Dũng Tiến - cựu chiến binh, quyết tử quân Hà Nội - cũng ngạc nhiên nêu câu hỏi là Ban Tư tưởng - Văn hóa hết người rồi sao mà phải dùng đến một tên lưu manh hỗn xược như vậy làm tướng xung kích của mình. Một cựu chiến binh khác ký tên là "Một người lính già" cũng viết thư phản đối quyết liệt. Có một cháu nữ thanh niên ở Sài Gòn mà tôi quen biết gọi điện thoại cho tôi khoe rằng cháu đã được đọc bức thư ngỏ của Hoài Việt. Cháu hỏi tôi: "Bác thấy thế nào về bức thư đó?" Tôi chưa kịp trả lời thì cháu nói ngay: "Cháu thấy tội nghiệp cho họ quá!" Tôi bảo tôi đồng ý với cháu. Họ, những người sản sinh ra Hoài Việt và Hoài Việt thật đáng tội nghiệp! Thật vẻ vang sao!? Vậy cháu gái nọ tội nghiệp cho họ là tội nghiệp cho ai? Xin mọi người cùng luận bàn.

3. Khác và chống

Đại diện Bộ Chính trị đã gặp tôi ngày 25 tháng Năm, cho tôi biết là Bộ Chính trị nhận thấy những ý kiến của tôi không đúng với đường lối của Đảng thể hiện ở các cương lĩnh và nghị quyết Đại hội nên không chấp nhận được. Tôi hoan nghênh thái độ của Bộ Chính trị là đã chính thức gặp tôi và nêu rõ ý kiến. Thái độ đó tốt hơn là thái độ "im lặng dài

dài." Tôi ghi nhận ý kiến của Bộ Chính trị. Nhưng vì vấn đề nêu ra không phải là cách hành xử với một công tác cụ thể, mà có liên quan đến các vấn đề đường lối, tôi sẽ nói tiếp sau. Tôi cũng đã báo trước với Đại diện Bộ Chính trị là tôi sẽ có ý kiến gửi các báo.

Trong các bài công kích tôi có tác giả trách tôi là tôi nói không đúng với các Nghị quyết của Đảng và tôi không chịu đọc các Nghị quyết của Đảng. Từ đấy quy kết tôi "chống lại Đảng." Đó là lập luận rất buồn cười!!! Tôi không đọc các nghị quyết thì làm sao tôi thấy được chỗ nào không thích hợp, cần bổ xung hoặc cần thay đổi. Quả là tôi đọc các nghị quyết, tôi không thuộc lòng được như các vị. Và đọc thuộc lòng, rồi nói theo và không suy

nghĩ gì thêm chưa chắc đã là thái độ nghiêm túc với Nghị quyết, nhất là Nghị quyết của đảng Cộng Sản. Góp ý mà không góp được gì khác Nghị quyết thì góp làm gì? Ngồi chơi còn hơn!

Tình hình đất nước ta quả đang gặp nhiều thử thách phức tạp, gay go và đang có nhiều khó khăn, nhiều mâu thuẫn phải giải quyết. Chúng ta phải có nhiều lời giải sáng suốt và có hiệu quả cho tình hình, nhằm đưa đất nước phát triển tiến lên! Những lời giải đã có trong lý luận và Nghị quyết là chưa được, chưa giải quyết được tình hình để đưa đất nước tiến lên. Tôi muốn nêu lên vấn đề để tìm lời giải tốt hơn, chứ không phải tôi đã đưa ra được lời giải. Sự thực, có hàng nghìn vấn đề cần lời giải. Việc đó đã có các chuyên gia từng lãnh vực tìm ra lời giải được. Đảng chỉ nên có lời giải chung cho đường lối phát triển, mà không nên làm thay các chuyên gia ở các lãnh vực. Trong khi tìm lời giải đó, có hai vấn đề cần giải quyết phải giải quyết trên thực tiễn đất nước, chứ không phải chỉ lý luận suông. Có tác giả đã lý luận một cách rườm rà để chứng minh rằng "Độc lập dân tộc phải thống nhất với chủ nghĩa xã hội" để biện luận rằng chỉ có yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với chủ nghĩa xã hội, thì mới thực là yêu nước. Yêu nước mà không chủ nghĩa xã hội càng hỏng! Lạ thật! Thế thì...

a/ Các cụ Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học, Phan Bội Châu... sinh vào thời chưa có CNXH, thì các cụ đó có CNXH đâu mà yêu. Vậy các cụ đó có là người yêu nước không? Hay là các cụ đó cũng phạm tội chống chủ nghĩa xã hội!

b/ Các nước Nga và Đông Âu từ bỏ CNXH, vậy các nước đó có còn độc lập không và nhân dân các nước ấy có còn là yêu nước không? Hay là hết mấy trăm triệu người ở đó đều thành tay sai đế quốc hết???

c/ Thế giới hiện nay có mấy nước là "độc lập phải chủ nghĩa xã hội," và bao nhiêu nước không có CNXH vẫn cứ độc lập như thường??

Vấn đề khác là Định hướng xã hội chủ nghĩa, mà nội dung chủ yếu của nó là vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh khi nêu vấn đề kinh tế nhiều thành phần. Ta đã không nhấn mạnh chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, mà nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, trong khi ai cũng biết đó là khu vực kinh tế kém hiệu quả nhất, thua lỗ nhiều nhất. Vậy ta cố gắng cho đất nước phát triển hay cố gắng cho có kinh tế quốc doanh chủ đạo, còn đất nước phát triển hay không không cần biết!? Thực tế rõ ràng là: từ 1975 đến 1985 ta đã tiến hành xây dựng chủ nghĩa trên cả nước thống nhất. Và kết quả là những năm đầu của thập kỷ 80, cả nước ngoắc ngoải. Bây giờ nhân dân ta tươi tỉnh được một chút, lại cứ nhất định phải định hướng XHCN, vậy định hướng vào cái "suýt chết" đó mà làm gì?

Thực ra Đảng và Nhà nước ta đang phải điều chỉnh chính sách và cũng đang lúng túng. Vậy Đảng và Nhà nước làm khác trước đi một ít, có phải là chống lại mình không? Ta cứ hay "nói lấy được." Ta nói "Nhân dân ta đã chọn CNXH?" Có thật không? Năm 1975, khi ta giải phóng đất nước, nửa nước miền Nam mấy chục triệu người, ta có ai hỏi một người dân miền Nam nào, câu hỏi là: "Anh có thích CNXH không?" Ta không hề hỏi, mà cứ ra Nghị quyết, cứ ra lệnh và chỉ thị hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp v.v... phá tán biết bao nhiêu là của cải, làm tổn hại bao nhiêu đến đời sống nhân dân, làm bao nhiêu là người giàu bị nghèo đi! Thế mà lại bảo là "nhân dân đã chọn!" Khổ thật! Ta cứ hay chọn thay cho dân, bắt nhân dân nhận, xong lại bảo là dân đã chọn và ta tôn trọng sự chọn lựa của dân! Rõ là nói lấy được! Còn Bác Hồ có chọn CNXH không? Bác thỉnh thoảng có nói đến. Nhưng Bác nói CNXH ít thôi. Bác nói nhiều là nói nhiều "nhân dân có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành..." hoặc "cơm no, áo ấm, tự do hạnh phúc." Thực sự Bác chọn và nhân dân cùng Bác chọn là "Độc lập, tự do, hạnh phúc," ta đã chọn được một chữ độc lập, còn hai chữ tự do, hạnh phúc thì ta đang phải nỗ lực lớn lao bây giờ đây! Ta cần đất nước phát triển có đầy đủ cơm áo, tự do, hạnh phúc (tức là dân chủ) dù không có cái định hướng XHCN. Hay là ta cần một đất nước có "mác" XHCN, còn nghèo đói như cuối những năm 70 và đầu những năm 80 cũng được? Phải chọn đi chứ!

Tôi thì tôi chọn nước Việt Nam "nhân dân được ấm no tự do hạnh phúc" có XHCN cũng được mà không có cũng được! Và như thế sao gọi là từ bỏ, và chống CNXH. Có chăng ta cần từ bỏ cái thứ CNXH nghèo đói khốn khổ. Và Đảng ta chắc chắn là không bao giờ muốn dân ta khốn khổ. Nhiều người cứ nói lấy được là cứ CNXH thì là giầu có đẹp đẽ. Trong khi đó nhân dân ta đã trải qua những năm từ 1975 -

1985, trừ những người đặc quyền đặc lợi không hề biết đến những cực khổ đó của dân, những năm đó, chỉ có CNXH, cần có cái CNXH để tiếp tục có đầy đủ quyền lực và quyền lợi thì mới hoảng loạn, quýnh quáng và chỗ nào và lúc nào cũng thấy có người chống CNXH!

Đúng là những vấn đề tôi nêu lên chưa có Nghị quyết nào giải đáp được tốt và đầy đủ, tôi nêu lên những vấn đề khác với Nghị quyết đã có. Vậy có phải cứ có ý kiến khác đi thì tức là chống không?! Người Việt Nam mà lại thấy chữ khác tức là chữ chống thì buồn cười thật. Bộ Chính trị cũng trách tôi là nói không đúng Nghị quyết. Tôi công nhận. Nhưng tôi có lý của tôi. Tôi cho là ta phải nói khác Nghị quyết thì mới tiến bộ được. Mỗi Nghị quyết ra đời là để giải quyết vấn đề của thời đoạn đó, sau đó tình hình thay đổi, phải có Nghị quyết khác. Không lẽ Nghị quyết khác cũng là nghị quyết chống Đảng hay chống Nghị quyết à? Nghị quyết Đại hội VI khác tất cả các Nghị quyết trước đó mới cứu nguy được cho đất nước. Muốn có Nghị quyết Đại hội VI phải có những ý tưởng mới mẻ khác trước. Vậy khi đã có nghị quyết rồi thì cần thiết lại phải có những ý tưởng mới, khác nghị quyết đã có, mới chuẩn bị cho Nghị quyết mới hay hơn. Chả lẽ cả 100 năm ta chỉ cần khắc vào văn bia một Nghị quyết rồi tụng niệm nhiều lần Nghị quyết để tỏ ra vững quan điểm, lập trường và có bản lĩnh chính trị vững vàng và cứ như thế là đất nước tiến lên à? Những ý tưởng từ các đại hội III, IV, V hiện nay nếu cứ nhắc lại nguyên si thì có ích lợi cho ai, cho cái gì. Những ý tưởng: - Sản xuất nhỏ, sản xuất lớn. - Kế hoạch tập trung.- Tiêu diệt tiểu thương, độc quyền lương thực. - Huyện là đơn vị chiến lược. - Tỉnh phải to có mấy triệu người v.v..., nếu tiếp tục còn đến ngày nay thì sẽ ra sao? Nghị quyết sau phải khác nghị quyết trước. Như vậy là tiến bộ! Không có ai chống ai ở đây cả! Sau Đại hội VI, một lần tôi công tác trong Thành phố HCM, trong một buổi gặp gỡ các nhà báo trẻ tuổi, có một chú hỏi tôi: "Từ nay mỗi khi có nghị quyết của Đảng chúng tôi có quyền bình luận khen chê khác đi, hay nhất thiết chúng tôi chỉ có một nhiệm vụ là tung hô đúng đắn?" Lúc đó tôi đã lúng túng, không trả lời được. Nhưng đó là câu hỏi ám ảnh tôi cho đến tận bây giờ. Vậy, nói khác Nghị quyết không phải là chống Nghị quyết, càng không phải là chống Đảng. Đảng cần có những ý kiến khác! Đ/c Lê Khả Phiêu trong bài trả lời phỏng vấn báo Tuổi Trẻ cũng tỏ ý hoan nghênh những người có ý kiến ngược lại mình (Tuổi Trẻ Chủ nhật 26.4.98). Thật là hay lắm thay! Muốn những người góp ý kiến chỉ có những ý kiến giống Nghị quyết đã có thì tức là không muốn ai góp ý kiến cả. Bài đăng trên báo Đảng đã nêu đã chứng tỏ một cách xuất sắc các tình hình không dân chủ của ta. Và như vậy là các Ông đã bảo vệ Đảng đấy à???

4.- Vấn đề đổi mới chính trị và đổi mới Đảng.

Bây giờ đặt câu hỏi: Ta có cần đổi mới chính trị không? Tôi đố ai dám trả lời là không đấy. Bàn về đổi mới chính trị là bàn về một vấn đề Đảng đã nêu ra, như vậy mà lại bảo là phủ nhận Đảng, muốn thay thế Đảng. Các tác giả thở ra những câu như thế được thì lạ thật và rất đáng "Tội nghiệp." Phải đổi mới chính trị! Nhưng đổi mới chính trị thì đổi mới những gì? đổi mới thế nào? Đó là vấn đề tôi muốn nêu lên để bàn luận. Chẳng lẽ như thế cũng là chống CNXH và chống Đảng à? thế thì có nhiều người chống đấy. Ý kiến của tôi là:

* Đổi mới chính trị là phải nghiên cứu tính hợp lý của toàn bộ hệ thống chính trị và tính hiệu quả của sự vận hành hệ thống đó. "Cải cách hành chính" chưa thể coi là đổi mới chính trị, thậm chí nó cũng rất ít liên quan đến đổi mới chính trị. Vì thế càng cải cách, lại càng quan liêu nặng hơn.

* Vì vậy đổi mới Đảng là một việc làm có ý nghĩa quyết định trong đổi mới chính trị và nó chiếm đến 80% công cuộc đổi mới chính trị. Có đổi mới Đảng mới thật sự đổi mới chính trị.

* Từ trước ta vẫn hay nói đến vai trò quyết

* Bà hành khách hỏi ông thuyền trưởng một cách sợ sệt:

"Thưa thuyền trưởng, nói dại lỡ mà tàu đụng phải một tảng băng sơn khổng lồ thì sao?"

"Bà yên tâm, tảng băng sẽ không hề hấn gì."

Bà hành khách thở phào:

"Như vậy tôi mới yên tâm! Cám ơn thuyền trưởng."

Thuyền trưởng nhìn theo:

"May quá! Bà ta không hỏi gì về con tàu!"

định của Đảng trong các thắng lợi và thành tích. Điều đó đã được nói nhiều có nhiều sách, nhiều thơ, nhiều tranh, nhiều phim, nay tôi có nói gì thêm cũng bằng thừa. Tôi muốn được bàn về vai trò quyết định của Đảng trong những thất bại, những khó khăn của đất nước chẳng lẽ một Đảng như Đảng ta lại không muốn bàn chuyện ấy à? Chẳng lẽ ta đành để ghi vào chính sử câu ca dao của dân gian:

Mất mùa thì tại thiên tai
Được mùa là bởi thiên tài Đảng ta!

Tôi muốn được bàn vai trò quyết định của Đảng ta cái lúc mất mùa, cái hồi Cải Cách Ruộng Đất và trong các vụ việc khác mà bây giờ sử liệu trong nhân dân còn đầy. Ta không bàn bây giờ, thì con cháu ta vài chục năm, trăm năm, thậm chí 500 năm sau nó cũng lục ra và xác định lại lịch sử. Tại sao ta không dành lấy cái vẻ vang là khẳng định lịch sử ngay từ bây giờ. Và bàn về những chuyện đó thì lại được coi là phủ nhận Đảng chống Đảng. Các vị thích phủ nhận Đảng hơn ai hết! Đó là phủ nhận vai trò quyết định của Đảng trong những khuyết điểm khó khăn của đất nước. Không thể trốn tránh lịch sử được đâu! Tôi muốn hình dung vai trò của Đảng trong đổi mới là giống như trong Đá bóng. Đảng đã từng là đội trưởng (thủ quân) đội bóng, trực tiếp ra sân cỏ, trực tiếp chạy, nhận bóng, chuyền bóng, chạy, sút và nổi tiếng vua nọ, vua kia. Nay Đảng không nên như thế, với trí tuệ và kinh nghiệm của mình, Đảng hãy làm huấn luyện viên, không trực tiếp đá bóng mà giữ vai trò quyết định cho sự tiến bộ và thắng lợi của toàn đội bóng, và không sợ là không được đền công xứng đáng cũng như bị xử phạt xứng đáng. Như thế là đề cao vai trò của Đảng hay là hạ thấp, hay là "phủ định?" Có cái đáng buồn cho một số người muốn làm Đảng và chỉ muốn được ca tụng khen ngợi, tâng bốc, ai mà nói động đến một tí thì lập tức kêu ầm lên là có kẻ phủ nhận Đảng, chống Đảng!! Mấy ông này tích cực chống mê tín dị đoan nhưng các ông ấy cũng tích cực làm cho dân ngu đi và mê đi, chỉ còn có việc tung hô sùng bái ông ấy mà thôi. Trong lúc chính dân lại thấy ông ấy là ngu thậm tệ. Tôi có nhớ một câu của Lênin: Khuyết điểm chính là ưu điểm được kéo dài. Điều này rất đúng với tình hình Đảng ta. Trong chiến tranh, nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật sắt và phương thức lãnh đạo tuyệt đối toàn diện đã là những ưu điểm nổi bật tạo nên sức mạnh chiến thắng của Đảng và của toàn dân tộc. Nhưng ngày nay trong hoà bình xây dựng đất nước, thì những ưu điểm đó đang tạo nên tình trạng mất dân chủ rộng rãi cả trong Đảng và trong xã hội. Nhưng ưu điểm đó cũng đang làm cho Đảng trở thành Đảng trị một cách chuyên chế nặng nề. Cần phân tích điều này để đặt vấn đề Đổi mới Đảng thì sự đổi mới đó mới có ý nghĩa không thể hời hợt được. Không có ưu điểm nào chỉ có tốt và tốt mãi mãi được. Nói về Đảng phải nói cho đúng đắn và đàng hoàng. Nói bậy thì là bôi xấu Đảng chứ không phải bảo vệ Đảng đâu.

* Đổi mới Đảng là đổi mới những gì? Phải đúng nghĩa đổi mới cơ! Đổi mới không phải là cứ tăng cường cái cũ, kiên trì cái cũ. Phải xét đến những vấn đề nguyên tắc và nguyên lý, chứ không phải chỉ có cải tiến và nâng cao những cái cũ. Bàn tới những vấn đề như thế là có thái độ nghiêm túc đối với Đảng. Còn ngược lại, tôi cho là xằng bậy.

* Một vấn đề quan trọng nữa trong đổi mới chính trị là vấn đề Dân chủ hoá Đời sống xã hội. Hiện nay, ai cũng phải thấy rằng trong Đảng, dân chủ ít quá, trong xã hội lại càng ít. Cần thiết phải có sự dân chủ hoá. Bàn về vấn đề này một cách tử tế thì lại được coi là phủ nhận cách mạng, phủ nhận XHCN, phủ nhận Đảng. Đó là một sự đảo lộn trắng đen, phải trái một cách đáng xấu hổ. Dân chủ hoá có nhiều việc phải bàn. Trước hết phải khắc phục những tư duy thô lỗ và thô thiển: phân chia dân chủ tư sản và dân chủ vô sản. Phải quan tâm khái niệm dân chủ gắn với khái niệm thời đại dân chủ, thế giới dân chủ, giá trị dân chủ, dân chủ và nhân quyền, tinh thần dân chủ và chế độ dân chủ, dân chủ và độc tài v.v... Quả thật có những đất nước có chế độ độc tài, mà họ vẫn phát triển. Đó là người độc tài có tài trí hơn người và cũng có tinh thần dân chủ (quý trọng nhân dân) như ở Việt Nam ta có Vua Lê Thánh Tôn. Còn hơn là có nước tự hào có chế độ dân chủ (chế độ cộng hoà), nhưng bộ máy cai trị lại quản lý đất nước một cách chuyên chế và tàn ác. Ta không nên bắt chước ai, mà chỉ nên học tập Hồ Chí Minh với tài trí và lòng nhân ái của Người. Muốn thế phải đổi mới Đảng và dân chủ hoá Đảng. Cần bác bỏ ý kiến cho là hễ dân chủ là dân làm loạn, hễ tự do ngôn luận là nhiều người nói láo, kích động nhân dân. Thử hỏi hiện nay, đầy rẫy ăn cắp, cướp giật, lừa đảo, trấn lột, bắt cóc bán người, thậm chí "Rạch mặt", tai nạn v.v... có phải là do quá dân chủ không!? Người ta

sống thì phải nghĩ và phải nói. Không hợp pháp hoá quyền tự do ngôn luận, thì người ta thực hiện quyền đó ở quán rượu vỉa hè ở giữa chợ, người ta viết và luân lưu nhau. Muốn giữ trật tự tuyệt đối, dẹp bỏ hiện tượng đó thì chỉ có biến cả nước thành nhà tù. Không thể để tồn tại sự suy nghĩ "Sợ lợi dụng." Có dân chủ cũng sợ có kẻ lợi dụng dân chủ. Có tự do cũng sợ có kẻ lợi dụng tự do. Có luật pháp cũng sợ có kẻ lợi dụng luật pháp. Có Bác Hồ cũng sợ có kẻ lợi dụng Bác Hồ... cứ suy nghĩ như vậy thì tốt nhất là không nên có cái gì cả, người sống như con vật là xong. Lại còn có người cho rằng ừ thì phải dân chủ, nhưng cứ từ từ, làm ngay một lúc không được, dân trí ta còn thấp. Có thật thế không? Muốn từ từ thì phải bắt đầu đi. Không bắt đầu mà cứ hô từ từ, thì từ từ đi đến đâu?? Nói dân trí thấp cũng không đúng. Dân trí có điểm thấp, nhưng có điểm cao. Câu ca dao "Mất mùa... được mùa" nói trên thì có ông trí thức nào, ông lãnh đạo nào nghĩ ra được?? Phải là người dân, có trí tuệ của người dân mới có được. Ta cứ nghiệm xem những dư luận gì sôi nổi ở trong dân đều nói lên việc đúng. Các vụ tham nhũng và đàn áp nhân dân, các thủ đoạn lừa bịp nhân dân, nhân dân biết hết. Sợ dân chủ chính là sợ dân. Một chế độ mà sợ dân, không thể là chế độ mạnh. Mọi luận điệu sợ dân lợi dụng dân chủ là luận điệu phản tiến bộ.

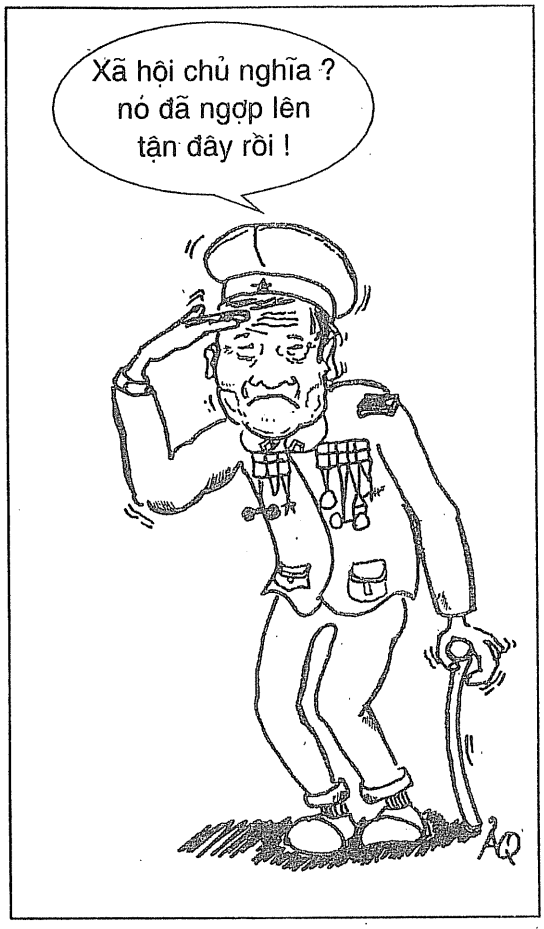

Trích báo Tin Tức, Paris

Để dân chủ hoá, có nhiều việc phải làm, cần lựa chọn. Tôi chọn hai việc tôi đã nói tôi biết có người chưa tán thành và những lý do lại là những lý do tôi đã bác ở trên. Tôi đề nghị nên mở thảo luận công khai, để bàn bạc lựa chọn, tôi sẵn sàng nghe theo những ý kiến đủ thuyết phục tôi. Còn cứ ngồi đấy mà quy chụp đòi dân chủ là chống nọ chống kia thì chính sự quy chụp đó là phản động nhất! Về vấn đề này, tôi còn tiếp tục suy nghĩ và khi có dịp, lại phát biểu kỹ hơn.

5.- Các căn bệnh của công tác tư tưởng.

Tôi quan tâm đến tình hình này từ lâu, vẫn thường theo dõi và suy nghĩ. Trải qua mấy tháng vừa qua, tiếp xúc với cuộc "đấu tranh tư tưởng" to lớn, những cảm nhận của tôi trước đây còn lơ mơ, nay được rõ nét hơn và càng "đau đớn lòng" hơn. Tôi thấy công tác tư tưởng của ta có mấy căn bệnh như sau:

Bệnh thứ nhất: "Bệnh Quy chụp"

Bệnh này sinh ra từ công tác tư tưởng phân biệt địch ta, nhận hết địch ta. Khi phân biệt địch ta, ta hay đi sâu phân tích kẻ địch, phân tích những sự phát triển biến động của kẻ địch, phân tích mạnh yếu, phân tích âm mưu thủ đoạn của địch. Sự phân tích càng kỹ càng sâu thì tác dụng giáo dục càng mạnh, càng sâu. Thế là bây giờ, điều đó thành thói quen của một số người. Do cứ cố phân tích về địch cho sâu sắc nên cố tìm chứng lý, không có chứng lý thì phải tạo và thế là muốn quy chụp được địch cho ra địch thì phải vu cáo, phải xuyên tạc. Thế là căn bệnh này gồm các bệnh nhỏ, vu cáo, xuyên tạc để dễ bề quy chụp. Quy chụp càng mạnh càng oai. Càng vu cáo xuyên tạc để nâng sự quy chụp lên quan điểm lập trường, thì càng thành tích. Người ta lại càng đua nhau quy chụp. Có khi bản thân người quy chụp không hề tin chút nào vào những điều mình quy chụp, nhưng lại tự an ủi là"vì miếng cơm, manh áo" phải ứng

xử như vậy. Miếng cơm đó có khi là miếng tiệc to, manh áo ấy có khi là áo đại lễ. Thật là tai hại và bỉ ổi. Căn bệnh này dẫn người ta tới chỗ dối trá, âm mưu, lật lọng.

Bệnh thứ hai: Bệnh "Nói lấy được"

Ở những phần trên tôi đã có thí dụ về cái lập luận "Độc lập phải đồng nhất với CNXH" và "nhân dân ta đã chọn CNXH" và rất có thể còn có nhiều thí dụ khác nhỏ hơn. Bệnh này có rất nhiều biểu hiện và triệu chứng. Đó là những biểu hiện:

* Thích nói đao to búa lớn.

* Thích suy luận các thứ ý nghĩa đi tới cao nhất là thấy kẻ địch.

* Thích dùng chữ, có chữ nào hay xuất hiện ưa dùng tới không cần biết nội dung cụ thể của nó. Ví dụ từ lúc xuất hiện chữ "Hộp đen" đến "Vĩ mô - vi mô," rồi đến "Cộng đồng," "Khả thi," "Dân biết, dân làm..." và "Công nghiệp hoá hiện đại hóa."

Bệnh nói lấy được cứ "nói lấy được" là ta ưu việt vì ta có "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" mà không bao giờ chịu bàn sâu "Dân biết" thì dân cần biết những gì, ai cho dân biết, dân có cần tìm những gì dân muốn biết không? Dân muốn biết và cần biết nhưng cơ quan quyền lực lại không cho dân biết, thì dân biết làm sao. Vì các cơ quan quyền lực lại có quá nhiều việc giải quyết nội bộ. Toà án xử cũng xử nội bộ. Báo chí thì đưa tin phải có sự chỉ đạo.... Thế mà hô "Dân biết" và khi dân tìm những điều dân cần biết thì dân lại mắc tội "cố tình lộ bí mật quốc gia" v.v... Bệnh này bắt nguồn từ chỗ ta chủ trương quản lý (hay là cai trị) đất nước bằng cung cách chuyên chính. Sự quản lý chuyên chế cũng có những biểu hiện "nói lấy được." Đó là những trò hề "Nói một đ..ng, làm một nẻo," những trò "làm mà không nói" vì nói ra bị dân chê, hoặc trò "nói mà không làm," vì không nói thì cũng sợ bị dân chê. Cho nên thường có những lời nói rất hay, mà "ba voi không được bát xáo." Một khi có ai phàn nàn gì một hiện tượng tiêu cực, thì lại công tác tư tưởng rằng đã có văn bản nọ văn bản kia, có đ/c A, đ/c B nói rồi, nhấn mạnh rồi. Coi như có nói rồi là việc xong rồi. Có khi nào ai đó phàn nàn về những điều như vừa nói, thì đều được an ủi rằng: Nó thế cả thôi. Công tác tư tưởng là một nhánh của nền chuyên chính đó.

Cho nên công tác tư tưởng đã xuất hiện như một nhánh quyền lực lớn trong xã hội và chuyên chế về tư tưởng thực hiện "tư tưởng trị" (ideocratic) công tác tư tưởng tha hồ nói xuôi nói ngược và chỉ tự cho mình là duy nhất đúng, cấm đoán xã hội không được có bất cứ một ý kiến khác lạ nào. Các lực lượng văn hoá trong đó có xuất bản báo chí thường bị tới năm, sáu tầng kiểm soát: nào là cơ quan nhà nước (các Bộ, Sở...) nào là các loại tổ chức Đảng gồm hệ thống tư tưởng văn hoá từ Trung ương đến địa phương, các tổ Đảng của khối, các tổ chức Đảng, Đảng uỷ, Chi bộ, Đảng đoàn của các tổ chức nghề nghiệp. Lại còn có A 25 của Bộ Công an, nơi có quyền soi mói từng bài báo, bài thơ, quyển sách. Các báo chí và Nhà xuất bản muốn an toàn phải nhờ vả cán bộ công an đánh giá giá trị văn học nghệ thuật cho! Về vấn đề này tôi còn suy nghĩ và có dịp viết thêm nhiều nữa.

Bệnh thứ ba: "Bệnh Cả vú lấp miệng em"

Bệnh độc thoại, nói một mình, nói không cho ai cãi và vẫn tự hào là "Dân chủ triệu lần hơn tư sản." Bệnh này cấm tất cả mọi người không được nói khác, không được bàn khác, ở đời này chỉ có một chân lý duy nhất đúng là của cơ quan tư tưởng thôi. Bất cứ ai khác đều không có quyền được nói, mà kỵ nhất là nói khác. Cái bệnh này có nguồn gốc từ hồi có chỉnh huấn kiểu Mao những năm 1950. Có câu chuyện còn truyền tụng là ở một lớp chỉnh huấn có cán bộ tự phê bình đi xe đạp lỡ chèn què một con vịt và suy luận ý nghĩa tác hại của nó là "hại tới hòa bình thế giới." Các bệnh nói ở đây đều là phát huy truyền thống chỉnh huấn đó. Qua đó tôi còn được một người "lộ bí mật" cho biết là ở lớp anh ấy có một thằng tự kiểm điểm là nó có "ý muốn ngủ với tất cả đàn bà trên đời" và khen thằng ấy thành khẩn và nó có những tư tưởng hủ hoá kinh thiên động địa.

Công tác tư tưởng kiểu này không bao giờ

* Với thời gian, những tin đồn nhảm sẽ thành huyền thoại.

Lec

* Lịch sử không thành vấn đề. Điểm thiết yếu là những gì người ta nghĩ và người ta nói về lịch sử.

Maitland

* Đường hướng của trí tuệ quan trọng hơn tiến bộ của trí tuệ.

Joubert

thèm quan tâm và tìm hiểu đời sống riêng tư của từng con người mà chỉ muốn đúc khuôn tất cả người trong xã hội vào một khuôn theo tưởng tượng của công tác tư tưởng và lại "nói lấy được" rằng thế là xây dựng con người mới. Những người làm công tác tư tưởng không bao giờ suy nghĩ về một câu, mà tôi đã đọc được: "trái tim con người chứa đựng tất cả, tất cả cái hay và cái dở, cái đẹp và cái xấu, cái đúng và cái sai, cái thiện và cái ác, cái cao thượng và cái thấp hèn..." Con người chẳng tính bản thiện, cũng chẳng tính bản ác. Các thứ hay dở, thiện ác nó luôn vận động trong cuộc sống con người. Công tác tư tưởng với các căn bệnh và với phương thức chuyên chính chỉ thấy các con người trở thành những con rối, các ông ra tay nhào nặn, các ông không hề có chút ý niệm về tôn trọng con người.

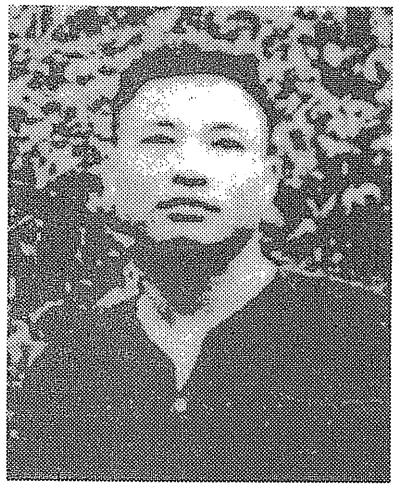

Cựu Tướng Trần Độ thời còn trẻ

Công tác tư tưởng với các căn bệnh của nó lại nằm trong hệ thống chuyên chính có tác hại là tạo cho xã hội ta một cơn "khủng hoảng nhân cách" (Chữ của Hà Sĩ Phu) tạo ra những cách sống lừa dối, giả dối nịnh nọt, cơ hội, ích kỷ, thờ ơ với đời, với xã hội. Cái "khủng hoảng nhân cách" này tệ hại hơn tất cả các loại khủng hoảng mà khắc phục nó không thể chỉ bằng rao giảng đạo đức. Như thế là lại đụng đến vấn đề đổi mới chính trị, đổi mới Đảng. Và vấn đề lớn ấy lại phải bàn ở nhiều lần khác. Và tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ và sẵn sàng phát biểu. Còn thư ngỏ này... bất tận ngôn! Xin kết thúc ở đây.

Viết lần một 22.5.98 rồi bị mất cắp.
Viết lại lần hai 20.6.98

Trần Độ

Chú thích:

1.- Vì không thể nói ngắn được cho nên không phải là 'vài' mà 'Dài.'

2.- Luật Báo chí 12.1989. Điều 10 K.4 không được đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, phẩm chất của công dân.

3.- Điều 8 - Tổ chức, công dân có quyền yêu cầu báo chí về vấn đề mà báo chí đã thông tin, cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời.

4.- Tuyên ngôn toàn thế giới của Liên Hiệp Quốc về nhân quyền 1948. Điều 19 - Mỗi người đều có quyền tự do có ý kiến và phát biểu, quyền này cho phép bất cứ ai không phải lo ngại về những ý kiến của mình, và bao gồm cả quyền tìm kiếm thu nhận và truyền bá các thông tin và các ý tưởng, bất chấp biên giới, bằng bất cứ phương tiện nào.

5.- Hiến pháp CHXHCNVN - 1992, Điều 69 - Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.

6.- Điều lệ ĐCS:
Điều 3 - K.1 - Được thông tin và thảo luận các vấn đề về cương lĩnh chính trị, điều lệ Đảng, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, biểu quyết công việc của Đảng. K.3 - Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức Đảng và Đảng viên ở mỗi cấp trong phạm vi tổ chức, báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời. ●

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu
của văn hữu Trần Doãn Nho
(Trần Hữu Thục)

Cụ bà quả phụ
TRẦN HỮU TRÍ

Nhũ danh PHAN THỊ HỶ
Pháp danh NGUYÊN HƯƠNG

Đã từ trần tại Huế
ngày 18 tháng Bảy năm 1998
(nhằm ngày 25 tháng 5 Mậu Dần)
Hưởng thọ 91 tuổi.

Thành kính chia buồn cùng anh
Trần Doãn Nho và tang quyến.
Cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm
tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21

BA ĐÌNH THI XÃ

Thử tưởng tượng một nước đã đặt mục tiêu phát triển kinh tế ít nhất bằng năm trước, 8,8% một năm, nay mức tăng trưởng chỉ có thể đạt tới 5, 6%. Báo chí loan tin rằng ở ngay bên vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh Cà Mâu, Bạc Liêu, Kiên Giang đang có mấy chục ngàn gia đình cần cứu đói khẩn cấp. Mới năn ngoái, nông dân Thái Bình nổi lên chống cường hào tham nhũng, cán bộ chính quyền bỏ trốn ở năm chục xã thôn, có lúc dân bắt giam hai chục công an. Tiền đầu tư ngoại quốc năm ngoái giảm một nửa, măm nay lại giảm thêm. Sau bão lụt lại đến hạn hán. Hàng xuất cảng giảm, số du khách xuống, ngoại tệ thưa dần. Nhìn chung quanh, các nước trong vùng đang qua cơn khủng hoảng kinh tế, như một đám cháy bên nhà hàng xóm.

Chúng ta thử tưởng tượng nếu như Vua Tự Đức còn sống và đang trị vì thì ngài sẽ làm cái gì trong tình cảnh đó? Chắc hẳn nhà vua và quần thần vẫn làm thơ khen vẻ đẹp của hoa mai, hoa đào, ngâm vịnh sương thu hay nắng hạ. Còn Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam thì cho ra một cái "Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc." Và Bộ Chính trị thì ra thêm một "Chỉ thị về công tác tôn giáo."

Trí tuệ của 170 Ủy viên Trung ương được tóm tắt trong bài diễn văn bế mạc Hội nghị lần thứ năm B.C.H. Trung ương khóa VIII của ông Lê Khả Phiêu. Quý vị độc giả không cần đọc bài diễn văn của ông Tổng Bí thư đảng (chúng tôi đọc trên báo Nhân Dân điện toán), vì trong đó cũng nhắc lại những khẩu hiệu giống như các bài xã luận của báo Nhân Dân từ năm 1950, hoặc 1980, hay 90. Ông Lê Khả Phiêu nhắc nhở người ta rằng nhân loại vẫn tiếp tục đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình, ổn định, và phát triển. Văn hóa Việt Nam là nền tảng tinh thần của Tổ quốc, (không ai không đồng ý.) Các bà mẹ Việt Nam có vai trò cực kỳ to lớn. Các vị phụ lão là những tấm gương cao cả về đức độ. Con người Việt Nam là tài sản quý báu nhất của Tổ quốc, v.v.. (Những câu này dẫn chứng nguyên văn cả.)

Điều tiến bộ nhất trong bài diễn văn của ông Lê Khả Phiêu là những gì ông không nhắc đến. Ông không nhắc nhở gì đến các tên thánh, đến chủ nghĩa Mác, Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Ông có nói đến tên Bác Hồ, Bác để lại lời dặn dò các em thanh thiếu niên phải học tập Bà Trưng, Bà Triệu, .. cho đến Quang Trung, các anh hùng dân tộc chống ngoại xâm (hiện nay nước ta không còn chiến tranh nữa.) Và khi muốn nhắc nhở rằng Đảng ta "đã tự giác gánh vác trách nhiệm lãnh đạo nhân dân" thì ông Tổng Bí thư cũng khấn tên Bác.

Đọc bài diễn chứ đựng trí tuệ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quả thực thấy nó nhạt nhẽo và khô cằn, không hứng thú bằng đọc thơ ngâm hoa vịnh nguyệt của vua Tự Đức, dù cả hai giống nhau là cùng không ích lợi gì cả. Nó không ích lợi gì cho những người dân xã Quế Minh, huyện Tiên Sơn, tỉnh Quảng Nam, để giúp họ nâng lợi tức lên trên 14, 15 mỹ kim một năm, như báo Tuổi Trẻ đã kể mấy tháng trước. Nó cũng không giúp ích cho các trẻ em ở ấp Kinh Lớn, Xã Tân Thạnh, huyện Gia Rai, tỉnh Bạc Liêu khi các em đói quá, ngã xỉu cô giáo phải ngưng lớp học, như một phóng viên can đảm đã kể trên báo Người Lao Động tháng qua.

Khi đọc những bài viết, các lá thư của Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Hữu Nhân, ... ta thấy mỗi lời như vắt từ tim, từ óc ra để viết. Còn bài diễn văn bế mạc khóa họp của Trung ương cho thấy một tình trạng tê liệt, cả trong óc lẫn trong tim. Cứ nghĩ rằng đó là những người "tự gánh vác trách nhiệm lãnh đạo," đang nắm trong tay vận mạng 75 triệu đồng bào, tương lai 40 triệu thanh thiếu niên, thật đáng lo, thật đáng buồn, thật tội nghiệp cho bà con ta.

Trong cả hàng ngũ lãnh đạo hình như chỉ còn Thủ tướng Phan Văn Khải còn đang suy nghĩ và làm việc. Ông cho phép xuất cảng 600 ngàn tấn lúa trong Quý thứ ba, đưa số lúa xuất

cảng trong chín tháng đầu năm lên 3 triệu, 300 ngàn tấn. Ông cho phép bán chịu cho Indonesia 100 ngàn tấn, năm sau mới trả tiền. Ông còn cứu trợ Indonesia 10 ngàn tấn gạo. Xong đó, cuối tháng Sáu ông rút lại, ra lệnh hạn chế xuất cảng gạo. Ông ra lệnh lập hai Trung Tâm giao dịch Chứng khoán, sử dụng các bộ óc trẻ trung đầy đủ kiến thức kinh tế thị trường để chuẩn bị cho việc mua bán chứng khoán, trong khi chỉ có 5, 7 thứ cổ phần có thể đăng ký, như Công ty Mật ong ở Sài Gòn hay Công ty xe buýt ở Hải Phòng đã được cổ phần hóa.

Lịch sử sẽ phê phán. Nhưng các người dân đói bụng và không có việc làm thì không đợi 20, 30 năm để đọc lịch sử được, lâu quá.

TẠI SAO MỸ NÓ KHÔNG THÍCH ĐÁ BANH

Nước Pháp say sưa cơn chiến thắng, đến ông Le Pen cũng phải lên tiếng khen ngợi cầu thủ Zidane người gốc Algerie. Người Việt có cảm tình với nước Pháp cũng hài lòng, thấy bõ công thức đêm coi ti vi theo dõi giải đá bóng thế giới, chung vui với hai tỷ người trong nhân loại.

Nhưng chúng ta phải công nhận mình khác hẳn người Mỹ - "bọn Mỹ," như nhiều vị sống ở Cali hay nói. Bằng cớ là suốt bốn tuần lễ, trong khi người Việt say mê theo dõi Giải Túc cầu Thế giới (Báo chí Sài Gòn bây giờ gọi là World Cup - đọc là U-ơ Cúp, nhớ bỏ dấu sắc,) thì "bọn Mỹ" coi như không. Hai trăm triệu người dân Mỹ đang theo "chủ nghĩa cô lập"- mà họ hay dùng hình ảnh là "mang banh về nhà chơi một mình."

Sự thờ ở của dân Mỹ chẳng bù lại với tinh thần hăng hái của dân Sài Gòn, ở Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, nhà nước ngay từ đầu tháng Sáu đã lo bảo đảm có điện cho dân coi đá banh trên truyền hình. Chúng ta không có việc làm, thiếu thuốc chữa bệnh, trẻ em đói phải nghỉ học, nhưng nhân dân ta đã khắc phục mọi trở ngại, quyết tâm có điện coi đá bóng!" Chuyện người ta coi đá banh suốt đêm, ban ngày không làm việc được là chuyện nhỏ. Vả lại, một nửa số người đang đi làm ở các xí nghiệp quốc doanh đang thiếu việc để làm, coi đá banh có vẻ lành mạnh hơn.

Để giải thích vì sao dân Mỹ không thích đá banh, một nhà báo nói vì trong môn đá banh nhiều trận đá huề quá. Trong 48 trận tranh vòng đầu, có tới 16 trận huề, còn nghĩa lý gì nữa? Mỹ đánh là một ăn, hai thua chứ không thích huề. Điều mà người Mỹ ghét nhất là nhiều đội banh cố thủ huề, biết rằng chỉ cần huề cũng vào được vòng trong: "Một thái độ tiêu cực đưa tới một kết quả tích cực!" Cái đó "bọn Mỹ" không chấp nhận được; nhà báo Frederick C. Klein ví một trận đấu huề "giống như hôn cô em gái của mình vậy." Muốn biết cảm giác đó ra sao hãy nhớ lại trận đấu Chung kết Brazil và Ý năm 1994, đấu giải U-ơ Cúp ở Mỹ. Hai bên đấu 2 hiệp, mỗi hiệp 45 phút rồi vẫn huề, đấu thêm hai hiệp phụ 30 phút nữa, vẫn huề. Tổng cộng 120 phút quần nhau trên sân cỏ toát mồ hôi, bại đầu gối, rụng cả tóc, kết cục màng lưới hai bên vẫn còn trinh trắng (chữ này của Huyền Vũ.)

Một lý do nữa khiến người Mỹ chê bóng đá, là môn thể thao này không cho dùng tay. Loài người tiến bộ là nhờ bàn tay chế ra bao nhiêu dụng cụ! Tay làm, hàm nhai, "vô tác bất thực" là đạo lý chuyên cần (Work ethic) của nhà cải cách tôn giáo Calvin. Đó cũng là một cội nguồn sinh ra kinh tế tư bản, ít nhất nếu chúng ta tin Max Weber. Cho nên người Mỹ khó tưởng tượng được có trò thể thao nào trong đó bàn tay các đấu thủ lại bị trói như thế! Không những thế, nhúng tay vào là bị phạt! Dân Mỹ chịu sao nổi một trò chơi mà cả hai tay bị thất nghiệp? Người Bỉ có một câu đố để chế giễu người Pháp. Hỏi: Tại sao đàn ông Pháp miệng thì to mà bàn tay thì nhỏ? Câu trả lời vẫn được phụ nữ Pháp che dấu, không tiện trình bày ở đây.

Cuối cùng, chúng ta phải công nhận là Mỹ nó khác mình. Mỹ nó làm việc cực quá, ham tranh đua quá, lái xe cẩn thận quá, cắt cỏ trong vườn kỹ lưỡng quá, vào tiệm ăn thì nói năng nhỏ nhẹ quá, chẳng trách trò đá banh cũng không biết thưởng thức.

CHÍNH TRỊ NƯỚC NHẬT THAY ĐỔI

Muốn thay đổi cơ cấu kinh tế thì phải thay đổi về chính trị. Điều này đang xảy ra ở Nhật Bản. Đảng Tự Do Dân Chủ đã thất bại trong cuộc bầu cử Thượng Viện ngày 12 Tháng Bẩy, đó là một thay đổi. Nhưng còn một thay đổi sâu xa hơn, là phương cách những lãnh tụ trong đảng Tự do Dân Chủ vận động giành vai trò lãnh đạo.

Đảng Tự do Dân chủ đã cầm quyền liên tục từ sau Thế chiến đến nay, chỉ bị các cử tri trừng phạt hai lần, năm 1989 và 1993. Nhưng sau mỗi lần thất bại, họ vẫn trở lại chính quyền nhờ guồng máy tranh cử hữu hiệu, và

các đảng đối thủ vừ thiếu kinh nghiệm, vừa chia rẽ.

Nhưng lần này thì các cử tri Nhật cho thấy nỗi bất mãn đã cao hơn nhiều. Họ lặng lẽ đến phòng phiếu bầy tỏ ý kiến, trừng phạt nặng nề đảng Tự do Dân chủ. Trong hai lần thất bại trước, đảng Tự do Dân chủ bị dân chúng tẩy chay vì tai tiếng tham nhũng. Lần này, chuyện tham nhũng là nhỏ, đảng cầm quyền bị dân Nhật gạt bỏ vì bất lực, và đó là một phán quyết nặng hơn nhiều. Nếu kinh tế Nhật trì trệ suốt 8 năm qua, nay lại trên bờ vực suy thoái, dân Nhật nổi tiếng là kiên nhẫn, nay cũng đòi thay đổi. Một thanh niên 21 tuổi, lần đầu tiên đi bỏ phiếu, nói: "Tôi ghét đảng Tự do Dân chủ vì họ đã phá hủy nền kinh tế."

Sự thất bại của đảng Tự do Dân chủ tại các thành phố là một báo hiệu mạnh mẽ. Lần đầu tiên, họ không chiếm được một ghế nào ở các trung tâm đô thị Tokyo, Osaka, Kanagawa. Dân thành phố bị ảnh hưởng nặng nhất của cơn suy thoái. Tỷ lệ thất nghiệp 4,1% đã là mức cao kỷ lục, trong thực tế tỷ lệ là 6, 7%, vì số thống kê của Nhật không tính đến hàng triệu người mới mất việc gần đây.

Cuộc bầu cử vừa qua không làm đảng mất quyền, họ còn chiếm đa số ít nhất đến cuộc bầu cử Hạ viện, cơ quan có nhiều quyền lực hơn, vào năm 2000. Nhưng lần thất bại này đã báo động, Thủ tướng Hashimoto từ chức ngay, và Đại hội đảng bầu một lãnh tụ mới để làm thủ tướng.

Cuộc tranh chức thủ tướng lần này cũng là một thay đổi lớn. Xưa nay các nhà chính trị Nhật tranh đấu với nhau trong hậu trường. Giới lãnh đạo đảng thường chia ra nhiều phe nhóm, quy tụ quanh những lãnh tụ nhóm, và lòng trung thành của các đảng viên với lãnh tụ phe mình rất bền chặt. Trong mỗi lần Đại hội, các phe tìm cách trao đổi, thuyết phục các đại biểu, và các lãnh tụ mặc cả với nhau để chia ghế.

Năm nay, phong cách đã thay đổi. Lần đầu tiên, ba ứng viên dẫn đầu không chỉ vận động sau những bức tường để tranh phiếu 413 đại biểu đang, lần này họ ra trước công chúng để trình bầy chương trình của mình, cho báo chí và các cử tri biết. Ông Keizo Obuchi, đương kim ngoại trưởng, 61 tuổi, đã dùng làn sóng điện để xóa bỏ hình ảnh mà công chúng vẫn vẽ cho ông, như một nhà chính trị chuyên nghiệp không có cá tính và chỉ là bản sao chụp của cựu thủ tướng Hashimoto. Khi ông trình bầy công khai các chương trình chi tiết để đối phó với kinh tế suy thoái, ông đã đặt các đối thủ vào thế phải phản công.

Đối thủ chính của ông Obuchi, Seiroku Kajiyama, 72 tuổi lâu nay vẫn bầy tỏ nhiều ý kiến mạnh bạo để cải tổ kinh tế, thay đổi cơ cấu tài chánh và ngân hàng, nay phải xác định các chương trình chi tiết và những biện pháp cụ thể hơn.

Nhưng các đảng viên trẻ trong đảng Tự do Dân chủ Nhật không nhìn thấy các cụ trên 60 tuổi những hứa hẹn tương lai. Tiếng nói của họ còn ít ỏi, nhưng họ cũng lên tiếng. Vì thế, Bộ trưởng Y tế Xã hội Junichiro Koizumi được đẩy lên võ đài sáu ngày trước Đại hội. Ông có hai ưu thế, tuổi 56 của ông còn là trẻ, và ông được tiếng là độc lập, không nằm trong những phe nhóm vẫn mặc cả, chia chác với nhau vai trò lãnh đạo.

Cuộc tranh cử trong nội bộ đảng cầm quyền đã thay đổi cách sinh hoạt chính trị của Nhật. Vận động hậu trường bị thay thế bằng việc công bố các chương trình và biện pháp cụ thể, ra trước công chúng. Ba ứng cử viên hàng đầu còn lên ti vi tranh luận công khai về chương trình của mỗi người, giống như các cuộc bầu cử ở Mỹ. Ứng viên Kajiyama còn tổ chức họp báo dành cho phóng viên ngoại quốc, chuyện xưa nay chưa từng xẩy ra. Tính chất cởi mở và công khai này sẽ giúp đảng Tự do Dân chủ dần dần chữa được hai nhược điểm cố hữu. Thứ nhất là, khi những chạy chọt hậu trường giảm đi, cuộc tranh đấu đưa ra chỗ công khai thì nạn trao đổi, mặc cả, tham nhũng sẽ giảm bớt. Thứ hai, các lãnh tụ phải đương đầu với các vấn đề cụ thể trước nhân dân, đó là cách thử thách, huấn luyện họ, họ sẽ được chuẩn bị để đối phó với tình hình kinh tế thế giới đang thay đổi.

BẮC KINH CẦN HỢP TÁC KINH TẾ CỦA MỸ

Tổng thống Clinton đang lo chuyện các nhân viên mật vụ bảo vệ ông phải ra chấp cung trước Đại Bồi thẩm đoàn, về những gì họ biết, nghe, thấy, chung quanh ông tổng thống và cô Monica Lewinsky, người tập sự ở Bạch ốc. Ông sẽ tiếc mấy tuần lễ nghỉ ngơi ở bên Tầu. Ra trước giảng đường nói chuyện với các sinh viên Đại học Bắc Kinh coi bộ vui hơn, lại được dân Mỹ khen ngợi hơn vì đưa ra những vấn đề nhân quyền trước ti vi cho hàng tỷ người dân Trung Hoa nghe.

Chỉ có chuyện Đài Loan bị nhiều dư luận

chê là ông nhượng bộ quá, khi tuyên bố chính phủ Mỹ chống một nước Đài Loan độc lập, mà không đòi Bắc Kinh hứa sẽ không dùng vũ lực để thống nhất. Bắc Kinh đã gửi một bà Bộ trưởng qua thăm Đài Bắc, với tư cách một giáo sư đi thăm các đồng nghiệp, tạo không khí hòa dịu. Sau khi ông Clinton đi thăm Trung Quốc về, ông sẽ thúc đẩy việc cho Trung Quốc quy chế Tối huệ quốc vĩnh viễn. Các dân biểu, nghị sĩ Mỹ có thể sẽ ủng hộ đề nghị của ông Clinton là cho Trung Quốc hưởng quy chế mậu dịch bình thường này.

Chính phủ Bắc Kinh có nhiều lý do để vui mừng trước triển vọng đó. Kinh tế Trung Quốc chắc không đạt được chỉ tiêu tăng trưởng hơn 8%, số hàng xuất cảng cũng giảm sút. Kế hoạch cải tổ các xí nghiệp quốc doanh của ông Chu Dung Cơ tùy thuộc vào sự tăng trưởng đều đặn. Muốn Trung Quốc cải thiện cơ cấu kinh tế thì Mỹ phải hỗ trợ.

Trước hết, Mỹ là một nơi tiêu thụ hàng của Trung Quốc. Thặng dư mậu dịch của Trung Quốc đối với Mỹ năm 1995 là 40 tỷ, tăng lên 50 tỷ năm 1996, và năm ngoái là 60 tỷ. Một cuộc thăm dò dân ý gần đây cho thấy dân chúng Mỹ có vẻ thích hưởng tình trạng mua hàng nhập cảng rẻ (với tỷ số 53%,) chứ không lo lắng xuất cảng ít, (có 30% lo.) Nhưng các xí nghiệp và các nhà chính trị Mỹ không bỏ lỡ cơ hội chỉ trích Trung Hoa còn giữ nhiều rào cản khiến hàng nhập cảng từ Mỹ khó vào. Ông Clinton đã không quên yêu cầu Bắc Kinh hạ thấp thuế nhập cảng, như một điều kiện để vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới.

Trung Quốc vừa trông cậy vào thị trường Mỹ để bán hàng, và cả tiền vốn Mỹ đầu tư để phát triển.

Những con số sau đây cho thấy rõ. Mỹ mua một phần ba số hàng xuất cảng của Trung Quốc. Số xuất cảng sang Mỹ chiếm 6.9% Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP) Trung Quốc. Ngược lại, Trung Quốc chỉ tiêu thụ 3% hàng xuất cảng của Mỹ, và con số đó chỉ bằng 0,16% GDP của Mỹ.

Sau xuất cảng đến đầu tư. Hiện nay, các công ty Mỹ mới đầu tư 18 tỷ Mỹ kim vào Trung Quốc, với những tên quen thuộc như Kodak, Coca Cola, General Motor... Nhưng trong năm tới, vai trò của Mỹ trở thành quan trọng hơn, vì các nguồn đầu tư khác đang giảm. Ba phần tư số đầu tư ngoại quốc vào Trung Hoa là của Hoa kiều hải ngoại. Những người này phần lớn ở Đông Nam Á, và hiện nay các nước này đang gặp khó khăn, họ sẽ không còn dư tiền như trước. Những nguồn đầu tư quan trọng khác là từ Nhật và Nam Hàn, nay cũng đang gặp khó khăn. Do đó, Trung Quốc trông cậy vào tư bản Mỹ.

Kinh tế Trung Quốc cần phải phát triển ít nhất 8% một năm trong những năm tới thì mới tránh được bất ổn về xã hội. Hiện có 100 triệu nông dân lang thang đi tìm việc ở các thành phố, 10 triệu công nhân sắp bị sa thải vì cải tổ các xí nghiệp quốc doanh. Và 100 triệu người đang lãnh lương nhưng thiếu công việc làm. Nếu có thêm vốn đầu tư, và hàng xuất cảng bán được nhiều, thì ông Chu Dong Cơ mới thực hiện được những bước đổi mới sinh tử sắp đến.

Liệu Mỹ có cần Trung Quốc hay không? Đối với quyền lợi lâu dài của Mỹ thì họ cần thấy một nước Trung Hoa thị trường hóa và dân chủ hóa. Kinh tế thị trường phát triển nghĩa là tiền vốn của Mỹ cũng tự do đến đầu tư để sinh lời, và số nhập cảng hàng hóa và dịch vụ của Mỹ cũng gia tăng, cung ứng cho 1 tỷ 300 triệu người tiêu thụ. Một nước Trung Hoa trưởng thành về kinh tế cũng có nghĩa là sẽ có một đối lực cân bằng với Nhật trong vùng vùng Á đông. Một nước Trung Hoa dân chủ cũng giúp cho hòa bình ở Á châu vững hơn. Xưa nay các nước dân chủ ít khi lại gây chiến với nhau, vì khi hỏi ý dân thì dân nước nào cũng thấy chiến tranh tốn người, hải của, chẳng ai muốn.

VỪA CHẬM VỪA NHỎ GIỌT

Một luật sư Mỹ ở Sài Gòn đã tóm tắt tâm trạng của các nhà đầu tư, mà nhật báo *The Wall Street Journal* thuật lại: *"'Mọi người mệt mỏi vì chờ kinh tế đổi mới quá lâu, rồi khi đổi mới đến thì chậm quá và nhỏ giọt quá."* Một công ty sản xuất thép của Mỹ vào Việt Nam ngay từ năm 1995, định đầu tư 300 triệu Mỹ kim, nay cũng rút lui, họ nói, "Càng chờ lâu thì tiền càng 'xuất huyết' nhiều hơn.'

Một tờ báo khác ở Mỹ, *Vietnam Business Journal* đưa ra mấy con số cụ thể, những con số này do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp,

* Anh có thể nói thật suốt đời mà cũng không trở thành một người nói thật, nhưng chỉ cần nói dối một lần cũng đủ biến mình thành tên nói dối.

chắc chắn không phải do "các thế lực thù nghịch" nào bịa ra.

Trong mười năm qua có 2 178 dự án đầu tư ngoại quốc được phép vào Việt Nam, nhưng chỉ có 25 dự án được bỏ tiền vào đầy đủ - tỷ số 1,14%. Nếu tính về tiền thì trên tổng số 35 tỷ Mỹ kim của các dự án được chấp thuận, mới có 429 triệu Mỹ kim được bỏ vào, tức 1,22%. Trong khi đó có 354 dự án đã bỏ cuộc, tổng số 2,39 tỷ Mỹ kim. Số dự án bỏ cuộc gấp 14 lần các dự án đầu tư đầy đủ. Báo Lao động ở Hà Nội cũng đăng các con số bi quan như vậy, còn thêm những chi tiết như các Khu Công nghiệp lập ra hàng chục năm nay bây giờ mới có 14% diện tích đất được sử dụng. Thủ tướng Phan Văn Khải sau khi báo cáo đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam giảm liên tiếp hai năm 97, 98, báo động năm 99 còn giảm nữa. Mấy công ty Đại Hàn, Thái Lan còn rút tiền ra.

Các nhà đầu tư đến sớm nhất để chiếm chỗ mà bây giờ cũng tìm đường rút lui, thì các nhà đầu tư chưa bước vô sẽ nghĩ thế nào? Một doanh nhân Nhật làm ăn ở Đà Nẵng từ lâu, nói rằng khi có người Nhật nào mới tới, hỏi ý kiến về chuyện vào làm ăn, ông ta đều đề nghị "Nghĩ kỹ lại đi!" Trong cuộc họp ở Sài Gòn đầu Tháng Bẩy, có mặt đủ bá quan, từ ông Lê Khả Phiêu, ông Phan Văn Khải, đến các vị bộ trưởng, giới chức Thành phố Sài Gòn báo cáo *"Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế quan trọng đều giảm."* Thí dụ, số đầu tư ngoại quốc đã giảm 20%, còn tỷ lệ gia tăng trong công nghiệp địa phương năm nay chỉ bằng nửa tỷ lệ năm ngoái - 14% xuống 7%. Báo ở Sài Gòn tiết lộ lời viên chức ngân hàng chính phủ, nói rằng số tiền mà người Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước trong Tháng Tư là 50 triệu Mỹ kim. Sang Tháng Sáu con số đã giảm xuống chỉ còn 28 triệu Mỹ kim thôi.

RẤT CHẶT LẠI RẤT LỎNG

Nhìn vào cách giải quyết khó khăn của chính phủ Hà Nội trong buổi họp đầu Tháng Bẩy người ta hiểu một phần vì sao có tình trạng đầu tư giảm sút. Ông Trần Xuân Giá, Bộ trưởng Kế Hoạch và Đầu tư nói: *"Chính phủ sắp ký một số văn bản mới, điều chỉnh một số chính sách trong đầu tư."* Tại sao câu nói đó cho thấy nguồn gốc của tình trạng đình trệ? Vì, như tờ *The Wall Street Journal* viết, một điều khiến các nhà tư bản ngoại quốc lo ngại trước khi đầu tư ở Việt Nam là luật lệ nay đổi, mai đổi, chẳng biết đâu mà lường, từ luật đầu tư đến luật thuế khóa.

Còn một nguyên nhân khác. Ông Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Tài chánh nói, *"Vướng mắc chính ở chỗ doanh nghiệp không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai."* Vì "định hướng xã hội chủ nghĩa" nên quyền sở hữu đất vẫn thuộc nhà nước, và việc ban phát quyền sử dụng đất là món lợi mà nhiều người không muốn buông ra.

Tiếp theo, ông Bùi Xuân Sơn, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính nhận xét: *"Luật của ta, trong quan hệ sở hữu thì rất hạn chế, rất chặt. Nhưng so với các nước (tư bản) có quyền sở hữu tư nhân về đất, (cách) quản lý (việc) sử dụng đất đai của ta lại rất lỏng lẻo."* Thế nào là *rất chặt mà lại rất lỏng?* Rất chặt là đối với hơn 70 triệu người Việt Nam ở ngoài đảng, đảng giành quyền kiểm soát việc sử dụng đất, không cho ai mó vào. Còn rất lỏng là đối với các người được đảng cho nắm quyền sử dụng hay ban phát quyền sử dụng cho người khác. Chúng ta không thể không nhớ lại cách "sử dụng đất" ở Thọ Đà: Ruộng đất nông dân cầy cấy từ bao đời đem biến thành sân Golf Đại Hàn. Tóm lại, tình trạng "rất chặt mà lại rất lỏng" là đặc tính của chế độ độc tài kinh tế.●

CHUNG VUI

Được tin vui
anh chị Trương Duy Cường
(San Jose) sẽ làm lễ thành hôn
cho thứ nam là

TRƯƠNG BÁCH TÙNG

đẹp duyên cùng

PHAN THỊ XUÂN PHƯƠNG

thứ nữ của ông bà Phan Kim Khôi
Hôn lễ sẽ cử hành tại tư gia
ngày 1 tháng Tám 1998.
Xin mừng anh chị
Trương Duy Cường vừa có
dâu hiền và thân chúc hai cháu
Bách Tùng - Xuân Phương
trăm năm hạnh phúc.

PHẠM PHÚ MINH
NGÔ MẠNH THU

GIÁO HỘI HUYỀN VI CHỈ

"Máy Huyền Vi mở đóng khôn lường"

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Nguồn gốc

Khoảng hậu bán thế kỷ thứ XX bỗng xuất hiện từ xứ Cờ Hoa một giáo phái khét tiếng thần cơ diệu toán, chỉ nội vài ba chục năm oai danh đã lẫy lừng, lan tràn nhanh chóng như bệnh dịch, dân chúng đổ xô nhau theo, đông không biết đâu mà kể, uy thế chấn động hoàn cầu, không phải tầm thường.

Chưa rõ đích xác ai là tổ sư sáng lập ra môn *Huyền Vi Chỉ* — trong số những vị công nhận trước tác nghe đâu có cả một người gốc Việt cư ngụ vùng phụ cận Paris — chỉ biết rằng lúc ấy là thời đại loạn, thất bá tranh hùng, chiến tranh bùng nổ khắp nơi, lòng người chán nản không thiết nghe những chuyện đạo đức vô vị, xem chừng chỉ có chủ nghĩa hưởng thụ là thu hút được nhiều người. Khốn nỗi ở đời bất cứ muốn cái gì thì cũng phải "có ba trăm lạng" mới xong, cho nên tất cả đều phải cực kỳ vất vả đi làm để trả nợ xe hơi, nhà lầu, máy vi tính... từ sáng sớm đến tối mịt không lúc nào ngửng mặt lên được để nhìn xem trời mầu xanh hay mầu đỏ. Dân Pháp ưa trào phúng đã tóm gọn đời sống này trong ba chữ "đi": "đi tầu hầm, đi làm, đi ngủ" ("métro, boulot, dodo") ấy là họ chỉ mới nếm mùi mỗi người có một "job" (việc) chứ chưa biết cái cảnh một người gánh tới hai "jobs" một lúc như Việt kiều ở Mỹ. Phải chăng vì sợ lâu ngày có người dũng cảm dám gánh đến ba, bốn "jobs," chiếm hết tiện nghi của thiên hạ, khiến cho dân Mỹ tăng thêm nạn thất nghiệp nên ông Trời mới an bài cho đạo *Huyền Vi Chỉ* xuống đầu thai ở nước Mỹ?

Kể ra đã có không biết bao nhiêu chính sách hao tổn tâm cơ, lập ra những thuyết cứu nhân độ thế, nhưng dân chúng nghe vào tai nọ là cho ra tai kia ngay, chẳng mấy ai để tâm. Duy có thần công bốc phê (bói toán) của phái Huyền Vi Chỉ xem ra quả thật kỳ diệu, hiệu nghiệm như thần, chỉ một cái cất tay, vài cái gõ là cục diện biến thành sáng sủa ngay, giải quyết tức khắc được nhiều vấn đề, từ những chuyện nhỏ nhặt như ngồi nhà hỏi giờ máy bay cất cánh, tìm một cuốn sách hiếm trong thư viện, đến những chuyện có tầm vóc quan trọng hơn như vẽ ra chân dung hung thủ để giúp việc truy nã kẻ sát nhân, hay tìm hiểu những bí mật quân sự trong tòa Bạch Ốc... Thế nên không phải tự dưng vô cớ mà giáo phái Huyền Vi Chỉ vừa xuất hiện đã được trọng vọng, ngưỡng mộ.

Tôn chỉ

Vì thấy đời sống con người cứ luẩn quẩn trong vòng khổ não, hết chật vật đi làm lại điêu đứng về những giấy tờ, luật lệ... "nội ma bành trướng, ngoại ma xâm lấn" nên giáo phái *Huyền Vi Chỉ* đại phát từ tâm, "thế thiên hành đạo," hết lòng nghiên cứu những việc trên trời dưới đất rồi đại trổ thần thông, giúp đời giải quyết mọi vấn đề một cách mau chóng và giản tiện, bất luận là nhiêu khê đến đâu.

Giáo lý

Sự đời thiên hình vạn trạng, thoạt hiện thoạt biến, không có cái gì vĩnh cửu. Tuy biến hóa trăm đường nhưng rút lại chỉ thuộc về một mối: ấy là *Đạo* của trời đất, tức là nguyên

lý "biến và bất biến" của mọi vật trong vũ trụ. *Đạo* tuy vô hình nhưng không cưỡng lại được. Ta có thể nhận biết cái nguyên lý "biến" và "bất biến" qua sự luân lưu thay đổi không ngừng của bốn mùa, hết xuân lại hạ, thu đi đông tới, rồi lại trở về xuân, đi hết một vòng lại lộn lại, theo một chu kỳ bất biến.

Hiển nhiên giáo lý của *Huyền Vi Chỉ* thừa kế truyền thống văn hóa Á Đông (Nho, Phật, Lão) song lại tham bác cả những tuyệt kỹ của các trường phái Thái Tây (cơ khí, điện học...) lập thành một môn học tổng hợp tinh hoa của Đông Tây Kim Cổ nên hiểu thông suốt mọi sự, mọi lẽ... thử hỏi trong thiên hạ còn cái gì ra khỏi vòng thần toán của *Huyền Vi Chỉ?*

Kỹ thuật

Pháp môn *Huyền Vi Chỉ* không cần đến mai rùa, chân giò, thẻ tre... để bói nhưng cần có một cái máy Huyền Vi. Máy là vật Chí bảo của môn phái.

Nếu theo đúng phép tắc mà xuất thủ thì chỉ trong chớp mắt gọi ra được trên màn ảnh một mâm bát quái, tựa như mâm gỗ thịnh soạn có đủ các món, thiếu món nào có thể gọi thêm, chẳng hạn những món quốc hồn, quốc túy của ta như *Bút Việt, VNI, VPS*... tuy chế biến sau nhưng cũng được thu xếp cho một chỗ tử tế. Mâm bát quái này biến hóa ảo diệu, phức tạp vô cùng, nhân thêm ra mãi, một biến thành mười, mười thành trăm, trăm thành nghìn...

Khi gieo quẻ, sử dụng con giả thử để thúc đẩy thì thấy trên màn ảnh một con chuột nhắt chạy đi chạy lại tung tăng, ý chừng để thông tin, có điều loài chuột nhắt ham chơi cứ la cà, dừng chân mỗi chỗ một tí đánh hơi nên những người nóng tính thích phóng ra một mũi tên nhọn vọt thẳng đến đích — dĩ nhiên mũi tên này không tẩm thuốc độc vì *Huyền Vi Chỉ* là một danh môn chính phái.

Nếu gieo quẻ đúng phép tắc quy củ thì câu trả lời sẽ hiện rõ ra trên màn ảnh.

Huyền Vi Chỉ có hai tuyệt kỹ là:

1) Song chỉ: dùng hai ngón tay trỏ để gõ máy. Môn này được nhiều người luyện bởi ai cũng biết sử dụng ngón trỏ. Tuy nhiên, người ta thường dùng tay phải nhiều hơn tay trái nên lâu dần môn "song chỉ" biến thành "mẫu tử song chỉ," tức là bên nặng (gõ nhiều), bên nhẹ (gõ ít). Tuy chỉ sử dụng có hai ngón, nhưng luyện đến mức tinh nhuệ cũng trở nên hạng cao thủ tuyệt luân được.

Thuật "song chỉ" cao minh hơn hẳn thuật "nhất dương chỉ" của Đoàn Hoàng gia nước Đại Lý, bởi khi ông vua họ Đoàn chữa bệnh cho Hoàng Dung thì chỉ phong rít lên veo veo, hao tổn nội lực, phải mấy năm mới phục hồi nguyên khí. Còn thuật "song chỉ" hay ở chỗ điểm ra thu về ung dung, trông thì hời hợt, nhẹ nhàng như nước chẩy mây trôi, thế mà uy mãnh đáo để. Lại khéo biết dùng điện lực thay cho nhân lực khiến người ta chẳng hao tổn mảy may sức lực, có thể phóng chỉ từ sáng đến tối cũng không cảm thấy mệt mỏi, bởi nguồn điện lực hùng hậu vô biên, trừ phi bị cúp điện.

2) *Thập chỉ*: Môn này khó hơn vì phải sử dụng cả mười ngón tay. Nhiều người không quen chỉ dùng mỗi tay có vài ba ngón, vì thế không mấy ai luyện lược môn này đến nơi đến chốn. Song một khi luyện thuần thục được cả mười ngón thì động thủ ra chiêu "mãn thiên hoa vũ" tới tấp như gió táp mưa sa đầy trời, dẫu là mười ngón tay chuối mấn vẫn khéo léo chuẩn đích, thần tốc phi thường, bản lĩnh nhất định cao siêu hơn Cửu Chỉ Thần Cái ít ra là một ngón.

Thực tập

Sự thành tựu một phần ở thiên phú, một phần lớn ở công phu rèn luyện, nhưng cũng còn tùy ở cả cơ duyên. Bí quyết căn bản cần nắm vững là chuyên cần và kiên trì.

Khi mới nhập môn, có một đệ tử tục gia chỉ điểm cho biết qua loa những yếu quyết để gọi mâm bát quái ra, tức là để trực tiếp thụ giáo sư phụ, kiêm nhiệm luôn cả chức giáo chủ, ẩn ở sau màn ảnh.

Những ai chưa từng luyện qua môn *Huyền Vi Chỉ*, mặc dầu đã hết sức cẩn thận gõ đúng phương vị, lộ số, song cái máy cũng như con ngựa hay, chả mấy khi chịu phục ngay chủ mới, có thể sẽ dở chứng, đáng lý đưa ra mâm bát quái lại trái khoáy bầy ra một màn ảnh đen kịt, nhìn mà thất kinh, hoang mang tự hỏi ta đã bấm độn sai trật ở chỗ nào? Nếu định thần, mạo hiểm, miễn cưỡng bấm nhắng thêm vài ngón nữa mà vẫn thấy chẳng ăn thua gì, thủy chung máy vẫn cứ lầm lì không chịu biến chiêu, có khi lại chiếu ra những tia sáng nhấp nháy như sao trên trời, hết xanh lại đỏ, mà mình vẫn còn được an toàn vô sự thì tốt hơn hết nên đình chỉ, tìm người chỉ điểm lại, bởi mình còn ở tình trạng "vô duyên đối diện bất tương phùng." Ngày xưa Lưu Bị chẳng quản ba lần thỉnh Khổng Minh mới chịu ra tay giúp có sao đâu?

Nếu gặp buổi giao thời, bạn phải cẩn thận bởi máy có thể trớ trêu thách thức: "Chúng tôi vừa đổi sang giờ mùa hè, yêu cầu quý vị kiểm soát lại máy." Cũng muốn kiểm lắm nhưng biết đằng nào mà mò? Vò đầu bứt tai hồi lâu đành giở bí lục ra tra, nhưng coi cả giờ cũng chả thấy chỗ nào là chỗ dạy kiểm soát giờ mùa hè, thế rồi hốt nhiên nhìn lên màn ảnh, bất giác cả kinh, rõ ràng có một con rồng đang bay lơ lửng trên không trung thi triển công phu nhào lộn đủ kiểu, trông rất là mỹ ảo nhưng quả thật phô trương không phải lúc.

Nếu là người phúc duyên thâm hậu thì được gặp chính giáo chủ thân hành điểm hóa rành mạch từng bước, không bị vấp váp chỗ nào, liền cảm thấy hứng thú, tinh thần phấn khởi, chắc mẩm ta giác ngộ chẳng khó khăn gì. Song chớ vội tưởng bở mà sinh lòng khinh suất, thiện tiện bấm loạn lên, hỏi dồn, khiến sư phụ bực mình nhất mực chối từ không chịu trả lời nữa, hoặc có trả lời thì lại thâm viễn vô cùng, đọc đi đọc lại mãi vẫn không hiểu, mới ngẩn người ra, suy nghĩ một chập, lờ mờ lĩnh hội được tâm ý của Người rằng: "Nhà ngươi bẩm sinh tư chất không thuộc hạng Thượng trí, dẫu ta có giảng cũng bằng thừa, chỉ nên an vui với những cái mình đã đạt được, chớ có ngông cuồng hỏi quá phận mình."

Đôi khi dường như sư phụ đi ngao du sơn thủy, sau màn ảnh chỉ có một đứa trẻ tinh nghịch thích chơi trò "ú tim," song bản lĩnh của nó không phải vừa. Gặp trường hợp này bất luận phải trái cứ chịu khó ngồi chơi với nó một lúc, hễ nó vừa ý sẽ vui lòng chỉ điểm cho. Tối kỵ là làm trái ý, đắc tội với nó khiến nó tức giận thì hậu quả khôn lường, nó sẽ "làm cho trông thấy nhãn tiền" cho biết tay, bằng cách biểu diễn môn khinh công tuyệt đỉnh, kéo chạy tơi bời trên màn ảnh, càng chạy càng xa câu hỏi, càng thấy mờ mịt, vô số ảo ảnh lướt qua... Thỉnh thoảng lại còn đưa ra một quái chiêu: lúc thì thổi phồng lên thật to, lúc lại đột ngột thu nhỏ cả thiên hạ vào vừa bằng lòng cái bàn tay (chẳng kém gì Đức Phật Tổ Như Lai), hoặc cao hứng xén phăng hẳn đi một góc, thần tình ở chỗ đường xén thẳng tắp, cứ y như Ỷ Thiên kiếm mà chém.

Những cao nhân đắc đạo đều hiểu tất cả chỉ là giả tướng, thực là hư mà hư cũng là thực, đứa trẻ tinh nghịch hay vị tôn sư oai nghiêm ẩn sau màn ảnh đều là một, chỉ có phương pháp điểm hóa là khác nhau.

Như trên đã nói, bí quyết luyện *Huyền Vi Chỉ* là phải chuyên cần và kiên trì. Chỉ pháp xuất thủ thì ai cũng như ai, bất quá khác nhau ở công phu rèn luyện mà thôi. Nói thế chứ những người không có căn cốt thì dẫu ngày đêm khổ luyện mà sự thành tựu vẫn chỉ ở mức "thường thường bậc trung," khó lòng đạt được tới chỗ "siêu quần bạt tụy" như Đại hiệp Quách Tĩnh. Song chớ lấy thế làm nản, dù chỉ học được vài ngón cũng đủ hưởng thụ suốt đời không hết, khác nào cô Ngốc chỉ luyện tinh thục được có vài phép tránh né của Hoàng Dược Sư là đủ sức tự vệ.

Những người thuộc hạng trung nhân, cứ từ từ rèn tập thì một ngày kia khắc đến chỗ tinh thâm, lão luyện, lúc ấy biểu diễn môn "khoái chỉ liên hoàn" thì tay trái xuất thủ chưa thu về, tay phải đã phóng ra mau lẹ dị thường, chỉ công lúc vọt lên cao, lúc tới tấp lùi xuống thấp, ý vừa phát ra tay đã động, thế gọi là "tri hành hợp nhất" đấy.

Tổ chức

Không ai biết mặt mũi, tướng mạo, lai lịch hay nơi cư ngụ của giáo chủ. Cũng không ai được phép tò mò tìm xem chân tướng giáo chủ mà rước họa vào thân, chỉ có giáo chủ là biết mặt môn đệ mà thôi. Muốn cầu kiến giáo chủ bắt buộc phải dùng đến "Huyền Vi Chí Bảo" làm trung gian.

Môn đồ không phải lên núi tầm sư học đạo cho xa xôi, ai có "Huyền Vi Chí Bảo" trong nhà là có thể nghênh đón pháp giá giáo chủ, tức sư phụ, về nhà. Sư phụ không bao giờ nề hà, từ chối, và bởi đã tinh thông khoa phân thân, một biến thành mười, mười thành trăm... — hơn hẳn Lucky Luke và Tôn Ngộ Không — nên dù có cả triệu cái "Huyền Vi Chí Bảo" hành công cùng một lúc, sư phụ vẫn có mặt ở khắp nơi được.

Khi kết nạp, môn đồ không phải đem xôi gà, hay dập đầu quỳ lạy, hành lễ bái sư. Cũng không cần người bảo chứng, tiến dẫn, không cần đeo mặt nạ... Lại được phép tha hồ gia nhập các môn phái khác mà không phải xin phép sư phụ.

Tuy môn quy đơn giản nhưng vẫn đủ phép tắc: mỗi khi cầu kiến, môn đệ phải tỏ lòng thành khẩn, không thắp hương song cũng phải thắp đèn sáng (trong máy) rồi cung kính ngồi đợi huấn lệnh. Phải tuyệt đối tuân theo sư mệnh: có cho phép mở máy thì mới được mở, chưa chuẩn cho tản công mà tự ý tắt máy ngang xương, không theo quy tắc, tất sẽ bị

thống trách.

Những cao thủ của giáo hội *Huyền Vi Chỉ* không phân định ngôi thứ bằng cách chia ra những hạng bảy, tám, chín túi mà chia ra hạng máy tám, chín mươi mê-ga-héc hay 3,400 me-ga-héc... con số càng cao thì khả năng thành đạt càng nhiều, bước tiền đồ không biết đến đâu mà lường. Chớ có nhìn số túi đeo trên lưng mà xét đoán trình độ giáo chúng mà hỏng bét, bởi bọn thanh thiếu niên ngày nay đeo cả đống túi ở sau lưng rồi đi lang thang nhưng hỏi đến Đạo thánh thì phần đông ngớ ngẩn, ú ớ, chẳng hiểu mô tê gì sất.

Những kỳ nhân dị sĩ, tài hoa trác tuyệt, có thể sáng chế ra những chiêu số đặc biệt thần diệu, lập thành môn phái riêng, tự mình đứng làm Hương chủ, hùng cứ một phương, phát tín bài cho môn đệ. Xuất trình mỗi khi muốn nhìn nhận người đồng môn. Vì giáo hội không cấm môn đệ gia nhập những môn phái khác nên có người trong mình một lúc mang cả chục tín bài khác nhau, nào "Ngân hàng tín bài," nào "Bưu điện tín bài"... Tuy nhiên, không ai quên rằng nguồn gốc phái mình xuất phát từ "Thừa Hoa Tự" xứ Cờ Hoa.

Vì giáo chúng đông đảo khó bề kiểm soát hết được nên cũng có những trường hợp phản đồ đem dạ bất lương, học thành tài rồi đột nhiên ám toán, áp đảo sư phụ, bắt phải tuân theo mệnh lệnh của mình, chẳng còn ra thể thống gì nữa. Có người lớn mật còn hạ độc thủ, cấy vào mình sư phụ một loại nhiễm trùng, khiến sư phụ mắc bệnh mất trí nhớ, đầu óc rỗng tuếch, tê liệt... tình trạng còn thê thảm hơn là bị "tẩu hỏa nhập ma." Thành ra các sư trưởng lúc nào cũng nơm nớp lo thủ đoạn của học trò; về sau, để tránh những cảnh đại nghịch, vô đạo ấy, các sư trưởng bèn họp nhau chế ra một thứ thuốc phòng ngừa, bố trí vào máy ngay từ khi mới được chế tạo ra, cho nên nạn phản đồ cũng có bớt đi ít nhiều.

*

Nguyên lúc đầu nhiều người chỉ nghe những lời đồn đại nên bán tín bán nghi, đinh ninh *Huyền Vi Chỉ* là một môn phái quái dị, khoa trương thanh thế để lừa bịp dân ngu, dùng yêu thuật khiến cho những ai đã mắc và tròng, từ ông già bà cả phơ phơ tóc bạc cho chí lũ nhãi con miệng còn hơi sữa, đều say sưa mê mẩn, thần hồn điên đảo, ngày đêm quên ăn bỏ ngủ, ngưng thần tọa công, dán mắt vào màn ảnh, tựa hồ bị nhiếp hồn, hỏi không nói, gọi không thưa... song chẳng qua do ma chướng ám ảnh, vị tất đã là một pháp môn thần kỳ ảo diệu, cổ kim chưa từng thấy.

Về sau tận mắt chứng kiến nhiều trường hợp hiệu nghiệm phi thường, bấy giờ mới phát giác ra sở học của *Huyền Vi Chỉ* quả thật uyên bác, môn gì cũng tinh thông, biến ảo khôn lường, thần diệu vô song, quả có lợi hại, không phải tầm thường. Chỉ pháp tuyệt không có chỗ nào kỳ dị, ra chiêu y hệt người thường, nhưng bảo là pháp môn kỳ dị cũng không phải phi lý, vì có thể nhìn xuyên qua được cả tường vách xa ngàn vạn dặm, lại có thể ngao du trên mạng lưới tưởng rằng đằng vân giá vũ... Thế mà trong lòng có đến sáu phần kinh dị, bốn phần khâm phục, từ đấy mới mở rộng tầm mắt, thấy biển học mênh mông không biết đâu là bờ và quyết chí quy đầu.

Do phạm vi hoạt động rộng rãi, lại cực kỳ linh nghiệm, việc kết nạp môn đồ không khó khăn, không phân giai cấp, mầu da, miễn là đốc lòng sùng bái thì muốn đặt ra bao nhiêu câu hỏi cũng được chứ không hạn chế chỉ trong ba câu, lại cũng không phải trả tiền đặt quẻ, cho nên từ xưa đến nay chưa từng thấy môn phái nào nhanh chóng thu nhận được nhiều tín đồ như thế. Giáo hội không cần mua chuộc, cám dỗ, dẫn dụ hay ép uổng mà người ta cứ ùn ùn đi theo. Rõ ràng thiên hạ đang "quy về một mối," *Huyền Vi Chỉ* "bất chiến tự nhiên thành" nghiễm nhiên giữ ngôi vị độc tôn.

Song "giữ" được trong bao lâu thì thú thực kẻ viết bài này thấy "chưa tiện thông báo," bởi máy mới tậu, còn đang ở trong tình trạng "như cười mà không phải cười."●

Châtenay-Malabry, tháng 4, 1998

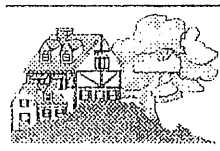
DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

QUẢNG CHÂU, THỦ PHỦ CỦA CHÀNG TRỌNG THỦY?

TIỂU DU

Trong chuyến du lịch Hồng Kông và Quảng Châu kỳ vừa qua, chúng tôi được viếng thăm một di tích lịch sử liên hệ đặc biệt tới dân Việt Nam: đó là vùng cổ mộ và viện bảo tàng Nam Việt Vương ngay tại thành phố Quảng Châu, tại Bắc Lộ Giải Phóng, gần ngay khu thị tứ.

Nam Việt Vương trong lịch sử Trung Hoa chính là Triệu Văn Vương (137-125 trước Tây Lịch) trong lịch sử Việt Nam, là cháu nội của Triệu Vũ Đế tức Triệu Đà. Trong cuốn Vệt Nam Sử Lược, sử gia Trần Trọng Kim ghi nhà Triệu như một triều đại hoàng đế của đất Nam Việt, tức Việt Nam thời thượng cổ. Triệu Văn Vương chính là cháu nội Triệu Đà, không biết là con của nhân vật Trọng Thủy hay con của anh em chàng ta.

Trọng Thủy và nỏ thần nhà Thục

Nguyên từ hơn hai ngàn năm trước, Triệu Đà người tỉnh Hồ Nam, đứng đầu quận Nam Hải là vùng đất miền Nam núi Ngũ Lĩnh, phía Bắc xứ Âu Lạc (tức miền Bắc Việt Nam ngày nay). Triệu Đà đóng quân tại miền Quảng Châu (Trung Quốc). Ông cho con trai là Trọng Thủy sang Âu Lạc cưới công chúa Mỵ Châu làm vợ.

Vâng lời cha, khi qua cưới công chúa Mỵ Châu con vua Thục An Dương Vương của Âu Lạc, Trọng Thủy ở lại nhà vợ để làm nội gián. Sống trong thành Cổ Loa (cách Hànội gần 20 cây số),lợi dụng tình nghĩa vợ chồng và lòng tin yêu của Mỵ Châu, Trọng Thủy- theo truyền thuyết, đã lấy cắp chiếc nỏ thần của vua Thục đem về cho cha. Chiếc nỏ thần này do thần Kim Quy tặng cho An Dương Vương, và nhờ nó mà vua đã giữ vững được nước Âu Lạc. Mỗi khi bị giặc tấn công, vua An Dương nhờ vào nỏ thần và thành Cổ Loa xây theo hình xoáy con ốc nên không bị mất đất đai.

Trước khi trở về nước Triệu, Trọng Thủy biết kỳ này cha mình sẽ gây chiến để đánh chiếm cơ nghiệp của vua An Dương Vương nên chàng tặng vợ một chiếc áo lông ngỗng và dặn dò Mỵ Châu :"Nếu lỡ trong nước em có biến loạn, thì khi chạy, nàng nhớ mặc áo này rồi bứt lông để dấu vết lại cho anh biết lối đi tìm".

Khi quân họ Triệu qua đánh thành Cổ Loa, vì mất nỏ thần (có lẽ vì mất niềm tin tưởng đó ?) nên vua quan Âu Lạc thua trận. Vua An Dương Vương cưỡi ngựa, mang theo Mỵ Châu chạy ra biển tìm đường lánh nạn. Mỵ Châu mặc áo lông ngỗng, nhớ lời Trọng Thủy dặn dò nên bứt lông áo rải suốt đường làm dấu cho chồng biết lối đi tìm. Quân giặc vì vậy đuổi theo vua gấp rút. Khi tới bờ biển, Thần Kim Quy hiện lên, chỉ Mỵ Châu bảo vua :"Giặc ngồi ngay đằng sau bệ hạ đó". Thần cũng cho vua biết chính Mỵ Châu đã đưa nỏ thần cho Trọng Thủy. Vua tức giận rút kiếm giết chết Mỵ Châu và nhảy xuống biển tự vẫn. Máu nàng chảy xuống biển làm thực phẩm cho lũ trai sò.

Giếng Ngọc và Am Bà Chúa

Tại vùng Cổ Loa ngày nay (cách Hà Nội khoảng 20 cây số về hướng Tây Bắc), còn thờ Mỵ Châu trong Am Bà Chúa. Trong điện người ta thờ một cục đá có hình tương tự một

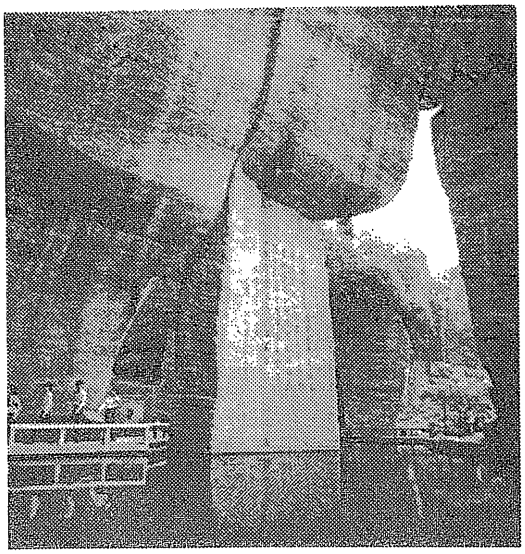

Liên Hoa Sơn

pho tượng cụt đầu. Tượng được khoác một vuông vải đỏ, tượng trưng cho một bi kịch của tình yêu. Vua Thục An Dương Vương được thờ trong Đền Thượng, nằm trên một quả đồi thấp. Tương truyền xưa kia cung điện nhà Thục được xây dựng trên vùng đất này. Theo văn bia ghi lại, sân đền và cổng tam quan được xây dựng từ năm 1687, trong điện có đôi ngựa hồng tạc năm 1716 và tượng đồng vua Thục đúc năm 1897, lấy từ kho đồng cũ nát tìm được dưới nền chính điện khi sửa sang đền thờ.

Phía trước đền Thượng là một cái hồ rộng hình bán nguyệt, giữa đắp bờ hình tròn như miệng giếng, gọi là Giếng Ngọc hay Giếng Trọng Thủy. Theo truyền thuyết, Trọng Thủy sau khi tìm được xác và chôn cất vợ, một bữa thấy hình Mỵ Châu hiện ra, Trọng Thủy chạy tới thì Mỵ Châu biến xuống giếng mất dạng. Chàng nhảy theo xuống và chết đuối trong giếng. Sau người đời gọi nơi đó là giếng Ngọc hay giếng Trọng Thuỷ. Có lẽ nước giếng dâng lên nhiều quá nên nay trở thành cái hồ rộng, chỉ còn miệng giếng ở giữa hồ chăng? Tương truyền nếu lấy nước giếng đó mà rửa hạt trai (tượng trưng cho Mỵ Châu) thì làm ngọc sáng hẳn ra.

Cổ mộ nhà Triệu tại Quảng Châu

Vùng cổ mộ của Nam Việt Vương đã được các chuyên gia khảo cổ Trung Quốc tình cờ khai quật được khi một gia cư đào xới nền nhà gặp đá rất cứng và vài thứ đồ cổ ở dưới lòng đất. Đó là đầu mùa Thu năm 1983. Họ coi đây là vùng cổ mộ thuộc thời Tần-Hán xây bằng đá lớn nhất, nhiều bảo vật quý giá nhất và nguyên vẹn nhất trong vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh. Có nhiều đồ cổ trong đó cũng được coi là bảo vật hạng nhất của toàn quốc Trung Hoa, tính tới tài liệu chính thức năm 1991.

Vùng mộ vua Nam Việt rộng trên 12m x dài trên 10m, cao 3m và nằm dưới mặt đất 20m. Có nhiều phòng trong mộ, ngăn ra bằng đá, trần bằng gỗ, có cửa thông giữa các phòng. Trên cùng là 24 phiến đá rộng che chở nóc mộ. Phía cửa Bắc và Nam của ngôi mộ đều có xác người. Xác nhà vua được chôn trong áo quan có hai lần gỗ, thân mình bọc trong áo làm bằng những miếng ngọc nối với nhau bằng chỉ lụa, trong áo quan có 5 cây kiếm bằng sắt và 9 con dấu ấn để trên xác vua. Phía trên đầu và chân xác nhà vua có nhiều đồ quý giá bằng ngọc và vàng bạc.

Trong phòng phía Đông có xác bốn vị phu nhân bị chôn theo vua cùng với gương đồng, trang sức bằng ngọc và vàng, cùng 4 con dấu bằng vàng khắc "Thái phu nhân - Tả phu nhân, Hữu phu nhân" và ấn bằng ngà khắc tên "Triệu Lan" - Phòng giáp linh cữu nhà vua về phía Tây ngoài xương heo, bò và cừu (tam sinh lễ vật) còn có 7 xác người, tuy có gương và ít trang sức nhưng không thấy áo quan. Phòng phía sau linh cữu chứa rất nhiều dụng cụ làm bếp và thực phẩm, từ rau trái tới thịt cá, hải sản....

Trong vùng cổ mộ đó người ta cũng tìm thấy một chiếc xe cùng một xác người phía cửa trước, một xác phía cửa sau. Có nơi chứa rất nhiều đồ tế lễ bằng đồng, các dụng cụ âm nhạc và xác một người cạnh đó, có lẽ là nhạc công. Có nơi chứa khí giới và nông cụ làm bằng sắt. Có phòng lại chứa các đồ quý giá làm bằng vàng, bạc, ngọc và ngà voi; kể cả những đồ bằng gỗ, bằng sứ tráng men hay lụa là, đồ sơn mài rất tinh xảo. Nhiều nhất là đồ đồng, đồ sắt và ngọc. Cũng có cả thuốc men, bình rượu nữa. Những dụng cụ này theo tài liệu của bộ Văn Hóa Trung Hoa in năm 1991, cho ta hiểu biết về những nét đặc thù của văn hóa nước Nam Việt.

Tình cờ ngày hôm trước chúng tôi đã được đi thăm vùng Liên Hoa Sơn, một vùng cảnh trí thanh nhã, gồm nhiều núi đá thiên tạo nhưng cũng do "nhân tạo" mà thành: Nguyên dân Liên Hoa thôn từ ngàn xưa có nghề đục núi đá đem bán làm kế sinh nhai, nên đã dày công đẽo gọt núi đá, vô tình tạo ra những hòn núi

Mặt tiền Viện Bảo Tàng & Khu Cổ Mộ Tây Hán Nam Việt Vương và Triệu Văn Vương

cao, thẳng tắp như trong vườn đá cảnh. Chính quyền Trung Quốc nay lại mới cho dựng thêm những lan can đứng vọng cảnh coi tổ yến và nghe tiếng chim yến hót vào mùa Xuân, rồi làm cầu đá cho dễ đi, thả sen trong hồ dưới chân núi. Họ cũng xây một ngôi chùa rất lớn trên đỉnh núi, với tượng Quan Âm vọng hải (ngó ra biển) thật cao. Liên Hoa Sơn trở thành một thắng cảnh du lịch đáng tới du ngoạn của vùng Hồng Kông/Quảng Đông. Hôm sau thăm mộ Nam Việt Vương, chúng tôi đọc được hàng chữ ghi chú "đá xây khu mộ này chính là đá lấy từ vùng Liên Hoa Sơn!". Liên Hoa Sơn cách Quảng Châu khoảng 60 cây số.

Nhà Triệu trong lịch sử Việt Nam

Nguyên khi Triệu Đà sang đánh chiếm được thành Cổ Loa và trừ được nhà Thục rồi thì sát nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành nước Nam Việt, xưng là Triệu Vũ Vương (207-137 trước TL). Triệu Đà đóng đô ở Phiên Ngung gần thành Quảng Châu ngày nay. Theo sử sách Trung Quốc, Nam Việt là quốc gia đầu tiên thành lập ở phương nam, gồm các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và xứ Âu Lạc. Đó cũng là thời Hán Cao Tổ lập nghiệp (nhà Tây Hán) ở phương Bắc Trung Hoa. Vua Hán sai sứ qua phong Vương cho Triệu Đà (năm 196 trước TL). Khi Hán Cao Tổ mất (năm 183 trước TL), Triệu Đà "nhân lúc bên Tàu có loạn" vì Lữ Hậu chuyên quyền, ông mang quân sang đánh Trung Quốc, chiếm tới quận Tràng Sa phía bắc Quảng Đông,thuộc tỉnh Hồ Nam - là quê hương của ông. Thanh thế lừng lẫy, ông xưng là Triệu Vũ Đế, dùng nghi vệ như Hoàng Đế nhà Hán vậy. Ông vẫn tự cho là mình không kém gì vua nhà Hán. Ông cho là nếu ông khởi nghiệp ở phương Bắc thay vì phương Nam thì ông đã làm Hoàng Đế Trung Hoa.

Cho tới khi Hán Văn Đế lên ngôi, cho sứ sang khuyến dụ khéo léo và công nhận cho ông cai trị cả vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh, Triệu Đà mới lại chịu nhận chức Vương của nhà Hán, không phân hơn thua nữa.

Theo sử sách, Triệu Vũ Đế làm vua tới 70 năm, 121 tuổi mới tịch (tức năm 137 trước TL). Cháu đích tôn tên là Hồ lên ngôi, tức là Triệu Văn Vương - Nhà Hán phong Triệu Văn Vương làm Nam Việt Vương, được 12 năm thì mất (năm 125 trước TL), con là thái

tử Anh Tề lên ngôi, trở thành vua Triệu Minh Vương (125-113 trước TL). Nhà Triệu truyền được tới đời vua Triệu Ai Vương rồi Triệu Dương Vương (111 trước TL) thì bị quân Hán diệt. Nước Nam Việt từ đó bị nhà Hán đô hộ hơn một trăm năm, trở thành Giao Chỉ bộ, các quan Tàu cai trị như các châu quận bên Trung Quốc vậy. Cho tới khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa (năm 43, thế kỷ thứ nhất sau TL), dành được độc lập ba năm...

Các đặc điểm của cổ mộ Triệu Văn Vương

Tuy Triệu Văn Vương nhận chức Vương từ Hoàng đế nhà Hán, nhưng các dấu ấn đào được trong cổ mộ của Nam Việt Vương đều khắc là Văn Đế. Cách đây mấy năm, báo chí có loan tin tại Quảng Châu ngày nay, nhiều sử gia đang chuyên nghiên cứu về thời đại nhà Triệu này, và họ rất chú ý tới những ấn xưng Đế đó. Chiếc ấn vàng đề tên "Văn Đế" có đầu rồng trên nắp, cùng nhiều con ấn khác của thái tử, và của các phu nhân khắc trên ngọc đều còn nguyên vẹn trong mộ. Có tất cả 15 xác người chôn trong vùng cổ mộ vua Triệu Văn Vương — đó là điều không giống với các cổ mộ của nhà Hán đã đào xới được cho tới nay. Lúc đó, nhà Hán đã bỏ tục lệ chôn người sống theo vua rồi.

Khu cổ mộ của Nam Việt Vương, cũng như trong các cổ mộ của dân Nam Việt thời đó đã khai quật được ở vùng Quảng Tây, Quảng Đông, đã lưu lại rất nhiều vật quý giá cho việc nghiên cứu về đời sống và phong tục, văn hóa dân miền Nam Ngũ Lĩnh. Những đồ trang trí bằng ngọc, những bình rượu, các cây kiếm đầy trang trí vv... đều là những đồ mỹ nghệ tuyệt xảo nhất trong thời Tây Hán. Riêng bộ áo ngọc để liệm xác vua là bộ áo ngọc cổ nhất đã tìm được trong lịch sử Trung Hoa, và bộ nhạc cụ tám miếng đồng có khắc hàng chữ "làm ra bởi các nhạc sĩ thời Văn Đế, năm thứ 9 — tức năm 129 trước TL," là bộ bảo vật về âm nhạc đầu tiên của cả nước Trung Hoa (kể tới năm 1991). Các loại đồ cổ nhất trong lịch sử địa chất Trung Hoa được khai quật lên từ mộ vua Nam Việt còn phải kể tới dấu ấn bằng vàng của Văn Đế, những bộ gương đồng có họa hình, ly bằng thủy tinh, nghiên mực và ngà voi châu Phi, hộp bằng bạc... Những thứ trong cuối bảng kể trên chứng tỏ Quảng Châu và Nam Việt là trung tâm quan trọng cho sự thông thương giữa Ấn Độ, Phi Châu và miền Nam châu Á từ thời thượng cổ.

Trước khi qua thăm xứ Quảng Châu, chúng tôi không bao giờ ngờ lại tìm được vùng cổ mộ và thăm viện bảo tàng của Nam Việt Vương, là một ông vua gốc người Hán nhưng tự coi mình như Hoàng đế nước Nam Việt ở phương Nam. Lịch sử Trung Hoa cũng ghi rằng Triệu Vũ Vương (ông nội của Văn Vương) đã đồng hóa với dân địa phương miền Nam, có lối hành xử bình dị, không còn kiểu cách như dân Trung Hoa miền Bắc. Vua Triệu cũng ăn trầu, ăn mặc giản dị và trong khi tiếp sứ thần nhà Hán thì ngồi xổm...

Điều này chứng tỏ sức đồng hóa của người Việt Nam ngay từ thời thượng cổ đã thật là mãnh liệt. Cho nên người Hán làm vua ở xứ ta cũng đã bị "đồng hoá" giống với dân Âu Lạc, thay vì dân bản xứ phải hội nhập để trở thành người Hán. Gần hai ngàn năm sau, vào năm 1802, vua Gia Long định đặt quốc hiệu là Nam Việt, nhưng vua nhà Thanh Trung Quốc phản đối, chắc ngại người Việt chúng ta đòi lại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây chăng?

Khi qua thăm xứ Trung Hoa năm trước, được nhìn thấy những công trình siêu đẳng, quá sức người như Vạn Lý Trường Thành, các cung điện, đền đài cùng hệ thống đập nước và sông đào vĩ đại, chúng tôi vẫn thắc mắc không hiểu tại sao Việt Nam lại giữ được độc lập sau khi bị giống người "vĩ đại" đó cai trị cả ngàn năm? Câu trả lời phải chăng là tính chất Đồng Hóa và Dung Hợp mạnh mẽ của giòng giống Lạc Hồng, như tổ tiên chúng ta đã để lại từ tời nhà Triệu?●

* Khách phàn nàn:

"Tiệm này quảng cáo thỏ hầm sốt vang mà tôi chỉ ngửi thấy toàn mùi thịt ngựa, thế là thế nào?"

"Không dấu gì ông, thỏ dạo này hiếm quá, chúng tôi phải dùng 50 phần trăm ngựa, 50 phần trăm thỏ, xin ông thông cảm."

"Thôi cũng được."

Chủ tiệm quay đi, lẩm bẩm: "Cứ một con ngựa nấu chung với một con thỏ là cũng được tuốt!"

* Ai bảo người đàn bà không biết giữ bí mật, nhất là điều đó có liên quan đến số tuổi của bà ta.

VẤN ĐỀ THAY Y BẰNG I TRONG CHỮ QUỐC NGỮ

PHỤNG NGHI

1.

Chữ viết của nước ta là một tài sản vô giá. Nhưng, cũng như chữ viết của nhiều nước, chữ Việt không tránh khỏi có những điều thiếu sót và những điểm vô lí.

Trong bảng mẫu tự của chữ Việt, hai nguyên âm I và Y đã gây ít nhiều rắc rối. Trong một số từ, Y đọc i hệt như I: ỳ = ì, kỹ = kĩ, mỹ = mĩ, lý = lí, quý = quí... Trái lại, một số từ khác, Y đọc hai I nhập một (Y = I + I): may, uy, luy, túy, thúy...

Một số người có xu hướng thay thế Y bằng I trong một số từ. Chúng ta thử phân tích xem lí do để thay thế và việc thay thế có đem lại những thuận lợi gì không.

Về vị trí của Y và I trong các từ, chúng tôi ghi nhận một số trường hợp bình thường và một số trường hợp không hợp lí như sau.

HIỆN TRẠNG I VÀ Y TRONG CHỮ QUỐC NGỮ

	THỨ TỰ	A. VỊ TRÍ CỦA I	A. VỊ TRÍ CỦA Y	CƯỚC CHÚ
Không hợp lí	1	Sau các phụ âm: B, CH, D, Đ, G, GH, KH, N, NH, NGH, R, S, TH, TR, V, X: bi, chi. di, đi, gi, ghi, khi, ni, nhi, nghi, ri, si, thi, tri, vi, xi:	Sau các phụ âm: H, K, L, M, T: hy, ky, ly, my, ty (1)	Hy, ky, ly, my, y đọc i hệt như hi, ki, li, mi, ti. Nhưng tại sao có 2 trường hợp 1A và 1B?
	2	Trong các khuôn vần: iêm, iên, iết, iêu và khi đứng sau các phụ âm: B, CH, D, Đ, G, GH, H, K, KH, L, M, N, NH, NGH, R, S, T, TH, TR, V, X: biêm, chiên, diên, điện, giêng, ghiền, hiên, kiên, hiêu, liên, miện, nhiên, nghiên, riêng, siêng, tiến, thiên, triên, viết, xiêu.	Đứng đầu từ: yêm, yên, yết, yêu	Yêm, yên, yết, yêu đọc i hệt như iêm, iên, iết, iêu. Nhưng tại sao có 2 trường hợp 2A và 2B?
	3	Đứng một mình: Ì, Í, Ĩ, Ỉ. ị Ì ạch (2), Ỉ eo, ầm ĩ, í ới, chủ ị	Đứng một mình: Y, Ỳ, Ỷ, Ý, Ỵ y tế, ỳ ạch (2), ỷ lại, ý kiến, béo ỵ	Đọc giống như nhau, sao lại viết khác nhau?
	4 (5)	Đứng sau QU: a. qui, quì, quỉ, quĩ, quí, quị, quít, quịt (3) b. quiên, quính...	Đứng một mình: Y, Ỳ, Ỷ, Ý, Ỵ y tế, ỳ ạch (2), ỷ lại, ý kiến, béo ỵ	a. Có 2 cách viết song song với nhau. Vậy là sao? b. Hiện nay cách viết theo 4Ab không còn dùng nữa
Bình thường		Đứng sau VÔ, ƯƠ: muối, mươi Đứng sau O, Ô, Ơ, Ư: gọi, gội, gợi, gửi Đứng trước A, E, Ê, P, U: địu, giạ (b), giẻ, tiếp, dịp, giun. Đứng đầu từ: ỉa, ích, im, in, ình, ít, ỉu...		để nhớ
		Đứng sau: A, U: mai, ui, lui, nhui, túi, thúi...	Đứng sau A, Â, U: may, mây, uy, uyên, uyết, buýt, huých, luy, luỹnh, nhụy, túy, thúy. Đứng giữa U và A, U: khuya, khuỷu..	để nhớ

2.

Để giải quyết những trường hợp không hợp lí, hiện nay có ba xu hướng với những ý kiến biện minh như sau:

2.1 Xu hướng 1.

Không cần phải thay thế.

2.1.1 Ngôn ngữ nào cũng vậy, không thể nào tuyệt đối hoàn hảo, tuyệt đối hợp lí như trong lí tưởng. Nếu có một vài chi tiết không hợp lí, nhưng trong sử dụng, cái bất tiện không đáng kể mà, nếu cải tiến, cũng không đem lại lợi ích thiết thực gì, người ta vẫn duy trì cái-không-hợp-lí. Năm 1942, ông Hoàng Xuân Hãn viết: "Tiếng hiện thời của các nước đều là đầy những sự vô lí. Nhưng đố ai cải cách nó được." (7). Sau đây là một vài thí dụ:

- Tiếng Anh:

* I đọc i: *sit, technic;* đọc ai: *quite, write.*

* Y đọc i: *very, technology, yttrium;* đọc ai: *by, my;* đọc d: *yes, yard.*

I và Y lúc đọc i, lúc đọc ai, theo truyền thống, chẳng có qui tắc chi cả.

- Tiếng Pháp

* I và Y đọc i như nhau: *Il y a, ypréau.*

* Y đọc như d: *yacht, yoga.*

Ngoài sự bất qui tắc trong cách phát âm I và Y, xin nêu vài trường hợp vô lí khác.

* H câm có mặt trong một số từ và không được phát âm, xem như dư; *écho, home* (đọc ê-cô, ôm).

* Có một điều vô lí, không giải thích được là, những danh từ chỉ đồ vật vô tri, những danh từ nói ý tưởng trừu tượng đều phân ra giống đực và giống cái: *la table, le tableau, la société, le socialisme.*

- Tiếng Đức

Danh từ được chia thành ba loại: giống đực (*der Bleistift,* cây viết chì), giống cái (*die Feder,* cây viết mực), giống trung tính (*das Buch,* cuốn sách).

- Trong ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức... hai phụ âm đầu (đơn và kép) F và PH đọc i như nhau. Họ vẫn sử dụng song song hai cách viết này.

Để có thêm dữ kiện nghiên cứu, cần tìm hiểu tại sao các nước nói trên không tìm cách sửa đổi mà vẫn duy trì đời này qua đời khác những điều vô lí trong ngôn ngữ của họ.

2. 1.2 Đặt giả thuyết, nếu Y được chính thức đổi thành I sẽ phát sanh nhiều sự rắc rối về mặt hành chánh và pháp lí, mà ta phải tính trước để có biện pháp giải quyết. Quản trị là tiên liệu. Xin nêu một vài trường hợp: - Một người sanh sau ngày có quyết định đổi Y thành I (ngày N), họ tên là Lí Văn Bê, có quyền thừa kế tài sản của cha ruột mình, có họ tên là Lý Văn A? Trên mặt văn tự, hai người không cùng họ: Lý và Lí.

- Một người sanh trước ngày N, họ tên là Lý Sỹ Dy có phải xin tòa án sửa lại là Lí Sĩ Di không?

2.2. Xu hướng 2

Thay Y bằng I trong những từ chỉ có Y đứng liền sau các phụ âm H, K, L, M, T.

Cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" của Viện Ngôn Ngữ Học Hà Nội, 1988, căn cứ theo "Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt" trong các sách giáo khoa, được ban hành theo Quyết định số 240/QĐ ngày 5-3-1984 của Bộ Giáo Dục Hà Nội, đã áp dụng việc cải cách như sau:

"Nguyên âm i cuối âm tiết được viết thông thường bằng I (viết HI, KI, LI, MI, TI, thay cho HY, KY, LY, MY, TY), trừ - uy (/-wi/), vẫn viết UY (LUY, TUY...) để giữ sự thống nhất với UYÊN, UYẾT, UYT."

Sự cải tiến bằng cách viết I liền sau các phụ âm H, K, L, M, T, để thống nhứt với các phụ âm khác (B, CH, D, Đ, G...) là hợp lí, khoa học và được dễ dàng chấp nhận. Tuy nhiên lí do nêu lên để không thay Y bằng I trong các từ Y đứng sau (UY, LUY, TUY...) "để giữ sự thống nhất với UYÊN, UYẾT, UYT" là không đúng và không thuyết phục.

Xin chứng minh. Trong những trường hợp sau đây (trong đó có Y đứng sau U):

- Y đứng sau A, Â, U: *lạy, may, mây, uy, huy, luy, nhụy, túy, thúy...*

- Y đứng giữa U và A, U: *khuya, khuỷu...*

ta không thể thay Y bằng I được vì trái với qui ước của các nhà sáng chế ra chữ quốc ngữ. Tức là, ở đây, Y đã được đọc như I + I. Đồng thời, nghĩa của các từ cũng sẽ thay đổi luôn: *lạy* khác *lại, may* khác *mai,* (không có *mâi*), *uy* khác *ui, huy* khác *hui, luy* khác *lui, nhụy* khác *nhui, túy* khác *túi, thúy* khác *thúi...*

2.3. Xu hướng 3

Nên thay Y bằng I trong tất cả các từ, nếu việc thay thế không thay đổi cách phát âm.

- Thay *hy, ky, ly, my, ty,* bằng *hi, ki, li, mi, ti* (như xu hướng 2).

- Thay *yêm, yên, yết, yêu* bằng *iêm, iên, iết, iêu.*

- Thay tất cả các Y đứng một mình bằng I: *i tế, ì ạch, ỉ lại, í kiến, béo ị...*

- Thay Y đứng sau QU bằng I: *qui, quì, quỉ,*

quĩ, qui, quít, quịt...

Như vậy, ưu điểm là cách viết sẽ thống nhứt, hợp lí và khoa học. Nguyên tắc là, hễ đọc i là viết i. Tại sao lại phân biệt "i ngắn" với "i dài" làm chi cho rắc rối? Có người không rành chánh tả, khi gặp i và y lại phải tra từ điển. Khổ một nỗi, cho đến nay, các từ điển cũng không nhứt quán. Đối với một số từ, có tình trạng viết i cũng được mà viết với y cũng xong. Thảng hoặc, có người ngoại quốc học tiếng Việt cắc cớ hỏi tại sao lại có tình trạng bất nhứt trong việc sử dụng Y và I trong chữ Việt hiện nay, thật khó mà có lời giải đáp thỏa đáng.

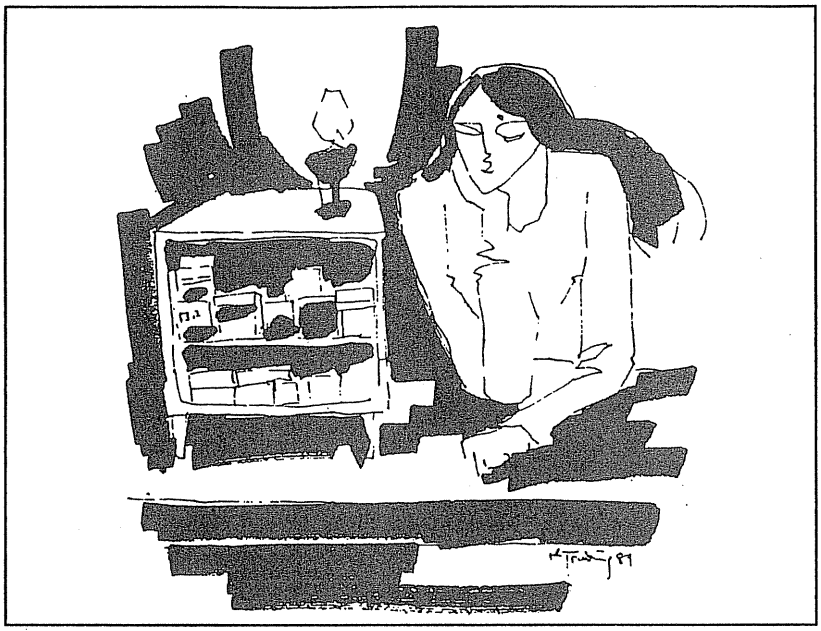

3.

Theo thiển í, sau đây là quan điểm của các nhà sáng chế chữ quốc ngữ về cách đọc khác nhau giữa I và Y. Một điều có thể khẳng định là họ đã rất phân minh và dứt khoát trong việc dùng hai nguyên âm I và Y để phiên âm tiếng Việt:

- I luôn luôn đứng sau các phụ âm đơn và ghép: *bi, chi, di, đi, gi, ghi.*

- Y đứng sau hai nguyên âm A và U: *lạy, lấy, may, mầy, uy, uyên, uyết, buýt, luy, nhụy, tuy, thúy.*

Trong tiếng Việt, có một số từ, tuy phát âm gần giống nhau, nhưng thật sự hơi khác, chẳng hạn như: *lại* khác *lạy, mai* khác *may*... Trong giai đoạn phôi thai của sự hình thành chữ quốc ngữ, các nhà truyền giáo Âu châu có hai cách ghi âm các từ có âm hưởng hai nguyên âm I cộng lại như trong *lạy, may*...

- Cách thứ nhứt

Họ lấy chữ Ï, tức là ký hiệu I với 2 chấm ở trên đầu, với qui ước là Ï: I + I (Pháp gọi là I tréma, Anh gọi I dieresis).

Trong tập "Lịch sử Annam" viết tay của Bento Thiện, có ghi: *"Thiên hạ đi lại Bun đoạn lại Chúa"* (8). Tiếng Việt hiện đại là: *Thiên hạ đi lạy Vua đoạn lạy Chúa.*

- Cách thứ hai.

Họ lấy chữ Y cũng với qui ước Y = Ï = I + I. Cách thức này được sử dụng cho tới ngày nay. Xin dẫn chứng cách đọc: LẠY đọc lại + i, MAY đọc mai + i, UY đọc ui + i, THÚY đọc thúi + i hoặc thui +í.

Về sau, không hiểu vì sao, lần hồi có một điều bất thường là có hai cách viết song song (I với Y) đối với năm phụ âm: H, K, L, M, T: *hi, ki, li, mi, ti* và *hy, ky, ly, my, ty.*

Từ trước tới nay, các từ điển tiếng Việt đều ghi chép, hoặc đơn thuần *hi, ki, li, mi, ti* hoặc song song với *hy, ky, ly, my, ty.* Điển hình là cuốn "Nouveau Dictionaire Francais - Annamite" 1922 chỉ ghi chép: *kì cục, mì, tì bà diệp.* Và cuốn "Việt Nam Tân Từ Điển", Thanh Nghị, 1967, ghi chép song song: *hí họa, hy sinh, li bì, ly biệt*...

Trong một thời gian dài thả nổi, trong lúc tiếng Việt chưa được chuẩn hóa, dân ta có thói quen viết sai lệch đi, I viết thành Y, mà lại đọc i như nhau. Như vậy là trái với qui ước lúc khởi thủy của các nhà sáng chế chữ quốc ngữ, tức là Y = I + I.

Đối với điều không hợp lý này, từ trước tới nay, trong nước cũng như ở hải ngoại, đã có một số học giả và tổ chức chủ trương thay Y bằng I trong một số từ.

- Nhà văn Nguyễn Ngu Í, trên tạp chí *Bách Khoa* tại Sài Gòn trong thập niên 1950.

- Tập san *Áo Trắng*, tại Sài Gòn đã thử nghiệm viết *iêu* thay vì *yêu,* trong những năm

gần đây của thập niên 1990.

- Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn Ngữ Học Hà Nội, 1988.

- Các sách giáo khoa xuất bản trong nước, sau năm 1984.

- Một số tác phẩm của những tác giả thuộc Viện Ngôn Ngữ Học Hà Nội, thập niên 1990.

- Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, California, Hoa Kỳ (9).

4.

Xét về mặt khoa học và lí luận, vị trí của Y ghi nhận trong bốn trường hợp 1, 2, 3, 4 trên bảng "Hiện trạng I và Y trong chữ quốc ngữ" (Mục 1) là không hợp lí và trái với nguyên tắc căn bản Y = I + I của các nhà sáng chế chữ quốc ngữ.

Chúng tôi nghĩ, việc thay đổi cách viết của xu hướng 3 không phải là một cải cách, mà có thể nói đó chỉ là một sửa sai, một việc điều chỉnh để trở lại cách viết của các nhà sáng chế ra chữ quốc ngữ. Vả lại, việc thay đổi không làm xáo trộn chữ viết. Nếu được áp dụng, cả người viết lẫn người đọc không còn băn khoăn đến hai cái nguyên âm I và Y nữa. Hễ đọc i là viết I, đọc i + i là viết Y. Có phải chăng là quá đơn giản. Trong bài viết này, chúng tôi dụng ý thử nghiệm cách viết theo xu hướng 3 nêu trên.

Tuy nhiên, việc "cải cách" tiếng Việt là một công việc chung, cần có sự tham gia của những người làm giáo dục, làm văn hóa..., cần có sự nghiên cứu kĩ lưỡng của các nhà ngôn ngữ học. Cuối cùng, cần có một cơ quan thẩm quyền quyết định. Nước ta chưa có Viện Hàn Lâm. Nhưng đây không phải là một trở ngại. Nước Anh, nước Mỹ không có Viện hàn lâm, nhưng đâu có phải vì thế mà tiếng Anh không được chuẩn hóa.

Kính xin quí độc giả vui lòng góp ý để cho tiếng Việt ngày càng hoàn hảo.

Chú thích:

1. *Nouveau Dictionaire Francais - Annamite,* Imp de la Mission, 1992 ghi chép: kì cục, mì, tì bà diệp.

2. Ỉ ạch. - *Từ Điển VN Phổ Thông,* Đào Văn Tập, 1951.

- *Từ Điển Tiếng Việt,* Viện Ngôn Ngữ Học, Hà Nội, 1958.

Ỳ ạch - *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị,* Huỳnh Tịnh Của, Sài Gòn, 1985. - *VN Tân Từ Điển,* Thanh Nghị, 1967

3. Qui

- *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị,* 1895

- *Hán Việt Từ Điển,* Đào Duy Anh, 1931.

- *Từ Điển VN Phổ Thông,* 1951

- *VN Tân Từ Điển,* 1967.

- *Từ Điển Tiêu Chuẩn Việt Anh,* Lê Bá Khanh, Lê Bá Kông, Nxb Ziên Hồng 1969.

4. Quy

- *Hán Việt Từ Điển,* Nguyễn Quốc Hưng, Sài Gòn 1975.

- *Từ Điển Việt - Anh,* Đặng Chấn Lưu, Lê Khả Kế, Hà Nội, 1987.

- *Từ Điển Tiếng Việt,* 1988.

5. Còn một trường hợp không hợp lí khác, như vào đầu thế kỉ này có người viết: *hụich, huyên, huinh...* Nay ta viết: *huỵch, huyên, huynh.*

6. Ngoại lệ. Có một vài từ láy mà người miền Nam nói *dặt dịa,* được các nhà làm từ điển ghi âm thành *giặt giạ.* Đọc theo người miền Bắc là *zặt zạ,* đọc theo người miền Nam là *dặt dạ* (?)

7. *Danh Từ Khoa Học,* Hoàng Xuân Hãn, Vĩnh Bảo, Sài Gòn, 1948, tr XVIII.

8. *Tiếng Việt Trên Đường Phát Triển,* Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Văn Tu, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1982, tr 265.

9. Bài Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Đình Hòa về cuốn *Tiếng Việt Không Son Phấn.* Tuần san "Thời Báo" số 307 ngày 22-11-1997.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

XUÂN DIỆU VÀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Sau khi bài *Huyền Thoại Tự Lực Văn Đoàn* đăng trên *Thế Kỷ 21* số 102 - tháng 10. 1997, một nữ độc giả đã cho biết chúng tôi sai khi viết TLVĐ chỉ có sáu người và gạt Xuân Diệu ra ngoài. Thực ra Xuân Diệu là thành viên TLVĐ và đã được Nhất Linh kể lại trong một di cảo đăng trên báo *Văn Học* năm 1985.

Giở tập báo *Văn Học* do nhà văn Nguyễn Mộng Giác chủ biên tìm không thấy tài liệu này, bèn điện thoại hỏi nhà văn Võ Phiến là người đã giúp tôi nhiều tài liệu liên quan tới TLVĐ để hỏi lại. Mấy ngày sau có dịp gặp anh Võ Phiến, anh gãi đầu nói với tôi:

"Chết thật, bây giờ già rồi, trí nhớ kém quá. Phác thảo hồi ký của Nhất Linh đăng ngay trong tờ báo do tôi phụ trách mà chính tôi cũng không nhớ."

Nói xong anh vào trong nhà cầm ra không phải tờ *Văn Học* của Nguyễn Mộng Giác mà là tờ *Văn Học Nghệ Thuật* số 3 phát hành tháng 7.1985 do anh làm chủ nhiệm và Lê Tất Điều, chủ bút. Số này là *số đặc biệt về Nhất Linh*. Ngoài những bài nhận định, truyện, thơ của nhiều tác giả, phần tài liệu là những bài của chính văn hào Nhất Linh.

Đáng nói là hai trang đăng bài *Đời Làm Báo* của Nhất Linh. Nhà văn Võ Phiến cho tôi xem phóng ảnh hai trang bài này do Nhất Linh viết tay mà tờ *VHNT* chỉ chụp bút tích có vài dòng đầu in trên báo. Bài báo do anh Nguyễn Tường Thiết, con trai út của nhà văn Nhất Linh đã trao cho anh Võ Phiến.

Chúng tôi xem xét kỹ tờ phóng ảnh: đây chỉ là bản phác thảo một cuốn hồi ký chứ chưa phải là trang đầu của cuốn hồi ký dự định. Chữ của Nhất Linh không đẹp, kkhông rõ ràng lắm và dập xóa, sửa chữa nhiều chỗ nhưng là một tài liệu quý giá.

Theo bản thảo, Nhất Linh chia những người cộng tác với nhà xuất bản đời nay và hai tờ *Phong Hóa, Ngày Nay* thành từng nhóm rõ rệt. Nhóm chủ lực thuộc tòa soạn hai tờ báo gồm tám người mà ba người không thuộc gia đình Nguyễn Tường là các ông Tú Mỡ, Thế Lữ và Khái Hưng. Nhất Linh ghi rõ ràng sáu người trong nhóm *có chân trong Tự Lực Văn Đoàn* là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ và Thế Lữ.

Nhóm thứ hai Nhất Linh ghi là những người không có tên trong tòa soạn nhưng cộng tác và có bài đăng trên hai tờ báo gồm 15 người trong đó có cả Nguyễn Công Hoan Tô Hoài, Đinh Hùng, Nguyễn Khắc Hiếu (dịch đường thi), Đỗ Đức Thu và Xuân Diệu .

Nhóm thứ ba ghi tên các vị đã từng vẽ giúp cho nhóm TLVĐ có sáu họa sĩ trong đó có Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường...

Trong số những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ mà Nhất Linh ghi trong nhóm thứ hai và thứ ba, đằng sau tên Xuân Diệu ông có ghi *"có chân trong TLVĐ (thơ mới)"*. Đằng sau tên các ông Nguyễn Gia Trí, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Cát Tường không có ghi thuộc TLVĐ.

Xem xét bản phóng ảnh di cảo của Nhất Linh chúng tôi có hai thắc mắc nhỏ.

Thứ nhất là trong nhóm đầu Nhất Linh đã ghi tên thật của Thế Lữ là Nguyễn *Đình* Lễ. Ghi xong, nghĩ sao ông đã xóa đi cả mấy tên

Nguyễn Tường Long, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn *Đình* Lễ v.v... Để rồi ông viết lại những dòng sau vẫn những vị trí đã nói trên và giữ lại nguyên tên *Nguyễn Đình Lễ tức Thế Lữ, Lê Ta.*

Cho tới nay hầu như ai cũng hiểu rằng bút hiệu Thế Lữ là đảo thứ tự hai chữ Thứ Lễ trong tên thật của Thế Lữ là Nguyễn *Thứ* Lễ, giống như trường hợp đảo hai chữ Khánh Giư thành Khái Hưng vậy. Trong *Nhà Văn Hiện Đại* của Vũ Ngọc Phan và hầu hết những tài liệu đã in nói về Thế Lữ đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ. Nhà văn Xuân Vũ cho biết con trai Thế Lữ là một nhà đạo diễn kịch tại miền Bắc cũng mang chữ đệm là *Thứ*, ông Nguyễn Thứ Nghi. Chúng tôi chỉ thấy giáo sư Lê Kim Ngân ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ trong đoạn nói về tiểu sử nhà thơ này trong cuốn sách giáo khoa *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ XX (phần kim văn)* do nhà xuất bản Văn Hiệp, Sài Gòn in năm 1960 (trang 288). Tuy nhiên ngay chính trong cuốn sách giáo khoa này ở phần nói về TLVĐ, giáo sư Lê Kim Ngân lại ghi tên thật Thế Lữ là Nguyễn Thứ Lễ. Và cũng trong phần này có quá nhiều lầm lẫn như ghi tên Khái Hưng là Dư với chữ D và về thành phần TLVĐ thì sau sáu đoàn viên nguyên thủy còn ghi thêm cả ba họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường với nhiều dấu chấm cuối dòng là ký kiệu để chỉ rằng còn rất nhiều vị nữa mà kể ra không xuể . Như vậy tài liệu của Lê Kim Ngân không phải là tài liệu chính xác đáng tin cậy.

Ở nhóm thứ ba trong di cảo Nhất Linh có ghi họa sĩ Trần Bình Lộc mà trong báo *Văn Học Nghệ Thuật* in là Trần Vinh Lộc . Như chúng tôi đã nói ở phần trên chữ Nhất Linh không đẹp , khó đọc và chữ Bình thiếu dấu huyền nên có thể tòa soạn *Văn Học Nghệ Thuật* đã in lộn là Trần Vinh Lộc. Thực ra Nhất Linh muốn viết là Trần Bình Lộc, một họa sĩ cộng tác với nhóm Đời Nay lâu năm và nhiều người còn nhớ và rất thích bức tranh Trần Bình Lộc vẽ chú tiểu Lan trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* (Khái Hưng) đã từng được chọn làm phụ bản cho một kỳ báo *Ngày Nay* số Tết .

Ngoài hai chi tiết nhỏ kể trên thì những nét lớn về nhóm Đời Nay chắc là Nhất Linh ghi đúng. Di cảo viết tay của nhà văn Nhất Linh không ghi rõ ngày nào nhưng chúng ta có thể nói chắc là ông viết trong thời gian sống dưới chế độ Cộng hòa ở miền Nam, vào lúc sự nghiệp của ông đã rạng rỡ chứ không lẽ định viết hồi ký từ khi mới vào nghề thì đã có gì đâu mà nhớ lại.

Như vậy trở lại vai trò của Xuân Diệu, ta tự hỏi nhà thơ trữ tình ấy được kết nạp vào TLVĐ bao giờ? Năm 1940 số thành viên TLVĐ ký vào giấy khen tặng tập thơ của nữ sĩ Mộng Tuyết chỉ có sáu người, chưa có Xuân Diệu. Năm 1944 khi cho xuất bản thi phẩm Trường Ca , không rõ dưới tên Xuân Diệu đã có giòng chữ *Trong TLVĐ* chưa nhưng năm 1945 Xuân Diệu cho in hai tập thơ *Ngọn Quốc Kỳ* và *Hội Nghị Non Sông* để làm thành tích với mặt trận Việt Minh khi đó chắc chắn là ông đã chối bỏ tư cách thành viên TLVĐ rồi. Như vậy có thể xác định Xuân Diệu được kết nạp vào TLVĐ thời gian sau năm 1940 và trước năm 1945 .

Di cảo của nhà văn Nhất Linh là tài liệu khả tín nhất nói về TLVĐ, không thể bàn cãi nữa vì không ai có thẩm quyền hơn người đứng đầu văn đoàn này là Nhất Linh .

Với di cảo của Nhất Linh, bây giờ có thể kết luận thành viên TLVĐ có bảy người là sáu vị nguyên thủy từ khi thành lập năm 1933 là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ và một nhà thơ kết nạp sau 1940 là Xuân Diệu.

Nếu quý vị nào có những tài liệu chính xác khác hơn về thành viên TLVĐ xin quý vị vui lòng đóng góp để làm sáng tỏ một vấn đề mà chúng tôi nghĩ là nên làm.◉

7. 1998

* Khách, khó tính:

"Cho tôi một đĩa sò, phải là sò mới, không được cũ, cỡ vừa, không lớn quá, không nhỏ quá, không được béo quá, không được nhiều muối quá, không được sống quá, không được chín quá."

Bồi bàn, rất ân cần:

"Thưa ông, xin cho biết ông muốn dùng loại có ngọc trai hay không có ngọc trai?"

* Con đẻ và con nuôi cãi nhau:

"Mày chỉ là đồ con nuôi!"

"Ít ra với tao, bố mẹ nuôi của tao còn có sự lựa chọn. Còn mày, bố mẹ mày chỉ có nước chịu đựng!"

HỒI TƯỞNG VÀ MƯỜNG TƯỢNG

Thân tặng anh Võ Đình và chị Trần Thị Lai Hồng

HỒ TRƯỜNG AN

Tháng Chín dương lịch năm 1996, đôi uyên ương Võ Đình - Trần Thị Lai Hồng rời bỏ tiểu bang Maryland để dọn về Florida. Anh chị ấy thiên cư mà không cho tôi biết. Mãi đến 22 tháng Mười Hai 1997 tôi mới nhận thư của cả hai, luôn cả quyển *Lầu Xép* của anh Võ Đình. Chị Lai Hồng đặt cho chỗ ở mới cái tên là Nha Trang:

Tui ghi Nha Trang ở đầu thư vì tui coi vùng nầy như Nha Trang: khí hậu, phong thổ, cây cỏ, hoa trái... tất cả đều giống Nha Trang.

... Nhà mới của tụi tui chưa có bao nhiêu cây, chỉ trồng được năm cây mít cao ngang đầu gối, phải chờ năm năm nữa mới có trái. Có trồng được khế, mãng cầu, chuối, ngô đồng (cây vông), bồ ngót, trầu, (ở đây có vô số dừa, kè, thốt nốt... nhưng không có cau!), bưởi, bình bát, gừng, riềng, húng, răm, diếp cá v.v... Cố nhiên là có rau muống, rau khoai lang, rau dền là các thứ anh Võ Đình rất thích để luộc chấm nước tôm kho đánh — cả nước kho — và cả mắm nêm, nhắc lại món Tết mặn mà hồi còn ở Paris về thăm nhà ở Huế.

... Ở đây tui tìm thấy cây muồng mà anh hay tả trong sách, hoa muồng màu vàng. Có rất nhiều cây như ở Việt Nam. Có vô số tràm, đước, mắm (như ông Bình Nguyên Lộc tả trong "Rừng Mắm").

Nhiều gia đình Việt Nam đã tìm tại chỗ hoặc từ Việt Nam gởi qua nhiều cây cỏ Việt Nam. Tui có quen một nhà có cả rau đắng, cây điên điển, cây bằng lăng, cây lý. Nhìn cây bằng lăng mà tui sửng sờ.

Đọc tới đây, qua ảnh chụp của chị Lai Hồng đăng trong tuyển tập thi văn, hội họa, nhiếp ảnh trong bộ quyển "20 Năm Văn Học

Việt Nam Hải Ngoại," tôi cố mường tượng lại một bạn văn mà tôi chỉ giao thiệp bằng thơ, bằng điện đàm, mà tôi chưa từng biết mặt. Thuở đó, vào năm 1988 thì phải, chị ở Washington State (Tây Bắc Hoa Kỳ) chủ trương tạp san Phụ Nữ Ngày Nay. Năm 1989, khi tôi viếng Washington D.C, cư ngụ tại nhà nữ ca sĩ Quỳnh Giao thì chị có gọi sang, cuộc điện đàm từ Tây Bắc sang Đông Bắc thật kỳ thú.

Rồi vật đổi sao dời, chị bỏ Tây Bắc sang Đông Bắc chung sống với họa sĩ kiêm văn gia Võ Đình. Tôi rất mừng vì cả hai mãi tới mùa thu tuổi đời đã tìm được hạnh phúc, cái hạnh phúc rạng rỡ trong nắng đẹp hoàng hôn. Tôi quen cả hai trước khi họ sống chung với nhau. Tôi thường hỏi thăm tin tức cả hai và được biết rằng chị Lai Hồng khi về Đông Bắc lần hồi có vóc mình đầy đặn thêm, vóc liễu mình mai cố hữu biến thành một vóc mình tươi mát. Có thể là chị đẹp nhờ chị hạnh phúc, mà cũng có thể khí hậu miền Đông Bắc Hoa Kỳ thích hợp với lục phủ ngũ tạng chị hơn.

Qua tấm ảnh, tôi nhận thấy nụ cười của chị tươi ơi là tươi! Nụ cười rộng miệng rất hài hòa với cằm vuông và hàm vuông của chị. Nụ cười ấy làm tôi liên tưởng tới nữ tài tử Ann Blyth trong phim *Les Perles Noires, Le Prince Étudiant, Kismet*... Hễ nụ cười cô ta vừa nở trên môi là đôi mắt cũng cười theo, khóe mắt như tuôn ánh sáng, tròng mắt lóng lánh ánh thu ba. Và hình ảnh của Ann Blyth với cái cằm vuông, hàm bạnh trong suốt hơn 30 năm qua còn lởn vởn trong ký ức tôi. Đó là người đẹp trong cuộc thăm dò báo chí đã được sắp theo thứ tự về sắc đẹp như sau: Hoa hậu Ava Gerdner, hạng nhì là Ann Blyth, hạng ba là Elizabeth Taylor, hạng tư là Linda Darnell. Và nếu chúng ta không quên vẻ đẹp Mỹ la tinh (Latino Amériacaine) đậm đà của Linda Darnell, không quên nét thanh tú lộng lẫy của Elizabeth Taylor, không quên nụ cười tươi sáng của Ann Blyth và vẻ thiên kiều bá mị của Ava Gardner thì chắc có kiều bào ở hải ngoại không quên vào ba năm chót của thập niên 70 chị Lai Hồng làm Tổng thư ký tòa soạn tạp san Đất Mới do Thanh Nam chủ trương. Và vào hai năm 1987 và 1988 chị cùng Túy Hồng, Bùi Bích Hà và Lê Thị Huệ chủ trương tạp san Phụ Nữ Ngày Nay. Hai tạp san nầy đều ở tiểu bang Seattle.

Tạp chí Phụ Nữ Ngày Nay chỉ trình làng được vài số rồi chết luôn. Chị Lai Hồng về sau có viết thư cho tôi biết, tờ báo đó có thọ mạng quá ngắn ngủi nên làm chị đau lòng. Và chị sau vài tháng "dưỡng thương" (sic) bắt đầu trồng hoa, tập chụp ảnh và vẽ tranh trên lụa. Và chị gửi cho tôi một số thơ, tôi đưa cho anh Viên Linh đăng trên tạp san Thời Tập.

Gần đây, bức ảnh do chị chụp ảnh Võ Đình đứng trước hang lá chuối tươi cười hơn hớn được in ở bìa sau của tập truyện "Lầu Xép" (của anh Võ Đình).

Trong lá thư từ tiểu bang Florida gửi qua Cổ Nguyệt Đường, chị Lai Hồng cho biết rằng tại thành phố mà chị định cư có khí hậu và phong cảnh giống như khí hậu và phong cảnh ở Nha Trang nên chị đặt cho nó cái tên Nha Trang.

Sau đó ít lâu, tôi nhận thư của anh Võ Đình kèm theo thư chị Lai Hồng. Thư của chị khởi đầu đề: *Nha Trang, Jan 12/98.* Cũng vẫn nét chữ mềm mại thướt tha, đôi lúc lạo thảo gợi nên nét lệ liễu phe phẩy trong gió, chị liếng thoắng kể:

... Trong khi anh Võ Đình "đả tự" (ý chị muốn bảo là anh Võ Đình đánh máy bản thảo) thì tui ra vườn cuốc đất trồng cây. Trồng một cây xoài tượng để dăm ba năm nữa "bà già trầu" thì được ăn xoài tượng chấm nước mắm ớt đường hay mắm ruốc bà giáo Thảo (nói chơi chớ bên nầy không có mắm ruốc bà giáo Thảo). Tui còn trồng thêm mấy cây chuối, bông bụp loại lồng đèn lua tua.

... Chắc bữa trước tui có khoe đã trồng hoa vông vang (ngô đồng). Mới đây có người cho một cây mai đem hạt từ Việt Nam qua, khá lớn. Trước đó thì có người cho hai cây mai Tứ quý cũng đem hạt từ Việt Nam, nhưng còn nhỏ. Tui biết là trước Tết hai tuần, nếu trẩy hết lá thì cây sẽ cho nhiều nụ và sẽ nở kịp mồng một. Nhưng cây mai lớn của tui mới trồng còn dzon (nhỏ, tiếng Huế) nên tui không trẩy lá. Để cho nó có sức lớn chớ!

Tui kiếm ra nhiều cây Việt Nam lắm. Chừng một, hai năm nữa là nhà tui có khác chi một vườn quê Việt Nam.

Ui, không về quê được thì mình tạo quê ở đây, nơi đâu cũng đất, trời, cây cỏ, hoa lá...

*

Tỉnh Troyes tôi ở suốt 18 năm qua thuộc vùng Champagne nước Pháp, nằm dưới thung lũng, chung quanh là đồi, trong thung lũng có con sông Aube (Bình Minh) và con sông Seine chảy qua. Ở đây, từ giữa thu thì thấy cây trút

lá khá nhiều, rau đậu bên ngoài héo úa đi theo cái đà thu liễm đông tàn!

Mùa hạ, tôi có thể trồng rau húng, kinh giới, dấp cá và phải ăn cho hết khi thu bắt đầu. Còn ớt thì phải trồng trong chậu, đầu thu phải đem vào trong nhà. Có một ông bạn già trồng một cây ớt hiểm (ớt chỉ thiên). Tiếc thay, ông gieo hạt giữa hạ, ớt lớn lên vào giữa thu, chưa kịp hưởng nắng ấm thì phải đem vào nhà. Cây ớt không chịu có trái, thân cây dài ngoẵng, lá không xanh thắm mà trắng bệch bạc và chỉ trổ hoa rồi rụng đi, không hề chịu kết trái. Trồng cây ớt kiểu nhược lắm, nhưng mà đẹp! Ông bạn phải dùng cây trúc dài để chống đỡ cho cây ớt đừng ngã. Tôi có lần đùa:

"Cây ớt nầy giống như Trà Hoa Nữ đang mắc bịnh lao phổi."

Thật tình, vùng tôi chẳng có loài cây nhiệt đới nào ngoài cây trúc. Tìm lại hình ảnh miền thôn dã quê hương thật là vô vọng!

Rồi đó một đèn một bóng dưới mái Tổ Nguyệt Đường, tôi mơ màng suy niệm trên từng dòng chữ của lá thư chị Trần Thị Lai Hồng. Trong đầu tôi vụt nổi lên hình ảnh những cây dừa, cây bình bát, cây vông vang ở một miền quê tỉnh Rạch Giá. Đó là xóm Hóc Hỏa thuộc huyện Hỏa Lựu, một địa danh mà tôi dùng làm bối cảnh cho quyển tiểu thuyết *Lớp Sóng Phế Hưng* của tôi. Ở đó ven dòng rạch Hóc Hỏa đổ ra sông Cầu Đúc, loại dừa Tam Quan lùn và sai trái rất thích hợp phong thổ nên lá tươi mươn mướt dưới vòm trời nắng lửa vào tiết tháng Tư, tháng Năm âm lịch. Ven những khe, những mương lại có những đám bình bát mọc um tùm. Thân bình bát cao cỡ một sải tay, lá to cỡ bàn tay. Vò lá trong lòng bàn tay, mùi nhựa bốc lên nồng gắt. Tuy nhiên trái của nó thơm phưng phức, màu hoàng lan và to cỡ nắm tay, tuy thơm mà ăn không ngon, giống như trái thị.

Cũng tại địa danh Hóc Hỏa nầy, cứ vào mùa xuân là hoa vông vang (người Nam gọi là hoa vông đồng) trổ hoa màu đỏ chói chang. Đó là màu của gấm đại hồng, màu yên chi của son tàu, màu huyết bồ câu... Nhà thơ Đông Hồ gọi đó là cây ngô đồng để thi vị hóa cây vông kia. Thật ra lá ngô đồng có chỗ lồi chỗ khuyết được một lớp phấn nhung tơ, còn lá vông đồng hình trái tim dùng để gói nem, gỗ vông đồng dùng làm guốc, làm nguyệt cầm (đàn kim).

Cây vông đồng không trồng mà mọc
Gái nhà ai không chọc cũng theo

Vào ba năm chót của cuộc chiến tranh Đông Dương (giữa Pháp và Việt Minh), cứ mỗi kỳ bãi trường, chị Thụy Vũ tôi và tôi theo má tôi đi Hóc Hỏa viếng thăm ba tôi. Dĩ nhiên mùa hoa vông đã tàn từ sau rằm nguyên tiêu. Nhưng những khóm bình bát ven ao, ven bàu gần hông nhà vẫn kết trái. Và các thửa ruộng sau nhà đã lênh láng nước mưa trong vắt. Rau đắng đất mọc rậm ở mép bờ đê, còn rau đắng biển mọc ở mé ruộng trong lớp nước sâm sấp. Tôi có thể hái sen, hoặc hái trái bình bát chưng ở bàn thờ ông bà. Tôi có thể hái rau đắng nấu canh cá lóc, hái rau đắng biển tươi mòng mọng chấm mắm chưng. Rau đắng nào cũng giống như rau má, ăn mát tỳ mát vị giữa mùa viêm nhiệt.

Và trời ơi, trái bình bát, rau đắng trong giờ phút này làm tôi chợt nhớ nhà văn kiêm ký giả Vũ Bình vào thuở đó theo phe kháng chiến chống Tây. Tôi gọi ông bằng chú vì đó là bạn của cụ thân sinh Mặc Khải tôi. Nhà văn Võ Phiến có nhắc tới chú trong quyển *Tổng Quan Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam* (do Văn Nghệ xuất bản). Nhà văn An Khê cũng có viết về chú trong quyển hồi ký *Từ Khám Lớn Đến Côn Đảo*. Hồi thuở nhỏ, tuổi mới 13, Vũ Bình can tội giết người bị đày đi Ông Yệm, một trại giáo dục các thiếu nhi phạm pháp. Sau đó, chú lại can tội giết người khi chú đến tuổi trưởng thành phải đi đày ở Côn Đảo. Từ một kẻ thất học, trong chỗ tù đày, chú được các tù nhân chính trị dạy quốc văn, Pháp văn lẫn Hán văn. Vào năm 1945, khi Việt Minh lên nắm chính quyền, Vũ Bình được phóng thích. Sau đó, khi Tây tái chiếm Nam Kỳ, chú bỏ vào bưng biền ở Khu Tám, rồi lần xuống Khu Chín, làm công tác dân vận tại xóm Hóc Hỏa.

Vũ Bình cao lớn, trắng trẻo, mi thanh, mục tú, môi ửng hồng. Chú đẹp trai nhưng thật tràn đầy nam tính. Chú ở chòi lá cách nhà cha tôi một cánh ruộng loáng nước. Cách vài ngày, chú lội ruộng qua thăm cha tôi, khoe những áng văn xuôi mà chú vừa trước tác và để nghe cha tôi đọc những bài thơ mà cha tôi vừa làm.

Điện Biên Phủ thất thủ. Cha tôi không tập kết ra ngoài Bắc. Còn Vũ Bình thì vừa tới điểm tập trung có tàu Ba Lan trực sẵn để chở các cán bộ Việt Minh ra Hải Phòng thì chú chuồn khỏi trại, giả dạng bọn lái buôn than củi chèo ghe theo dòng kinh Sáng Xà No để về tới Cái Răng, rồi đi xe đò tới Cần Thơ. Từ đó, Vũ Bình khởi sự làm nghề viết văn, viết báo. Chú kết giao với Sơn Nam, Ngọc Linh, Huyền

Phong Tử, Lê Xuyên... Nhưng rồi sau 1968, chú bị Việt Cộng ám sát.

Cây vông đồng, cây dừa, khóm rau đắng trong khuôn viên anh Võ Đình và chị Lai Hồng làm tôi nhớ dẻo đất của chú Vũ Bình, nơi đó chú cất cái chòi lá dưới bóng cây vông đồng. Đằng sau chòi là cây dừa Tam Quan lùn tịt, bẹ lá óng mượt dưới ánh hoàng hôn. Chưa bao giờ tôi đặt chân tới cái dẻo đất đó. Tôi chỉ đến mép ruộng hái rau đắng đất. Từ mép ruộng, nếu muốn đến cái dẻo đất kia, tôi phải xắn ống quần đi vào vùng sâm sấp nước ngập tới bắp chân, cực lắm! Và có một lần, tôi xuống vùng nước sâm sấp kia để hái rau đắng biển, mọc dưới chân mép ruộng, nhưng tôi vẫn không đến thăm chú Vũ Bình. Căn chòi ở đằng xa ngó tới có vẻ thơ mộng, nhứt là lúc mái bếp tỏa khói và từng đợt khói ẻo lả tản mạn trong ánh hoàng hôn màu cam rực rỡ. Tôi thừa biết, nếu tôi đặt chân vào dẻo đất kia, cái thơ mộng do óc tưởng tượng tôi tô điểm sẽ mất mát ít nhiều.

Việc chú Vũ Bình ly khai cộng sản, cha tôi không thể hiểu lý do. Nhưng từ đầu cuộc giao du, cha tôi vẫn coi chú là kẻ phóng dật, cợt đùa đú đớn với đạo lý. Hồi còn ở tù tại Côn Đảo, chú nhúng tay vào một cuộc giết chóc, dù chú không phải là thủ phạm đi nữa. Số là ở ngoài Côn Đảo, các tù nhân ngoài thành phần ái quốc, ngoài những nhà cách mạng chống Pháp còn có vô số kẻ phạm tội cướp của giết người, trong số đó có tướng cướp lừng lẫy đã từng xưng là Sơn Vương. Sơn Vương bị án tù chung thân. Khi ra Côn Đảo vẫn xưng hùng xưng bá với bạn tù.

Trong cảnh thiếu thốn đàn bà, các bạn tù (thuộc thành phần bất hảo dĩ nhiên) thường thích kê gian với nhau. Vì chú Vũ Bình trắng trẻo đẹp trai, má đào răng lựu nên Sơn Vương mê chú lắm. Nhưng lại có một tên tù phạm bộ hình khác cũng thích ôm ấp Vũ Bình, cho nên Sơn Vương ghen lồng lộn lên, ra tay hạ sát tình địch một cách rùng rợn. Vận sự ấy báo chí trước năm 1945 có khai thác hào hứng.

Sau năm 1954, khi cư ngụ ở Sài Gòn, sống nhờ nghề viết báo, chú Vũ Bình cưới vợ, một cô giáo quê ở Càn Long (Trà Vinh) tên là Xuân Mai. Thật ra, chú mê chuyện hành dâm với đàn bà lẫn mê chuyện kê gian với trai non.

LUÂN HOÁN

NHƯ MỘT HỒI ÂM

Gởi anh Lê Đình Điểu

đọc tâm thư anh từ Song Thao
trưa nắng vây quanh cụm chiêm bao
mắt bước theo cùng con chữ nói
lòng rổ mưa giông xốn nước chao

có thể, Song Thao không dụng ý
khen anh: bình tĩnh, vững, như không
"sáu mươi năm đủ đời vinh, bĩ
bonus bao lâu cũng mát lòng"

tôi chợt hiểu anh, hình như thế
lòng tôi, anh nói thật thong dong
lớp đàn anh trước đi gọn nhẹ
tuổi nối đuôi nhau, cứ giáp vòng

anh bị ung thư, mổ tạm yên
họa sĩ, bạn tôi, sắp ra riêng
phần tôi, thận sạn, tim nhồi máu
còn những gì chưa? ... gắng tự nhiên

xin cảm ơn anh viết lá thư
gửi cho bạn hữu với một người
cố sang máu biếc vào tim chữ
dựng lạc quan trên nỗi ngậm ngùi

thứ lỗi cho tôi viết vẩn vơ
dám dựa thư anh, lót ổ thơ
lim dim nghe thịt xương di chuyển
bỏ lại người-yêu-đời đứng phất phơ

20-5-98, Montréal

Một con người ly kỳ với cái tiểu sử lênh láng máu tươi, có một đời sống tình dục kỳ hoặc, phong phú những kỳ thú.

Tôi không hiểu vì cớ nào chú Vũ Bình thù ghét bọn Việt Cộng nằm vùng thối thân Việt Minh. Tôi cũng không hiểu nghề viết báo có giúp chú đủ ăn tiêu hay không? Nhưng ngoài công việc viết lách, cứ sáng sáng chú leo lên các chuyến xe buýt theo các tuyến đường từ Sài Gòn tỏa ra các khu vực phụ cận thủ đô để cùng với hai tên công an bắt những kẻ công tác nội thành. Bắt gặp được "con mồi," chú chỉ cần lóng mắt ra hiệu là hai tên công an tới "thộp" đương sự. Vì lẽ đó, bọn công tác nội thành ở hàng ngũ bên kia làm sao dung tha chú cho được?

Vào năm 1964, sau vụ Ngô triều sụp đổ, khí thế Phật giáo đang lên lừng lẫy. Chú Vũ Bình xách túi da và máy nhiếp ảnh lên Lộc Ninh thăm cha tôi, vì cha tôi có mở tiệm thuốc Tây ở đó. Gặp nhau lại sau bao năm xa cách, cha tôi mừng lắm, thết đãi chú cơm rượu thịnh soạn để có dịp cùng nhắc lại quãng đời theo phe kháng chiến chống Tây từ Khu Tám xuống Khu Chín. Sau khi về Sài Gòn chú viết một bài đả kích một Pháp sư Phật giáo đang là Viện chủ một ngôi chùa ở Lộc Ninh. Ở cuối bài báo, chú viết hàng chữ: *Những tài liệu về tên ác tăng này do ông Nguyễn Viết Khải, chủ nhơn tiệm thuốc Tây ở Lộc Ninh cung cấp. Xin chơn thành cám ơn ông.*

Nhà sư tức giận cha tôi lắm, điều động một số Phật tử cuồng tín đến chọi đá vào tiệm thuốc Tây của cha tôi, hăm he chặt đầu lột da cha tôi. May mà có ông Quận trưởng vốn thân thiết với cha tôi kịp thời can thiệp, cho Dân vệ (tức là Nghĩa quân về sau) đến giải tán những người này.

Từ đó, giao tình giữa cha tôi và chú Vũ Bình đứt hẳn. Riêng nhà sư, về sau tình cờ được kẻ cung cấp tài liệu cho chú Vũ Bình là một vị sư khác lăm le giựt chùa của sư, nên cung cấp tài liệu mạ lỵ sư cho chú Vũ Bình. Sư trở nên tương đắc với cha tôi, cùng cha tôi tham khảo khoa châm cứu để cứu nhơn độ thế.

Chú Vũ Bình có vốn sống về đất nước Hậu Giang cực kỳ phong phú như các anh Sơn Nam và Lê Xuyên. Nhưng hơn hai nhà văn nầy, chú có quãng đời thơ ấu, thời hoa niên và thời thanh xuân sôi nổi. Lại còn quãng thời gian mà chú vào tù ra khám nữa chi! Chú viết phóng sự, truyện ngắn đôi dào và lai láng như nước sông mùa lũ. Nhưng tiếc thay, hễ báo đăng bài nào của chú, chi tiền nhuận bút cho chú là chú gạt bài đăng qua một bên, còn hay mất chú chẳng quan tâm! Chú không có thói tích kim trữ ngọc, cho nên văn chương của chú bay tản mạn như hương rơi phấn rớt, nếu hương có lan rộng ngàn phương gió lộng và dù phấn có tỏa dai dẳng trong ký ức những kẻ yêu chuộng văn chương miệt vườn chăng nữa, chú cũng không tiếc!

Riêng tôi, tôi chưa hề nói với chú quá ba câu. Cặp mắt chú sáng như sao, và dữ dội như mắt cọp mun, mắt beo gấm làm tôi bàng hoàng. Cái chòi lá của chú giữa cánh đồng loáng nước miệt Hóc Hỏa chưa bao giờ tôi đặt chân đến. Nhưng ở con người ấy khi cách tôi một khoảng khá xa, trở nên quyến rũ đối với tôi để tôi có thể mường tượng trăm chuyện kỳ thú về đương sự. Cũng vậy, bởi chưa đặt chân tới đẻo đất cất chòi của đương sự, tôi có thể dệt biết bao những bí ẩn hoang đường trong chòi. Như vậy có lẽ tôi mới tìm gặp những thú vị kỳ ảo. Đó cũng như khi thấy sắc thúy màu lam ở phía xa xa của một dãy núi, hồi còn thơ ấu, tôi có thể tưởng tượng biết bao thế giới thần tiên trên đỉnh núi. Nhưng khi lớn lên, có dịp đi chơi núi, bao nhiêu tưởng tượng của tôi sụp đổ tan hoang dù núi có những cảnh lạ mắt so với các cảnh vật ở đồng bằng mà tôi đã được sinh ra và đã từng lớn lên trong nếp sinh hoạt liên tục.

Ở Vũ Bình, tôi cảm thấy trong nếp sống của chú (nhất là vào thời quá khứ xa xưa) có vài bóng oan hồn lảng vảng, không thể tiêu diêu được vì còn ngậm một khối căm hờn chưa thể báo phục. Và nhìn khuôn mặt nhất là cặp mắt chú, tôi thấy rờn rợn. Cái rờn rợn trộn lẫn kỳ thú khêu gợi óc tò mò và cõi mường tượng của tôi một cách say sưa liên lũy...

*

Vùng Hóc Hỏa vào hai thập niên 40, 50 hãy còn nhiều chất phèn. Ngoài dừa, chuối, người ta có thể trồng thêm mãng cầu xiêm, trái to cỡ trái sa kê, đường kính dài nửa gang tay, bề dài gần một gang tay, da láng nhưng điểm gai lấm tấm thưa. Múi mãng cầu xiêm trắng nõn, chua thanh (trong chất chua có chất ngòn ngọt). Ngoài ra người ta cũng có thể trồng mía, khóm, khoai lang. Nhưng nhắc tới Hóc Hỏa, tôi chỉ nhớ tàng dừa, bóng chuối, cây vông đồng, khóm rau đắng. Chồng lên những thứ thảo mộc đó là hình ảnh chú Vũ Bình.

Những tàu cá chuối trong tấm ảnh của anh Võ Đình in ở bìa sau quyển *Lầu Xép* làm cho tôi nghĩ nhiều về cuộc đất ở Ngã Ba Trung Lương (thuộc tỉnh Mỹ Tho), quê ngoại của cha tôi. Đó cũng là thiên đường thời thơ ấu của Thụy Vũ và của tôi. Khuôn viên của bà cố ngoại bên nội của tôi (tức là bà ngoại của cha tôi) chỉ trồng có hai thứ cây ăn trái là chuối và mận. Mận gồm có nhiều thứ. Mận hồng đào màu đạm hồng thỉnh thoảng loang một tảng hồng tươi ấm áp. Mận da người màu nâu đỏ như màu huyết ngọc. Mận xiêm màu ngọc thạch bóng loáng. Mận lý trắng mịn và hơi ửng vàng như đúc bằng sáp ong. Còn chuối thì nhiều nhất là chuối xiêm bụ bẫm (còn gọi là chuối sứ) màu hoàng lan (vàng pha một chút xanh tái). Chuối lá ta màu mật trăn mật rắn vàng ẻo, bệch bạc, vỏ có những sớ dài sọc, thân đài thon thả. Chuối cau màu hoàng cúc đậm đà. Chuối già hương xanh lục khi bắt đầu chín ửng vàng rồi vàng toàn trái, để rồi khi chín rục có điểm chấm nâu như da loài beo gấm. Ngoài ra còn chuối chà bôm lửa vàng ửng đỏ lộng lẫy, còn có chuối xiêm mảng lớn cỡ ngón cẳng cái. Trong các thứ chuối, chỉ có chuối cau ăn hiền và ngọt nhất. Chuối xiêm có thể dùng để ép khô, làm bánh chuối, kẹo chuối, làm món chuối chưng với bột báng và nước cốt dừa, làm món chuối xào dừa...

Giờ đây mường tượng lại cuộc đất ở Ngã Ba Trung Lương, tâm hồn tôi mát rượi bởi màu xanh các tàu chuối, các lá mận bóng mượt dưới ánh nắng. Tôi hồi tưởng lại thuở đó chị Thụy Vũ tôi ăn mặc theo con trai, mãi tới năm 1945, khi Pháp tái chiếm Nam Kỳ, chị bắt đầu để tóc bum bê, mặc áo đầm. Chiếc áo đầm đầu tiên đưa chị trở lại cô ngọc nữ tuổi vừa lên bảy đó bằng loại vải bóng mịn, hơi mỏng, in bông xanh. Đó là món quà bà Song Thu (mẹ kế của ba tôi, và cũng là mẹ ruột của cô Phương Đài tôi). Có lẽ chị tôi đã quên chiếc áo ấy, nhưng không quên thuở thơ ấu của mình ở Ngã Ba Trung Lương.

Má tôi thường nhắc nhở xếp vải đó hoài. Đó là vào thuở Nhật đảo chánh Tây. Tướng Nhật tên Tùng Tỉnh biết bà Song Thu là nhà cách mạng nổi tiếng nên thường bút đàm với bà (bà không nói được tiếng Nhật, nhưng là bậc thâm nho). Nhận thấy bà am hiểu tình hình thời cuộc, lại hợp nhiều quan điểm chính trị với ông ta nên ông ta mời bà làm việc trong Bộ Tham Mưu của ông ta. Nhận thấy mình nếu cộng tác với Nhật là có thể cứu các đồng chí của mình nên bà nhận lời. Lúc đó thanh thế bà lẫy lừng, những thân nhân của những kẻ được bà cứu giúp đem tiền lại tặng bà, nhưng vốn liêm khiết, bà không nhận. Do đó mà họ tặng quà cho bà. Xấp vải trắng in bông xanh là một trong các món quà đó. Má tôi may cho chị tôi chiếc áo đầm có cài nơ bướm ở thắt lưng. Vải còn dư, má may cho tôi chiếc áo sơ mi tay ngắn để tôi mặc chung với cái quần *short* bằng vải kaki màu chàm đậm.

Hôm đó từ Sài Gòn dắt cô Phương Đài tôi đi Mỹ Tho, bà Song Thu có ghé Ngã Ba Trung Lương thăm cha tôi, tặng quà cho chị em tôi rồi đi ngay chứ không chịu dùng cơm trưa. Thấy cô Phương Đài tôi đã 15 tuổi, duyên dáng trong chiếc áo dài màu hồng đào, má tôi bảo:

"Em Hường (tên cúng cơm của cô Phương Đài tôi) đã lớn, xin dì để cho em ở với vợ chồng con. Ngoài chợ Mỹ có trường trung học Le Myre de Vilers. Em Hường cần phải học cho hết bực Thành Chung."

Bà Song Thu cười:

"Không còn bao lâu nữa nước nhà mình được độc lập, rồi đó nó mặc sức mà trau giồi trí dục."

Phải đợi tới 10 năm sau, đất nước miền Nam mới vào chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Cô tôi trước đó đã lấy chồng, không có dịp nào đeo đuổi bực Trung học.

Chị Thụy Vũ tôi và tôi chỉ mặc áo đẹp vài lần rồi xếp vào chiếc rương sơn đen ướp long não. Cả ngày, hai chị em chơi đùa với lũ trẻ hàng xóm, chạy hú tìm trong vườn, dưới bóng mát những khóm chuối, những cây mận. Chuối mọc um tùm nên mặt đất trở nên ẩm, phủ rêu xanh mịn như nhung. Mận vào tháng Tư, tháng Năm âm lịch trổ trái ê hề, nhưng tụi trẻ chúng tôi chỉ thích mấy trái ổi vỏ xanh ruột tím hồng điểm hột ngà. Rồi chúng tôi tát mương bắt cá, tép, tôm... Quần áo đứa nào cũng dính bụi cát, bùn sình. Rồi ngoảnh đi ngoảnh lại, tầm vóc chúng tôi phát triển thêm, không còn dịp nào mặc lại cái áo đẹp lần thứ năm.

Từ năm 1947, má tôi dắt hai chị em tôi về Vĩnh Long, nương náu nhà ông nội tôi mãi cho tới 1955 tôi mới có dịp về Ngã Ba Trung Lương. Nhà bà cố tôi đã giỏ đi, vườn cây ăn trái đã bán hết cho người cô họ, chị em bạn dì với ba tôi.

Nửa thế kỷ trôi qua, đầu tôi đã bạc, tôi sắp vào lứa tuổi lục tuần. Tuy nhiên, có những cơn

chiêm bao bất chợt, tôi thấy lại tàng cây mận, bóng khóm cây chuối trong khu vườn thơ ấu xa xưa, thấy các phiến lá mận bóng mượt nhấp nháy ánh nắng, thấy các tàu chuối giát bạc giát vàng khi phơi mình dưới ánh trăng. Và có đêm, tôi chiêm bao trở về nơi ấy nhưng bước vào thì dễ nhưng trở ra thường những lối đi rải vỏ sò vỏ hến (để khỏi trượt vì bùn vào mùa mưa) đã bị cây xương rồng, cây độc trụ lấm tấm gai che mất lối đi. Rồi đó dưới bóng trăng tái nhợt, những con chồn mướp chồn đèn lượn tới lượn lui...

Cũng có lần tôi thấy lại trong chiêm bao mình đứng trước dẻo đất giữa cánh đồng loáng nước có chòi lá của chú Vũ Bình cất dưới bóng cây vông đồng. Tôi chợt thấy ánh đèn trong chòi hắt ra, trong khi đó xung quanh chòi ánh hoàng hôn sẫm đần để đổi thành màu tro xám. Tôi liền xoắn ống quần vượt qua thủa ruộng loáng nước để vào chòi. Chú Vũ Bình không có ở trong ấy, chỉ có cái bàn thờ có bát cẩm nhang và ngọn đèn bóng trứng vịt. Một nén nhang cắm trong bát tuôn khói che mờ khung ảnh lớn cỡ 18 x 24. Tôi liền áp lại gần khuôn hình để xem người trong ảnh là ai? Thì ra là ảnh... của tôi hồi gần 50 năm về trước, một cậu trai 13 tuổi, tóc hớt ngắn, khuôn mặt sật sừ như bị chụp thuốc mê! Tôi hết lớn lên và lọt ra ngoài cơn dị mộng.

*

Chú Vũ Bình và anh Võ Đình đều quen biết ông Võ Phiến và tôi. Anh Võ Đình xuất thân gia đình trung lưu ở Huế. Chú Vũ Bình xuất thân gia đình một điền chủ ở vùng Tiền Giang Nam Kỳ. Có lẽ thân sinh chú giàu hơn thân sinh anh Võ Đình. Nhưng nghiệp chướng đưa đẩy chú trở thành dân dao búa bụi đời. Còn anh Võ Đình cũng xa quê từ thuở hoa niên để trở thành một nghệ sĩ trí thức, thiên cư ở bất cứ chỗ nào trên đất nước Hoa Kỳ cũng mang tủ sách theo, tủ sách ấy càng ngày càng nhiều, biến nơi anh cư ngụ thành vạn quyển thư trai.

Khi thiên cư về Sài Gòn, chú Vũ Bình vẫn nhớ cảnh đồng quê. Nhưng vì ở trong xóm lao động nhà cửa chen chúc, chú không có một dẻo đất trồng rau, không buồn sắm một chậu cây cảnh hay chậu hoa bày trong nhà hay trong sân. Chú chỉ biết làm sống lại sông rạch, đồng ruộng, cỏ cây, chim cá vào những bài viết phóng sự. Riêng anh Võ Đình thì vẫn thích dọn đất làm rẫy, trồng hoa bất cứ ở nơi nào

anh cư ngụ. Đời tình cảm của anh Võ Đình có nhiều đoạn sóng gió, nhưng anh vẫn chưa vượt khuôn khổ quá xa để khỏi biến cách sống của mình trở thành phóng dật. Anh tìm tòi đường lối viết văn, đường lối vẽ. Văn phẩm anh và họa phẩm anh không chỉ do phút xuất thần linh ứng mà hình thành. Chúng còn hướng dẫn bởi kiến thức, bởi sự đào luyện của anh. Còn chú Vũ Bình viết theo bản năng, theo năng khiếu. Dù văn phẩm chú tươi tắn, sung mãn, nhưng vẫn là loài man thảo mọc tràn ngập, bừa bãi, tùm lum tà la, cần phải có tỉa xén mới đẹp vừa mắt.

Hai bức thư của chị Lai Hồng làm tôi ao ước cây cối, rau cỏ, bông hoa trong khuôn của đôi bạn Võ Đình - Trần Thị Lai Hồng. Đồng thời sau hình ảnh của họ, biết bao là hình ảnh quá khứ nổi bật lên trên tấm màn đen sẫm của ký ức tôi, biết bao khuôn mặt của thời gian như trong một cuốn phim dĩ vãng quay chậm khi tôi khép rèm mi lại để sống trọn vẹn cho phút giây hồi ức. Sau rèm mi là rèm lệ. Không phải là đó những giọt nước mắt đau buồn thương tiếc mà là những giọt nước mắt

mừng rỡ vì tìm lại được một góc thiên đường để được sống lại, để trải trên các trang bản thảo phơi nõn nà như lông cánh thiên nga dưới ánh đèn.

Trong bao khuôn mặt của quá khứ, chỉ có khuôn mặt chú Vũ Bình nổi bật nhất. Với tôi, đó là một kỳ nhân, một quái nhân, một nhân vật như trong quyển cổ tích, quyển truyện phiêu lưu bay ra. Tay chú đã từng cầm dao khơi chảy những dòng màu đỏ như màu hoa cây vông đồng sau căn chòi lá của chú. Bàn tay đó đã cầm bút để trải những chữ bằng mực lam đậm dưới ngòi viết lá tre để viết những đoản văn lên những trang giấy kẻ "ca rô," dưới mái thảo lư thơ mộng mà tôi chưa từng đặt chân vào trong.

Tôi biết lắm, dù có viết về chú Vũ Bình, về anh Võ Đình, về chị Lai Hồng, về cây cối, rau cỏ, bông hoa miền nhiệt đới, nhưng cái thôi thúc, cái động cơ thật sự vẫn là niềm nhớ quê, nhớ thiên nhiên ở vùng đất Nam Kỳ dưới vòm trời nhiệt đới.

Tôi mong sao khi tạo được một cảnh Nha Trang ở tiểu bang Florida, anh Võ Đình phải nuôi một con chó và một bầy gà. Cảnh quê mà tinh sương và xế trưa không có tiếng gà gáy, tiếng chó sủa thì làm sao gợi được thời biển lặng sông trong, dân quê an hưởng cảnh thái bình?

Tôi không ngờ hai bức thư của chị Lai Hồng làm sống trong tôi biết bao giây phút hồi tưởng và mường tượng. Hồi tưởng hình bóng chú Vũ Bình. Mường tượng nếp sống có cỏ cây, hoa lá, phấn nội hương đồng của anh Võ Đình. Và tôi lại liên tưởng chú Vũ và anh Võ qua những thứ cây leo cây bò. Anh Võ Đình như dây tường vi phủ rợp giàn trong vườn để trổ bông hoa màu hồng quế, hồng phấn, hồng nhung. Chú Vũ Bình là dây sương sâm bò càn trên vùng sỏi đá, trên ngọn đồi Tăng Nhơn Phú (Thủ Đức). Anh Võ Đình như dây Thiên lý rợp giàn trong sân để trổ hoa màu ngọc thạch, màu lục nõn. Còn chú Vũ Bình là dây mồng tơi mọc tràn trên giậu, trên rào, bất kể gai góc. Nếu chúng ta yêu cái đẹp cùng hương thơm của bông tường vi và hoa thiên lý, thì bát canh quê nấu bằng rau mồng tơi và ly sương sâm không thể đem lại chúng ta phong vị sẵn dã hay sao?◉

Hiểu Thúy Thư Trai,
chớm Xuân năm 1998

Nhà xuất bản CÁI ĐÌNH

THƯ MỤC 1998

◉ **Dòng Sông Sữa Mẹ,**
tuyển tập truyện ngắn của **Nguyễn Lê Hồng Hưng.**
◉ **Trao Tặng Đất Trời**, tập thơ của **Nguyễn Hoàn Nguyên**
◉ **Câu Chuyện Giữa Đường**, tuyển tập truyện ngắn của **Nguyễn Hiền**
◉ **Vàng**, tập thơ (Việt Anh Pháp ngữ) của **Cao Xuân Tứ**
◉ **Ngàn Năm Nào Ngưng Đọng,**
đĩa nhạc với giọng ca **Kiều Hưng** và **Dương Thái Dũng**

Sắp phát hành: **Những Mảnh Đời Nổi Trôi**, tập truyện ngắn của **Nguyễn Lê Hồng Hưng.**
Cái Đình lựa chọn tác phẩm có giá trị văn học cao, trình bày và ấn loát mỹ thuật, giúp bạn có một tủ sách đẹp và hay, một món quà tặng trang nhã.

CÁI ĐÌNH

Den Uylstraat 36 - 8015 DZ-Zwolle - Holland
Tel & Fax: +31 - (0)38-4600989

VỀ TẮM AO XƯA DÂN TA VÀ ĐÔ-LA MỸ

BÙI DƯƠNG CHI

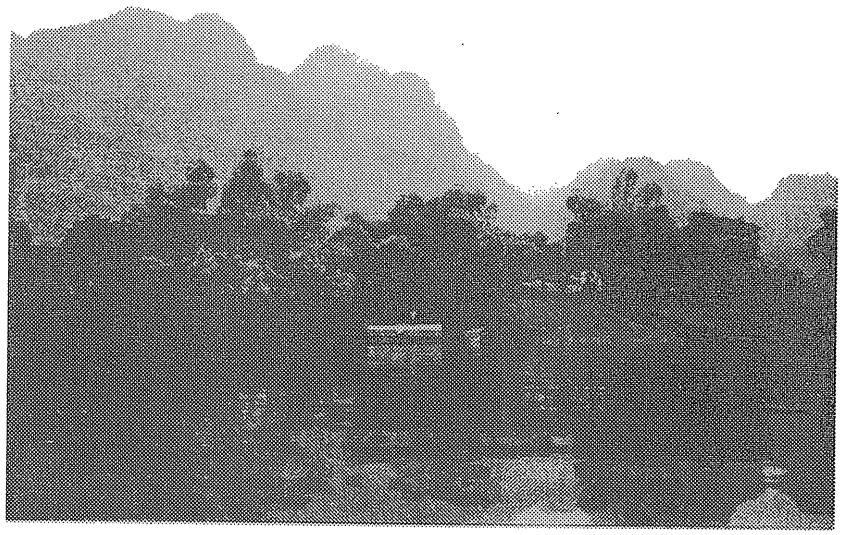

Đường vào động Phong Nha - Đồng Hới, Quảng Bình.

Bắc Kạn 2/12/97. Gần 10 giờ tối, chúng tôi đi bộ ra Bưu Điện vì nhà tôi phải gọi cho văn phòng ở Mỹ. Tuy hàng quán đã đóng cửa nhưng trên lề đường cứ khoảng vài chục bước lại có một nhóm người, phần nhiều là thanh thiếu niên nam nữ, mặc quần áo mùa đông, ngồi xổm sát nhau, cười đùa trò chuyện chung quanh các gánh chè và lò ngô nướng. Chúng tôi ghé lại chỗ của một bà lão và bảo cụ nướng cho hai bắp. Trời lành lạnh, mùi ngô thơm phức, tôi vừa ăn vừa hỏi giá. Bà cụ xin sáu trăm (khoảng 5 cents). Tôi móc túi, có dollar nhưng sực nhớ không đem theo tiền Đồng vì chỉ tính đi gọi điện thoại quốc tế. Nhà tôi, Mỹ chính tông, mang có mỗi quyển sổ địa chỉ. Thấy thế, một thanh nữ nhanh nhẩu nói, "Chú đưa tiền ngoại cháu đổi cho." Tôi đưa tờ 5 dollars, đổi thành 60 nghìn, thiệt mất hơn một quarter theo tỉ giá (hối xuất) chính thức.

Có lẽ nhờ những dịch vụ mua bán đổi chác kiểu này mà bây giờ đến trẻ đánh giầy đôi khi cũng có Đô. Chị bán mía ghim ở bắc Mỹ Thuận, cậu chạy xe Honda ôm ở thị xã Cà Mau, ông lái đò ở động Phong Nha thuộc tỉnh Đồng Hới, phụ nữ dân tộc Thái bán hàng thổ cẩm ở chợ huyện Thuận Châu, cô bán nước khoáng ở Côn Đảo, bà bán cơm bình dân ở Đồng Đăng, Lạng Sơn, thấy tôi để tâm hỏi đều nói nhờ có khách tham quan nước ngoài, chủ yếu (phần chính) là Tây Ba-Lô (Backpackers) nên ai cũng biết tiền Đô. Họ còn nói Tây Ba-Lô tiêu tiền kỹ lắm. Có người vào nhà dân ở rải rác ngoài đồng xin ngủ lậu cho đỡ tốn kém. Sáng dậy, không sẵn tiền mình thì trả

một Đô cũng xong.

Được nghe và đôi lần chứng kiến sự kiện trên, cộng thêm với nhiều mẩu chuyện dọc đường của các hướng dẫn viên du lịch, tôi không biết ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, còn có xứ nào dollar lưu hành thoải mái và rộng rãi như ở Việt Nam chăng.

Sinh viên thỉnh thoảng đề nghị cho viết bài khảo cứu cuối học kỳ về mặt này của tình hình ngoại tệ ở Việt Nam trong thời kỳ Đổi Mới. Tôi không đồng ý. Lý do là rất khó thu thập và định mức chính xác của tư liệu (tài liệu) để làm cơ sở (căn bản) cho bài viết vì công tác tìm hiểu và kiểm chứng rất dễ gây hiểu nhầm nghiêm trọng. Tôi bảo hai sinh viên gốc Việt, chuyên ngành tài chính, tôi sẽ ghi lại những điều "nghe nói" và "cho rằng" kèm thêm mấy "con số lấy trong báo." Bao giờ hoàn cảnh cho phép, sinh viên nào muốn khảo cứu thì có thể đọc thêm bài gợi ý của tôi.

Nói vậy nhưng cứ lần lữa mãi. Nhân thể mùa Đông này không ai gọi sơn phết nhà cửa trừ một ít việc vặt, nên tôi rảnh tay biên lại những phỏng định và gốc gác của lượng dollar nằm trong quần chúng kèm theo phần tản mạn về tác động của số tiền này.

Trước Tết Mậu Dần, báo chí đăng tin người Việt ở nước ngoài sẽ đem về khoảng 200 triệu Đô, chắc dựa vào con số của những Tết trước. Tôi thấy nói khoản này kiểm kê được. Chỉ cần căn cứ vào giấy khai hải quan (quan thuế) miễn là ít ai khai khống mà không bị phát giác. Mục đích khai khống (có ít khai nhiều) nghe nói để mang tiền ra khỏi nước một cách hợp pháp vì thông tư cấm đem ra nhiều hơn số tiền mang vào khi nhập cảnh, trừ phi có giấy phép làm ăn hợp lệ. Có nhiều khai ít nghe nói cũng xảy ra. Lý do có thể là ngại phải khai chi tiết hoặc sợ bị dòm ngó, v.v...

Khoản thứ hai là tiền gửi về trong năm. Theo mấy người làm dịch vụ kiều hối (chuyển ngân) ở Việt Nam và Mỹ thì người mình gửi tiền về gia đình nhiều lắm. Nếu kể cả ở Úc, Canada, Nga, Ba Lan, Tiệp, Pháp, Đức... thì phải tới cả tỉ, chưa kể số tự mang về hoặc nhờ bà con, bạn bè.

Khoản thứ ba là của người đi lao động nước ngoài. Tôi có nói chuyện với hai nhóm đánh cá. Một nhóm hơn hai chục thanh nam đi cùng chuyến bay với tôi từ Tân Sơn Nhất đến Osaka, Nhật Bản, trước khi chia tay sang Pusan, Đại Hàn. Các cậu cho biết mỗi người phải vay ngân hàng 24 triệu Đồng (khoảng 2.000 Đô) đóng phí dịch vụ hành chính, vé máy bay, v.v... cho một cơ quan xuất khẩu lao động ở địa phương. Những cậu đã đi một hoặc hai lần bảo làm một năm thì trả hết nợ, còn thừa được hơn 1.200 Đô.

Nhóm thứ hai gồm bốn cậu, trên đường về nước, đi cùng chuyến từ Tokyo, quá cảnh (transit) Bangkok, lại kể là mỗi tháng đi làm thì gia đình được lĩnh năm triệu. Muốn đi thì phải chạy phí dịch vụ, vé máy bay và linh tinh mất 30 triệu (khoảng 2.500 Đô) nộp công ty. Theo Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội cả nước có 47 doanh nghiệp xuất khẩu lao động có giấy phép, còn không hợp lệ thì chưa kiểm kê được (báo Thanh Niên ngày 21/2/98).

Cả hai nhóm cho biết sau khi hết hợp đồng thì được về nước nghỉ. Sau đó, nếu muốn, lại đăng ký đi tiếp. Hỏi đánh cá ở đâu. Trả lời là ở tận phía nước Nga và ngoài khơi Nam Mỹ. Tầu không được vào gần nước nào cả. Công việc chính là phân loại cá, mổ bụng moi ruột và sắp xếp ướp lạnh. Lúc có cá phải làm từ 14 đến 16 tiếng mỗi ngày. Bốc cá đông lạnh sang tầu chuyên chở cũng làm ngay trên biển. Ở trong hầm lạnh, mặc mấy lớp áo, đeo hai đôi găng, mũ bịt kín tai, chân đi bốt đến tận đầu gối, hai ba tiếng sau đã chịu không nổi. Mới đầu mệt lắm lại còn say sóng nôn oẹ liên miên. Thịt, cá, cà phê, Coca, Pepsi thả cửa. Đồ hộp, chanh cam không thiếu. Chỉ thiếu ngủ. Không bị đánh đập nhưng làm việc lơ mơ là bị mắng ngay. Tầu nào cũng có người làm lâu biết tiếng Đại Hàn. Có cả lao động Phi Luật Tân. Có được tham quan Pusan và Seoul. Có tầu cặp vào lấy cá thì được gửi thư. Nhớ nhà lắm nhưng làm ruộng làm thuê cũng vất vả mà lại ít tiền.

Trên tầu bay từ Bangkok về Tân Sơn Nhất, một cậu viết chữ chưa rành nhờ tôi điền hộ giấy tờ nhập cảnh. Đến mục khai tiền, cậu ta bảo để hỏi các bạn đã. Tôi bảo nói với tất cả cứ khai đúng, không có gì phải sợ. Không khai nhỡ hải quan khám, bị phạt phiền lắm. Cậu ta về chỗ ngồi một lúc rồi quay lên nhờ: " Bố ghi con có một nghìn hai trăm mấy chục". Tôi hỏi: "Có mang hàng ngoại không?". Trả lời: "Có độc cái đồng hồ Seiko". Tôi nói không tin được. Cậu thề đến Saigon mới mua quà cáp về quê. Tôi bảo: "Mày thề láo máy bay đâm đầu xuống đất chết cả đám". Cậu ta cười hì hì: "Bố khai hộ con không oan mạng người khác, nhưng bố khai in ít tiền thôi."

Trong bài "Xuất khẩu 15.000-20.000 lao

động ra nước ngoài trong năm 98" nơi trang nhất của báo Thanh Niên số 30 ngày 21/2/98, phóng viên Lê Thanh Huyên viết: " Ông Trần Văn Hằng, Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài cho biết....hiện có khoảng 55.000 lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài...theo ước tính, trong vài năm trở lại đây, mỗi năm số lao động này gửi về nước khoảng 1 tỉ USD. Còn theo ngân hàng, mỗi năm có khoảng 2 tỉ USD của lao động Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước, trong đó chỉ có khoảng 1 tỉ USD gửi qua ngân hàng."

Khoản dollar thứ tư là của du khách không phải gốc Việt. Khách "xịn" (sang trọng) thường đi theo đoàn, thấy bảo rất ít tiếp xúc với dân và phần nhiều đổi ngoại tệ ở ngân hàng và khách sạn. Tây Ba-Lô thì ăn ở đi đứng rất xuề xoà, tiền bạc thường tiện đâu đổi đấy. Khoản này chắc không nhiều nhưng nó lội về tới tận buôn, làng, bản, sóc. Hai lần thăm làng dân tộc Vân Kiều gần Khe Sanh, thầy trò đều gặp những người này. Các bà các cô bán hàng ăn uống đối diện với nhà khách Lê Lợi, trước 1975 là một cơ sở của Đại Học Huế, bảo khách Tây lúc nào cũng đông nghịt. Mấy người sang hơn thì ở khách sạn Hương Giang và Century gần chỗ Hotel Morin mới làm lại. Họ đi ôtô, đi bộ, đi đò, đi xe đạp xem Đại Nội, lăng tẩm, đền chùa. Nhiều người còn đi ra khu Phi Quân Sự ngày xưa hoặc theo QL9 Nam Lào lên Khe Sanh, Lao Bảo và đường Trường Sơn. Cậu quản lý một hàng ăn kiêm phòng trọ kiêm du lịch bình dân ở phố Hàng Quạt Hà Nội cho biết mỗi tháng trước kia có cả nghìn người, gần đây ít đi, chỉ còn trên dưới bẩy trăm. Vợ chồng chủ quán du lịch ở đường Đề Thám thuộc khu Ba-Lô Quốc Tế Phạm Ngũ Lão, gần chợ Bến Thành, bảo hồi này cạnh tranh dữ quá, khách lại giảm nên trung bình một tháng còn kiếm được có ba, bốn trăm mạng.

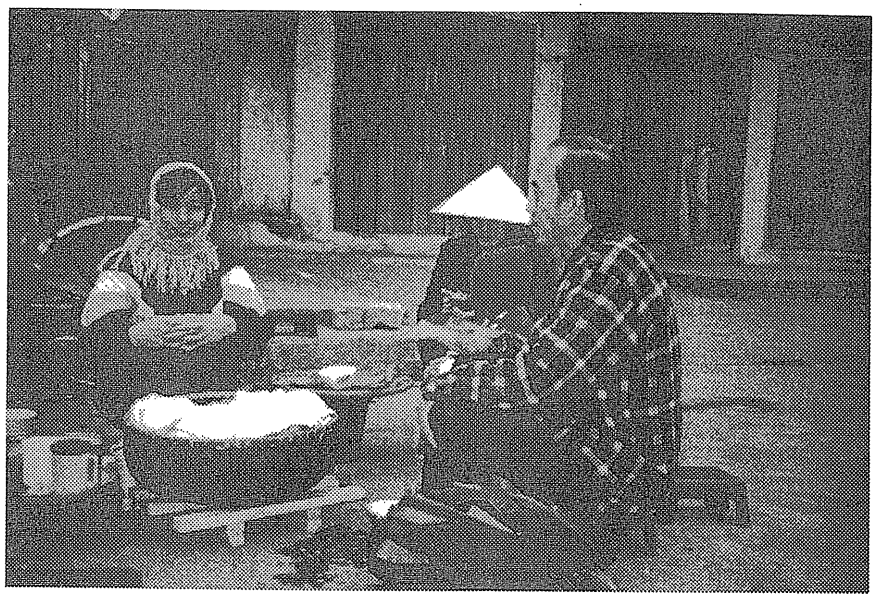

Thái Nguyên - Cô bán xôi

Khoản thứ năm là dollar lọt ra thị trường. Thiên hạ nói nhiều lắm. Đáng lẽ Đô này của nhà nước trung ương và địa phương nhưng lòng vòng một hồi nó hóa ra tiền Đồng. Theo họ thì nhiều bộ, nhiều sở, nhiều ủy ban, kể cả Công An và Quân Đội, có đủ loại cơ sở doanh nghiệp hoặc có chung vốn, góp đất làm ăn trong nhiều lĩnh vực như du lịch, khách sạn, hàng ăn, chuyên chở, xuất khẩu, nhập khẩu, chưa kể những ngành quốc hữu như bưu điện, viễn thông, hàng không, xe lửa. Theo thông tư thì mua, bán, thanh toán trong nội địa phải dùng tiền Việt Nam nhưng trong thực tế thì Đô càng tốt, cả Đồng lẫn Đô cũng tốt. Chẳng hạn lệ phí phục vụ ở phi trường Tân Sơn Nhất, quốc nội là 20.000 Đồng, quốc tế là 10 USD. Khách trả làm sao tính ra cho đủ là được. Vé máy bay, tiền phòng, tham quan di tích lịch sử, gửi fax, gọi điện thoại, v.v... cũng thế. Thiên hạ đồn người có chức quyền mà lươn lẹo thì mang Đô đó bán ra ngoài chợ đen với giá cao rồi đem Đồng trả lại cơ quan theo giá chính thức. Đầu heo nấu cháo, bỏ túi từ 5 đến10% cái một. Ông thợ hớt tóc gốc cây ở Hà Nội thì bảo ngon hơn óc chó. Ông còn xuýt xoa nếu tay nào móc ngoặc được với ngân hàng láo lếu thì lại lấy Đồng đổi Đô theo tỉ giá ưu đãi rồi cho nó chạy hai ba tua nữa. Nhà cao cửa rộng mấy chốc.

Cộng mấy cái "nghe nói" và "cho rằng," dân

bia hơi cơm bụi, chẳng ai chịu ai, quả quyết mỗi năm số Đô đi vào quần chúng phải từ năm tới mười tỉ. Bà chủ tiệm vàng, thỉnh thoảng tôi ghé đổi tiền, cũng nhất định bạc tỉ chứ không ít. Tôi hỏi: "Bạc tỉ là bao nhiêu?" Trả lời: "Là mấy tỉ chứ nhiêu. Thầy tính đăng báo hả?" Một người quen cũ bây giờ làm ăn rất khá, giao du rộng rãi, cho rằng chưa đến hai tỉ. Tôi hỏi tiền Đô không nằm trong ngân khố, ngân hàng, hiện nay có độ bao nhiêu. Anh nói cứ lấy số tròn. Mỗi năm có thêm hai tỉ đi vào thị trường tự do. Nếu kể từ năm Mỹ bỏ cấm vận, trừ hao các khoản nhập lậu và chuyển lén ra nước ngoài thì cũng còn tới năm tỉ.

Tôi đem chuyện số tiền phỏng đoán này nói với một ông bạn vong niên làm tư vấn cho hai tổ hợp quốc tế. Ông bảo chỉ riêng con số gửi về nhà hàng năm mà đúng thì tác động tâm lý thuận lợi đã lớn lắm rồi. Dân chúng và các doanh nghiệp nhỏ sẽ yên tâm bỏ vốn làm ăn nếu biết hoặc tin là mỗi năm có hai tỉ Đô vào thẳng trong nước, bảo đảm phần nào khả năng tiêu thụ và nhập cảng nhu yếu phẩm. Nếu nó lại luân chuyển hợp quy luật thị trường thì trị giá tín dụng còn cao nữa. Một Đô hóa thành mấy Đô tín dụng. Theo ông, ở các nước kém mở mang, tiền Đô nằm trong tay tư nhân lợi hại lắm. Lợi là lòn qua được nhiều thủ tục chồng tréo làm cản vòng quay. Hại ở chỗ mấy xứ này có nhiều yếu tố tiêu cực biến tiền Đô thành thuốc tiếp sức cho nạn buôn lậu.

Ông luật sư Mỹ về hưu, thân chủ sửa nhà lặt vặt của tôi, trước kia làm cho Mobil Oil ở Nigeria, lại bảo trừ những thứ như ma tuý súng đạn, buôn lậu không phải ở đâu cũng chỉ hoàn toàn là "nạn." Theo kinh nghiệm của ông ở mấy nước Phi Châu như Nigeria, của công và thuế má mà vào tay mấy ông tướng thì tỉ số mất mát và lãng phí cao lắm. Ông bảo Nigeria rất nhiều dầu hỏa. Tiền bán dầu, thuế khai thác, thuế tiêu dùng hàng chục tỉ mỗi năm mà đường xá, cầu cống, trường học, bệnh viện không ra gì hết. Thành ra hồi đó có buôn lậu nhưng dân cũng chả thiệt hơn mà thị trường lại có thêm nhiều loại hàng nhập đáp ứng đúng nhu cầu, vừa tốt mà lại rẻ bớt phần nào. Ông nói bảo buôn lậu làm chính phủ mất nhiều tiền để xây dựng hạ tầng cơ sở, kiến tạo phúc lợi xã hội cho dân thì đúng nhưng ở Nigeria hồi đó thì không phải như vậy. Bảo buôn lậu làm hại xí nghiệp sản xuất và chế biến trong nước cũng đúng, nhưng trong mức độ giới hạn nào đó, nó vô tình thúc đẩy một số doanh nghiệp Nigeria phải cố gắng cải tiến để tồn tại.

Ông nghỉ lấy hơi, mắt hấp háy nhìn tôi. Chuyện Phi Châu này khác lạ nên tôi không sốt ruột như nhiều bận trước, cứ xong việc, chờ trả tiền, là phải nán lại nghe ông cà kê dê ngỗng. Những lần đó, vợ ông thường mời uống trà và đùa là để cảm ơn tôi "cho mượn tai" (lending your ears) gánh đỡ giùm bà.

Việc vặt kỳ này gồm thay khoen cao xu của vòi nước bị nhỏ giọt và xịt keo chét kẽ hở quanh bồn tắm. Tôi bảo cả công lẫn vật liệu hết 25 dollars nhưng bài giảng kỳ này rất lý thú, tôi bớt 20%. Ông cười.●

Sang Xuân Mậu Dần

KHÁNH HÀ

QUÊ MÌNH

Ở đây không phải quê mình
Dẫu Em con suối vô tình chảy qua
Dẫu tôi hóa cội thông già
Trăm năm đứng đó thiết tha reo buồn

Đành như nước đã xa nguồn
Qua ngàn dâu biển qua truông cơ cầu
Bọt bèo tan tác về đâu
Soi trong hạt lệ còn màu phân ly

Hoa mùa xưa đã tàn đi
Dư hương còn thoáng chút gì chưa phai
Quê mình không ở đời này
Ở trong cổ tích mỗi ngày một xa

NÓI THÊM VỀ CHỮ I VÀ Y TRONG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

ĐOÀN XUÂN KIÊN

1. Mục "Bạn Đọc Viết" trong tập san Thế Kỷ 21 số 111 (tháng 7.98) có đăng ý kiến một độc giả về chuyện "I dài I ngắn." Đoạn thư cuả ông Kim có nêu lên mấy ý: 1/ viết I trong một số trường hợp "làm vướng mắt người đọc," 2/ cách viết đổi Y thành I là sự cưỡng bức từ nhà nước Hà Nội đối với miền Nam, và ông suy diễn rằng: 3/ viết I trong một số trường hợp là cải cách hay một cách viết cho "lạ" để độc giả chú ý đến bài viết hoặc tờ báo.

Để trả lời, ban biên tập TK 21 đã cho rằng: 4/ tiếng Việt có thể chấp nhận cả I và Y trong một số trường hợp, 5/ "và cũng không có luật chính tả nào quy định chữ nào thì phải dùng I, chữ nào phải dùng Y để diễn tả âm I," 6/ nhưng có một "trường phái" muốn thống nhất cho tiện, và toà báo cho là 7/ "công việc vận động này đã có từ ba bốn thập niên, nhưng chưa tới đâu, vì tuy hợp lý nhưng không thắng được thói quen."

Xem ra thì ý kiến của toà báo cũng là đồng tình với những cảm nhận của bạn đọc, hơn thế nữa, còn đẩy xa ý kiến đến chỗ xem chuyện "I dài I ngắn" chẳng qua cũng chỉ là thứ nhiễu sự chữ nghĩa cuả mấy thầy đồ gàn. Nhưng ngay dưới đoạn trả lời này là một ý kiến khác xoay quanh vấn đề "tiêu chuẩn," và kế tiếp đó là đoạn bàn về sự chính xác văn bản. Ba mẩu trao đổi ý kiến tuy khác nhau nhưng cùng xoay quanh một chủ đề quen thuộc: cái tiêu chuẩn, cái chính xác trong chữ nghĩa. Chúng tôi thấy có cái gì chưa ổn ở đoạn trả lời quanh chữ i và y , vì hoặc là mọi thứ đều có chuẩn, hoặc không tất cả. Vì thế nên cũng xin nối điêu góp thêm vài lời.

2. Trước hết, chúng tôi thấy cần đính chính ngay rằng chuyện dài về chữ i và y đã khởi đầu từ gần tròn thế kỉ rồi chứ chẳng phải ba bốn thập niên đâu. Câu chuyện bắt đầu từ năm 1902 đến nay. Những người tham gia một ủy ban cải cách chữ quốc ngữ dạo ấy đã chủ trương khôi phục lại cách chính tả hai chữ i và y mà họ xem là những nguyên tắc chính tả "truyền thống" từ thời mới hình thành chữ quốc ngữ. Như thế thì chắc những vị đó không phải là những kẻ hiếu sự, thích lập dị để gây chú ý cuả công chúng đâu. Việc làm như thế hẳn phải là rất có ý thức. Sở dĩ gần một thế kỉ qua, việc chưa đi đến đâu, thì chẳng phải vì "không thắng được thói quen" đâu, mà là do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Ai trong chúng ta cũng có thể đã hơn một lần để ý thấy những điều "bất hợp lí" trong cách viết chính tả tiếng Việt, vì chúng đi chệch khỏi nguyên tắc chính tả ghi âm của "chữ quốc ngữ." Một trong những điều bất hợp lí ấy là vấn đề chữ i và y. Trong số những điều bất hợp lí kia, có những điều đã đi vào tập quán ngôn ngữ: chẳng hạn, chúng ta có bài và bày, khi nói ra chỉ khác nhau ở âm chính a đọc bình thường, và ă là thể ngắn cuả a. Thế nhưng khi viết, thể ngắn cuả âm chính đã chuyển trách nhiệm về bán âm cuối i và y để phân biệt a ngắn và dài.

Tuy nhiên, cũng có những bất nhất tạo ra do sự nhầm lẫn hay bất cẩn của một số người soạn từ điển, sách báo để lại. Đó là những trường hợp mà chúng tôi lượm lặt ra khi nói

về nguyên tắc (a) (1) trong cách viết chữ I từ thế kỉ XVII trở đi, nghĩa là từ khi chữ quốc ngữ được hình thành do công của một số cá nhân giáo sĩ phương tây. Nguyên tắc đó là: chữ i dùng để ghi nguyên âm cuả âm tiết, có thể là nguyên âm đơn / i / hay nguyên âm đôi / ie/. Chúng tôi nhận thấy là: những hiện tượng bất nhất lâu nay phần rất lớn là từ sự rối loạn của nguyên tắc (a). Chúng tôi ghi nhận những trường hợp viết chính tả chữ i và y sau đây:

1. si/sy - li/ly - kí/ký: chữ i và y đặt ở sau phụ âm đầu, làm phần âm chính của âm tiết

2. sinh - lính - kính xỉu - : chỉ dùng chữ i trong phần chính cuả âm tiết mà không bao giờ dùng chữ y

3. hia - bìa - đĩa - hiền - biết - giếng: chữ i đi kèm với nguyên âm ê để làm thành tổ hợp âm chính của âm tiết

4. yêu - yến - yểng: tương tự như trường hợp 3 trên đây, nhưng chỉ dùng chữ y

5. im - ỉu - ý - y - ỷ/ỉ: chữ i và y đều đứng ở đầu âm tiết

6. quí/quýt - huyện - thuý - nguy: chữ i và y trong các tổ hợp nguyên âm chúm môi (nghĩa là khi viết thì có chữ u đặt trước nguyên âm chính)

7. mai - cúi - mây - cay - cai : chữ i và y là hai bán âm cuối đi theo sau một nguyên âm để khép âm tiết lại.

Trong số những trường hợp trên đây, chỉ có hai trường hợp 2 và 3 là dứt khoát, không có tình hình nước đôi, dùng lẫn cả i và y ; ngoại giả, năm trường hợp còn lại hình như có tình trạng hai chữ i và y dùng thông lẫn nhau.

Xem xét kĩ thì hiện tượng i và y không phải là có thể dùng tuỳ tiện, không theo nguyên tắc nào. Trong năm trường hợp còn lại, có thể nhận thấy ngay là chúng ta có thể tách được hai nhóm 4 và 5, vì chúng có những nét sóng đôi với hai nhóm 2 và 3: tất cả đều là thành phần âm chính cuả âm tiết. Chỉ có điểm khác biệt duy nhất: một đằng i và y đứng ở đầu âm tiết (nhóm 4 và 5), một đằng thì có phụ âm đầu đi trước (nhóm 2 và 3). Dựa trên nét khu biệt này mà chúng tôi quy bốn nhóm vào một loại, phân tích bậc hai để nhận ra tính quy luật của chúng.

Chúng tôi nhận thấy là ẩn dưới mớ bòng bong tùy tiện về cách viết hai chữ I và Y, có một nguyên tắc chung mà người viết chữ quốc ngữ từ thời Alexandre de Rhodes đến thời chúng ta đều thừa nhận. Nguyên tắc đó gồm có năm điểm như sau:

Chỉ viết Y trong những trường hợp sau đây:

1) khi tổ hợp âm / ie / ở đầu một tiếng. Ví dụ: yên, yêu, yết.

2) trong các tổ hợp âm chúm môi / ui / và / uie / (viết là uy, uyê, uya.)

Ví dụ: uy, chuyện, khuya, nguy , tuy. (2)

3) ở sau âm ngắn của a [trong chính tả hiện nay cũng viết bằng đồ vị / a/]

và âm ngắn của ơ [tức là đồ vị /â/]. Ví dụ: cay, dày, may, cây, đây, mây .

Chỉ viết I trong những trường hợp sau đây:

(4) khi âm / i / là nguyên âm, hay là phần âm chính của âm tiết. Ví dụ: ỉ, bí, chim, hí, kìm, lì, lính, sĩ, tị, vì, vinh. (3)

(5) khi âm / i / là âm cuối, đứng sau phần âm chính ở thể thường, để khép âm tiết. Ví dụ: ngùi, đói, người, củi, hời, trai.

Bảng 1

Xem thế thì không phải là tiếng Việt chúng ta không có "chuẩn" nào, không có nguyên tắc chính tả nào. Những ngoại lệ ít ỏi trong chính tả là những hiện tượng thông thường, ngôn ngữ nào cũng có. Nhưng hiện tượng I và Y không thế. Chúng tôi nhận thấy là những hiện tượng bất nhất về I và Y hoàn toàn là do sự tuỳ tiện kéo dài quá lâu.

Những tìm tòi vừa kể sẽ có ý nghĩa cho những ai có trách nhiệm (những người quản lí vấn đề chính sách ngôn ngữ quốc gia, báo chí , và nhà trường) để góp phần vào tiến trình chuẩn hoá ngôn ngữ. Có thể trong tương lai xa, khi có những cải cách triệt để chính tả chữ quốc ngữ, năm quy tắc kia sẽ thay đổi chăng. Nhưng đó là chuyện về sau. Nhưng trong điều kiện hiện nay, năm quy tắc đó có thể rút xuống mức thấp nhất những rối rắm về chính tả chữ i và y mà nguyên nhân chính là việc dùng một đồ vị để ghi hai âm vị khác hẳn nhau: i/y đều dùng để ghi nguyên âm / i / và bán âm cuối / j /. Sự lẫn lộn này đã có từ thời De Rhodes chứ không phải hoàn toàn là do người đi sau.

3. Thời gian sau 1975, cuộc giao lưu văn hoá-xã hội lớn lao giữa hai miền Nam-Bắc đã tác động đến ngôn ngữ phổ thông rất nhiều. Và hẳn nhiên cuộc giao lưu này đã không tránh được nhiều chuyện lố bịch, trong đó có những kiểu dùng từ ngữ lạ tai so với thói quen ở trong Nam. Có lẽ cũng là tâm lí dễ hiểu khi có nhiều người trong cộng đồng ngôn ngữ ở miền Nam cho rằng lối viết chữ I và Y "lạ mắt" là do sự cưỡng bức cuả chính quyền Hà Nội đối với công chúng miền Nam. Nhưng nói

thế thật oan cho công phu của một số học giả miền Nam đã đi bước tiên phong trong việc "cải cách" chính tả mà chúng ta đang bàn ở đây. Lật lại một số trang sách in tại miền Nam trước 1975 hẳn là chúng ta sẽ thấy rõ điều này: một số tác giả in sách ở Sài Gòn đã có ý thức rất cao trong việc định "chuẩn" chính tả tiếng Việt. Từ nhà báo Nguiễn Ngu Í đến Gs. Trần Ngọc Ninh, từ Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê đến Hoàng Xuân Hãn, những vị này đã thật sự là những cánh én đầu muà. Trang sách in và bài báo của các vị đều rất nhất quán với năm nguyên tắc ghi ở bảng I trên đây. Nhà cầm quyền Hà Nội ra quyết định về chính tả hẳn hoi bằng quyết định 240/QĐ kí ngày 5.3.1984. Đó là một quyết định đúng. Chúng tôi nghĩ rằng làm như thế là chính quyền đã phải công nhận việc làm của những người tiền phong là đúng. Nhưng ngoài một số sách giáo khoa bậc phổ thông, cho đến nay các trang sách báo in của họ ở trong nước vẫn không thèm đếm xỉa gì đến nguyên tắc chính tả ghi trong Quyết Định vừa nói. Cho nên chúng tôi tưởng là chúng ta hãy thận trọng hơn khi quy "công lao" cho những người không có công trạng gì. Vả chăng, không phải cái gì "lạ mắt" cũng là của người Hà Nội, mà nói cho sòng phẳng thì phải "trả lại César cái gì cuả César."

TRĂNG BẮC PHƯƠNG

NGƯỜI NGỒI NHƯ TƯỢNG CỔ

Người về ngang thành phố
chiều cuối năm sương mù
người ngồi như tượng cổ
ôm cuộc tình thiên thu

bè bạn năm ba đứa
thành mây dạo khắp trời
lời hẹn thề một thủa
hóa bèo bọt rong chơi

vàng câu thơ ngày cũ
nằm thoi thóp bên hè
đào mai bao giờ nụ
bên dòng đời ngựa xe

tiếng hát nào thoảng qua
mùi tình nhân quyến luyến
hỏi nơi đâu quê nhà
vọng hồi chuông thánh thiện

chiều cuối năm thành phố
nhánh sông đời trôi xuôi
bỗng tim mình bỡ ngỡ
nhịp vỡ mặn bờ môi

12.1997

4. Có người sẽ nghĩ rằng những chuyện như chúng ta đang bàn đây là việc cuả mấy ông Hàn Lâm chứ không phải việc của một vài cá nhân. Tuy nhiên, viện hàn lâm là một cơ chế tổ chức của các vị hàn lâm, thì hiện nay chưa có. Và cứ cái chiều hướng như thế này, việc chuẩn hoá ngôn ngữ có lẽ cũng còn lâu lắm. Đất nước chúng ta đang 'choáng' trong những cơn say "bùng nổ" (?) phát triển, trong sinh hoạt báo chí người ta còn mải vinh danh các "siêu sao người mẫu" (!), người ta đua nhau diện "áo bò," quần jeans..., liệu có thể trông mong gì lúc này một viện hàn lâm giúp đỡ cho thế hệ con em chúng ta hay chăng? Chúng tôi không lạc quan đợi viện hàn lâm đâu, vì rằng thế kỉ XX đã có rất nhiều cơ hội để các vị hàn lâm ngồi lại làm việc (4). Tiếc thay, bàn cãi thì nhiều mà một nghị quyết đủ thẩm quyền thì quá hiếm hoi. Liệu chúng ta có thể đợi các ông hàn bàn cãi thêm một thế kỉ nữa hay không ?

Vả chăng việc sử dụng ngôn ngữ là của mọi chúng ta. Việc chăm lo giữ gìn nó là trách nhiệm chung. Những ai quan tâm đến chữ quốc ngữ đều thấy là nó rất nhiều ưu điểm

của một hệ thống chữ viết ghi âm, nhưng không phải thế là nó toàn bích. Nếu người nghiên cứu đưa ra những luận điểm xác đáng thì sẽ là những gợi ý tốt cho những ai quan tâm đến việc chính tả tiếng Việt (người quản lí chính sách ngôn ngữ, báo chí, nhà trường). Họ sẽ làm những phần việc tiếp theo trong phạm vi chức năng của họ. Những tìm tòi về ngôn ngữ như thế sẽ không là những việc làm vô ích, mà sẽ có góp phần vào việc thúc đẩy sinh hoạt ngôn ngữ tiến bộ. Trên bình diện quốc gia, một cải cách ngôn ngữ hợp lí vẫn có thể thực hiện được nếu có được một kế hoạch hoạt động đồng bộ giữa nhà nước, nhà trường và báo chí truyền thông. (5)

5. Hiện nay thì bệnh tuỳ tiện dường như đã trở thành bất trị, cho nên có người đã đồng hoá bệnh tuỳ tiện này với "tập quán ngôn ngữ;" hậu quả là những người có trách nhiệm đều lẩn tránh trách nhiệm, thả nổi việc sử dụng ngôn ngữ. Chính sự kiện thả nổi tuỳ tiện này đã dẫn đến những lúng túng cho những ai quan tâm đến giáo dục lớp trẻ. Khi chọn ghi tựa sách cuả mình là Học Kĩ Đọc Đúng, chính là chúng tôi muốn khẳng định với chính mình và đề nghị một sự đồng tình của độc giả về một nhu cầu chính đáng: tiến đến việc chuẩn hoá chính tả tiếng Việt. Nhân đây cũng xin đề nghị toà soạn TK21 đính chính hộ về cái tựa sách mà các bạn đã thân ái giới thiệu trong cùng số báo TK 21 nói trên (tr.110-111).

Trên đây chỉ là vắn tắt vài ý kiến bàn thêm với báo TK 21. Để thảo luận đầy đủ hơn, xin mách quý vị bài viết 'Chữ quốc ngữ qua những biển dâu' in trong Thế Kỷ 21 số 30 (th.10.91), tr. 69-78, và bài "Chữ i và y trong chính tả tiếng Việt" in trong tập san Văn Học (USA) số 129-130 (th. 1.1997), tr. 60-75.●

Chú thích

1. Xin xem đầy đủ bốn nguyên tắc chính tả chữ i và y cuả Alexandre de Rhodes trong bài viết cuả chúng tôi trong tập san Văn Học (USA) 129-13-(th. 1-2.1997), tr. 60-75.

2. Trong ngữ học Việt Nam, âm / k / được kí hiệu bằng ba chữ cái tuỳ theo trường hợp: c, k, q. Chữ q chỉ dùng khi có chúm môi mà thôi. Vả chăng, q không bao giờ đứng một mình cả, mà luôn kèm với u. Do vậy, đã có quan niệm cho rằng phụ âm đầu trong trường hợp / k / chúm môi phải là qu. Lập luận này sẽ dẫn đến hệ quả là những từ quý, quýt sẽ viết là quí, quít vì âm / i / nay là nguyên âm đứng làm phần âm chính của âm tiết. Nhưng cách phân tích âm tiết như thế tự mâu thuẫn: trước hết, phần âm chính của âm tiết là tổ hợp âm chúm môi /ui/ chứ không phải là /i/, và phụ âm đầu chỉ là /k/; vì thế, nếu tổ hợp này đã xuất hiện đều trong các kết hợp khác như trong quyết, quyền, thì không thể có ngoại lệ là quí được. Sau nữa, không thể lấy cớ là trong các ngôn ngữ Ấn Âu có qu để cho rằng phụ âm đầu là âm chúm môi, vì chúm là thuộc về phần âm chính của âm tiết.

3. Tuy vậy, trong khi chúng ta viết y thị ỷ lại thì sự thiên vị trong tâm lí ngôn ngữ đã dẫn đến thói quen viết âm ỉ, ầm ĩ, đi ỉa theo đúng nguyên tắc âm vị học. Khuynh hướng viết các từ hán việt có âm / i / với chữ y làm âm chính có thể tìm thấy trong các tiếng đứng đầu âm tiết: y, ỷ; hoặc các từ có phụ âm đầu là h, k, l, m, q, t. Nhưng về mặt ngữ âm, không có lí do gì để tách số từ vựng hán việt ra theo quy tắc chính tả khác với những quy tắc chung.

4. Đã có nhiều hội nghị bàn về việc cải cách "chữ quốc ngữ" hoặc về việc "chuẩn hoá tiếng Việt" từ năm 1902 trở về sau. Nhưng kết quả không như ý mọi người. Xem Nguyễn Bạt Tuỵ, Chữ và Vần Việt Khoa Học. Saigon: Ngôn Ngữ (1949), Đoàn Xuân Kiên, 'Chữ quốc ngữ qua những biển dâu' in trong Thế Kỷ 21 số 30 (th.10.91), tr. 69-78.

5. Về vấn đề này, đã có những kinh nghiệm tiền lệ từ các nước có đầu tư vào việc chuẩn hoá ngôn ngữ. Xin xem Rubin & Jernudd (eds) (1971) Can Language Be Planned ? Honolulu: An East-West Center Book.

Đón đọc

Bộ tiểu thuyết tình cảm
gồm hai tập:

● NHỮNG GIỌT MƯA TRÊN GIÀN BÔNG GIẤY
● TÌM EM TRONG NẮNG THU VÀNG

của NGUYỄN HÙNG VŨ

Tác giả rời Việt Nam năm 1975 khi đang là một sinh viên, và viết bộ truyện này từ cuối thập niên 70 đến giữa thập niên 80, khi những ký ức và rung động về cuộc sống ở Sài Gòn trước đây còn tươi mát và rõ nét.

Sách phát hành vào cuối tháng Bảy 1998.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 527-5761

BỮA CƠM CHIỀU

VÕ DOÃN NHẪN

Tôi một mình đi qua khu vườn xưa tràn ngập bóng đêm. Đã im tiếng ve sầu inh ỏi lúc ban ngày nhưng hơi nóng nồng bức của một ngày nắng hạ kéo dài khiến không gian ngột ngạt. Trăng hoàng hôn vừa lên, chạm mấy ngọn dừa lơi lả trong cơn gió hắt hiu. Vài cánh dơi vụt qua, một trái cây chín rơi đánh bịch.

Vượt qua mấy bậc thềm, tôi thấy tôi đang đứng trong gian nhà ngang, từ lâu vẫn được dùng làm phòng ăn cho cả gia đình anh tôi, ông Ngô. Ông đang có mặt tại đây, im lìm bất động trong chiếc ghế nhựa thấp đặt ở góc phòng. Thấy tôi đi vào, ông Ngô khẽ đưa mắt nhìn, thờ ơ. Như nhìn một kẻ quen thuộc, khá quen thuộc; như nhìn một cái bóng lướt qua, như nhìn một vật di động. Tôi kéo một chiếc ghế, ngồi xuống bên ông.

Bữa cơm chiều đang được dọn. Đứa cháu gái bưng từ nhà bếp hai bát canh rau đặt lên hai đầu bàn rồi đi xuống bếp. Ông Ngô đứng lên, rời khỏi ghế, bước tới bàn ăn, cúi xuống sát một bát canh, chăm chú nhìn vào đó một lúc. Rồi ông đứng thẳng người lên, thong thả lùi lại phía sau ba bước, đứng lại, tiếp tục nhìn thẳng vào bát canh đang bốc khói, trong một tư thế rất nghiêm chỉnh như đang đứng tưởng niệm người quá cố trước bàn thờ trầm hương nghi ngút.

Ông Ngô ngã bệnh đã gần hai năm, bắt đầu là một trạng thái hôn mê kéo dài ngót ba tuần lễ ở bệnh viện tưởng chừng hết đường cứu chữa. Rồi như một cây yên ngủ giữa mùa đông trở lại đâm chồi nẩy lộc trong nắng ấm mùa xuân, anh tôi bỗng nhiên hồi tỉnh vào một ngày đất trời chuyển tiết. Sức khỏe anh tôi phục hồi nhanh chóng, anh ăn ngủ sinh hoạt gần như bình thường. Riêng tôi rất vui mừng khi nhận được tấm ảnh anh tôi đứng trước bàn thờ tổ tiên vào ngày Tết, khăn áo chỉnh tề, hai tay cầm mấy nén hương ngang trán lâm râm khấn vái. Rồi như những ngày trở trở khi

chuyển tiết sang thu, ông Ngô biếng nói biếng cười trầm ngâm ủ dột. Thỉnh thoảng anh lảm nhảm độc thoại, người ngoại cuộc nghe tưởng chừng vô nghĩa:

"Liên nó tuyên án tử hình tao năm ngoái, cả thế giới đều biết."

"Khi bản án vừa được con Vân làm chánh án tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên đọc, tự nhiên có một chiếc Boeing tới bốc tao bay đi, rồi thả tao nhảy dù xuống sân nhà này. Thế là tao thoát."

"Liên nó tịch thu nhà cửa ruộng vườn của tao, đưa tao đi vùng gọi là kinh tế mới sau khi đấu tố tao, rồi giờ đây tuyên án tử hình tao."

Tôi cần nói thêm: Liên là chị ruột tôi, cũng là em gái ông Ngô, tập kết ra Bắc năm 54; Vân là... nữ cán bộ nằm vùng, đã năn nỉ ông Ngô xin làm con ở giúp việc nhà, trốn vô bưng sau vụ Mậu Thân năm 1968, nay có chức lớn.

Các bác sĩ chữa bệnh ông Ngô đều xác quyết ông đang ở thời kỳ đầu của bệnh tâm thần. Tôi cũng phải tin như vậy vì tôi không phải bác sĩ, lại càng không phải nhà tâm bệnh học.

Đứa cháu gái tiếp tục bưng lên hai dĩa thịt bò xào bông cải, hai dĩa cá kho, nước chấm. Sau khi cơm được xới và đũa được so, bữa cơm đã sẵn sàng. Nghe con gái thưa "Mời Nội, mời Ba dùng cơm," ông Ngô thong thả chậm rãi ngồi vào bàn. Mẹ tôi lóm thóm ngồi vào chỗ đối diện anh tôi. Trong lúc bà cầm đũa bưng chén cơm lên bắt đầu ăn một cách khá bình thường thì ông Ngô gượng nhẹ sửa lại đôi đũa thật ngay ngắn và xê dịch chén cơm lại gần sát đôi đũa. Ông chưa chịu bắt đầu bữa cơm của ông. Ông lập đi lập lại động tác trên năm lần bảy lượt trước khi thật sự bắt đầu. Bốn người ngồi quanh mâm cơm, dưới ánh sáng không được sáng của ngọn đèn điện thế thấp: mẹ tôi chín mươi bảy, anh tôi bảy mươi lăm, bà chị dâu kém chồng hai tuổi, và cháu gái tôi ngoài ba mươi. Bữa cơm chiều diễn ra trong không khí lặng lẽ buồn tẻ. Trừ đứa cháu gái, tất cả đều già nua, cũ kỹ, kể cả hai chiếc tràng kỷ được dùng làm chỗ ngồi ăn cơm cho gia đình.

Tôi không biết hai chiếc tràng kỷ này có từ lúc nào, chỉ nhớ tôi đã thấy chúng từ ngày tôi còn phải để mẹ tôi rửa mặt mỗi sáng. Những ngày xa xưa ấy, hai chiếc tràng kỷ được đặt vào nơi cha tôi tiếp khách của ông, trong gian nhà cổ có những chiếc cột to tròn, lủng lẳng những bức hoành phi sơn son thếp vàng khắc chạm theo hàng dọc những chữ Hán tôi không thể đọc và đương nhiên không thể hiểu nghĩa. Những chiếc tràng kỷ bằng gỗ trắc được chạm trổ hình trái đào, trái lê và đánh sáp bóng loáng. Chỉ có cha tôi và những ông khách có phẩm hàm, như ông Lãnh, ông Kinh, ông Lịch, ông Án, ông Huyện, khăn đóng áo dài giày hạ tươm tất nghiêm chỉnh mới được ngồi lên đó. Những người vận tây và thuộc hàng con cháu không được phép ngồi. Nhưng dù vận quốc phục, một người thuộc hàng con cháu hoặc có địa vị xã hội khiêm nhường vẫn không được "tọa" lên những chiếc tràng kỷ ấy. Dân làng mỗi khi đến gặp cha tôi, dù khăn đen áo dài tươm tất, cũng chỉ đứng chắp tay thưa chuyện, bên cạnh chiếc cột lên nước. Ông anh rể tôi, anh Khôi, vốn là công chức sở Lục Lộ, thường ngày vận tây đi làm, ngày chủ nhật đến thăm viếng bố mẹ vợ phải khăn đen áo dài, nhưng chỉ dám ngồi hầu chuyện bố vợ ở chiếc ghế gỗ đặt cạnh bàn nước. Tôi nhớ rõ như in cảnh chú Huấn — em họ xa với tôi, lúc đó khoảng ngoài ba mươi — đã bị cha tôi mắng tươi khi chú tưởng hễ vận quốc phục là đủ tư cách ngồi tràng kỷ:"Mày tưởng mày có khăn có áo thì mày được phép ngồi tràng kỷ nói chuyện ngang hàng với tao là bác mày sao? Mày là cái gì trong nhà này? Đồ mất nết! Để rồi tao nói với chú Hai để chú ấy biết!" Riêng tôi, đứa con út lúc ấy còn bé lắm, thỉnh thoảng được ông bố ngồi tràng kỷ gọi đến xoa đầu, hoặc nghe ông nói đùa vài câu âu yếm, nhưng cũng chỉ đứng dưới đất.

Những lúc không phải tiếp khách, cha tôi cũng vẫn thường chễm chệ trên tràng kỷ, tì khuỷu tay lên gối xếp, mang mục kính đọc báo. Báo là báo TRÀNG AN. Quả thực tôi không thể nhớ một nội dung nào dù rất nhỏ của Tràng An báo, ngoại trừ một mệnh đề: "Thống chế Pétain đã nói..." Nhà lãnh đạo nước Pháp này nói nhiều, nhưng tôi hoàn toàn không biết, không nhớ. Điều tôi có thể biết và nhớ nhờ suy diễn là dạo ấy vào khoảng những năm 1943-44-45, khoảng thời gian của thế giới đại chiến lần thứ hai, khoảng thời gian các anh chị tôi, những học sinh phải học thuộc lòng bài "Hỡi anh em bạn tùng chinh" do một văn nô An Nam nào đó... sáng tác theo đơn đặt hàng của mẫu quốc. Tôi xin nói ngay rằng "anh em bạn tùng chinh" đây là những người đàn ông Việt Nam được người Pháp kêu gọi làm lính đánh thuê đưa sang Châu Âu đánh phát xít Đức. Tôi chỉ nhớ bốn câu thơ đầu của "Hỡi anh em bạn tùng chinh," giải thích tại sao

Pháp phải đánh Đức. Thơ rằng:

Hỡi anh em bạn tùng chinh
Vì sao nước Pháp hưng binh phen này.
Chỉ vì nước Đức cố gây
Muốn làm bá chủ đông tây một mình.

Đọc bốn câu thơ trên, tôi chỉ thấy Pháp là một nước rất hiếu hòa, Đức là một nước sao quá hiếu chiến, quá nhiều tham vọng. Nhưng học lịch sử thế giới, tôi thấy vào thế kỷ mười chín, hai mươi, Pháp lại là nước có nhiều thuộc địa vào hàng thứ nhì thế giới, chỉ thua có Anh.

Không tiếp khách, không đọc báo, cha tôi còn có thể nằm dài trên trường kỷ đọc thơ, ngâm thơ: hoặc Cung Oán ngâm khúc, Chinh Phụ ngâm, hoặc những bài Đường thi, các bài tứ tuyệt của Trương Kế, Vương Hàn, Tào Đường, Thôi Hộ, Đỗ Phủ, Lý Bạch... Tôi không nghe ông đọc hay ngâm một đoạn, thậm chí một câu nào trong truyện Kiều.

Thời vàng son của hai chiếc tràng kỷ kéo dài không được là bao. Nó nhanh chóng trở thành quá khứ và hai món đồ cổ chỉ còn được xem như tàn tích của giai cấp phong kiến. Điều may mắn cho chúng là chúng không cùng số phận những bộ ván, những cánh cửa gỗ bị đưa ra làm những chiếc cầu tạm, thay thế những chiếc cầu kiên cố đã bị phá hủy vì phe bên này hoặc phe bên kia cuộc chiến. Cho đến hôm nay thì số phận của chúng đã được an bài vẫn chưa có gì dứt khoát: chúng được đưa xuống phòng ăn để tất cả mọi người không phân biệt già trẻ trai gái, giàu nghèo sang hèn đều có thể đặt mông lên, thậm chí nồi cơm soong cá cũng được an vị lên đó nốt. Nước bóng của gỗ đã từ lâu nhạt mờ. Không ai hơi sức đâu đánh bóng mãi những đồ vật chỉ một thời vang bóng. Gia đình tôi chẳng có ai mê đồ cổ. Chỉ cần một nắm giẻ lau qua những chỗ ngồi trước mỗi bữa ăn.

Phù thế.

Năm ấy, mùa ly loạn ấy, tôi chưa lên tới tuổi mười, và anh tôi, ông Ngô, mới ngót hai mươi. Ông đã cùng hai em gái bỏ gia đình chạy theo tiếng gọi của bầu nhiệt huyết sôi sục căm hờn thực dân phong kiến. Với tuổi đời bây giờ gẫm lại, tôi thấy lòng yêu nước của đám thanh thiếu niên tiểu tư sản thời ấy

NGUYÊN DŨNG

SAO EM LẠI VỀ LÀM CHIM THÀNH PHỐ

Mùa hạ. Tháng bảy.
Cụm mây trắng vỡ trên bầu trời xanh
Y ngồi dưới ánh nắng hanh
Trong một thành phố mới

Hỡi con chim sẻ nhỏ có gì để nói
Cùng ta
Về một quá khứ nhạt nhòa
Hay ngày mai rực rỡ?

Một cuộc tình tan vỡ
Một nỗi vui vừa tan
Sau giấc mơ bàng hoàng
Paris. London. Sài Gòn.
Những tên nghe buồn như mộ khúc!

Một cuộc tình, một thời, một lúc
Một quãng đời cháy nát trong ta
Như khu rừng già
Không còn ngọn gió

Hỡi con chim sẻ nhỏ sao còn đứng đó
Chưa bay?
Vui chơi nơi đồng rộng sông dài
Sao em lại về làm chim thành phố?
...

Hỡi chú chim sẻ nhỏ có gì để nói
Trong một ngày nắng mới
Như hôm nay?

(Trích "Khi ta hai mươi")
Genève, 1976

không khác tình yêu nam nữ bao nhiêu. Cũng hồn nhiên, trong sáng, cũng bồng bột và không thiếu ít nhiều lãng mạn. Dũng của Đoạn Tuyệt là hình ảnh tuyệt vời được một thời ôm ấp. Người ta bắt chước Dũng, muốn làm cách mạng kiểu Dũng. Như bà chị tôi. Bà cho tôi biết bà đã từng thú nhận với cấp trên của bà rằng bà đi theo "kháng chiến," "ra đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến," chỉ vì người thiếu nữ chưa tới tuổi hai mươi là bà năm xưa ấy quá say mê hình tượng Dũng. Tâm tư này của chị chắc không phải tâm tư cá biệt mà là tâm tư của số đông. Đoàn quân Tây Tiến của Quang Dũng đó. "Mắt trừng gửi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm." Dáng kiều trong Tây Tiến và dáng Loan trong Đoạn Tuyệt không khác nhau. Tôi ân hận Nhất Linh đã dọn cỗ rất ngon cho đối thủ ông xơi khi viết Đoạn Tuyệt, khi dựng lên nhân vật chính quyển tiểu thuyết ấy. Có lẽ tác giả cũng không ngờ nhân cách của Dũng đã tác động lên tâm hồn ngây thơ trong sáng của một lớp người mãnh mẽ đến thế.

Ông Ngô anh tôi cũng đã một thời làm thơ và bài thơ nào của ông, tôi cũng được ông cho xem. Ông vừa dạy Toán, Pháp văn cho tôi vừa... làm thơ. Còn tôi, tôi có thể được ông cho xem một bài thơ vừa sáng tác xong của ông ngay trước hoặc sau khi nhận từ ông những trận đòn bằng thước kẽ vì không tìm ra giải đáp một bài toán hoặc tìm ra nhưng sai! Phương pháp dạy Toán và Pháp văn ấy của ông không giúp tôi nhớ được những bài toán ông giải, những bài "mẹo" Pháp văn ông giảng cho bằng những bài thơ trữ tình của ông, không cần roi vọt, thước kẽ, những cái bạt tai, những cái cốc đầu.

Đã có ai gọi anh tôi là nhà thơ, là thi sĩ chưa, tôi không biết. Thời ấy hiếm người làm thơ và số người được gọi là nhà thơ, là thi sĩ càng ít. Nhân tài như lá mùa thu. Có lẽ vì dân số Việt Nam ngày ấy còn quá thấp, chưa đến con số hai mươi lăm triệu. Ngày nay, sau một cuộc chiến vừa ý thức hệ vừa huynh đệ tương tàn dai dẳng, dân số cũng ngót ngoét bảy mươi. Số nhà thơ, thi sĩ Việt Nam cũng nhờ vậy tăng cao, nhất là ở hải ngoại. Một ông nào đó nói mỗi người Việt Nam là một thi sĩ, tôi e hơi quá. Tôi trộm nghĩ: nếu nói mỗi người Việt Nam ở hải ngoại là một nhà thơ, gần thực tế hơn. Vì tôi cũng được dăm ba người quen biết gọi là nhà thơ khi họ thấy tôi được đăng rải rác đâu đó. Thậm chí tôi cũng được gọi là nhà văn mặc dù tôi chưa cho ra được một tác phẩm ra hồn nào. Chỉ cần đầu tư một chút suy nghĩ, mỗi chúng ta đều hiểu tại sao số nhà thơ nhà văn Việt Nam ở hải ngoại rất đỗi dồi dào phong phú.

Ngày hôm trước, trong lúc nhắc lại một số bài thơ của anh, tôi nhẹ nhàng rón rén hỏi anh có muốn được người đời thiên hạ gọi anh là nhà thơ không. Anh suy nghĩ rồi lắc đầu. Tôi hỏi tiếp:

"Tại sao không anh? Được gọi là nhà thơ thích lắm chớ!"

"Tao chỉ thích được gọi là thi sĩ thôi."

"Thì nhà thơ với thi sĩ khác gì nhau? Nhà thơ hay thi sĩ cũng vậy thôi."

Ông Ngô trố mắt nhìn tôi:

"Nếu vậy thì nhạc sĩ cũng có thể được gọi là nhà nhạc? Họa sĩ và nhà vẽ đồng nghĩa?"

Có lẽ anh tôi còn ở giai đoạn đầu của bệnh tâm thần như các bác sĩ nói thật.

Một đôi bài thơ của ông Ngô (?) đọc lên nghe nhẹ nhàng thanh thoát giản dị như thơ Nguyễn Bính, đến nỗi giờ đây nhớ lại những vần thơ ấy, tôi vẫn không biết thực sự ai, Nguyễn Bính hay ông Ngô, là tác giả:

Rồi đến hôm nào, một sớm thu
Heo may nhẹ rắc lá trên cầu
Em ngồi ngắm lại người trong ảnh
Không biết giờ đây bóng chị đâu.

Khi tôi hỏi anh tôi phải ông là tác giả mấy câu thơ trên không, ông trầm ngâm có dáng suy nghĩ giây lâu trước khi gật đầu. Nhưng chỉ vài phút sau tôi đặt lại câu hỏi trên với ông, ông cũng trầm ngâm có dáng suy nghĩ trước khi lắc đầu.

Phù thế.

Anh tôi bỏ tôi ngồi một mình, lúp xúp lê từng bước ngắn ra cái bể nuôi cá, khom lưng, chăm chú nhìn xuống làn nước xanh rêu đục ngầu. Tôi không nghĩ việc thỉnh thoảng một con cá quẫy đớp mồi làm xao động mặt nước có thể kéo dài sự chăm chú đến mức độ im sững bất động của anh tôi. Mà thực ra thái độ im sững bất động kia có phải là biểu lộ của sự chăm chú? "Je suis ou ne suis pas l'auteur de ces quatre vers, ca m'est égal. To be or not to be, that's not the question. Hiện hữu hay không hiện hữu, đó không là vấn đề. Tao có quyền nói khác Shakespeare chớ. Thằng em từ Mỹ về, nói là để thăm tao vì nghe nói tao bệnh, đối với tao cũng chẳng nghĩa lý gì. Bằng chứng là tao có chào hỏi gì nó khi nó chào hỏi tao đâu. Nó về Việt Nam thăm bạn bè bồ bịch hay là thăm bà mẹ già lọm khọm không biết về dưới lúc nào của nó, đối với tao cũng đều vô nghĩa, vô nghĩa như hiện giờ chạng vạng bầy muỗi đói bu quanh tấm thân da bọc xương của tao. Nói vậy chớ tao cũng còn đủ sức chơi mấy con mụ sồn sồn góa chồng. Merde! Nó tưởng ở Mỹ về là ngon lắm, dám lên mặt nói tao mắc chứng... chứng gì nhỉ? À, chứng hoang tưởng! Tao nghi nó mắc chứng hoang tưởng khi nó bảo tao mắc chứng hoang tưởng. Merde! Độc lập! Merde! Tự do! Có khi nào có độc lập có tự do nhưng không có hạnh phúc không nhỉ? Tao có quyền tự tử trên đường đi tìm hạnh phúc mà không thằng nào cấm cản tao được. Mày nói mấy người tự tử đều đi xuống âm ti địa ngục! Xuống địa ngục cũng được. Mà tao đoán có lẽ ở địa ngục vui hơn ở thiên đàng, chí ít đối với riêng tao. Thiên đàng nào tao không biết, chớ thiên đàng hạ giới này, tao ỉa vào."

Tôi nghĩ có lẽ anh Ngô tôi không còn ở giai đoạn đầu của bệnh tâm thần như các bác sĩ xác quyết nữa.

Bữa cơm chiều tiếp tục trong yên lặng buồn tẻ. Vừa gắp thức ăn, nhai, nuốt, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng tư hoặc chẳng theo đuổi gì. Ông Ngô ăn thật chậm. Ông dùng đũa vớt từng nhúm cơm nhỏ từ chén cơm đưa lên miệng, rón rén nhai và nhai thật lâu, tôi nghĩ miếng cơm đã nát nhão ra như cháo nhưng ông Ngô vẫn nhai, vẫn nhai, gần như ông quên mất động tác nuốt. Ông im lặng nhìn con gái ông gắp thức ăn bỏ vào chén cho ông, và chỉ phản đối bằng cách im lặng gắp những thức ăn ấy bỏ lại vào đĩa.

"Anh chịu khó ăn nhiều vô, tôi khuyến khích. Này, anh xem có phải anh trong mấy tấm ảnh này không? Anh có muốn anh đẹp trai khỏe mạnh như trong ảnh không? Muốn? Nếu muốn, anh phải ăn nhiều vào, ăn mạnh vào. Anh không thích được mấy bà sồn sồn góa chồng mê anh sao?"

Khẽ gật đầu và nở một nụ cười tươi như... mếu, anh tôi như được tăng cường bằng một nguồn sinh lực mới: lùa cơm vào miệng gọn gàng, nhai nhanh hơn, mạnh hơn, và gắp thức ăn cũng có vẻ dễ dàng hơn. Nhưng chỉ được vài phút, thái độ mệt mỏi, chán chường, biếng nhác và trầm tư trước đó trở lại. Tôi cúi đầu, nén tiếng thở dài. Anh tôi vẫn còn yêu đời, ham sống, muốn yêu và muốn được yêu. Nhưng nói cho đúng, anh chỉ ao ước mà không làm được, không thể thực hiện được. Nghị lực, ý chí, sức mạnh tinh thần không còn vì thân xác bệnh hoạn. "Khi cơ thể khỏe mạnh, ta điều khiển nó. Khi nó bệnh hoạn, nó điều khiển ta," một nghịch lý ta không làm gì khác hơn là đành chấp nhận. Anh Ngô tôi chỉ biết ao ước có một tinh thần lành mạnh trong một thân thể tráng kiện, chỉ biết ao ước được những phụ nữ hồi xuân yêu thích. Nhưng ao ước là... bất lực, là mơ mộng vu vơ, không phải "muốn" đúng nghĩa. Anh tôi không thể "muốn," bởi "muốn" là có thể. Trong hiện trạng, anh tôi khó mà có thể!

Tôi hướng cái nhìn sang mẹ tôi đang cắm cúi ăn, già nua, móm mém, nhăn nheo, vô cảm. Với tuổi chín mươi bảy, bà như vậy còn tương đối khỏe, tôi e còn khỏe hơn cả con bà, ông Ngô. Bạn bè bảo tôi có phúc còn được bà mẹ sống thọ, khỏe mạnh. Hầu hết bố mẹ các bạn tôi đều đã khuất núi. Tự thâm tâm, tôi cũng nhận thấy anh chị em tôi có được điều may mắn phúc đức ấy. Nhưng cũng tự thâm tâm, tôi không ao ước được trường thọ như mẹ tôi. Dù mẹ tôi còn tương đối sáng suốt — không đến nỗi ị ra quần mà không biết như anh tôi — tôi vẫn ái ngại khi thấy bà bỏ quên cây gậy của bà đâu đó nhưng vẫn khăng khăng "đứa nào ăn cắp cây gậy của tao đem bán rồi," khi thấy bà lẫn lộn tôi với con trai tôi, khi bà thỉnh thoảng hỏi tôi "mày có mấy con, mấy trai, mấy gái."

Tôi vốn sợ cảnh phải nghe một người nào đó đến thăm tôi chõ mồm sát tai tôi, hỏi: dạo này mỗi bữa chú ăn được mấy chén cơm? Trời nóng thế này, tối chú ngủ ngon giấc không? Hoặc: cậu chịu khó đi bộ cho khỏe người, không nên nằm ngồi một chỗ nhiều quá. Trời đang chuyển tiết, cậu đừng ra ngoài sớm quá, e cảm lạnh. Hoặc: thưa, đã lâu, thầy không còn nghĩ đến chuyện sáng tác thơ, văn, hoặc chơi đàn nữa, phải không? Vân vân và vân vân. Tuổi già chỉ còn đáng được nghe những lời khuyên, những câu hỏi đại loại như thế sao? Nhưng tìm cho ra những lời khuyên, những câu hỏi đơn giản và chơn chất kiểu đó không phải dễ. Với tôi, chỉ năm ba câu là cạn, là hết chuyện. Vả, ít ai kiên nhẫn ngồi hàng giờ để tiếp chuyện người già bằng những câu hỏi lời khuyên như thế. Con cháu, nếu hiếu thảo, cũng chỉ biết lo chu đáo miếng cơm, tấm áo, nơi ăn, chỗ ngủ, giặt giũ, tắm gội, thuốc thang khi đau ốm và chỉ chuyện vãn khi cần thiết: nên làm điều này, đừng làm điều kia, khiến đấng sinh thành tủi thân, đôi khi đâm ra cau có gắt gỏng. Trong lúc con cháu phải lăn xả vào đời, người già bị cách ly khỏi cuộc đời và nếu còn ít nhiều sáng suốt sẽ cảm thấy cô đơn thấm thía; nếu đã lú lẫn, sẽ trở thành vô cảm. Tôi thấy đàng nào cũng bi đát cả.

Tôi vốn lãng mạn và chủ quan tin rằng tâm hồn một người có thể trẻ mãi cho đến hơi thở cuối cùng. Nhưng nhìn bà mẹ tuổi non thế kỷ, nhìn người anh mắc bệnh tâm thần, tôi thấy niềm tin ấy đang dao động. Lão, bệnh, hai trong bốn cái khổ chính của đời đã nghiệt ngã bảo tôi rằng: "Mày không thể trẻ mãi, cho dù chỉ là trẻ mãi trong tâm hồn. Và mày càng đau khổ nếu tâm hồn mày vẫn trẻ trong lúc thân xác của mày đi vào tàn tạ." Tôi không thấy có gì đẹp ở tuổi già. "Đẹp Lão" chỉ là một cách nói, hoặc để an ủi (một cách giả tạo) một người đã hết thời xuân sắc, hoặc để gián tiếp nói về, nói với một người tuy tuổi đã cao nhưng chưa thật sự già. Có những người già trước tuổi, lẽ tự nhiên có những kẻ già sau tuổi. Thời gian chưa muốn tác oai lên anh đó thôi. Nó núp hoặc giấu mặt đâu đó.

Không muốn phải chết trẻ, nhưng tôi lại sợ cảnh sống già, một sự sống tôi không tìm ra ý nghĩa. Tôi không biết phải lựa chọn thế nào, chết trẻ hay sống già, nên đành cứ buông trôi ngày tháng mãi đến hôm nay, một thời điểm nếu có chết cũng không còn là chết trẻ nhưng cũng không hẳn là sống già.

Tôi đứng lên ra về lúc bữa cơm chiều đã xong. Tôi nhìn lên: trời trăng sao vằng vặc. Vài cụm mây trắng trôi nổi bồng bềnh, làm nổi bật cái vô cùng tận của không gian xanh thẳm bên trên. Tiếng động cơ rù rì của một chiếc máy bay đâu đó trên bầu trời nhắc tôi nhớ đến chuyến bay trở về Mỹ của tôi trong vài ngày sắp tới. Tôi trở về Mỹ? Không, có lẽ phải nói: tôi trở lại Mỹ, cho dù nơi đó vợ con tôi đang sống. Vì Mỹ chỉ là đất dung thân, không phải quê hương, không phải tổ quốc. Tôi trở về Nha Trang quê hương. Tôi trở về Việt Nam tổ quốc. Một trở về đúng nghĩa không gây những nỗi niềm xa cách biệt ly như tâm trạng chiều nay của tôi.

* "Tôi lo quá, trời đang mưa dai, vợ tôi lại đang ở dưới phố một mình."

"Tôi chắc chị ấy thế nào cũng ghé shopping center mua sắm, không sao đâu."

"Ấy chính vì thế tôi mới lo!"

* Con hỏi mẹ: "Tại sao người ta lại gọi là tiếng mẹ đẻ hở mẹ?"

Bố xen vào: "Vì trong nhà bố có bao giờ được dịp mở miệng đâu?"

* "Chuyện cầu hôn của tôi và con nhỏ cùng sở coi bộ khá hơn những lần trước. Hôm qua tôi ngỏ lời, em bảo đây lần chót em trả lời không!"

NHỮNG GIỚI HẠN CỦA ANN

TRẦN NHƯ

Viết cho ba để tặng mẹ và chia sẻ với người rất thân

Ngày 20 tháng 12 năm 1993

Thưa ba,

Còn mấy hôm nữa thôi là Giáng Sinh. Nhưng con không viết thư cho ba để nói chuyện trẻ con rộn rịp với ước mơ; con muốn hầu chuyện ba về một người bạn con quen thời đi học Quản Trị Xí Nghiệp để chia sẻ với ba tại sao trong khung cảnh Giáng Sinh vui nhộn con lại thấy bồi hồi lẫn lộn với cảm khích.

Như ba biết, con vào lớp thường hay ngồi bàn đầu vì thấp bé và cận thị nặng. Vã lại ba vẫn nhắc nhủ con hồi con còn nhỏ rằng phải ngồi hàng đầu để được thầy chú ý và để chú ý vào lời thầy giảng. Con vẫn nhớ lời ba dạy nên không để ý đến những người bạn ngồi cạnh mấy, tuy nhiên con không khỏi tò mò về Ann, người con gặp trong lớp "O.R." (Operation Research).

Ann ăn mặc rất chỉnh tề (không lôi thôi luộm thuộm như con), trang điểm có lúc mạnh dạn (như để nói lên một ý mới); có lúc kín đáo (như để hòa mình với cảnh vật, theo mưa theo nắng), dùng những màu son hợp với màu áo. Ann mang kính cận thị màu khói đậm để con có thể thoáng đoán là Ann có đôi mắt xâu thẳm và cái nhìn xa xôi. Ann luôn luôn mang theo máy thu âm và lại có con chó lớn nằm dưới chân. Ann lắng nghe lời thầy rất chăm chú nhưng ít ghi chép. Anh chàng đẹp trai ngồi cạnh thì ghi chép kỹ càng những gì thầy viết trên bảng, nghĩa là không ít, vì bà thầy

này thích dùng bảng và phấn màu đủ loại để viết những phương trình khác nhau. Anh ta có vẻ thân với Ann, khi nào cũng đi cùng; có lẽ anh ta chia sẻ tất cả những gì ghi chép với Ann và là bồ của nàng cũng không biết chừng.

Một vài ngày sau hôm đầu gặp gỡ, Ann đề nghị lập một toán nhỏ để học chung. Con ngần ngừ: mình có chồng con đùm đề, giờ giấc eo hẹp, lại không biết Ann học hành như thế nào, có hợp không mà học chung. Con thoái thác từ chối, viện cớ là không mấy giỏi về môn Operation Research này, sợ làm Ann mất thì giờ. Ann thẳng thắn: "Tôi muốn học chung với Trang vì tôi vẫn thích người Á Đông, thông minh và chịu khó. Trang sẽ thấy tôi chịu khó không kém đâu: tôi mù. Jeff giúp tôi ghi chép những gì thầy viết trên bảng, con chó Mills là đôi mắt của tôi."

Con sửng sốt. Con thật vô ý. Đáng lẽ con phải nhận xét lấy điểm này ngay từ hôm đầu. Đúng là con chăm chú học hành quá, không mấy hay trong trường hợp này! Con bối rối: "Cám ơn Ann có lời nâng đỡ. Thật tình tôi không mấy giỏi về Operation Research; để tôi xem có ai giỏi để học chung và có thể giúp đỡ cho Ann và tôi; tôi sẽ báo cho Ann sau."

Con liên lạc với Jill và Jessica. Hai cô này đã cùng học với con những lớp cử nhân, nay cũng vào cao học Quản Trị Xí Nghiệp nên tán thành việc học chung ngay. Nhưng khi con nói về Ann thì họ dè dặt. Cũng không muốn đi vào thầm ý của ai, đành suy bụng ta ra bụng người, con đùa: "Thôi các nàng ơi, còn đợi người ta dán chữ A thật to tướng trên trán mới mời nhập bọn sao?"

Thế là nhóm học tay bốn bắt đầu. Chúng con họp mặt mỗi tuần ở apartment của Ann ngay trong khu Đại Học. Jill và Jessica không đi đều đặn. Con thì không những lúc nào cũng có mặt mà còn nói chuyện với Ann thường xuyên qua điện thoại. Con như bị thu hút vào trong thế giới nhỏ bé của người mù.

Thật là một thế giới lạ đối với con. Con học hỏi được nhiều về những dịch vụ đặc biệt chính phủ cung cấp cho Ann, một người mù dưới hai mươi bốn tuổi xuất thân từ một gia đình nghèo. Tất cả sách vở đều được dịch ra Braille. Con chó Mills đã qua một thời gian huấn luyện rất kỹ để trở thành đôi mắt và người bạn của Ann. Chính phủ còn trả lương cho cả Jeff. Một cán sự xã hội đến gặp Ann và Jeff mỗi tháng để xem Ann có cần gì thêm và Jeff có làm đủ bổn phận người săn sóc không.

Chính ra Jeff cư xử như một người săn sóc chuyên nghiệp, rất kỹ lưỡng và tận tâm, ít khi để tình cảm lộ ra ngoài. Vì Jeff vốn là một họa sĩ, chàng ta rất chu đáo trong việc chọn màu áo và màu son cho Ann. Chàng ta bảo với con giọng điềm nhiên như người đã làm xong công việc giao phó: "Mỗi sáng tôi cho Ann ý kiến về áo sẽ mặc và soạn màu son, bút chì để trang điểm cho nàng. Thường tôi khá hài lòng với kết quả và Ann vẫn nghe lời tôi. Công việc của tôi có thể dễ dàng hơn nếu Ann đi mua sắm với tôi; nhưng gia đình Ann (bố mẹ và chị em) muốn tham dự trong việc đó và sở thích của họ thì khác hẳn sở thích của tôi."

Con không khỏi nghĩ đến nghịch cảnh: một người sống vì ánh sáng và màu sắc ở bên cạnh một người chỉ biết bóng tối. Có thể đây là một sự sắp đặt của Trời Phật và chính phủ để hai người đền bù cho nhau. Chàng họa sĩ trẻ tuổi có thể nghĩ rằng tuy mình không phải là Monet, Degas, hay Van Gogh nhưng cũng đã đem lại màu sắc vào cuộc sống một người. Và người con gái xưa nay chỉ biết màu đen đã được giới thiệu đến nhưng màu sắc khác bởi một người khá sành điệu. Nhưng vì thế giới hai bên hoàn toàn khác biệt và chí hướng xem chừng cũng cách xa (một nghệ sĩ và một Giám Đốc tương lai), con tưởng tượng có thể có những đụng chạm nho nhỏ hằng ngày. Con bước vào thế giới của Ann với tất cả hiếu kỳ ba mẹ trao tặng cho con từ ngày con ra đời.

Để tìm hiểu thế giới của Ann, con lục lọi về đời sống của bà Hellen Keller. Con cũng xem lại cuốn truyện Symphonie Pastorale của André Gide. Sáng sớm con không mở mắt vội, nằm yên trong bóng tối để nghe những tiếng động nhỏ, xe ngoài đường, chim trên cành, con chó sau vườn, nhà con trở mình bên cạnh. Con không bật đèn lên ngay khi vào buồng tắm, quờ quạng trong bóng tối, tìm nắm cửa, khăn lau mặt, lược chải đầu... Khi ăn đôi lúc con nhắm mắt lại, bảo lũ trẻ con là mẹ muốn thưởng thức mùi thơm của phở, vị hăng hắc cay của bún bò, cái ngọt dụi của chè hột sen. Những thử nghiệm ấy đưa đến một kết luận: con dùng cặp mắt nhiều quá, quên hẳn những giác quan khác và vì vậy những giác quan ấy không sắc bén mấy. Đặc biệt thính giác của con thật là tệ; nhà con vẫn chê con không phân biệt được Chopin với Bethoven và Mozart. Thính giác của Ann phải là nhạy lắm. Nàng còn có nhiều nhận xét khác làm con ngạc nhiên.

Hôm ấy con vào lớp sớm vì phải sắp đặt máy chiếu và hình vẽ trên giấy trong (projector and transparencies) cho phần trình bày của con. Con bắt tay chào Ann khi nàng sửa soạn ngồi vào hàng đầu như thường lệ: "Hôm nay trông Trang lịch sự lắm." Con đang thắc mắc (sao nàng ta biết mình không lôi thôi như mọi ngày nhỉ?) thì Ann tiếp: "Áo hàng gì mà êm thế? Chắc màu phải đẹp lắm." Ồ! Thì ra khi bắt tay, nàng sờ cánh áo của con và biết hôm nay con mặc áo mới. Con cười: "Màu buồn thôi. Màu xám." Ann lắc đầu: "Màu xám phải đẹp lắm, như ánh sáng ở cuối đường hầm." Jeff chen vào: "Trang quên nói rằng ngoài áo sơ mi màu xám, Trang khoác thêm chiếc gi-lê màu đỏ." Ann sung sướng: "Thế thì tôi thấy rồi! Như mặt trời mọc ở chân đồi trong đám sương mù." Có phải chăng Ann và Jeff vẫn thường dùng lối dịch thuật này để tìm hiểu màu sắc: qua những bức tranh?

Việc con giúp đỡ Ann học Operation Research càng ngày càng gặp trở ngại. Thứ nhất là môn này không phải sở trường của con tuy rằng sau hôm con trình bày vấn đề con nghiên cứu, bạn bè trong lớp gán cho con biệt hiệu "chuyên viên" (có lẽ để trêu con). Thứ nhì là bà thầy này thường dùng phấn màu đủ loại để vẽ những đường thẳng khác nhau tượng trưng cho những phương trình đặc biệt và để chia mặt phẳng ra làm hai miền, miền có giải đáp và miền không có giải đáp. Trong tình trạng này con không sao giải thích cho Ann những gì con hiểu. Ann bực mình không kém gì con. Nàng âm thầm đi tìm Judy (cô người Tàu nổi bật giỏi nhất lớp) để hỏi bài. Jill và Jessica cũng lẳng lặng rút lui trước sự khó khăn. Nhóm học tay bốn tan vỡ. Con lên ban Giám Đốc nói chuyện về Ann. Họ sắp xếp giúp Ann từ đó. Con chỉ còn thỉnh thoảng gọi điện thoại cho Ann, chia sẻ vui buồn, nói chuyện mưa nắng hay tương lai lúc ra trường.

Trong lúc nói những chuyện ngoài bài vở, con khám phá Ann có một giới hạn khác khó vượt qua hơn cả bóng tối bao quanh nàng: Ann chỉ biết đến mình. Nàng cười ngạo nghễ khi biết con chọn đề tài để nghiên cứu trước khi ra trường là: "Democracy in Corporate America." Nàng bảo: "Trang lý tưởng viễn vông; làm gì có dân chủ trong xí nghiệp. Cho tôi đây mà làm giám đốc, tôi cũng sẽ nghĩ đến quyền lợi của tôi trước, sau là quyền lợi của hãng, cuối cùng mới là nguyện vọng của công nhân. Để cho công nhân có tiếng nói, cho họ quyền quyết định chỉ thêm lộn xộn." Con định cãi lại, đem trường hợp những xí nghiệp Nhật và sự thành công của tinh thần quản trị chung (participative management) ra làm bằng chứng. Nhưng buồn buồn, con giữ lấy ý nghĩ của mình.

Giấc mơ của Ann khi ra trường giới hạn như sau: Mặc đồ lớn ba lớp (three piece suit), thắt nơ màu đỏ chấm trắng hay xanh đậm có đốm vàng nhạt (chắc chắn những chi tiết này là do chàng Jeff cố vấn), ngồi sau bàn làm việc màu rượu chát trong một phòng rộng rãi nắng ấm tràn vào qua những cửa kính bao quanh. Bước đầu Ann sẽ quản trị một nhóm ba bốn người trong một hãng có ngân sách ít nhất là một triệu với số lương hàng năm từ ba đến bốn chục ngàn đô. Hai năm sau nàng sẽ nắm một đơn vị mươi người trong một hãng có ngân sách vài triệu và lương hằng năm của nàng sẽ là năm sáu chục ngàn đô. Và cứ như thế Ann tự cho mình mười, mười lăm năm để đạt đến mục tiêu: lợi tức hằng năm phải là sáu con số.

Ann còn tả người thư ký của nàng: thông minh, chịu khó, đoán trước được những gì Ann cần, thông cảm những cái nóng giận thất thường của nàng, hỏi đến gì phải có ngay, tận tụy và không rời nàng nửa bước. Con nghe như nàng tả Jeff và chợt hiểu Jeff chịu đựng Ann rất nhiều.

Con phải phục Ann là người có mục đích, đường hướng vạch rõ ràng. Nhưng con vẫn sợ cái gì rõ ràng quá, như bị đóng khung trong một giới hạn. Có lẽ Ann là người Mỹ sống trong xã hội Tây Phương cạnh tranh, thẳng thớm; và con chỉ là một đàn bà Á Đông với thái độ "để Trời Đất dun dủi, hãy uyển chuyển với hoàn cảnh."

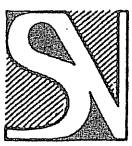
Suzie Vuong
Gallery
Bán tranh originals
và Limited Editions
207 N. Broadway, Suite # 6A,
Santa Ana, CA 92701
Tel: (714) 558-8218 Fax: (714) 444-1082
Pgr: (714) 967-7571 http://kicon.com/art/SuzieVuong

Nói cho cùng Ann và con khác nhau một trời một vực, và con may mắn hơn Ann một ngàn vạn lần. Con không bị bao quanh bởi bóng tối hay theo một khuôn khổ gò bó nào. Con sinh ra đời và bầu trời là giới hạn. Chính làm thân con gái tại tỉnh Huế nhỏ bé, trong khung cảnh cổ kính của xứ Thần Kinh và xã hội khắt khe của miền Trung cũng không phải là một giới hạn cho con. Ba mẹ không bao giờ cấm đoán con làm gì chỉ vì con là con gái. Con nhớ hồi còn bé, cứ cuối tuần ba đi đánh tennis là cho con đi theo. Các bác trêu: "Anh định cho cháu bé gái trở thành vô địch tennis?" Ba phớt tỉnh: "Cho cháu tập lượm banh đã rồi hẳn tính." Ba dạy cho con tất cả những trò chơi ba dạy cho anh: bắn bi, đánh banh bàn (ping-pong), dùng ná v.v... Ba giảng cho con tường tận luật lệ và kỹ thuật túc cầu. Nhờ ba huấn luyện, con có thể theo chơi hay nói chuyện với các anh mà không thấy thua sút.

Một hôm hội túc cầu Đức và Việt Nam đấu giao hữu tại sân vận động Tự Do ở Huế. Cả thành phố nao nức đi xem nên mua vé tương đối khó. Ba xoay xở đâu được hai vé và con được đi xem trận túc cầu lịch sử ấy. Cầu trường đông nghẹt. Con là người duy nhất đại diện cho phái nữ hôm đó và vì vậy hôm nay con vẫn rạo rực sung sướng và hoàn toàn thông cảm với hai cậu con trai mỗi lần chúng nó hò hét theo dõi những trận banh trên màn truyền hình.

Mãi đến khi con dậy thì, con mới hiểu là con thuộc phái nữ. Mẹ bị áp lực của văn hóa, xã hội và gia đình bắt đầu dạy dỗ con theo một khuôn khổ được cố, bà nội và các cô chấp nhận. Ba vẫn bướng bỉnh, phản đối việc bắt con vào bếp tập làm cơm (cho nên giờ này con vẫn vụng về) và cương quyết không chịu cho con xâu tai. Theo ba xâu tai là mọi rợ; cố dỗ dành, nếu ba bằng lòng, cố sẽ cho con đôi hoa tai ngọc thạch; ba vẫn cương quyết không. Con

CAO THỊ NGUYỆT LÃNG

TRÊN QUÃNG ĐƯỜNG VỀ

Khi anh mở cửa
Ra về
Bóng tối - đêm và khuôn mặt
nghiêng xuống vết đời mệt mỏi
Chim trong khu vườn sau
quên buông tiếng gọi
Nên bình minh không hứa trở về
Mùa đông qua cho mùa Xuân ghé lại
Thời gian
Không còn làm xao xuyến tình tôi
Chiếc lá vàng ước vọng
Đã lỡ thả trôi
Từ một thuở mịt mù của ký ức
Thì cũng xin giữ lại âm vang buồn bã
của gợn sóng thênh thang
Dù sao anh cũng ra đi
Thanh thản hay vội vã
Núi xa còn đó với trời cao
Có hồn cây rung trong ngàn lá
Có bước chân vừa hụt một khoảng không
Con đường về nhiều bóng nắng
Lắm khi mây bay qua rợp mát một buổi chiều
Hoặc là mưa rơi tầm tã
Rơi cả hắt hiu vào khóe mắt
Anh cứ ra đi
Sẽ không cần ai đưa tiễn
Lưu luyến gì giọt nước mắt ngậm ngùi
Thì thôi - cũng chỉ [illegible]nh anh
Một mình - bước qua lằn mức phù sinh

tháng Giêng 1998

mới xâu tai cách đây mấy năm, một hôm đi thi ra, cảm thấy phấn khởi và có ý muốn làm một cái gì ngoại lệ, hy vọng ba không giận con.

Khi bị đặt trong nề nếp của một thiếu nữ xứ Thần Kinh, con rất ấm ức. Con đành bỏ trò chơi ba người Ngự Lâm Pháo Thủ với các anh, trở nên ít nói và núp mình sau sách vở. Con đọc sách như kẻ khát nước. Chân trời con lại mở rộng. Ba mẹ dìu dắt con khám phá Alexandre Dumas, Antole France, Alphonse Daudet, Jean Jacques Rousseau, Corneille, Racine, Pearl Buck... cùng một lúc với Tam Quốc Chí với lời bàn của Mao Tôn Cương, Đông Châu Liệt Quốc, Thủy Hử, Quê Mẹ, Gánh Hàng Hoa... Con nhớ có lúc ba giảng Binh Thư của Tôn Tử cho con trước mặt cố làm cố bật cười: "Nó là con gái mà, dẹp chuyện binh sử đi." Ba trả lời: "Mệ không biết đó. Nó có thể trở thành một chính trị gia lỗi lạc."

Nghe vậy cố lo lắng lắm, ngấm ngầm liên lạc với bạn bè để xem có thể gã con cho một ông cháu, chắt nội nào đó của các bà. Cố dẫn con đi thăm bà Tuần, bà Án, bà Huyện, bà Phủ. Rồi cố chấm được một "đám" cố cho là lý tưởng. Ông đó con bà Tuần và hồi đó đang làm Đại Sứ Việt Nam tại Ý. Ông ta có một cậu con trai vừa vào trường Y Khoa ở Ba Lê. Cố vạch kế hoạch: con đậu tú tài một, cho đám hỏi; xong tú tài hai thì "đóng thùng" gởi con qua Ba Lê. Ba phẫn uất: "Nó đâu phải đồ vật gì mà mệ định đóng thùng gởi đi. Vã lại nó phải học cho đến nơi đến chốn đã." Đối với cố con gái học xong tú tài là đến nơi đến chốn rồi, còn đối với ba lúc nào thì đến nơi đến chốn hở ba? Đến giờ phút này con còn tự hỏi.

Rồi ba mẹ cho con đi học xa, ở ký túc xá trường Trung Học Pháp ở Đà Nẵng. Họ hàng thắc mắc, các cô xì xầm: "Không hiểu tính cho con gái làm cái gì mà phải gởi đi học xa?" Hồi đó ba trả lời sao ba nhỉ? Đến lúc ba mẹ gởi con qua Pháp du học thì cả ông ngoại và các bác đều phản đối. Đến bây giờ, nhìn lại sau hơn ba mươi năm con cũng không hiểu sao hồi đó ba mẹ có thể bạo vậy: nhà mình may lắm thì được liệt vào hạng trung lưu; con cái đông, mỗi năm con lại có thêm một em bé để tạm dùng làm búp bê; con tuy học hành khá nhưng có những lúc tài tử, điểm mang về từ nhà trường khi lên khi xuống. Nếu nói đầu tư và con thì cả một cuộc phiêu lưu. Con chỉ có thể nghĩ ra một lẽ để cắt nghĩa cuộc phiêu lưu ấy: ba mẹ đã tin tưởng rằng con có một tiềm năng và ngông cuồng nghĩ rằng nó sẽ được phát triển xa hơn khung trời xứ Huế, vượt quá mọi gò bó của gia đình và xã hội Việt Nam. Có lẽ trên đời này chỉ có ba mẹ mới tin tưởng ở con một cách vô điều kiện như vậy, hơn cả nhà con tin tưởng ở con, hơn cả con tin tưởng ở chính mình.

Sự tin tưởng của ba mẹ lại được đặt trong tinh thần phóng khoáng, rất ít ràng buộc với đời sống vật chất, thực tế. Với ba mẹ học hành là để mở mang trí tuệ và giúp ích cho xã hội và tổ quốc. Con không được dạy dỗ với chủ tâm làm ra tiền và đạt đỉnh danh vọng. Tiền và danh vọng chỉ là phó sản của những mục đích khác có ý nghĩa bao hàm và cao cả. Phải chăng ba mẹ nghĩ rằng những mục đích nhỏ hẹp, không có chiều cao và chiều rộng là giới hạn?

Nói thế không phải con có ý trách thầm Ann. Con chỉ thoáng thấy buồn buồn khi nghĩ đến nàng với bóng tối bao quanh và giới hạn nàng tự đặt cho mình... Và con có những cảm nghĩ ái ngại, vì những giới hạn ở từ đâu đến thì có hy vọng vượt qua mà những giới hạn mình tự đặt cho mình thì khó gỡ bỏ...

Con lại muôn vàn cảm kích sự may mắn của mình. Cứ mỗi lần con thấy rụt rè vì phải bước vào một môi trường mới lạ, con nghĩ đến ba, đến lòng tin tưởng vô điều kiện ba dành cho con và con mạnh dạn hẳn lên. Cứ mỗi lúc con học hỏi được một điều mới, con tự hỏi con đã thấu hiểu đến nơi đến chốn chưa? Và sau khi cân nhắc khía cạnh thực tế của vấn đề, quyết định của con bạo hơn, phóng khoáng hơn vì như thầm nghe ba nói: "Cái tính lý tưởng viễn vông cũng có thể được việc. Nhờ nó giới hạn có thể phá vỡ, thử thách được xem như lý thú, và chân trời bấp bênh là một bí ẩn để khám phá."

Thương yêu ba nhiều,
Con
Trần Như

* Phi cơ lâm nạn, hành khách nhốn nháo. Người phi công hỏi:
"Có ai biết cầu nguyện không?"
"Tôi biết, tôi là mục sư!"
"Cám ơn Chúa, mục sư ở lại cầu nguyện đi, chúng tôi mới đếm số dù thấy thiếu một cái, không đủ để chia đều cho hành khách."

QUÊ AI

LÝ KHÔNG MINH

Những lần về, rồi đi.

Lần về đầu, hắn quên đường. Nhưng cảm xúc hắn thành lệ khi đứng trong phòng đợi phi trường, nhìn qua cửa kính. Không khí trong phòng đợi nằng nặng oi bức. Hàng quạt máy gắn trên đầu cột quay ngược, lại quay xuôi, thổi lên những vạt áo dài của những người từ phương xa về kêu xoàn xoạt. Hàng người lố nhố ngoài kia. Nắng sáng xa. Nắng trắng đến không có bóng đổ, một hàng cây cao ngọn, xanh, im lặng ngó sững sờ. Hàng trăm cánh tay vẩy. Nguyện vọng hắn đã thành, cả nhà hắn còn nguyên vẹn, những khuôn mặt hắn hằng ấp ủ ngoài kia, và sung sướng nhất, người mẹ vẫn còn. Hắn sợ lắm, trong những bước chân lưu lạc, bỗng nghe tin dữ, hắn sẽ không biết sống làm sao.

Quê hương hắn rất chật. Người ta xuôi ngược. Khói bụi. Trẻ con lem nhem, người lớn khạc nhổ, cãi cọ, nói chuyện lớn tiếng, ồn ào, đôi mắt nhìn nghiêng, theo dõi, tò mò, lợi dụng.

Hắn có cảm giác chưa xa quê lần nào.

Lần về thứ hai, cũng những như thế. Lòng hắn bớt nôn nao. Hắn có cảm giác chưa xa quê ngày nào.

Lần về thứ ba, lòng hắn bớt nôn nao, có cảm giác, mới hôm qua đây thôi. Không có gì thay đổi.

Nhưng lần từ biệt thứ nhất là cả một gay go.

Đêm đầu tiên trở lại nước ngoài, trong căn phòng trọ, lặng lẽ, đèn tắt. Thành phố thật im lặng, thỉnh thoảng mới nghe một tiếng "ù" dưới phố. Hàng cây ngang tầm cửa sổ, trời đang đổ vào thu, lá đổ xao xác, trơ trơ vài cành vắng lá. Hắn ngồi một mình, đốt thuốc, và lần đầu tiên trong đời, hắn biết cảm giác "đoạn trường." Hắn có cảm giác đau thắt ngang ruột, vặn người xuống. Hắn coi đồng hồ, tính nhẩm, trừ ra để tính giờ Việt Nam. Giờ này, mẹ hắn đang ngủ trưa, anh hắn trải chiếu nằm giữa nhà, tắt điện, quạt máy quay nửa vòng, hết trớn, quay trở lại, hết trớn, cây nhang đuổi muỗi lửng lửng bốc khói ngay dưới chân giường mẹ hắn. Ánh sáng không rọi vô tới phòng vì căn nhà cao hàng xóm che hết, chốc chốc khoảng độ nửa giờ, chú bé rao phở lại đi ngang trước cửa, hai khúc cây ngắn gõ vào nhau theo nhịp hai, nghỉ, bốn tiếng, nghỉ, hai tiếng... Cách vài ba hôm nghe được tiếng chim cu gù đâu đó buồn bã. Chừng hai tiếng sau, mẹ hắn dậy, múc nước trong bể chứa rửa mặt. Bật một ngọn đèn, (ngọn thứ hai chỉ bật ban tối), mang dép đi lửng thửng ra đầu ngõ, ngó bâng quơ xe chạy, người đi, một chập, trở vào, bắt đầu chuẩn bị bữa cơm chiều, rất nhiều món, mỗi món chỉ vừa một cái đĩa nhỏ.

Hắn ngồi trong căn phòng, không gọi điện thoại cho ai báo tin. Hắn không muốn kể cảm giác của hắn, lúc này, mà e rằng có muốn kể cũng không được. Cảm xúc, kinh nghiệm, đời sống, chỉ dành riêng cho mỗi người, như dấu tay không ai giống ai, như khuôn mặt tựa tựa mà khác, (như những cuộc tình đến, và lâm lũi ra đi nhưng không có lần đi nào giống nhau). Hắn biết không thể làm gì trong vài ngày tới, hoặc có khi vài tháng, với cảm giác buông xuôi cho cảm xúc. Hắn chưa thể tiếp tục công việc dù biết điều đó cần, ít ra để kiếm tiền bù cho người ở nhà, ít ra để làm thay những người không làm được, ở bên đó.

Nhưng làm thế nào được. Mới hôm qua, cũng vào giờ này, cảnh đó. Và hôm nay, đủ một chu kỳ ngày, xa biệt. Tất cả những bon

chen, tranh đấu sống trên đất người trong một thời gian dài gần như vô nghĩa. Hắn có thất bại, nhưng nói chung là thành công nơi đây. Bằng cấp, việc làm, đủ cả. Nhưng xem ra những cái đó vô bổ cho bên kia. Mà thật sự cũng không thể gọi là thành công, bởi nơi đây, xã hội đưa cơ hội cho con người. 'Mọi người sinh ra đều bình đẳng,' nhưng cơ hội thì không đồng đều. Vì thế, thành bại đều là cơ hội. Gặp cơ may, lên. Chỉ thế. Ai khác ai.

Chiều đã tắt, cả ai ngọn đèn đều bật sáng. Mâm cơm bày ra. Nếu có đi đâu, hắn cũng phải về cho kịp giờ cơm. Những món ăn mẹ hắn làm đã ngon, lại đẹp. Rau sống được chưng gọn gàng, tươi mát, tô canh cá bốc khói, trên mặt rải đều một lớp hành xắt nhỏ, cho ít hạt tiêu, vài cọng ngò, Chén nước mắm đầm ớt xanh, rau muống luộc vừa chín. Gạo hạng hai, ba ngìn rưỡi một ký.

Đột xuất có đứa cháu qua, thêm chén đũa. Cùng ăn, cùng nói. Người hàng xóm đi qua, đứng lại ngó mâm cơm, bỏ đi.

Hắn mong có một việc làm nào đấy, bổ ích, trên quê hương, ngay xứ sở, vừa đủ nuôi sống cả nhà, vừa thực hiện những gì lấy được ở xứ người, đem về dựng. Cải tạo hệ thống giáo dục, chẳng hạn. Việc nào cũng cần, nhưng nhất là, sống cạnh mẹ hắn, những năm cuối đời, rồi có ra sao thì ra.

Lần từ biệt thứ nhì. Những dòng sông chảy dưới xa, mù mờ, đùng đục, uốn lượn, và mất biệt sau mây. Trắng. Như khói thuốc cuộn sau khi đèn cấm hút thuốc tắt. Hắn xa quê lần thứ ba, kể cả lần vượt biên. Lần này, an toàn, thong thả, nhưng nào kém xót xa. Có xót xa nào giống hệt nhau. Hắn lại ra đi. Ra đi.

Ra đi.

Rồi hắn lại ngồi, vừa tính sổ những ngày trên quê hương, vừa đẩy ngược kim đồng hồ quay lại. Giờ này, mẹ hắn vừa đi tập thể dục về, trời còn rất sớm dù nắng lên nóc nhà, hơi nóng, mẹ hắn ngồi ăn bắp luộc, sáu trăm đồng một trái (có bữa mắc lên bảy trăm đồng một trái, hạ giá thì hai trái nghìn mốt), sửa soạn giỏ đi chợ, thay áo, đội nón, vịn vào vách để bước xuống bậc thềm, ra đầu ngõ, đi dọc theo đường một khúc, rồi giở nón, vừa quạt vừa băng qua đường xe hai bánh ngược xuôi tốc độ, hoặc chờ có người băng qua, níu tay đi theo. Đó là khúc tưởng tượng gai sợ nhất của hắn mỗi khi bà băng qua đường. Mẹ hắn vẫn muốn đi chợ, xa nửa cây số, mỗi sáng, công việc duy nhất của bà, vui, được lựa, trả giá, biết hàng hóa mắc rẻ, cà chua mắc hơn năm chục, bó tăm xỉa răng lên một trăm, cam một chục đến hai chục ngàn, ăn không nổi, khi nào mệt quá mua nửa chục, bữa qua đưa tờ hai chục tưởng năm ngàn, may cái bà bán quen đưa lại, tiền bạc gì tờ năm ngàn, hai chục ngàn, năm chục ngàn đều màu xanh cả, có thấy số mà đọc đâu, cứ đổi ra hết hai ngàn cho tiện, lỡ có mất cũng không tiếc.

Mỗi lần trở lại bên những dòng sông vô nghĩa nơi này, hắn nghĩ đến những dòng sông lờ lờ lặng dưới xa, ở mỗi lần cất cánh hay hạ thấp cao độ, ô cửa nghiêng. Có một lần về may mắn sao, chiếc máy bay lượn quanh thành phố trước khi đáp. Hắn nhìn thấy cả thành phố Sài Gòn, những khu vực biết tên, những con đường lớn, những con đường nhỏ, dòng sông, những ô ruộng thẫm màu, vài làn khói sớm. Nắng Sài Gòn. *Xử thế nhược đại mộng.* Tự nhiên lại nhớ câu thơ ấy. Có lẽ vì hắn biết trong khoảng mươi mười lăm phút chao lượn, là những khắc hạnh phúc, sung sướng, tràn bờ, nhưng sẽ qua đi, không còn một lần thứ hai nữa. Sẽ qua đi, mãi mãi, mãi mãi.

Và như thế mỗi lần trở lại, hắn lại thấy luôn là người ngoài, ở đây, ở đó, ở đâu chẳng là thế. Hắn không mảy may luyến tiếc nơi mười năm dung thân, mười năm học làm người, chắc bóp và buông thả. Hắn muốn đáp mãi nơi vùng đất dưới kia, khi được. Con người chỉ có thể sống nơi sinh ra, cần cù hai buổi sớm trưa. Sáng, dậy sớm, đi ra công viên, tập thể dục, về ăn bắp luộc, ăn phở, ghé tiệm sách, mua báo, uống nước dừa, trưa đúng giờ về ăn cơm, ngủ trưa hai tiếng, dậy, tắm, mồ hôi trôi xuống cống sẽ thấm vào lòng đất để đỡ những bước chân lang thang từng xiêu vẹo nơi xa nay vững vàng không gian quê cũ.

Đấy là sự so sánh thật lâu năm hắn mới tìm ra được: buổi sáng nơi kia lúc mở mắt, nhìn ra bầu trời, ngọn cây lú ngang tầm cửa sổ một khoảng trời giăng hoặc xám nhạt sắp mưa hoặc xanh vắt nắng hứa cho ngày, hắn đếm được vài, chỉ một vài và không bao giờ quá ba, công việc trong ngày, tám tiếng miếng ăn và hẹn gặp một ai đâu đó. Là hết.

Trong khi ấy nơi buổi trưa ngủ hai tiếng và sáng dậy ăn bắp luộc, buổi sáng mở mắt nhìn qua cửa sẽ thấy một chùm giây điện vắt ngang ngoài, nắng luôn đầy ắp cho dù mùa nào, hắn sẽ không tính được sẽ có gì trong ngày đến tối, hắn có thể làm đủ thứ việc mà không làm gì cả, sẽ có những người bà con đến thật bất ngờ

chiếm luôn cả buổi sáng, trưa, và cả tối nữa để phá vỡ thình lình một dự tính sắp du hí đâu đấy của hắn trong thành phố, hoặc sẽ không ai tới cả và hắn có thể làm tất cả những việc thích, sẽ đi đâu thì đi trong thành phố. (Không còn gì đã đời hơn nữa). Sẽ không cần biết cái địa điểm tên gọi nào mà hắn sắp đi. Mỗi nơi là một kỳ quan, mỗi nơi là một kỳ thú bất chợt. Đầy ắp, hứa hẹn.

Một nơi hắn phải biết tên chỗ đến, và thường phải lật bản đồ.

Một nơi không cần biết gì cả, cứ quất xe đi là đến.

Một nơi không biết tìm đâu ra bạn.

Một nơi lang thang bè bạn khắp cùng.

Như thế không thú ở nơi sau sao.

Như thế cuộc đời không đáng sống sao hở những trưa Sài Gòn rất bụi.

Buổi sáng, dừng xe trước hàng cà-phê bên hông một tổ chức văn nghệ, chờ người làm thơ từ trong căn nhà màu xanh nước biển bước ra. Cao, lạnh lùng, nhìn thẳng, kiêu hãnh, ve vẩy xung quanh đông đảo, thường là khứa nhiều hơn khách, phần lớn khách (và "khứa") văn nghệ Sài Gòn xưa tập họp xung quanh người làm thơ, lu bu. Ông lão làm thơ điên, tóc bạc, tiếng tăm lừng lẫy, lang thang khắp, dường như nhà là chùa, đứng thổi tu-huýt làm cảnh sát giao thông, có khi lần tới căn nhà màu xanh nước biển, chân đất, lận hai chiếc dép cũ ở thắt lưng. Người làm thơ kiêu hãnh hỏi: "Sao lại dắt hai chiếc dép?" Nói: "Hai hòn dái bác Hồ". Tủm tỉm, leo lên chiếc xích lô, ngang tàng.

Như vậy không thích sao.

Đời sống cần như thế.

Những người làm thơ đi vào cõi sống, lẩn thẩn. Nhưng hắn vẫn thích ôm đầu với những khoảng khắc man mác đi qua. Có những lúc, chỉ là những lúc không mảy may những lụn vụn như thế, hắn lại lèn chặt trong lòng, trở thành kỷ niệm, trở thành linh hiển chong đường về quê. Như là buổi sáng, chiếc xích lô lóng cóng đi ngang hồ Con Rùa, bên này quán nước dừa nắng chiếu nghiêng mặt bàn, những chiếc xe bán mực nướng tràn khỏi lề đi, đột ngột, như một tín hiệu từ đâu đó truyền đi êm thắm, khẩn cấp, "nó đến, nó đến," những chiếc xe bán mực tháo chạy, những chiếc ghế xếp trên đường biến mất. Từ một ngã nào, chiếc xe tuần tiểu xuất hiện. Thì ra là vậy. Vẫn tiếng cười vui sau những con mực nướng dở, một thoáng, bàn ghế lại bày ra, đời sống trở về, như không mảy may, như chưa từng biến động.

Vẫn là chạnh lòng. Mà mây trắng nơi nào cũng trắng. Nhìn ra nắng trễ. Với mây Tần. *Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.* Lớp lớp trắng theo nhau về quê cũ. Bây giờ bên đó làm gì? Mây cuộn nơi này, một chút mưa buổi sáng, thời tiết ngây ngây lạnh. Buổi chiều thứ Bảy, vắng lạnh đến tê lòng, bốn giờ chiều, Sài Gòn giữa trưa, nắng bức, có những người về, kể bằng giọng lạnh lẽo, có những người về, giọng hồn nhiên bình thản, có những người về, ngậm ngùi không thể. Từng tờ lịch lật qua, thời gian sang mà chạnh lòng cứ cố, nán lại ở một nơi khuất bóng mây Tần, và se sắt.

Lạ chưa, cứ buổi chiều thứ Bảy, bốn giờ, trời hiu hiu vào thu, và những lăn tăn lọn mọn quẩn quanh hoài nơi đầu giường trong giấc ngủ chập chập chờn chờn. Tôi tìm lại gì ở những gì đã xa, và nơi gì đã mất. Từ những ô cửa sổ trông chừng hướng tây, mặt trời không thấy vì mây thu rất kín, chỉ lóe lên thứ ánh sáng có khi kỳ lạ, rợn một góc hồng, sáng từng đường ngoằn ngoèo vệt vạt, những chồi cây khuynh diệp xanh vàng trội lên che ngang. Con người ta chỉ có thể sống ở nơi sinh ra. Hắn nghe và tin như thế. Đúng thật. Trông chừng một giấc mơ. Giấc mơ hồi hương, giấc mơ đời, giấc mơ nào trọn vẹn.

Trời vào thu, ở đây. Tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư. Chập choạng bước vào những ngày đầu tháng. Chỉ có người Việt Nam hiểu. Cõi đau của hoang mang, từng hai mươi năm nằm ngửa trông trời, trên cát biển, ở một hòn đảo. Tiếng ồn ồn của loa phóng thanh, tiếng người, sạch một đêm, không còn gì cả. Chỉ trắng ước mơ. Trở về, và trở trăn.

Quả nhiên một kiếp người.

* Cảnh sát làng: "Thưa cô, luật ở đây cấm tắm dưới sông."

"Vậy tại sao ông nhìn thấy tôi cởi quần áo mà không ngăn cản?"

"Thưa cô, luật ở đây không cấm cởi đồ."

* "Vợ tôi khéo tay lắm. Từ một cái áo cũ của bà ta mà bà ta làm ra được cho tôi những hai chiếc cà vạt."

"Vợ tôi ấy à, từ một cái cà vạt mới của tôi bả có thể làm ra hai bộ áo tắm bikini cho bả thì sao!"

THỜI ĐẠI BẤT NHÂN

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Cu Tí đang chơi game, chả hiểu sao, bỗng quay sang hỏi:

"Nếu bố cũng chết luôn rồi bố có gặp bà nội không?"

"Có."

"Hôm nào đến lượt con chết thì con sẽ gặp bố mẹ, em Bê, ông bà nội và tất cả mọi người luôn hả?"

"Ừ."

"Vậy... cũng được."

Sau cái tang của bà nội, sau khi được giải thích là mọi sinh vật trước sau rồi cũng chết, con trai tôi — tám tuổi — chắc đã đủ khôn để hiểu điều đó nhưng chưa đủ lớn để nghĩ đến lúc nó phải sống hay chết một mình. Bởi vậy, khi nghe rằng dù chết nó vẫn có người thân xung quanh, cu cậu yên tâm.

Còn tôi, tôi không yên tâm mấy! Nếu thực sự nhân loại sau khi chết rồi cũng đều gặp lại nhau ở một nơi nào đó thì những lời thăm hỏi của chúng ta sẽ ra sao, sau câu nói xã giao thường lệ:

"Dạo này khỏe không, cha nội?"

Những câu hỏi kế tiếp có thể là:

"Xin lỗi, vô phép cho hỏi, anh chị từ đâu đến?"

Hoặc:

"Bà thuộc quốc tịch nào ạ?"

Kể từ khi chúng ta có mặt trên mặt đất, hình dạng của những lục địa đã nhiều lần thay hình đổi dạng, nói chi đến chuyện nhỏ nhặt như biên giới của những quốc gia; bởi thế, hai câu hỏi vừa nêu e không hoàn toàn thích hợp trong hoàn cảnh đặc biệt này. Bạn nghĩ sao nếu chúng ta sẽ nghe những câu trả lời như sau:

"Thưa tôi người Chiêm Thành, còn cô bạn gái của tôi đây là người Chân Lạp."

"Tôi là công dân thành Nhã Điển (Athens)."

Đối đáp như thế nghe mất... sướng. Nó có vẻ hẹp hòi, hơi nặng tính chất địa phương, và — rất có thể — khiến người đối thoại bối rối vì Chiêm Thành, Chân Lạp, Nhã Điển... đều

thuộc những nền văn minh đã bị lụi tàn hay hủy diệt từ lâu.

Do đó, trong tình huống này, e là con người sẽ phải chào hỏi nhau theo cách khác — khác hẳn với lề lối thông thường của chúng ta hiện tại. Yếu tố không gian, có thể, sẽ bị loại bỏ và người ta chỉ còn chú trọng đến thời gian thôi. Xin nghe thử vài thí dụ:

"Xin lỗi ông thuộc niên đại nào ạ?"

Hoặc:

"Còn cô, thời đại của cô tên chi?"

"Thưa, tôi sống vào Thời Băng Hà."

"Em thuộc Thời Đồ Đá Cũ."

"Chúng em cũng thế nhưng hơi lui về phía sau một tí, chúng em thuộc giai đoạn Trung Thạch Khí."

"Dạ cháu thì sinh sau đẻ muộn hơn nhiều, cháu người Thời Trung Cổ."

Gần gũi hơn, chúng ta dám có dịp ngồi nhậu với những nhân vật Thời Phục Hưng như Leonardo da Vinci hay Michelangelo Buonarroti. Nếu đụng phải quí ông, quí bà chết không kịp ngáp ở Hiroshima hay Nagazaki vào năm 1945 thì câu trả lời chắc chắn sẽ là:

"Chúng tôi không may sinh nhầm Thời Đại Nguyên Tử."

Gần hơn nữa, nếu bắt tay với những anh chị mới tử nạn trong vụ Phi Thuyền Con Thoi vào cuối thế kỷ hai mươi thì hẳn là họ sẽ tự nhận là những kẻ thuộc Thời Đại Phi Thuyền...

Nhân loại — tất nhiên — không phải lúc nào cũng vui vẻ dắt tay nhau nhẩy cà tưng cà tưng một cách đồng đều qua từng thời đại, từng giai đoạn văn minh. Do đó, sự phân định thời đại luôn luôn có tính cách chủ quan và dễ trở thành đề tài cãi lộn.

Hãy hình dung ra cảnh một ông chồng nào đó, có chiều hớn hở và hăm hở, chạy tuột vào hang, ôm chầm lấy vợ, nói không kịp thở:

"Em ơi, nhen lửa lẹ lên làm cái gì nhậu để anh hú anh chị Tư với anh chị Năm qua uống..."

"Xí, làm gì mà gấp nhậu và nhậu hoài vậy. Đêm qua mấy ông mới xỉn gần chết, ói mửa tùm lum, hang động còn hôi rình đây nè!"

"Chậc ! Hôm qua là "happy birthday" của em thì cũng phải này nọ chút đỉnh chớ. Bữa nay là chuyện khác, quan trọng hơn nhiều..."

"Chuyện gì mà dữ thần vậy kìa?"

"Biết sao không, anh mới gặp ông Tám ở ngoài bìa rừng á. Chả cho hay bắt đầu từ ngày mai là mình bước qua một thời đại khác, tới Thời Đồ Đồng rồi."

"Ý, trời - đất - mèng - đéc - qủi - thần - thiên - địa ơi, thiệt vậy sao honey ? Sao không kêu ổng vô nhậu luôn, em còn một mớ khô cá sấu đây nè. .. Mà nhớ làm cho em cái gương bằng đồng à nha. Không phải là em "complain" hay đua đòi gì đâu nhưng sáng nào cũng phải ra bờ suối soi mặt, chải đầu, trang điểm... thiệt mỏi chân và... sợ cọp gần chết luôn vậy đó!"

"Đừng có lo, chuyện nhỏ mà. Nhen lửa lẹ lên, nói nghe đi cưng."

Sau đó cả đống mấy anh mấy chị nổi lửa, xúm vô ăn uống, nhậu nhẹt, phi cần sa, và nhẩy nhót tùm lum, rồi ôm nhau làm tình tưng bừng cho tới sáng.

Cảnh tượng này, nếu xảy ra ở Âu châu, và nếu được thu hình cho mấy ông bà Úc châu xem thế nào cũng có ông hay có bà chép miệng:

"Chúng nó tiến nhanh quá nhỉ. Thoắt một cái đã vượt qua Thời Đồ Đá."

Cùng lúc, cùng cảnh tượng trên dám bị một cô hay một cậu da đen ở Phi châu nhún vai dè bỉu:

"Đ... mẹ, đúng là đồ ngợm. Người ta đã tới luôn Thời Đồ Sắt cả... tuần nay rồi, bây giờ mới lò dò bước vô Thời Kỳ Đồ Đồng; vậy mà cũng bày đặt ăn mừng, shit, fuck you, mother fuckers!"

Đó là chuyện lớn có tính cách liên lục địa, xẩy ra khi thế giới chưa thu nhỏ lại bằng một cái làng, vào lúc nhân loại chưa nghĩ ra được cái bánh xe và cái máy vi tính với hệ thống internet. Ở một bình diện nhỏ hơn, trong phạm vi biên giới của một quốc gia, đôi khi, vì nguyên do này hay nguyên do khác, có những nhóm người vẫn cứ sống biệt lập ở những nơi hoang dã — với những hình thái sinh hoạt cổ xưa bất biến — hoàn toàn biệt lập với số đông còn lại.

Xin đơn cử một thí dụ khác. Khoảng tháng Tư năm nay, năm 98, nhiều tờ báo Việt ngữ của người Việt ở hải ngoại cùng đi tin về một nhóm Fulro bị bắt tại tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam. Tin này, chắc chắn, được in lại "nguyên con" từ một tờ báo thổ tả nào đó ở trong nước. Cái được mô tả là nhóm Fulro kể trên gồm có đâu chừng... năm người: hai đứa bé (có đứa mới mười mấy tháng), một ông già, một phụ nữ, và một người đàn ông trung niên có trang bị vũ khí — một cái... cung!

Ở bất cứ một quốc gia bình thường nào khác, nhóm người kể trên chắc chắn sẽ bị coi là những người đi lạc, và tựa bài báo viết về những người này sẽ là "Phát Hiện Được Một Nhóm Người Thượng Sống Hoàn Toàn Biệt Lập Từ Năm 1975 Ở Cao Nguyên Trung Phần." Dù sự thực, rất có thể, không phải là họ đi lạc mà là họ đi trốn. Trong một chế độ mà "cái cột đèn nếu có chân cũng phải bỏ đi" thì nói chi đến người, dù là người thượng!

Tương tự, bằng vào một nhãn quan bình thường thì không ai quan tâm đến chuyện "fulro or not fulro." Khả năng sinh tồn hoàn toàn biệt lập của một nhóm người, qua một phần tư thế kỷ ở rừng sâu, mới là điều cần được học hỏi và nghiên cứu. Người Việt, kể cả nhiều người ở hải ngoại, (tiếc thay) không có cái nhìn bình thường như thế; do đó, mới có cái tựa bài báo là "một nhóm fulro bị bắt" và cái tựa quái gở này được in ở khắp mọi báo — chứ chả riêng gì báo quốc doanh.

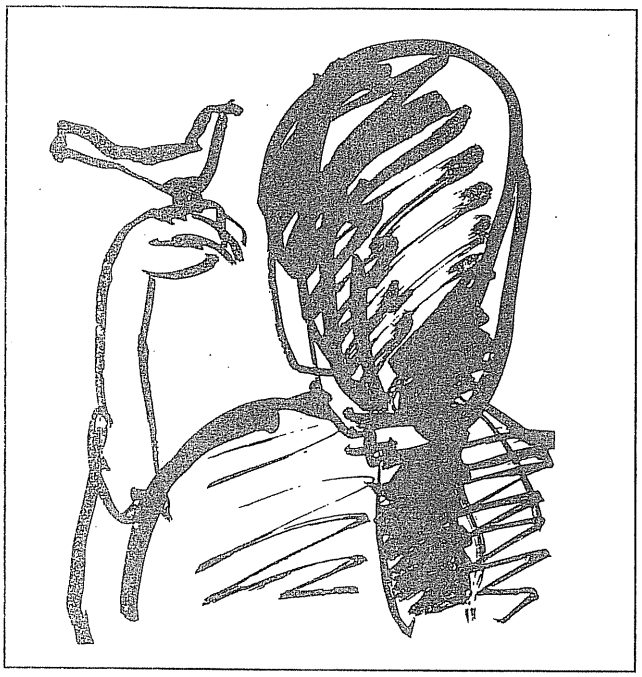

Nhóm người này, theo như bài báo tiết lộ, được giao cho công an tỉnh Lâm Đồng xử lý. Qúi vị lãnh đạo đất nước Việt Nam hiện tại, nói chung, (và ông trưởng ty công an Lâm Đồng, nói riêng) e khó mà có mảy may khái niệm gì về nhân chủng học và xã hội học nên cách họ "xử lý" chắc khó nhẹ tay.

Lỡ họ quá tay khiến cho một trong những người thượng kể trên bỏ mạng, khi về bên kia thế giới, chả hiểu anh hay chị đồng bào thượng của tôi sẽ tự giới thiệu ra sao khi được hỏi về thời đại hay niên đại của mình? Đồng bào thượng, tự bản chất, không quen nói dối. Nói thật thì khó có thể giải thích với người đối diện tại sao bạn từ trần vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 20 mà tay cầm cung, lưng đeo tên, mình đóng khố, và thân thể thì gầy ốm trơ xương, với hàng trăm dấu vết bầm dập do tra tấn.

Thiệt sống đã mệt mà chết, ngó bộ, cũng không khỏe mấy. Vi nhân nan. Làm người quả khó. Sự khó khăn này, tất nhiên, không chỉ dành riêng cho người Thượng. Tôi nghĩ lỡ mà chiều nay, khi khổng khi không, mình... tắt thở ; rồi tối đến, khi đi tà tà ở thế giới bên kia, tôi cũng bối rối thấy mẹ luôn nếu bị ai đó hỏi một câu tương tự:

"Ủa, chớ bạn thuộc thời đại nào vậy ?"

Tôi thuộc thời đại nào cà ?

Dù vai tôi không đeo tên, tay không cầm cung, người không đóng khố; và dù tôi ngồi trước máy Window 95, (tay phải cầm mouse, tay trái cầm bia Budweiser) và đang mặc quần lót hiệu Hanes — tôi vẫn thấy có điều bất ổn nếu tự nhận mình là người thuộc Thời Đại Khoa Học Kỹ Nghệ hay Thời Đại Computer gì đó.

Nói đại như vậy gặp người lạ hoắc (cỡ như một bà Phù Nam hay một ông Spartan nào đó) thì chắc cũng xong thôi; tuy nhiên — lỡ gặp người quen — một người đồng hương và đồng thời chả hạn, tôi sợ rằng không ổn. Xin đơn cử tiếp vài thí dụ về những trường hợp không được ổn:

Trong mục Sổ Tay của tạp chí *Thế Kỷ 21* số tháng 6 năm 98, xuất bản tại California Hoa Kỳ có ghi lại trường hợp của chị Võ Thị Quyến, với tiểu đề "Những Chị Quyến Ở Nông Thôn Việt Nam" như sau:

Báo Tuổi Trẻ ở Việt Nam đã đăng câu chuyện chị Võ Thị Quyến , người phụ nữ sống ở một ngôi làng cách huyện lỵ Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam) ba cây số. Câu chuyện có thể giúp ta hiểu tại sao ở những thôn làng tỉnh Thái Bình người dân đã nổi dậy.

Chị Quyến là một người nghèo nhất xã Quế

Minh, theo lời giới thiệu của ông chủ tịch xã. Căn nhà ba mẹ con chị Quyến ở chỉ là mấy tấm tranh xiêu vẹo trên những cây cọc dựng tạm. Trong lều chỉ có một chõng tre đủ một người nằm, và mấy cái nồi gang sứt quai. Chị Quyến có ba sào ruộng, làm không đủ ăn. Ngoài việc làm ruộng chị chằm nón . Mỗi ngày chị chằm được một cái nón bán được 1 ngàn 900 đồng Việt Nam, trừ 500 đồng mua lá, 300 đồng mua chỉ cước, và 300 đồng mua tre mỗi ngày chị kiếm được 800 đồng (6 cent Mỹ) , bằng giá một điếu thuốc lá 555 ở Sài Gòn.

Con lớn của chị 14 tuổi học đến lớp ba thì phải nghỉ. Đứa bé lên 7 tuổi đang học lớp một. Trường làng đã gửi giấy yêu cầu chị Quyến đóng "qũy học đường" 16 ngàn đồng - tiền công 20 ngày làm nón, nếu chị nhịn ăn, nhịn uống. Chị nói:" Chắc thằng Khoa cũng phải nghỉ học thôi!" Khi phái viên nhà báo đưa tặng chị tờ giấy bạc 50 ngàn đồng (hơn ba Mỹ Kim) để đóng tiền học cho con, chị hỏi: "Đây là mấy nghìn em? Chị chưa bao giờ nhìn thấy tờ giấy bạc lớn như vậy!"

Chị Võ Thị Quyến là người thế nào mà nghèo khổ đến như vậy? Năm 1972, mới 16 tuổi, chị đã thoát ly gia đình "nhẩy núi" theo bộ đội tỉnh Quảng Nam làm công tác vận tải. Sau năm "giải phóng" 1975, khi cha mẹ anh em đã chết, chị xin ra quân về nhà trông nom bà nội mù loà...

Bài phóng sự viết về xã Quế Minh còn kể đến anh Nguyễn Phước Minh. Mươi năm trước đây anh Minh là người được "biểu dương kiện tướng lao động" hàng ngày trên loa truyền thanh của nông trường Đại Thủy Lợi, Phú Ninh, Tam Kỳ - khi đảng cộng sản còn đang "xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa" bằng tay chân. Thành tích của anh là đào đắp cả chục khối đất mỗi ngày Với sức lực đó, anh trở về xã Quế Minh nhưng không làm gì đủ nuôi vợ con! Nhà anh cũng sơ xác như nhà chị Quyến. Vợ anh bệnh nằm liệt giường.

Xã Quế Minh nổi tiếng vì trận đói năm 1993, dân làng phải đào những củ sắn non lớn bằng chiếc đũa lên ăn. Hiện nay thanh niên trai tráng trong xã hầu hết đã bỏ đi kiếm ăn ở phương xa, đến nỗi có đám tang không tìm được đủ số thanh nhiên khênh quan tài.

Nói chị Quyến là người nghèo nhất xã Quế Minh cũng chưa chắc đúng vì, cũng theo lời ông chủ tịch xã, mức sống trung bình của người dân ở đây là 150 ngàn đồng một năm, tức hơn 12 ngàn một tháng (chưa được một Mỹ Kim)... Làm cách nào người ta có thể sống với 12 đô la một năm? Đó là điều không thể hiểu được khi có những nhóm cán bộ, như ở công ty dệt Nam Định, đã tham nhũng đến vài chục triệu Mỹ Kim. Nhưng chị Quyến không biết những chuyện xẩy ra ở công ty dệt Nam Định vì cả xã chỉ có hai tờ báo của đảng.

Điều thảm thương cho những người như chị Quyến, anh Minh là họ đã hy sinh tuổi thanh xuân cho đảng cộng sản, người ra sức chiến đấu, người làm lao động. Và kết quả của những hy sinh đó là cuộc đời cùng khổ không biết bao giờ thoát. Chúng ta có thể tưởng tượng hàng triệu, hàng triệu người như họ ở các vùng nông thôn Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam...

Coi: rõ ràng tôi với chị Quyến, anh Minh không phải chỉ là những người đồng hương mà còn là những kẻ đồng thời nữa. Năm 1972, khi chị Quyến "nhẩy núi" thì cũng là lúc tôi đi lính. Chúng tôi cùng tham dự một cuộc chiến nhưng ở hai chiến tuyến đối nghịch, thế thôi.

Cuộc chiến tàn, sau nhiều năm tù tội, tôi đành phải tha phương cầu thực. Còn chị Quyến "sau năm 'giải phóng' 75, khi cha mẹ anh em đã chết, chị xin ra quân về nhà trông bà nội mù loà." Chúng tôi như những nhánh sông chia. Khi hợp lưu mà tôi lại giả dạng ngoại kiều thì e rằng thái độ của mình có hơi... kỳ. Còn nếu tôi làm ra vẻ Việt kiều, trâng tráo tự giới thiệu mình thuộc Thời Đại Thông Tin hay Hậu Kỹ Nghệ... gì đó thì có lẽ đỡ kỳ hơn một chút nhưng vẫn còn kỳ ... thấy mẹ !

Mà không phải chỉ riêng tôi với kẹt đâu nha? Chị Quyến, anh Minh cũng kẹt luôn là cái chắc. Họ rồi sẽ tự giới thiệu ra sao đây, khi được hỏi về thời đại của mình ?

"Chúng tôi thuộc Thời Đại Cách Mạng!"

Hoặc, cho nó thêm phần quốc tế:

"Chúng tôi thuộc Thời Đại Cộng Sản."

---

* Thế nào là tình yêu và hôn nhân?

- Tình yêu: hai người ngả vào vòng tay của nhau.
- Hôn nhân: hai người lọt vào tay nhau.

* Cách tốt nhất để biết người đàn bà nghĩ thế nào về anh là cưới bà ta. Anh sẽ biết ngay!

* Thật đáng thương cho những kẻ không có can đảm để mở miệng nói, không có đủ trí khôn để đối đáp, và không có đủ nghị lực để câm nín.

Nghe được không? Bằng vào thành tích "kiện tướng lao động" hay "nhẩy núi" (nghĩa là đi theo cộng sản, hay đi làm "cách mạng"), họ có thể coi như mình thuộc Thời Đại Cách Mạng được chăng? Tôi nghĩ rằng cũng được vì cũng có phần hợp lý, ít nhất thì nó cũng hợp lý trong hoàn cảnh của hai người. Sống ở một nơi chỉ có hai tờ báo, cả hai đều của đảng, và cái đảng thổ tả này - hơn nửa thế kỷ nay - luôn luôn tự ca tụng thành tích cách mạng (không hề có) của mình và của những nước "cách mạng xã hội chủ nghĩa" anh em thì những người như anh Minh, chị Quyến biết gì hơn về thời đại của mình để có thể nói khác đi được? Dù trong thực tế thì làm gì có cái thứ "cách mạng" nào lại chủ trương bắt người dân " đào những củ sắn non lớn bằng chiếc đũa lên ăn" hay đẩy họ vào những "cuộc đời cùng khổ không biết bao giờ thoát," theo như nguyên văn của bài báo vừa dẫn.

Và những mảnh đời te tua bầm dập khốn cùng như thế không phải chỉ tìm thấy ở nông thôn Việt Nam. Bạn có thể nhìn thấy chị Quyến, anh Minh và lũ con họ ở bất cứ nơi đâu trên đất Việt. Có những chị Quyến nằm chết (chết vì đói) ở chợ Bến Thành, có những chị Quyến nấu cháo có thuốc độc cho con ăn rồi... quyên sinh vì cùng quẫn. Bài báo không đề cập đến người đàn ông trong đời chị Quyến. Tôi trộm nghĩ anh ấy có lẽ "đang kiếm ăn ở phương xa," nghĩa là đang đi làm cửu vạn ở Hà Nội hay Sài Gòn, Hán Thành hay Budapest, quần quật suốt ngày vẫn không đủ nuôi thân - nói gì đến vợ với con!

Con cái của chị Quyến cũng không phải là hai đứa bé duy nhất ở Việt Nam bỏ học.

"Chú mua dùm con tấm vé số." Ngẩng mặt lên tôi bỗng giật mình. Trước mặt tôi là một em bé trai độ chừng tám tuổi. Nấp dưới cái mũ vải là một khuôn mặt thật sáng. Tôi đọc được trong mắt em một sự van xin, cầu khẩn nên xót xa móc tiền ra mua một vé. Em lí nhí lời cảm ơn rồi tiếp tục lê gót sang các bàn bên cạnh.

Ở cái tuổi măng non của em sao mà mọi động tác đều nặng nhọc, chán nản như em vừa mất ngủ đêm trước hay vừa đi bộ 15 cây số, hay bi quan hơn, em vừa bỏ học tuần qua. (Đỗ Ngọc Châu, "Dân Tôi Nghèo Ơi Là Nghèo Với Các Em Bỏ Học Buôn Vé Số," *Việt Báo USA,* 30 tháng Năm 1998).

HOÀNG LỘC

VỀ THUỞ CHIA XA

trăng bớt xanh từ hôm lạc xứ
chén đưa là rượu xé đời nhau
lòng em chẳng khác lòng ly phụ
ngọn liễu đương xuân cũng trở màu

ta đi một cõi không hò hẹn
là cõi phiền lo chuyện áo cơm
ví thử phong hầu kia đáng mộng
hà tất còn nghê lũ bụi đường?

tháng năm nghĩ đủ làm cô quạnh
hết thảy niềm tin một buổi về
đã tội người xưa mơ áo gấm
để lòng tưởng nhẹ nỗi lìa quê

ở đây mắt mắt toàn thiên hạ
từng ngó ta như ngó lạc loài
nửa tóc cho nhau đều bạc cả
sợ tàn xương lại gửi quê ai!

biết em vẫn cuối ngày đăm mỏi
hằng muốn cùng ta cạn tử sinh
giá có chia hai mùa gió nổi
hồ dễ cân đôi một chữ tình?

ta lạ đất trời, thương cố thổ
trăng buồn không thể giữ màu xưa
có khi xót đắng không vì rượu
lòng cứ trầm mê điệu tiễn đưa...

Hoạt cảnh trên xẩy ra ở Sài Gòn, lúc trời mới tờ mờ sáng, vào những ngày tháng cuối cùng của thế kỷ hai mươi. Tuổi thơ là một trong những sản phẩm đặc biệt của thế kỷ này. Trước đó, vì phải dồn hết nhân lực vào việc mưu sinh, nên loài người chưa có thế giới riêng của tuổi thơ. Hình ảnh của một đứa bé tám tuổi phải chia sẻ trách nhiệm nặng nề trong việc mưu sinh là một trong những nét đặc trưng của Thời Trung Cổ, khi chúng ta chưa có sự phân định rõ rệt về về giai đoạn ấu thời, lúc mà trẻ con được coi chỉ là những người lớn thu nhỏ (miniature adult) mà thôi.

Nếu chả may cả con trai tôi (cu Tí) và chú bé bán vé số cùng qua đời sáng nay, chiều đến — khi gặp nhau ở một thế giới khác — chả hiểu hai đứa bé sẽ tự giới thiệu ra sao về thời đại của mình?

Thời Đại Số Số hay Thời Đại Chơi Game?

Đã thế, nếu cu Tí cứ huyên thuyên về đủ thứ game còn người bạn nhỏ đồng bào và đồng thời với nó cứ nhắc đi nhắc lại hoài về tất cả những loại vé số hiện hành ở Việt Nam thì câu chuyện e khó mà tương đắc và có thể kéo dài lâu. Sự thông cảm hay thương cảm về nhau, nếu có, sợ cũng không lấy gì làm sâu sắc.

Khi phương Tây rục rịch bước vào thời đại kỹ nghệ thì phương Đông — điển hình là Trung Hoa — vẫn cứ ì ạch ở Thời Trung Cổ, dù đất nước này là nơi phát xuất nhiều phát minh căn bản của loài người. Tại sao? Theo David Landes, trong *The Wealth and Poverty of Nations,* thì " không thể có tiến bộ khi sự tiến bộ đi ngược lại với quyền lợi của lớp người đang thống trị." Trung Hoa dưới sự cai trị của triều đình Mãn Thanh, những kẻ ngoại tộc, chỉ mong xứ sở này "ổn định" để họ giữ vững được quyền bính và an tâm hưởng lợi. Ở thời điểm đó, hiển nhiên, mọi thay đổi hay tiến bộ của Trung Hoa đều đi ngược lại quyền lợi của những kẻ cầm quyền.

Chủ bút của tạp chí Thế Kỷ 21, ông Vương Hữu Bột , sau khi duyệt xét tác phẩm dẫn thượng, đã liên tưởng đến hoàn cảnh của quê hương mình và đi đến kết luận như sau: "Tiến bộ là đi ngược lại quyền lợi của giai cấp nắm quyền, tình trạng này đang diễn ra tại Việt Nam. Có gần hai triệu đảng viên và những người cộng tác với họ chia nhau các chức vụ và bổng lộc từ trên xuống dưới. Nếu kinh tế tư doanh phát đạt thì hệ thống phân phối ảnh hưởng và lợi lộc đó bị thiệt hại. Nếu nhiều công ty tư doanh đi vào thị trường thì một hãng độc quyền là 'công ty đảng' sẽ không cạnh tranh nổi. Nhiều ý kiến mới được nói, được nghe thì 'Giáo Hội Đảng' sẽ mất thiêng. Vì vậy họ gọi quá trình đó là 'diễn biến hòa bình,' phải ngăn ngừa và tiêu diệt!" ("Trở Ngại Của Tiến Bộ," *Thế Kỷ 21*, tháng 6 năm 98).

Kết luận "chủ quan" của ông Vương Hữu Bột, không may, trùng hợp với nhận xét "khách quan" của ông Katsuman Suzuki - đại sứ của Nhật tại Việt Nam, trong một hội nghị kinh tế mới đây giữa Đông Kinh và Hà Nội: "Tôi không biết những sự cải cách được khuyến cáo có gây tai hại cho ổn định chính trị hay không, nhưng tôi cảm thấy có một số người trong ban lãnh đạo chính trị đã sợ như vậy, do đó tạo ra sự kìm hãm nghiêm trọng." ("Đại Sứ Nhật Tố Cáo CSVN Lo Sợ Đổi Mới Gây Bất Ổn Chính Trị," *Việt Báo USA*, 04 tháng Bẩy 98).

Khi mà những kẻ thuộc giai cấp thống trị thản nhiên chà đạp lên đời sống của những người bị trị, và từ chối mọi cải cách hay thay đổi (có thể mang đến phúc lợi cho đám đông quần chúng) chỉ vì cần bảo vệ quyền lợi của chính họ thì triều đại, chính thể hay thời đại của họ — dù có mang tên hay được mệnh danh là gì chăng nữa — vẫn luôn có nét đặc trưng đáng khinh là sự bất nhân.

Anh Minh, chị Quyến và con cái họ, hoặc bất cứ một người Việt nào khác (dù kinh hay thượng, dù ở trong hay ngoài nước Việt) đều có thể trả lời một cách chính xác — dù không có gì để hãnh diện — khi được hỏi về thời đại của mình: chúng tôi thuộc Thời Đại Bất Nhân.

* Sự khôn ngoan của trí tuệ chưa đủ để chúng ta hành động khôn ngoan.

Dostoievsky

* Càng ngu bao nhiêu càng ít thấy được cái huyền bí của sự sống bấy nhiêu.

Schopenhauer

* Nếu một thằng mọi ăn thịt người biết dùng dao và nĩa, điều đó có cho phép ta gọi là tiến bộ không?

Lec

"KHỔ DÔI" VỀ CÁI CHẾT CỦA ĐỨC THÁNH TỬ VÌ ĐẠO ĐỖ BÁ LUNG

KIỀU DUY VĨNH

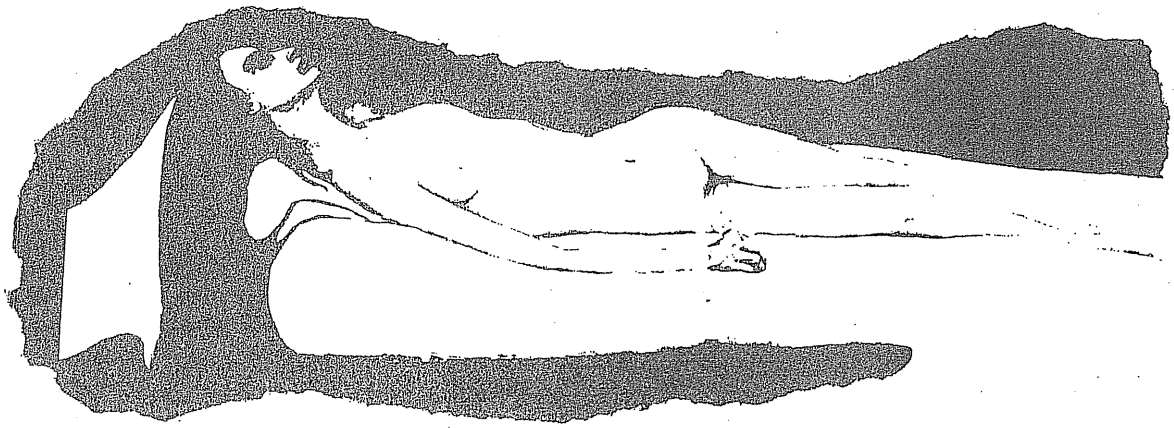

LTS. *Trong bài ký Cổng Trời Cần Tỷ đăng trên số TK 21 vừa rồi, tác giả Kiều Duy Vĩnh có cho biết tu sĩ Đỗ Bá Lung đã chết,* nhưng câu chuyện lại chưa chấm dứt ở đây lúc đem tu sĩ đi chôn. *Mời quý độc giả theo dõi tiếp "khổ dôi" (tức là một đoạn thêm vào) của câu chuyện.*

*

Ở đoạn trên, chúng ta đã biết là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã vào Hầm Chết ba tháng mà vẫn chưa chết. Chánh giám thị Nguyễn Quang Sáng rất sốt ruột, luôn luôn hỏi anh Nguyễn Hữu Đang, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm, người độc nhất được đưa cơm vào xà lim:

"Thế nào, nó chết chưa? Cái thằng Lung ấy."

"Thưa ông, anh ấy chưa chết."

Nguyễn Hữu Đang có cái đáng quý là anh không gọi ai ở trong tù bằng thằng cả. Trong khi bọn trật tự viên hình sự luôn luôn nói theo giọng quan thầy, ông chủ chúng đều gọi tù nhân bằng thằng này thằng nọ.

Tôi có một anh bạn rất thân tên là Sâm. Khi hỏi cung tôi, cán bộ công an hỏi:

"Anh thấy thằng Sâm nó thế nào?"

"Thưa ông, tôi không quen thằng Sâm nào cả?"

"Anh láo, anh chối hả? Thằng Sâm mà anh không quen thì anh còn quen ai nữa?"

"Thưa ông, nếu ông nói về anh Đỗ Văn Sâm học cùng với tôi ở trường Chu Văn An thì tôi quen rất thân. Nhưng xin ông nhớ cho là anh ấy chưa bị bắt, ông không nên gọi thằng này thằng nọ như thế."

Tôi chỉ dám trả lời lại có thế thôi, nhưng còn anh bạn Phan Hữu Văn, thì anh ấy trả lời hay hơn tôi nhiều:

"Thưa ông, tôi tưởng ông nói tới thằng Vĩnh lưu manh, ma cà bông ở cùng trại 13 với tôi thì thật tình tôi không bao giờ biết tới quân ăn cắp ấy cả. Nhưng tôi có quen ông Kiều Duy Vĩnh, học sinh trường Chu Văn An cũ, nguyên Đại úy Tiểu khu trưởng Ninh

Giang. Chúng tôi không dùng những từ thằng này thằng nọ mày tao mi tớ bao giờ. Chỉ có bọn vô học, vô văn hóa, vô giáo dục thì mới dùng những từ đó mà thôi."

Tên công an tím mặt lại, đuổi về trại đi cùm.

Lại nói về tu sĩ Đỗ Bá Lung, hết tháng thứ ba ông chưa chết, nhưng sang đến tháng thứ tư vào dịp gần đến lễ Thiên Chúa Giáng Sinh ở Cổng Trời đôi lúc không độ, nước đóng băng thì tu sĩ Lung chết.

Nguyễn Hữu Đang vội vã báo cáo với Trực trại là tu sĩ Lung đã chết.

Ngay buổi chiều hôm đó, mọi cửa sổ nhà giam đều bị đóng kín lại, có hai người tù hình sự ở trại ngoài đem đòn, dây thừng và một chiếc chiếu vào khênh đi chôn. Họ chôn xong, về lĩnh mỗi người một cân đường và một cân gạo nếp. Đâu như những lần chôn cất cha Vinh cha Quế họ được thêm mỗi người một ký lòng trâu.

Đối với chúng tôi thì là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã chết, đã đem chôn. Người chết hết chuyện. Thế nhưng trường hợp của Tu sĩ Lung lại không hết chuyện. Thế mới phiền.

Cũng chừng độ ba tháng sau, một ngày nắng vàng rực rỡ, trời ấm áp dễ chịu, người ta thấy, lù lù một tu sĩ Đỗ Bá Lung chống gậy xuất hiện ở trại Cổng Trời.

Thế là náo loạn cả lên. Từ Ban Giám thị trại, đến lính coi tù, đến tù nhân đều tới lui, bàn ra tán vào, rì rầm nhớn nhác. Cửa sổ các trại lại đóng như khi ông chết mang đi chôn. Họ đưa ông vào ở tạm một cái buồng con chỗ cán bộ giáo dục "lục vấn" người tù. Chứ chả lẽ lại đưa ông vào Hầm Chết lần nữa!

Hóa ra là hồi ba tháng trước ông chưa chết hẳn, hoặc là ông đã chết mà một phép lạ đã làm ông sống lại. Câu chuyện xảy ra như sau:

Sắp đến chỗ chôn thì trời đổ mưa to, hai người tù hình sự tránh mưa, để ông nằm đó chạy vào trú mưa ở nhà một người Mèo, họ vào đấy uống rượu chờ tạnh mưa. Mưa hồi lâu, và rượu hơi ngon nên trời chập choạng tối họ mới lần xuống, thì không thấy bó chiếu đâu nữa.

Họ nghĩ có lẽ thú dữ, hoặc chó sói đã tha cái xác ấy đi rồi. Có sao đâu, khỏi phải chôn. Họ về và cũng chả có ai hỏi là họ chôn xong chưa? Mọi lần vẫn thế. Mặc nhiên coi như đã chôn xong.

Hóa ra là khi họ đang uống rượu thì mưa to hơn lại có sấm chớp nữa làm tu sĩ Đỗ Bá Lung tỉnh lại, đây buộc thì lổng lẻo, ông chui ra khỏi cái chiếu, lấy cái chiếu che mưa lần vào cái chuồng trâu gần đó. Hơi ấm của trâu, của phân trâu làm ông hồi tỉnh lại và sáng hôm sau, chủ nhà người Mèo nấu cháo ngô cho ông ăn và nuôi ông. Thế là ông sống lại.

Ông sống lại một cách khỏe mạnh. Người Mèo cho ông ăn nó so với sáu ký gạo cộng với sắn trong một tháng thì cháo ngô đã làm ông hồi phục nhanh chóng.

Nhưng làm sao mà sống mãi ở nhà họ được? Mà trốn trại thì trốn về đâu? Và làm sao mà trốn thoát được. Giấy tờ không, tiền không, với 100km đường rừng, 300km đường bộ, ông đi làm sao được. Chỉ có một con đường độc nhất xuống núi thì bị kiểm soát thật ngặt nghèo, ông làm sao đi thoát. Vậy chi bằng quay trở lại trại Cổng Trời là hơn cả.

Thế là ông quay về trại sáng hôm đó.

Nhưng phiền là Ban giám thị trại đã báo cáo về Bộ cái thành tích tiêu diệt tên phản động đội lốt thầy tu Đỗ Bá Lung rồi, và trên Bộ đã gạch xóa tên Lung trong danh sách tù ở Cổng Trời rồi. Làm sao bây giờ? Phải có phương án nào chứ.

Hai hôm sau, có một xe com-măng-ca của Bộ lên trại Cổng Trời. Ông Đỗ Bá Lung lên chiếc xe đó. Ông đi đâu? Và sẽ ra sao? Cho đến giờ chúng tôi cũng không biết gì hơn về tu sĩ Đỗ Bá Lung, người đã chết và đã sống lại đó.

(1995)

* Một người đàn ông tuyệt vời? Là một người nhớ ngày sinh nhật của bà vợ nhưng không nhớ số tuổi của bà.

* Bạn có thể nhờ một người đàn bà cất giữ dùm nhiều thứ, chỉ trừ sự bí mật.

* Bà A kể với bà B: Chồng tôi đãng trí lắm, nhưng cũng nhờ thế mà một năm tôi có tới hai món quà sinh nhật và ba món quà kỷ niệm ngày cưới.

* Nụ hôn âu yếm và vòng tay nồng ấm của người vợ chào đón ông chồng đi làm về thường chỉ là để... đánh hơi xem có mùi nước hoa nào lạ trên áo ông ta không.

MẶT TRẬN DÂN CHỦ DƯỚI SÁCH LƯỢC MẠC TƯ KHOA

THƯỢNG-HUYỀN dịch

(Trích dịch từ sách Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc, nguyên tác Hoa ngữ của Tưởng Vĩnh Kính, Đài-loan)

Từ năm 1933 đến mùa Thu năm 1938, Hồ Chí Minh bị cưỡng bách "học tập", cho nên đã phải ở luôn tại Mạc-tư-khoa. Cuối năm 1938 ông lại trở qua Trung-quốc và gia nhập đảng Cộng Sản Trung Quốc. Từ năm 1935 đến tháng 9.1939, trước khi cuộc chiến tranh Âu-châu bùng nổ, vì muốn hòa hoãn với Pháp để giải tỏa sức uy hiếp của Đức từ Tây-Âu, Liên-sô chỉ thị cho cộng sản Pháp thành lập *Mặt trận Nhân dân*, cốt duy trì mối quan hệ thân hữu giữa Pháp và Liên-sô. Do đó, cộng sản Việt-nam cũng phải tuân hành quyết định của Mạc-tư-khoa, hủy bỏ cuộc vận động chống Pháp, nương tựa vào cộng sản Pháp, ủng hộ nhà đương cuộc thực dân Pháp, thực hành cái gọi là *"Mặt trận Dân chủ"*. Trong giai đoạn này, ngoài việc tán thành Mặt trận Dân chủ ra, ông Hồ hầu như không làm gì cho Việt-nam cả.

Từ sau ngày ông Hồ từ Thượng-hải trở lại Mạc-tư-khoa, tình huống giữa ông và các đảng viên Việt-cộng du học tại Liên-sô, theo lời thuật lại của Nguyễn Khánh Toàn (một đảng viên Việt-cộng, ở Mạc-tư-khoa cùng thời với Hồ Chí Minh, sau làm Phó bộ trưởng Bộ Giáo dục của chính phủ Bắc-Việt), thì thấy rằng, trong cái rọ đầy không khí khủng bố đương thời, tất cả các sự tiếp xúc giữa ông Hồ với các đảng viên Việt- cộng, đều phải có sự chấp thuận của Mạc-tư- khoa. Nếu chưa được phép, dù có ngẫu nhiên gặp mặt cũng không được tự tiện nói chuyện. Nguyễn Khánh Toàn nói:

"Lúc đó tại Mạc-tư-khoa, các đồng chí Việt-nam đều không ai biết Bác Hồ đã có mặt tại Liên-sô. Chỉ có nữ đồng chí bí-thư của tổ Việt-nam trong viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc, nhờ có đồng chí phụ trách tổ Việt-nam thông báo cho, mới biết được sự việc ấy. (Người phụ trách tổ Việt-nam lúc bấy giờ cũng là một nữ đồng chí, và lại là cán bộ của cộng sản quốc tế.) Sau đó vài hôm, tôi tình cờ gặp Bác ngoài đường, nhưng vì trên tổ chức chưa chính thức giới thiệu, nên tôi đã làm lơ. Phải vài hôm sau nữa, tôi mới được chính thức diện kiến Bác."[1]

Khi ông Hồ đến Mạc-tư-khoa, tình trạng sức khỏe của ông, hiển nhiên là rất tồi, vì vẫn còn bệnh phổi. Ông *"rất gầy, mặt trắng bệch, đầu rụng nhẵn hết tóc"*, *"chốc chốc lại ho, trong đờm có máu"*. Vào thời đó chưa có loại thuốc đặc biệt nào để chữa trị bệnh lao, nên ông đã phải tự chữa lấy bằng cách *"sống thật điều độ, tập thở có phương pháp, mỗi sáng tập thể dục — trong phòng lúc nào cũng có sẵn một số dụng cụ thể thao như cặp tạ nhẹ, đồ tập cho nở ngực v.v..."*[2]

Tại Mạc-tư-khoa, một mặt ông Hồ phải học tập trong học viện Lenin, một mặt nhận công tác tại viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc. Học viện Lenin là trường huấn luyện cán bộ cao cấp của các đảng cộng sản

các nước, được chia làm hai bộ phận: dài hạn là 3 năm, và ngắn hạn là 6 tháng. Ông Hồ theo học khóa ngắn hạn 6 tháng — với cái tên giả là Linov. Tại viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc thì ông dùng tên giả là Lin, và lãnh đạo tiểu tổ các học sinh Việt-nam. Các học sinh này bản chất thấp kém, *"đại đa số các đồng chí này đến từ nước Pháp, trình độ thấp kém «ngang bằng mặt nước», trước kia vốn làm đầy tớ cho người Tây, hoặc làm thủy thủ"*; *"một số đồng chí xem ra còn trẻ tuổi, chưa từng được rèn luyện qua một lò cách mạng nào, cho nên có lúc vẫn tồn tại những vấn đề cá nhân vụn vặt."* Ông Hồ lãnh đạo nhóm này học tập, đã dùng những phương pháp như đối với các em bé vườn trẻ; ví dụ, khi giảng về vấn đề *"đoàn kết"*, ông đã lấy một chuyện nhi đồng rất được phổ thông ở Trung-quốc, là bẻ một bó đũa thì khó gẫy, nhưng bẻ từng chiếc đũa một thì dễ gẫy vô cùng. Giảng dị và rõ ràng như vậy, các học sinh ấy mới hiểu được ý nghĩa chữ *"đoàn kết"*.[3]

BABUI

MỘT NGÀY Ở MỸ

Buổi sáng, thức dậy
Phải vặn mình uốn éo
Để lên dây đồng hồ sinh học vừa đứt tối qua
Vì cày hai "job".
Buổi trưa, làm biếng
Mở gói mì ăn liền ăn qua loa dằn tâm sự
Cho ấm áp cuộc đời...
Rồi lại chiều, tắt nắng... trầm tư
Bên chồng thư vừa nhận
Cả "Bill" Mỹ-Việt đề huề
Cuộc chiến cũ vẫn còn đang tiếp diễn
Từng ngày, từng giờ...
Đố ai biết được những khó khăn
Cho một ngày ở Mỹ?!

Santa Arminta 7/98

Mùa Thu năm 1934, viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc lại có thêm một tiểu tổ Việt-nam, do Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và 3 đảng viên Việt-cộng khác nữa (đều mới sang từ Việt-nam) làm thành. Tiểu tổ này do Lê Hồng Phong phụ trách công tác đảng, nhưng việc học tập vẫn do ông Hồ kiêm nhiệm lãnh đạo. Vì lí do bảo mật, hai tiểu tổ Việt-nam này đã bị chia cách ở hai địa điểm khác nhau. Lê Hồng Phong nguyên là nhân viên của Tâm Tâm Xã ở Quảng-châu (năm 1925), là một trong những nhân vật trọng yếu của Đồng Chí Hội, cùng ăn chung mâm với ông Hồ, được phái sang thụ huấn tại trường Không quân Liên-sô, và năm 1929 được đưa vào học trường đại học Lao động Đông phương. Giữa tháng 7 và tháng 8 năm 1935, cả 5 người trong tiểu tổ của Lê Hồng Phong được chỉ thị tham dự đại hội đại biểu kì 7 của cộng sản quốc tế. Trong đại hội này, Lê đã được chọn làm ủy viên dự khuyết ban chấp hành cộng sản quốc tế, và sau đó không lâu, lại được phái về lãnh đạo Trung ương đảng cộng sản Việt-nam.[4] Lúc bấy giờ, dưới con mắt của Stalin, hiển nhiên là ông Hồ không được xem có kí-lô nào cả; đã không được làm một ủy viên ban chấp hành cộng sản quốc tế, lại mất địa vị lãnh đạo cộng sản Việt-nam, thậm chí, cũng không được coi là một phần tử đáng tin cậy. Ông bị cưỡng bách cư trú tại Mạc-tư-khoa để "học tập". Đó đã không phải là điều ông mong muốn, mà cách cư xử đối với ông lại hoàn toàn lãnh đạm, như lời thuật sau đây của Nguyễn Khánh Toàn:

"Sau khi hai đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai về nước... Bác Hồ đã vào viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc, hệ Lịch sử, để học tập theo các nghiên cứu sinh năm thứ nhất. Vì hoàn cảnh lúc bấy giờ hãy còn rất khó khăn, Bác chưa có thể về nước. Do đó Bác phải lưu lại để tiếp tục học tập một thời gian; dù vậy, mục đích chủ yếu của Bác vẫn không phải là ở lại để chuyên về việc học tập. Thử nghĩ, học tập ở ban nghiên cứu, phải trải qua thời gian 3 năm, mà Bác vốn là một con người hoạt động, thì đâu có thể ngồi đó cắn

sách!... Lúc đó, những học sinh Việt-nam ở viện Nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc, trước sau đều lần lượt về nước; chỉ còn vài ba người ở lại, và cũng không còn ai tiếp tục sang nữa. Lại nữa, đó cũng là thời kì mà các cuộc vận động cách mạng tại thế giới và quốc nội đang bồng bột dâng cao, thì làm sao Bác có thể yên tâm ngồi đó mà học tập!"[5]

Sau đại hội đại biểu kì 7 của cộng sản quốc tế, vào khoảng nửa đầu năm 1936, Lê Hồng Phong đã mang sách lược mới của cộng sản quốc tế đem về Việt-nam thi hành.[6] Ông đã noi theo Mặt trận Nhân dân của cộng sản Pháp để thực hiện cái gọi là *"Mặt trận Dân chủ"*. Trước đó, cộng sản Việt-nam hầu như chỉ đứng lửng lơ ở giữa con đường của cộng sản Trung-quốc và cộng sản Pháp. Đợi cho đến khi chính phủ của Mặt trận Nhân dân ở Pháp được thành lập, cộng sản Việt-nam mới hoàn toàn nương tựa vào chính sách của cộng sản Pháp để thực hành cái *"Mặt trận Dân chủ"* của họ. Có chuyển biến này, hoàn toàn là vì tuân theo quyết sách của Mạc-tư-khoa, đồng thời cũng nhằm phù hợp với nhu cầu quan hệ giữa Pháp và Liên-sô.

Tình hình đen tối của thế giới trong những ngày trước đại hội đại biểu kì 7 của cộng sản quốc tế, thật mười phần bất lợi đối với Liên-sô. Tại Đông phương, quân phiệt Nhật đã xâm chiếm vùng Đông-Bắc Trung-quốc, trương biểu ngữ *"Phản Cộng"*, và đang tích cực bành trướng nhằm thôn tính toàn vẹn lãnh thổ Trung-quốc, thực hành cái gọi là *"Chính sách Lục địa"*. Tại Tây phương, nước Đức, dưới sự thống trị của chính quyền phát-xít Hitler, đang xưng bá ở Âu- châu, dương cao ý chí thành lập *"đế quốc thứ ba"*, chống lại người Do-thái và chủ nghĩa mác-xít.[7] Trong tình hình thế giới bất lợi đó, cộng sản quốc tế nhận định rằng: *"Hiện tại là lúc phát- xít Đức và quân phiệt Nhật đang khiêu khích quân sự, các nước tư bản hiếu chiến cũng đang khẩn cấp tăng cường quân bị, đó là cơ hội cho chiến tranh phản cách mạng, chống Liên-sô có nguy cơ bộc phát. Vậy, khẩu hiệu của các đảng cộng sản các nước trong lúc này phải là* «đấu tranh cho hòa bình»".[8]

Bởi vậy, lúc bấy giờ, ngoại trừ đảng cộng sản Pháp là đang dương dương tực đắc,[9] còn cộng sản ở các nước khác đều ở trong tình trạng thoi thóp. Chẳng hạn, chi bộ lớn nhất của cộng sản quốc tế ở châu Âu là đảng cộng sản Đức, đã bị đảng Quốc Xã (Nazi) đánh cho tan nát; các đảng cộng sản khác ở Ý, Ba-lan, Ba-nhĩ-cán (Balkan), Anh, Mĩ, Nhật v.v... đều đang bị đánh phá kịch liệt, phải im hơi lặng tiếng; lại có vài nơi thì vì lực lượng ít ỏi, yếu kém, cho nên không làm gì được. Đến như cộng sản Trung-quốc, sau 5 lần bị càn quét, cũng phải tháo chạy — *mà họ gọi là cuộc "trường chinh 25.000 dặm"* — đến tận một vùng hoang vu không có bóng người tại miền Tây Trung-quốc, diễn "hí kịch của nhà thám hiểm tập thể".[10]

Để hóa giải các áp lực của chính bản thân Liên-sô, Stalin một mặt thay đổi thái độ đối với các nước tư bản (xuyên qua quan hệ ngoại giao của chính phủ), một mặt dùng cơ cấu của cộng sản quốc tế, chỉ thị cho các đảng cộng sản các nước, cải biến sách lược mới để tạo ảnh hưởng đối với chính phủ bản quốc. Tại Tây phương, ông khôi phục bang giao với Mĩ, kí hiệp định hỗ trợ với Pháp; tại Đông phương, sau lúc Nhật-bản rút ra khỏi Hội Quốc Liên vì vấn đề Đông-Bắc Trung-quốc, ngay trong khi Trung-cộng đang bị càn quét, ông cũng khôi phục bang giao với chính phủ

Trung-quốc; rồi ông còn gia nhập vào Hội Quốc Liên.[11] Nhằm tạo ảnh hưởng trong nội bộ các nước, cộng sản quốc tế quyết định rằng, cộng sản các nước phải *"đấu tranh vì bảo vệ hòa bình và bảo vệ Liên-sô"*. Nhiệm vụ chiến lược tối trọng yếu là *"chống phát-xít Đức và các nước cấu kết với nó là Ba-lan, Nhật-bản"*. Để hoàn thành nhiệm vụ này, cộng sản các nước phải *"khai triển tối đa khả năng và trình độ để kiến lập cho được một chiến tuyến thống nhất rộng rãi"*. Những chi bộ ở các nước thuộc địa và bán thuộc địa, như Trung-cộng chẳng hạn, phải xây dựng *"chiến tuyến nhân dân chống đế quốc"* và tham gia cuộc *"đấu tranh giải phóng dân tộc"* tại quốc nội.[12] Nhân đó, tại các nước có giai cấp tư sản thì đảng cộng sản sẽ là *"mặt trận nhân dân"*; và tại Trung-quốc, là *"mặt trận dân tộc"*.[13]

Học giả Trịnh Học Giá, khi nghiên cứu về cộng sản quốc tế, đã giải thích về "Mặt trận Nhân dân" rằng: *"Theo ngôn ngữ học của chủ nghĩa mác-xít, đó là chủ trương hợp tác với phe dân chủ của giai cấp tư sản nhằm đối kháng và lật đổ phe phát-xít. Một khi đã liên hiệp với phe dân chủ của giai cấp tư sản rồi thì các đảng viên cộng sản bất tất phải đề ra mặt trận liên hiệp* «từ dưới lên trên», *mà có thể tham gia ngay vào* «chính phủ của mặt trận nhân dân»".[14] Tuân hành chỉ thị của cộng sản quốc tế để thực hiện một mặt trận như vậy, tháng 6.1934, đảng Cộng Sản Pháp đã hợp tác với đảng Xã Hội Pháp để lập thành một "chiến tuyến thống nhất"; rồi đến cuối năm lại cùng với đảng Xã Hội Cấp Tiến thành lập "Mặt trận Nhân dân".[15] Theo sự giải thích của Trịnh Học Giá, đảng Xã Hội Cấp Tiến này, tên gọi nghe có vẻ "hách xì xằng" như thế, chứ nội dung thì chẳng có cấp tiến chút nào, lại không có tí hơi hám gì về "xã hội chủ nghĩa" cả. Tựu trung, nó cũng chỉ là một đảng "phản động".[16] Ấy vậy mà trong kì bầu cử quốc hội Pháp tháng 5.1936, Mặt trận Nhân dân đã đạt được thắng lợi, và nắm chính quyền. Tháng 6, lãnh tụ Leon Blum của đảng Xã Hội Pháp đảm nhiệm chức vụ Thủ-tướng, tổ chức nội các, và thành lập chính phủ của Mặt trận Nhân dân. Tóm lại, họ đã thành đạt được cái chính sách ngoại giao của Stalin là liên hiệp với Pháp để chống Đức.[17]

Việt-nam là một nước thuộc địa. Chiếu theo qui định của cộng sản quốc tế, nó phải theo đường lối *"mặt trận dân tộc"*, và tham gia vào cuộc *"đấu tranh giải phóng dân tộc"*; do đó, nó phải chống ách thống trị của Pháp để tranh thủ sự giải phóng dân tộc. Nhưng Việt-cộng thì không thể một mình làm được điều đó, mà phải nương mình làm một bộ phận của cộng sản Pháp, chấp hành cái đường lối *"mặt trận nhân dân"* của cộng sản Pháp, và phải ủng hộ nhà đương cuộc thực dân Pháp để bảo vệ mối quan hệ hỗ trợ giữa Pháp và Liên-sô! Một chính sách như vậy mà cộng sản Việt-nam phải "phụng hành", tất không khỏi gặp phải những khó khăn trùng trùng!

(Còn tiếp)

CHÚ THÍCH:

01. Hồ Thơ, tr. 115-116.

02. - nt -, tr. 116, 119.

03. - nt -, tr. 116-117.

04. - nt -, tr. 118, 121.

05. - nt -, tr. 121-122.

06. Nguyễn Khánh Toàn ghi rằng, Lê Hồng Phong về Việt-nam năm 1936 (Hồ Thơ, tr. 121). Tháng 7 năm đó, đến miền Nam Trung-quốc triệu tập hội nghị ban Chấp hành Trung ương đảng Việt-cộng để thông qua chính sách mới của cộng sản quốc tế.

07. Trịnh Học Giá, Đệ Tam Quốc Tế Hưng Vong Sử, tr. 166.

08. Quyết nghị của đại hội đại biểu cộng sản quốc tế kì 7 liên quan đến vấn đề "Chủ nghĩa đế quốc đang chuẩn bị cho cuộc đại chiến thế giới mới và nhiệm vụ của các đảng cộng sản", ngày 20.8.1935 (Cộng Phỉ Họa Quốc Sử Liệu Vựng Biên, q. 3, tr. 17-18).

09. Trịnh Học Giá, sđd, tr. 186.

10. - nt -, tr. 166.

11. Không phục tùng quyết nghị của Hội Quốc Liên liên quan đến việc chiếm đóng miền Đông-Bắc Trung-quốc, ngày 3.3.1933, Nhật-bản đã rút chân ra khỏi Hội Quốc Liên. Ngày 23 tháng 4 năm ấy, Nga khôi phục bang giao với Trung-quốc; đến ngày 16 tháng 11, lại khôi phục bang giao với Mĩ. Ngày 18.9.1934, Nga gia nhập Hội Quốc Liên. Ngày 20.5.1935, Nga kí hiệp ước hỗ trợ với Pháp.

12. Quyết nghị của đại hội đại biểu cộng sản quốc tế kì 7 liên quan đến vấn đề "Chủ nghĩa đế quốc đang chuẩn bị cho cuộc đại chiến thế giới mới và nhiệm vụ của các đảng cộng sản".

13. Trịnh Học Giá, sđd, tr. 175.

14. - nt -

15. I. Milton Sacks, Marxism in Viet Nam (Frank N. Trager, Marxism in Southeast Asia, tr. 137-138).

16. Trịnh Học Giá, sđd, tr. 188.

17. - nt -, tr. 186, 189.

CHUYỆN ĐÁ BANH

PHẠM XUÂN ĐÀI

World Cup tổ chức ở Pháp năm nay đem lại cho những người đàn ông Việt Nam trung niên đang tị nạn tại Hoa Kỳ ít nhiều thích thú say mê đích thực, sau những năm tháng sống lửng lơ với một cố gắng thích ứng liên tục với một văn hóa mới, một cố gắng mà họ biết không bao giờ đạt tới đích. Tất cả vui thú say mê của một đời người hoàn tất từ thời người ấy còn trẻ, và khi đã sống tròm trèm nửa đời rồi mới gặp hoàn cảnh đòi hỏi phải đổi mọi chuyện thì rất khó, nếu không nói là chẳng thể được. Vì thế người ta phải tiếp tục ăn cơm với cá kho, ăn phở, hủ tiếu, bún riêu, mì Quảng, tiếp tục coi video và nghe CD nhạc Việt Nam, tiếp tục xuất bản và đọc sách báo tiếng Việt, tiếp tục xây dựng chùa chiền và tu viện Phật giáo... Nói cho lớn lao thì là người ta đang cố gắng bảo tồn văn hóa của quê cha đất tổ, nhìn một cách thực tế thì tất cả việc ấy chẳng qua nhằm đáp ứng nhu cầu sống của chính một lớp người mà thôi. Không thích ứng nổi với cái mới một cách toàn vẹn thì ta bày những gì của ta ra để... ta dùng vậy.

Nhưng riêng về môn đá banh thì người tị nạn tại Hoa Kỳ... thua. Họ có thể tha hồ gào với cái máy Karaoke những bản nhạc Việt mà họ ưa thích một thủa nào, nhưng họ không cách gì đến với môn đá banh, mà những người Việt trung niên ấy hầu hết đều say mê từ thời còn nhỏ xíu, và được nuôi dưỡng đầy hào hứng khi lớn lên. Nếu anh tị nạn ở bất cứ một chỗ nào trên thế giới khác với Hoa Kỳ thì anh vẫn có thể gần gũi với niềm say mê ấy, và cảm thấy thế giới này vẫn có một mẫu số chung mà mình là người lạ đến vẫn có thể tiếp tục chia sẻ. Một người Việt Nam ham đá banh từ ngày nhỏ gặp một người Pháp chẳng hạn cũng cùng một sở thích ấy thì sẽ rất dễ gần gũi nhau. Sân cỏ, luật chơi, kỹ thuật lừa bóng, những cách chơi xấu, lòng ham mê, kỷ niệm về các trận đấu... là tài sản chung của hai người dù họ đã sống trong hai xứ sở cách rất xa nhau, với hai nền văn hóa khác biệt. Cùng tôn giáo chưa chắc đã có nhiều điểm chung bằng cùng chơi một môn thể thao, nhất là môn thể thao ấy lại là môn đá banh. Cùng môn chơi loại khác, ví dụ cờ bạc, cũng không thể có gì sâu xa để chia xẻ với nhau như môn đá banh. Khi ra sân tranh nhau trái bóng thì thể xác, tinh thần, tình cảm, tài năng đều được đẩy lên một mức độ thể hiện rất cao, tất cả tổng hợp lại thành một cái vốn tươi sáng lành mạnh gắn chặt với sự sống của một đời người, sẽ ở với người ấy suốt đời. Nước Mỹ sẽ là một hành tinh lạ đối với một người có một "background" như thế. Đất nước giàu có xinh đẹp này, dân tộc hào hiệp cởi mở này không có quá khứ giống như các dân tộc khác trên thế giới — quá khứ ở đây chỉ xin hiểu một cách đơn giản là những công dân nhỏ tuổi của họ không lớn lên với môn đá banh. Chỉ đơn giản như thế nhưng đã tạo ra một khác biệt ghê gớm, là cả dân tộc này đứng ngoài nhịp đập của trái tim nhân loại khi trên thế giới xảy ra các biến cố về bóng tròn. Khi World Cup đang diễn ra ở Pháp, khi một đường banh "diễm ảo" (xin mượn chữ của cố ký giả thể thao Huyền Vũ) bay vào lưới, bao nhiêu triệu người từ bất cứ xó xỉnh nào trên quả đất, đúng vào phút, giây, sát na ấy, cùng một lúc ồ lên suýt soa, thì dân Mỹ không hay biết gì cả. Họ đứng ngoài, họ

không tham dự vào, mặc kệ cái buồn vui thổn thức của phần nhân loại còn lại. Họ có môn chơi của họ, chơi riêng, chơi một mình. Sự kiện nước này bắt đầu có đội bóng tham gia vào World Cup xem ra chưa có ảnh hưởng gì đến "trái tim" của người dân Mỹ chính cống cả.

Nhưng một người Việt Nam trung niên di dân tại đất này, tức là người Mỹ không chính cống, thì đón chào World Cup như bắt gặp lại một loại quê hương của mình. Từ khi còn nhỏ xíu anh con trai nào cũng ít nhiều tham gia các trận *đá bóng* nếu là người Bắc, *đá banh* nếu là người Trung hoặc Nam. Nếu những người trung niên ấy sinh vào khoảng giữa đến cuối thập niên 30 thì khi vừa lon ton ôm vở đi học đã ở trong không khí hào hứng của phong trào Ducouroy, trong đó môn đá banh lan tràn rất mạnh, đến từng phủ huyện làng xã, từng trường học, ảnh hưởng ngay đến những lớp nhỏ nhất trong trường.

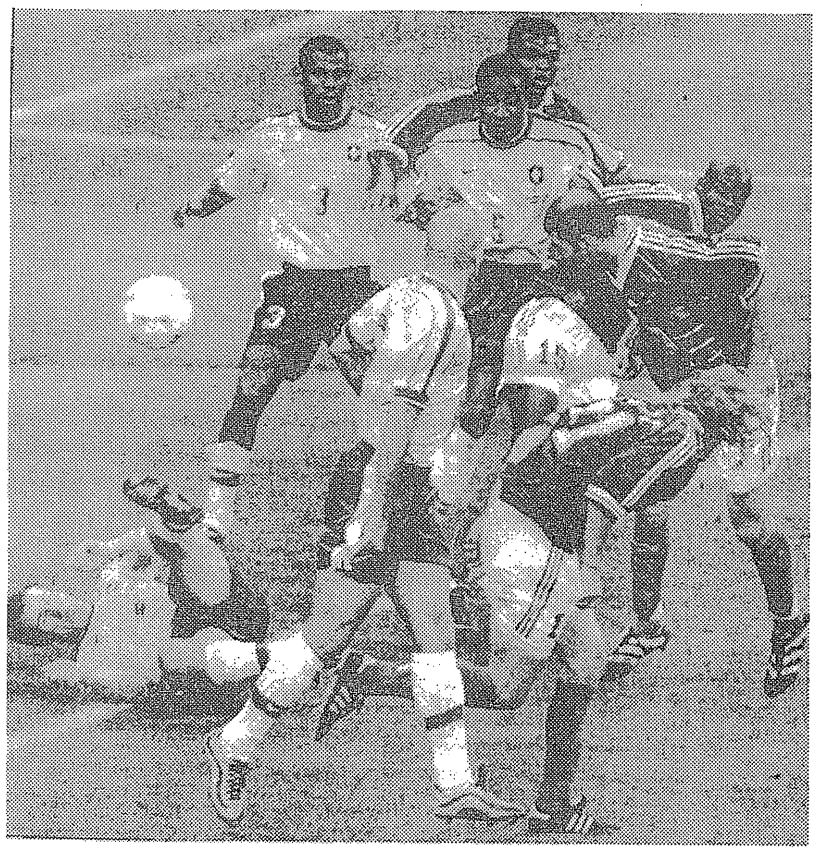

Cầu thủ Zinedine Zidane của Pháp, trước sự truy cản của các hậu vệ Brazil vẫn sử dụng đầu tuyệt hảo đưa banh vào lưới ghi bàn thắng thứ hai cho đội tuyển Pháp

Thời ấy trẻ con biết chơi biết chạy là đã ít nhiều biết đá banh, dù dưới những hình thức đơn sơ nhất. Khi đã cắp sách đến trường thì gặp ngay một môi trường thuận lợi để hiểu biết và tham gia môn chơi hào hứng này. Các cậu bé lúc bấy giờ mới biết ra rằng đây là một môn chơi có luật lệ, và chính khi chơi với luật lệ thì thích thú hơn là những trận đá qua đá lại bừa bãi ở ngoài đường nhiều. Trong sân trường, thường phải chia phe trước khi một trận cầu xảy ra: những người thích chơi đứng thành một đám giữa sân, hai người tương đối lớn và đá hay sẽ đứng đầu mỗi bên và bắt đầu chọn cầu thủ cho bên của mình, gọi là "bắt phe." Cách chọn khá công bình, mỗi bên luân phiên lần lượt "bắt" một người, cho đến khi đám đông giữa sân được chia hẳn thành hai phe, mỗi bên kéo về một đầu sân để dồn quần áo nón mũ thành hai ụ để làm gôn, rồi dàn trận bắt đầu đá.

Họ đá bằng gì? Dĩ nhiên bằng trái banh, nhưng banh của họ rất nhiều loại. Nếu là tập thể các lớp lớn, sẽ có một trái banh loại "demi" nghĩa là banh da có vét xi bơm hơi đàng hoàng, nhưng nhỏ bằng một nửa banh người lớn. Đó là loại sang. Thường chỉ là banh bằng cao su, lúc mới còn căng cứng đá rất tốt, nhưng chơi một thời gian ngắn cao su trở nên mềm nhẽo, đá nghe lịch phịch và khi rơi xuống đất thì không nảy lên được nữa. Nhưng chẳng hề gì, miễn là có một vật tròn tròn để mà tranh nhau đá vào gôn bên kia là vui rồi. Học trò trường nhà quê thì ngay banh cao su cũng là món xa xỉ chỉ ước ao chứ không mấy khi có được, họ thường dùng trái bưởi để làm banh. Bưởi xanh mới hái trên cây xuống rất cứng và nặng, đá mạnh vào có thể bị sưng chân, vì thế các cầu thủ chân đất ở thôn quê nghĩ ra cách đem nướng trái bưởi trên lửa cho

mềm bớt trước khi cho nó ra sân. Nhưng ngay cả bưởi có khi cũng không phải là thứ dễ kiếm và lúc nào cũng có, trong khi đá banh là nhu cầu hàng ngày. Họ bèn tự làm lấy banh, với một loại nguyên liệu đồi dào lúc nào cũng có sẵn trong tầm tay: lá chuối khô và dây chuối. Dùng một vật tròn, có thể là một hòn đất cứng để làm lõi bên trong, họ lấy lá chuối khô bao bọc nhiều lớp bên ngoài, khi thành một khối tròn to độ trái bưởi thì họ bắt đầu dùng dây chuối để thắt một lớp bao bọc bên ngoài. Đối với học trò nhà quê, "thắt banh" là một nghệ thuật, nhiều đứa khéo tay đã tạo nên những trái banh lá chuối tròn trịa được thắt chặt bởi một lớp lưới dây chuối dày bọc bên ngoài, đá êm chân mà lại bền. Cần nhất là bền, nếu chỉ mới đá có một lúc mà đã "lòi ruột," lá đi đàng lá dây đi đàng dây thì chán chết. Nhưng đối với những bàn chân còn non nớt, có được một trái banh te nít cũ là lý tưởng nhất, tha hồ đá không sợ bị hư.

Đám con nít Việt Nam ấy chơi bóng dưới thiên hình vạn trạng, khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, trên sân vận động, sân trường, trên hè phố, trên đường làng, trong sân đình, ngoài bãi sông hoặc trên những thửa ruộng mới gặt còn trơ gốc rạ; có nơi được huấn luyện chỉ dẫn hẳn hoi và cầu thủ được mang giày vải, nhưng phần lớn là "đá rừng" với chân không, và chỉ biết dựa trên một số luật chơi căn bản bất thành văn được truyền từ nơi nọ sang nơi kia. Họ chơi say mê đến quên giờ giấc, trầy da, trặc chân, rách áo là chuyện thường, và niềm say mê ấy sẽ ở lại với họ như những kỷ niệm trong sáng nhất trong quãng đời về sau.

Trong thập niên bốn mươi và đầu năm mươi, các danh từ, động từ trong môn chơi này hầu hết dùng tiếng Pháp, dĩ nhiên trong đó có nhiều chữ được Pháp hóa từ tiếng Anh, vì môn này do người Anh bày đặt ra. Cả xã hội dùng như thế, và đám trẻ cũng lặp theo, một cách tự nhiên như các từ được Việt hóa. Họ gọi thủ môn là *giữ gôn* hoặc *gạc gôn* (garde goal, một chữ nửa Pháp nửa Anh, có nơi còn dùng chữ nửa Việt nửa Pháp là *bắt buýt* do *but,* tiếng Pháp dịch chữ goal), trung phong là *a văng xăng* (avant centre), hậu vệ là *a ri e* (arrière), phạt góc là *cọt ne* (corner, tiếng Anh đọc theo kiểu Pháp), đụng tay là *manh* (main), đánh đầu là *tết* (tête), đá vào gọi là *suýt* hoặc *sút* (shoot), và khi đá lọt một bàn thì trước khi dùng chữ "dô!" như sau này, cả bọn phe thắng cùng gào lên "gô...ô...n" giống như anh tường thuật viên người Mễ ở đài KMEX/34, Los Angeles. Khi đám trẻ ấy lớn lên ở miền Nam thì các thuật ngữ bóng đá dần dần được Việt hóa, và họ quên dần cái mớ chữ lai căng họ đã dùng suốt thời nhỏ tuổi trong các trận thư hùng đầy say mê. Kỷ cương của nền túc cầu miền Nam đã làm công việc Việt hóa ấy, và báo chí và đà phát thanh đã hoàn tất việc phổ biến và thay thế hẳn thói quen dùng tiếng ngoại quốc trong môn chơi này. Có công nhất trong việc phổ biến này có lẽ là Huyền Vũ, người tường thuật các trận đấu bóng tròn trên đài phát thanh Sài Gòn. Thính giả say mê lối tường thuật sôi nổi, duyên dáng và chính xác của ông, và người ta thuộc dễ dàng những thuật ngữ mà ông dùng.

Ai là người đầu tiên đã chế ra các thuật ngữ bóng tròn bằng tiếng Việt? Chắc là các vị phụ trách về Thanh Niên và Thể Thao trong chính quyền đệ nhất Cộng Hòa. Nhưng không rõ trước đó các từ này đã được Việt hóa phần nào chưa. Dân chúng Nam phần Việt Nam có khả năng Việt hóa chữ nghĩa ngoại quốc rất tài tình, hơn hẳn ở Bắc và ở Trung, những vùng rõ ràng có ưu thế hơn về chiều dày của văn hóa truyền thống. Nhưng càng truyền thống thì lại càng rụt rè trong việc chế ra chữ cho chính mình dùng, cho nên hay có khuynh hướng hoặc phiên âm, hoặc tìm chữ Hán Việt tương đương, trong khi đó người miền Nam chế ngay ra chữ mới gọi thẳng tính chất và công dụng của sự vật muốn chỉ bằng tiếng Việt. Ví dụ, trong khi miền Bắc và Trung còn dùng tiếng *frigidaire* thì người miền Nam gọi một cách thoải mái cái ấy là cái *tủ lạnh* (cái tủ phát ra hơi lạnh thì gọi là tủ lạnh, còn ngần ngại gì nữa?); còn *limonade* thì miền Nam gọi là *nước ngọt* (một tiếng tổng hợp tất cả các thứ nước giải khát có đường, sau đó nếu cần mới chỉ rõ là nước cam, nước chanh, xá xị v.v...); theo Tàu gọi là *mì chính* hay *vị tinh* thì miền Nam gọi là *bột ngọt*; các bộ phận trong chiếc xe đạp thì trong khi Bắc và Trung còn dùng toàn tiếng Tây thì miền Nam Việt hóa một cách dễ dàng: cái *ghi đông* là 'tay cầm' (còn *vô lăng* của xe hơi thì là 'tay lái'), *sên* là 'dây xích,' *phanh* là 'thắng' (cho cả danh từ lẫn động từ), *moyeu* là cái 'đùm,' *garde-boue* là 'vè chắn bùn'... Đặc điểm của sự Việt hóa này là thấy sao nói vậy, có tính thực dụng, để có thể dùng ngay một cách dễ dàng hàng ngày, không bị cái gánh nặng chữ nghĩa bác học ám ảnh, mà rốt cuộc lại có sức sống nhất, được cả nước chấp

nhận và dùng rộng rãi. Điều này ngẫm ra cũng là sự lạ. Đất Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp mà dân ở đó lại không sính dùng tiếng Pháp trong sinh hoạt hàng ngày. Họ Việt hóa chữ nghĩa của họ một cách triệt để. Hình như đó là tính cách của vùng đất mới, "dọc ngang nào chữ tương đương và cũng không có nhu cầu trong rộng rãi quần chúng. Tuy nhiên mọi người chấp nhận hệ thống thuật ngữ mới một cách tự nhiên, ngay cả chữ "túc cầu" cũng trở nên quen thuộc không kém chữ "đá banh." Ở đây tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc của

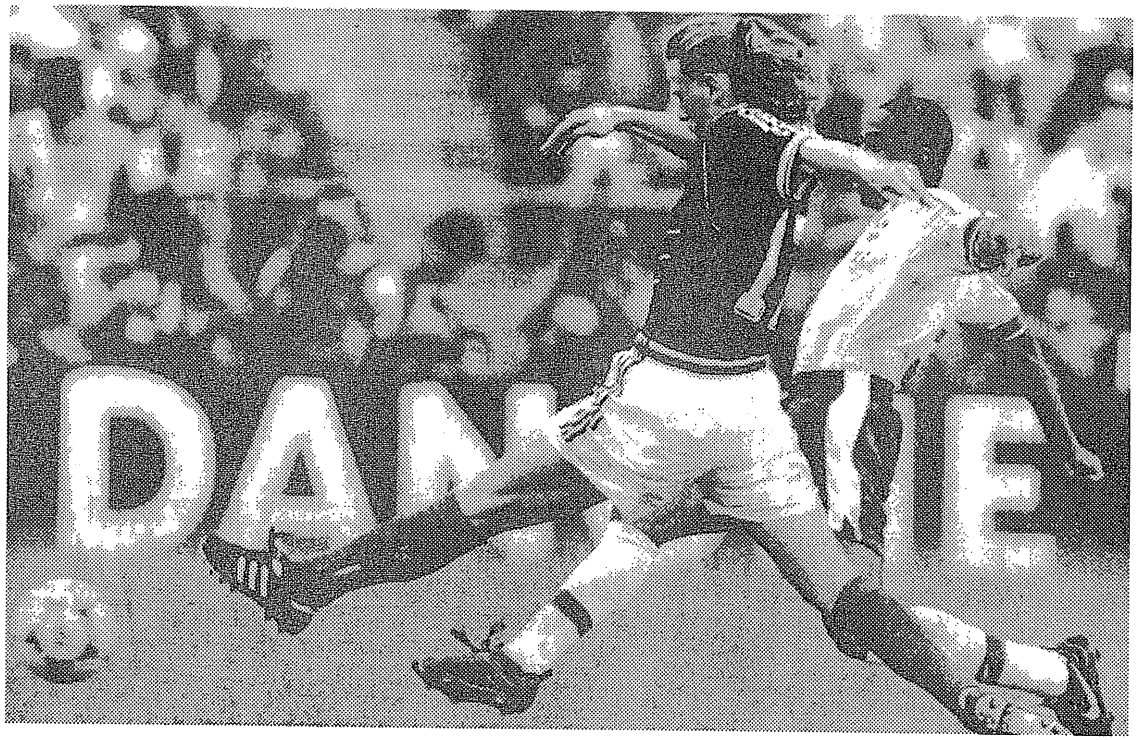

Một pha tranh bóng giữa cầu thủ Emmanuel Petit của Pháp và Cesar Sampaio của Brazil trong trận tranh chung kết giải World Cup 98.

biết trên đầu có ai" kể cả cái mớ chữ nghĩa rắc rối của giới học thức. Tự tạo chữ ra mà dùng, dù thoạt đầu chỉ là để cho tiện dụng thôi, cũng là biểu hiện lòng yêu nước, không chấp nhận sự nô lệ, một cách hồn nhiên đấy chứ!

Cho nên không lạ là các thuật ngữ tiếng Việt của môn đá banh được phổ biến và dùng rộng rãi rất nhanh trong quần chúng miền Nam, những *manh*, những *tết*, những *nu* (ném biên), những *gạc gôn*, những *a ri e*... biến mất sạch trong không đầy một thập niên, (những người sinh trong thập niên 50 có thể chẳng hiểu gì về những chữ này!) và được thay thế bằng một hệ thống thuật ngữ hoàn chỉnh, tuy là có nặng phần hán việt. Rõ ràng quần chúng miền Nam không dự phần trong vụ đặt tên này (nếu làm được thì chắc họ đã làm từ trước lâu rồi), bởi lẽ môn đá banh thoạt tiên chỉ là môn chơi của một nhóm người, sau nữa các ý niệm vai trò và động tác trong sân khó diễn đạt bằng ngôn ngữ thường ngày, vì không có một ngoại lệ, đó là chữ "banh." Chỉ ở Bắc dùng chữ "bóng" để chỉ một vật khối tròn có hơi bên trong, Trung và Nam không dùng, cùng lắm chỉ dùng chữ "bong bóng," cho nên đành phải chấp nhận phiên âm chữ *balle* từ tiếng Pháp thành "banh." Mà xin các nhà ngữ học xem lại coi, người Bắc có dùng chữ "bóng" để chỉ một cái gì khác ngoài cái vật ngoại nhập có tên gọi là *balle* ấy hay không? Hay đây cũng là một chữ được chế ra rút từ chữ "bong bóng," cốt để chỉ cái vật ấy? Nghĩa là cũng là một cách phiên âm, nhưng có "dính dáng" với ngôn ngữ Việt Nam hơn, để cuối cùng ta có "quả bóng" cho miền Bắc, "trái banh" cho Trung và Nam?

"Đá banh" là một động từ nôm na, không thể dùng nó như danh từ để chỉ môn chơi, như chữ "túc cầu" hay "bóng tròn" trước đây được dùng ở miền Nam, hay chữ "bóng đá" của miền Bắc mà hiện nay trong nước đang dùng một cách chính thức. Kể ra trong các chữ ấy,

"bóng đá" là hay hơn cả, vì khi đã có *bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn* thì *bóng đá* hợp lý và tượng hình hơn... bóng tròn rất nhiều, và dĩ nhiên là Việt Nam hơn "túc cầu." Nhưng sự thành hình của ngôn ngữ rất nhiều khi không dựa vào sự hợp lý mà còn vào nhiều yếu tố khác, hễ dùng quen thì nên, còn nếu vì một lý do gì không dùng nữa và được thay thế thì nó chết, nó lẳng lặng rút vào quên lãng, chẳng kiện cáo ai cả.

Đề cập đến sự dửng dưng của người Mỹ đối với bóng đá, một người di dân trung niên đã nói rằng: "Phải là những kẻ khi còn nhỏ có cái say mê dắt trái banh đi thì lớn lên mới thích môn này được." Phát biểu ấy hẳn nhiên là đúng nhưng không đủ, vì nhiều người cả đời chưa bao giờ đụng đến trái banh vẫn ham xem đá banh như thường. Ngày nay cánh phụ nữ tại Việt Nam cũng mê World Cup lắm, cũng thưởng thức được cái hay cái đẹp của môn chơi, cũng cổ võ nồng nhiệt, nhưng tuyệt đại đa số trong bọn họ chưa bao giờ chơi bóng đá. Môn này đã biến thành một cảm hứng chung của xã hội rồi, và hoàn toàn có khả năng thu hút mọi người thành "fan" của nó mà không cần bắt họ phải là đồ đệ chính cống, theo nghĩa là phải nhập môn, phải tập dượt, phải ra sân.

Hầu hết những người chơi đá banh từ ngày nhỏ khi lớn lên thì không chơi nữa. Chỉ một số ít theo nghiệp này, trong một thời gian mà tuổi tác và sức khỏe họ còn cho phép. Một số đông hơn thỉnh thoảng ra sân, một cách tài tử. Nhưng tất cả đều tiếp tục ham xem các cuộc thi đấu, hầu như không có loại trừ. Trước kia ở trong nước, họ cố gắng có mặt trong các trận quốc tế, các trận tranh cúp quốc gia. Ra nước ngoài họ ôm lấy cái ti vi trong những ngày World Cup, hoặc nếu bận đi làm thì thu vào băng video để tối về coi. Tại một nước hững hờ với bóng đá như nước Mỹ, người xem các cuộc thi đấu dễ có thái độ trung lập hơn là những nơi mà sự ham thích làm sôi sục cả xã hội. Nhưng thật ra ít khi nào xem một trận đấu là lòng ta hoàn toàn trung lập, không mong cho một bên thắng hơn là bên kia. Nếu một bên là đoàn cầu của nước mình thì khỏi nói, sự thiên vị sẽ ở sẵn trong ta như một yếu tố bẩm sinh, dù có tu luyện cái tâm đến mức nào cũng không thể trung lập tuyệt đối được. Bẩm sinh mà. Thế nhưng khi xem một trận giữa hai nước trên thế giới không có liên hệ gì đến mình, sự thiên vị một bên vẫn thường có, hoặc có ngay từ đầu, hoặc thành hình lúc nào

TRẦN YÊN HÒA

MẮT UYÊN BUỒN

Mắt ướt chiều heo may
Em vội choàng áo ấm
đà lạt trời lập đông
Trời hôm nay rét đậm

Ta se hồn thương đau
Ngẩng môi cười một dạo
Nắng vàng rưng thuở nào
Tiếng nhạc vàng đâu đó

Trở về trên mắt Uyên
Môi hồng như hoa dại
Tuổi hồn nhiên đâu rồi
Ta suốt đời chín mỏi

Mắt Uyên buồn mênh mông
Cõi hồn ta lay động
đồi núi đứng nhìn trông
Hút mù khơi cánh mỏng

Một mùa hoa quỳ vàng
Tan trong chiều chia biệt
đà lạt vẫn mù sương
Ta trông mòn tưởng tiếc

Thôi Uyên nhé một lần
Hãy mỉm cười như thể
Có lòng anh chung quanh
Có lòng anh bên cạnh.

không hay trong lúc đang xem. Ví dụ ta đang xem trận Hòa Lan đấu với Argentine chẳng hạn. Hai "thằng" đó thì chẳng dính líu gì tới Việt Nam, bên nào thắng cũng chẳng tác động gì đến tình cảm của mình. Đó là hai đội hay, có tiếng, đều đã từng đoạt chức vô địch thế giới, một trận sẽ đem lại cho sự thưởng ngoạn của mình nhiều "sướng thỏa" (lại chữ mượn của Huyền Vũ). Thế nhưng xem một lúc thì mới phát giác ra rằng chính mình đang ngả về phía Hòa Lan, nghĩa là hồi hộp lo lắng khi thấy quân Nam Mỹ ào ạt tấn công sát khung thành của Vùng Đất Trũng, và nếu thấy điều ngược lại đang diễn ra thì vui mừng... Khi phát giac ra như thế thì thoạt tiên thấy hơi bực mình, vì vẫn cho rằng đừng để cảm tình xen vô thì thưởng thức cái hay được trọn vẹn hơn. Và thử dò lòng mình xem do đâu mà sinh ra thiên vị như thế, và đưa ra một vài lý do như là các giả thuyết, chứ chưa dám khẳng định hẳn. Có phải vì thời xửa thời xưa Hòa Lan đã đến Việt Nam buôn bán, lập thương điếm ở Phố Hiến và Hội An, nên từ vô thức lòng ta đã có cái gì đấy gắn bó với "nó"? (giả thuyết này xem ra nặng phần... phân tâm học quá!) Hay là vì hai thập niên trở lại đây Hòa Lan đã tỏ ra rất tốt với dân tị nạn Việt Nam, nhận rất nhiều thuyền nhân cho tá túc ở nước mình để làm ăn sinh sống? Hay là vì nhà xuất bản Cái Đình của các anh em tại Hòa Lan nặng lòng với văn hóa Việt Nam như Nguyễn Hiền, Cao Xuân Tứ, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Nguyễn Hoàn Nguyên v.v...? Hay vì các đóa hoa ở Hòa Lan rất đẹp?... Khó có thể biết lý do nào là chính, cái nào là phụ, nhưng ngẫm ra thì rõ ràng Hòa Lan đang "có điểm" trong lòng một người Việt Nam đang coi đá banh hơn là nước Argentine nhiều. Từ đó suy ra, ở đời này thật khó mà giữ lòng được công bằng tuyệt đối. Từ một chỗ ngóc ngách sâu kín trong tâm lý của chúng ta sẽ nảy ra một yếu tố nào đấy xô cho cán cân dần dần thiên lệch, ngoài sự kiểm soát của lý trí.

Những người đàn ông trung niên Việt Nam ở bất cứ nơi nào trên thế giới xem trận chung kết giữa Pháp và Brasil vừa rồi có thể nói đều đứng về phe Pháp. Dù họ là con cháu của những vị quan lớn có nhiều liên hệ với "mẫu quốc" ngày xưa, hay của những người đã ngã gục trước họng súng của quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ, dù họ từng là những cầu thủ tí hon thời Ducouroy hay chỉ mới là kẻ say mê Huyền Vũ trong thập niên 60, tất cả các tấm lòng đều nghiêng về phía Pháp. Có lẽ chẳng cần lý giải vì sao. Lịch sử đã tạo như thế. Họ được xem cảnh vui mừng của dân Pháp tại cầu trường Stade de France, tại Champs Elysées ngày hôm đó, có lẽ chính lòng họ cũng mang phần nào nỗi hân hoan ấy. Và họ vô cùng tâm đắc khi nghe người tường thuật của đài truyền hình KABC của Mỹ, vào lúc cuối của trận chung kết ấy đã trích câu quốc ca Pháp để nói về đội Pháp: *...Et le jour de gloire est arrivé... Và ngày vinh quang đã tới.* Không câu nào "đắt" hơn là câu đó, trong giờ khắc ấy. Một tổng hợp văn hóa, lịch sử và sự kiện hiện tại cực kỳ khéo léo, trong giây phút xuất thần của một phóng viên thể thao.

Nhiều người cho rằng coi đá banh là phải coi với lòng mong cầu một phe thắng, chứ nếu hoàn toàn dửng dưng thì còn gì là hào hứng? Có phải vì thế mà người ta bày đặt thêm vụ cá độ để lòng mong cầu càng mạnh mẽ thiết tha hơn nữa, hầu cuộc chơi càng thêm hào hứng? Ngược lại, đối với một người đang dốc lòng tu tâm dưỡng tánh — thường nằm trong lớp trung niên — thì càng tránh những xúc động thái quá càng tốt cho tâm thân của họ, ngay trong lúc coi đá banh cũng không nên để cái cảm xúc hơn thua nó chế ngự tâm của mình, mà chỉ nên để ý đến nghệ thuật của hai phe mà thôi. Cảm xúc sẽ che mờ khiếu thưởng ngoạn, lòng mong cầu sẽ như một mảng vô minh che mắt khiến chúng ta không thưởng thức được trọn vẹn cái hay cái đẹp thuần túy của chiến thuật chiến lược mỗi bên, hay tài nghệ của những đôi chân vàng của các cầu thủ. Xem thế thì cái Chân, Thiện, Mỹ cùng lòng ham muốn, mong cầu, dục vọng nằm cả trong thế giới túc cầu này. Hàng triệu người xem nhưng mỗi người sẽ với căn cơ khác nhau, với trình độ thưởng thức cao thấp khác nhau, với niềm vui và nỗi buồn khác nhau. Nhưng may mắn tất cả đều có một mẫu số chung đẹp: ham thích một môn chơi say mê và lành mạnh, có khả năng đem con người lại gần nhau.●

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21

QUẬN CAM

Ra mắt CD Sau Lũy Tre Xanh của ca sĩ Kim Tước

Có người nói thời gian là một mụ phù thủy độc ác có khả năng tàn phá mọi thứ trên đời, nhưng hơn 100 thân hữu và khách thưởng ngoạn có mặt trong buổi chiều ngày Chủ nhật 12 tháng bảy 98 tại Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, được nghe nữ danh ca Kim Tước hát trong dịp giới thiệu cuốn CD thứ hai của mình đều nghĩ rằng mụ phù thủy độc ác của thời gian đã thất bại trước giọng ca có tầm vóc và vững vàng này.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, đại diện Hội VAALA đã chào mừng thân hữu và quan khách hiện diện và giới thiệu nữ danh ca Kim Tước đã từng được nhiều người biết đến từ khoảng đầu thập niên 1950 từ miền Trung cho đến Sài Gòn và hải ngoại.

Kim Tước tại buổi ra mắt Sau Lũy Tre Xanh.

Kim Tước đã lên sân khấu cảm tạ các nghệ sĩ cũng như thân hữu đã góp mặt trong buổi chiều nhạc hôm nay như bà Minh Trang, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, nhạc sĩ Đan Thọ, nhạc sĩ Hoàng Tiến Long, cùng với các giọng ca đã cùng với Kim Tước đóng góp nên chương trình nhạc Sau Lũy Tre Xanh buổi chiều hôm đó: Mai Hương, Xuân Thu, Phạm Thành, Hoàng Nam.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền cho biết Kim Tước đã bắt đầu hát trên đài phát thanh Hà Nội từ trước 1954. Ông nhắc đến nữ ca sĩ Minh Đỗ đã nổi tiếng thời bấy giờ là người dì của Kim Tước, đã giới thiệu Kim Tước hát vào khoảng đầu thập niên 50 và Kim Tước đã tiếp tục hát từ đó cho đến nay hơn 40 năm không ngừng nghỉ. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nhận xét rằng giọng hát của Kim Tước, người đã từng tốt nghiệp Opéra tại Pháp trong thập niên 50, là một giọng hát có bề dầy, đầy đặn chắc nịch và không bị "tàn phá" như một số giọng ca khác, cho đến nay có thể chưa tìm được một giọng hát khỏe có khả năng tương tự như Kim Tước.

Với đĩa Sau Lũy Tre Xanh, giọng hát Kim Tước mang lại cho người nghe nhiều kỷ niệm êm đềm, đơn sơ và gần gũi.

QUẬN CAM

Hội "Khoa học gia và Kỹ thuật Việt Mỹ" và "Trung tâm Văn hóa Pétrus Ký" tổ chức hội luận về giáo dục

Hơn một trăm phụ huynh, giáo chức, sinh viên và học sinh đã đến tham dự buổi hội luận do Hội Khoa Học Gia & Kỹ Thuật Việt Mỹ và Trung Tâm Văn Hóa Petrus Ký tổ chức với đề tài "Vai trò của phụ huynh Việt nam trong nền giáo dục ở Hoa Kỳ" tại trụ sở của Hội ở đường Westminster, thành phố Garden Grove.

Ông Trần Nhật Sơn, Hội trưởng, đã lên chào mừng quan khách và cho rằng việc giáo dục các con em trong Cộng Đồng Việt Nam rất là quan trọng, nhất là thời gian gần đây có những dấu hiệu đáng quan ngại trong hàng ngũ con em.

Thuyết trình viên, ông Phạm Thư Đăng, hiện đang giữ chức vụ Phụ Tá Thứ Trưởng Giáo Dục trong Chánh phủ Liên bang Hoa Kỳ và phụ trách Tổng Nha Giáo Dục đặc trách Song Ngữ và Ngôn Ngữ Thiểu Số. Ông đã

Dàn nhạc Thiếu Nhi V.A.P.

trình bầy và so sánh sự hai nền giáo dục Hoa Kỳ với Việt Nam trước năm 1975. Ông nói nền giáo dục ở Hoa Kỳ tản quyền chứ không tập trung như ở Việt Nam. Chính các học khu ở địa phương có tầm quan trọng đặc biệt và vai trò của phụ huynh ở đây rất quan trọng đối với học đường và học sinh. Phụ huynh cần ý thức được trách nhiệm của mình cũng như quyền lợi của mình trong vấn đề thăng tiến giáo dục cho con em.

Ông nhắc đến những lý do khiến phụ huynh Việt Nam thường hay lơ là việc học của con cái như không rành sinh ngữ, giao khoán cho nhà trường hay bù đầu trong việc làm ăn. Ông cũng nói đến những cái lợi nếu như phụ huynh cộng tác mật thiết với học đường: thầy cô giáo sẽ chú ý đến việc học hành của học sinh nhiều hơn khi phụ huynh thường xuyên gặp thầy cô. Ông cũng nói là số lượng thời gian mỗi ngày học sinh tiếp xúc với thầy cô không nhiều và trách nhiệm sau giờ giảng dạy là của phụ huynh. Hơn nữa thầy cô chỉ hướng dẫn các em phần tri thức. Còn những phần khác như đức dục thì phụ huynh phải quan tâm đến.

Ông Phạm Thư Đăng nói rằng tiểu bang California là tiểu bang nhận người di dân nhiều nhất Hoa Kỳ và người di dân Việt Nam chiếm tỷ lệ cao nhất. Nếu phụ huynh người Việt không cộng tác với học đường thì việc thăng tiến của con em mình có thể sẽ không bằng so với những học sinh của các sắc dân khác. Ông Đăng đưa một thí dụ cụ thể là tiểu bang California hằng năm được cấp một ngân khoản về giáo dục khá lớn từ ngân sách liên bang dành cho học sinh thiểu số. Và ông đặt câu hỏi là có mấy phụ huynh Việt nam biết được khoản tiền đó chi tiêu vào những việc gì và cho ai.

Kết luận, ông đề nghị các phụ huynh nên cố gắng thu xếp thời gian để tham dự vào các sinh hoạt nhà trường và đó là cách hữu hiệu nhất để giúp cho con em mình thành công trong nền giáo dục ở Hoa Kỳ.

Kế đến, cô Đinh Kim Nguyệt, điều hợp viên chương trình giáo dục dành cho Việt Miên Lào ở vùng East Side, tức là vùng bắc California nói về những chương trình huấn luyện cho phụ huynh trở thành những người lãnh đạo phụ huynh học sinh Việt Nam ở Học khu. Cô cho biết tỷ lệ học sinh Việt Nam ở vùng East Side rất cao và các chương trình huấn luyện phụ huynh rất thành công. Tại các trường hay học khu, phụ huynh đã biết nói lên những nguyện vọng của mình trong vấn đề dậy dỗ con em và đã được giới hữu trách lắng nghe. Cô Nguyệt nói rằng nếu sắc dân nào "la to" nhất thì được nhiều quyền lợi nhất, và nêu thành quả là tiếng Việt đã được xem như một ngoại ngữ trong chương trình trung học như các ngoại ngữ Pháp, Tây Ban Nha.

Ý kiến chung của cử tọa là mong ước những buổi hội luận như thế này sẽ được tổ chức định kỳ, để các bậc phụ huynh cũng như giới trẻ được thông tin, trao đổi, hầu con em Việt Nam có được một nền giáo dục tốt nhất.

QUẬN CAM

Buổi hòa nhạc của giàn nhạc Hòa tấu Thiếu nhi & Thiếu niên Việt Nam

Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ (Vietnamese-American Philharmonic) đã tổ chức một buổi hòa tấu cho hai giàn nhạc Thiếu Nhi (Children String Orchestra) và Thiếu Niên (Youth Symphony Orchestra) vào tối ngày thứ Bảy 11 tháng Bảy 1998 tại Performing Arts Center, Concordia University, thuộc thành phố Irvine.

Người tham dự ngồi đầy cái thính đường hình tròn của Đại học. Trên kia là 40 nhạc công ở tuổi mười lăm mười bảy "làm học trò

mắt sáng với môi tươi," đang chăm chú theo dõi cây đũa đánh nhịp của nhạc trưởng Nguyễn Khánh Hồng. Họ trẻ quá, cho khán giả cảm tưởng đây không phải là một giàn nhạc "thật," cho đến khi tiếng nhạc tấu lên. Âm thanh đầy đặn của mấy chục cây violon, viola, cello, flute, clarinet v.v... trong bản nhạc mở đầu Tico Tico của Zequinha Abreu dẫn ngay người nghe vào một thế giới âm thanh trưởng thành, quyến rũ. Quyến rũ như tuổi thiếu niên đầy sức sống của bé như tài năng vừa bừng nở sau bao công lao miệt mài tập, cộng với bao mộng ước thăng hoa nghệ thuật... Rồi thì Moon River của Henry Mancini, Hè Về của Hùng lân, Themes from The Symphony No.40 của Mozart, Dừng Bước Giang Hồ của Hoàng Trọng, Sabre Dance của Khatchaturian..., càng trình tấu họ càng chứng tỏ tài năng vững vàng cùng chiều dày tập luyện của họ.

Nhưng dàn hòa tấu Thiếu nhi mới là một sự lạ. Hai mươi em tuổi từ bảy đến 13, mỗi em cầm một cái violon nhỏ xíu, xếp hàng đâu ra đó, và tiếng nhạc cũng tấu lên đúng vào cái xuống tay của nhạc trưởng như... người lớn vậy. Rập ràng, rõ nét, không một tiếng ọ ẹ lạc nốt, đi một lúc liên tiếp ba bài Rondo của Wagner, Giọt Mưa Trên Lá của Phạm Duy, The Blue Danube của Strauss. Các bàn tay nhỏ chưa biết kỹ thuật rung, nhưng tiếng nhạc chắc tay, tiết tấu vững. Khán giả vỗ tay lâu và hào hứng như tìm thấy một sự lạ, một kỳ công.

Bên cạnh các trình tấu tập thể, các màn đơn tấu đều xuất sắc, nhất là Nguyễn Phương Mai trong Ballade in G minor, Op.23,No.1 của Chopin (piano) và Lê Thiên Kim với Danza del Gaucho Matrero của Alberto E. Ginastera (piano).

Khán giả có lý do để thán phục và ngạc nhiên: họ tất cả là học sinh tiểu học và trung học, làm thế nào có thể khép vào một kỷ luật tập tành để đạt đến được một tiếng nhạc hòa tấu ở trình độ này? Bí mật này chỉ có thể trả lời bằng sự hy sinh lớn lao của quý vị trong Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ, bằng nỗi lòng thiết tha của phụ huynh và bằng chính năng lực và ý chí của các em. Một kết hợp tuyệt đẹp của nhiều yếu tố để làm nở bừng một đóa hoa nghệ thuật, đem lại sự vui sướng và an lòng cho người Việt di dân: con em chúng ta nếu được tạo điều kiện tốt, sẽ có thể thăng tiến trên mọi khía cạnh của đời sống.

Vấn đề còn lại là mọi người hết sức yểm trợ cho những hoạt động như thế này, chia bớt gánh nặng cho những người thiện chí đang đứng ra gánh vác. Liên lạc với Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ: 9445 Edinger Ave. Westminster, CA 92683, USA. Điện thoại (714) 418-0109.

PARIS

Họa sĩ Thái Tuấn ở Paris.

Trong chương trình giới thiệu tác giả và tác phẩm do anh Mai Trung Ngọc, giám đốc nhà sách Nam Á đề xướng từ hồi đầu năm 98 để ghi ơn những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ, nói chung những người đóng góp vào nền văn học nghệ thuật Việt Nam, tính cho tới thứ sáu 17 tháng 7 vừa qua, anh Ngọc đã tổ chức được năm buổi: Nguyễn Tất Nhiên, Duyên Anh, Vũ Hoàng Chương, Hà Triều Hoa Phượng, và Thái Tuấn. Chỉ có anh Thái Tuấn là người còn sống và có mặt trong buổi nói chuyện về Anh. Còn những người kia đã ra người thiên cổ.

Chiều thứ sáu 17 tháng 7,1998, tại nhà hàng Hùng Vương, quận 13 Paris, anh em nghệ sĩ đã tới nghe họa sĩ Lê Tài Điển nói về tác phẩm của họa sĩ Thái Tuấn. Trong số người tới dự có nhạc sĩ Trần Quang Hải, nữ ca sĩ Bạch Yến, anh Khánh Trường, chủ nhiệm tờ Hợp Lưu từ Hoa Kỳ mới vừa tới Pháp, anh Lê Tất Luyện, BS Nguyễn Trọng Kỳ, anh chị Nguyễn Trọng Kha, anh Đào Hiệp, nữ thi sĩ Bích Xuân, chị Jade Đặng, anh chị Mai Trung Ngọc, nhiếp ảnh gia Huỳnh Tâm, họa sĩ Thái Tuấn...

Anh Lê Tài Điển cho biết anh quen anh Thái Tuấn lần đầu tiên nhân kỳ triển lãm tranh Thái Tuấn tại Alliance Francaise năm 1957 tại Saigon. Rồi năm 1984 anh Thái Tuấn được phép đi sang Pháp chánh thức, gặp lại Lê Tài Điển. Chính anh Thái Tuấn đã gieo vào đầu anh Điển những cái đẹp của nghệ thuật Đông Phương. Nhờ vậy mà ngày hôm nay anh Điển trong chương trình tối nay đã bày tỏ lòng biết ơn đối với một người bạn nhưng đáng bực thầy.

Sau phần giới thiệu anh Thái Tuấn, tới phần chiếu phim video về chuyến đi triển lãm tranh của anh Thái Tuấn ở Hoa Kỳ vào dịp đầu năm 98. Anh Mai Trung Ngọc đã phát biểu nhận xét của anh về tranh Thái Tuấn. Người đàn bà trong tranh Thái Tuấn không có ngực nở nang, không có đường cong khêu gợi, và đặc biệt là không có mũi, nhưng bàn tay rất đẹp, rất mềm dịu.

Nữ thi sĩ Bích Xuân ngâm bài thơ của mình làm ca tụng anh Thái Tuấn. Nhạc sĩ Trần Quang Hải viết một bài thơ Đường và một bài thất ngôn tứ tuyệt sau đây để tặng họa sĩ.

Họa sĩ tài hoa mộng đạt thành
Đàn bà anh vẽ để vinh danh
Bàn tay mềm dịu làm mê mẩn
Nghệ thuật nghìn năm mãi nhớ Anh.

Anh Thái Tuấn rất cảm động trước chân tình của các bạn hữu. Và anh Mai Trung Ngọc đã thành công trong ý định thắt chặt tình bạn giữa văn nghệ sĩ sống ở hải ngoại, vinh danh những vị đã đóng góp nhiều cho nghệ thuật Việt Nam, và tạo niềm hãnh diện trong lòng người Việt tha hương đối với những người đã làm sáng danh văn hóa Việt nam. (TQH ghi)

Nhạc sĩ Trần Quang Hải đoạt giải quán quân về đàn môi tại Áo.

Từ 22 tới 28 tháng Sáu, 1998, Đại hội Liên hoan Quốc tế về Đàn Môi lần thứ ba (3rd World Jew's Harp Festival) được tổ chức tại tỉnh Molln (xứ Áo) quy tụ 150 nhạc sĩ chuyên về đàn môi từ 20 quốc gia (Yakutia, Bachtorstostan, Altai, Kyrgyzkistan, Kazakstan, Nhựt, Đức, Áo, Ý, Hung, Hòa Lan, Na Uy, Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Ba Lan, Bỉ, Ấn Độ, Đài Loan, và... Việt Nam (chính là nhạc sĩ Trần Quang Hải).

Về trình diễn Trần quang Hải là người đàn môi duy nhứt dùng tiết tấu và giọng đồng song thanh trong khi trình diễn tạo một loại nhạc tùy hứng lạ lùng, đặc biệt, gây kích động cho người nghe. Anh đã chinh phục khán giả, ban tổ chức, và những người bạn tranh tài. Sau cùng anh được chọn là người xuất sắc nhứt của đại hội (The Best Jew's Harp Player of the Festival). Ngoài ra anh là người duy nhứt tham dự đại hội với tư cách một nhà nghiên cứu đàn môi, một nhạc sĩ trình diễn, một nhạc sĩ sáng tác và một người chế tạo đàn môi.

BOSTON

Nhà văn Việt Nam hải ngoại tham dự Hội luận quốc tế tại Massachusetts

Đáp lời mời của Trung Tâm Nghiên Cứu Chiến Tranh và Hậu Quả Xã Hội William Joiner tại Massachusetts, và theo lời đề nghị của Cộng Đồng Việt Nam tại Massachusetts, ba văn nghệ sĩ Việt Nam hiện cư ngụ tại Boston, Massachusetts là nhà văn Trần Doãn Nho, nhà văn Trần Hoài Thư và nhà thơ Trần Trung Đạo đã đến thuyết trình về "văn chương Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh cũng như các hậu quả của nó" tại buổi hội luận do Trung tâm tổ chức tại trường Đại Học Massachusetts vào chiều ngày 1 tháng Bảy năm 1998 vừa qua.

Chương trình hội luận văn học lần này là lần thứ 11, được thực hiện từ ngày 22 tháng Sáu đến 3 tháng Bảy năm 1998, quy tụ khoảng 60 nhà văn, nhà thơ và nhà nghiên cứu văn học tiêu biểu từ nhiều quốc gia đã từng chịu đựng chiến tranh như Mỹ, Nicaragua, El Salvador, Cambod và Việt Nam.

Năm ngoái trung tâm đã mời bốn nhà văn, nhà thơ từ Việt Nam, là Bảo Ninh, Nguyễn Đức Mậu, Thu Bồn và Lâm Thị Mỹ Dạ. Nhưng đến giờ chót, chỉ có Bảo Ninh và Nguyễn Đức Mậu đến Hoa Kỳ để tham dự hội thảo. Sự kiện Trung Tâm chỉ mời các nhà văn, nhà thơ Cộng Sản tham dự hội luận khiến cho tập thể sinh viên Việt Nam cũng như Cộng Đồng Việt Nam tại Boston bất bình. Một phái đoàn đã được thành lập đến gặp ban tổ chức và yêu cầu Trung Tâm phải để cho các văn nghệ sĩ Hải Ngoại có mặt tại buổi hội luận để nói lên tiếng nói của những người Việt Nam Quốc Gia tị nạn. Cuối cùng Trung tâm đã đồng ý và chính thức mời ba nhà văn, nhà thơ hải ngoại Trần Hoài Thư, Trần Doãn Nho và Trần Trung Đạo tham dự hội luận.

Buổi hội luận đặc biệt về Việt Nam được tổ chức vào lúc 3 giờ chiều ngày 1 tháng Bảy năm 1998 tại giảng đường MCCormick, đại học UMass. Gần 70 nhà văn, nhà thơ , nhà biên khảo có mặt tại buổi hội luận. Diễn giả chính của buổi hội luận gồm bảy người là Trần Hoài Thư, Trần Doãn Nho, Trần Trung Đạo, Leroy Quintana, Doug Anderson, Nguyễn Đức Mậu và Bảo Ninh. Theo chương trình, ba văn nghệ sĩ Hải Ngoại sẽ trình bày trước, sau đó đến các nhà văn Hoa Kỳ và cuối cùng là các nhà văn từ trong nước. Với những bài thuyết trình bằng Anh Ngữ, lần lượt các nhà văn Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư và Trần Trung Đạo trình bày quan điểm cũng như kinh nghiệm của họ qua các đề tài khác nhau: Trần Doãn Nho với "Literature cannot separate from life and country," Trần Hoài Thư với "Why do I write?" và Trần Trung Đạo với "Viet Nam, Tears and Poems." Cả ba tập trung bàn về văn học trong một đất nước đã từng chịu đựng một cuộc chiến tranh khốc liệt, về trách nhiệm của người cầm bút trong việc phản ảnh những khổ đau, bi [illegible] con người, về tâm trạng cũng

như hoàn cảnh của những người bại trận, sống lưu vong đồng thời về những ước mơ và cuộc đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ. Sau phần thuyết trình, các tham dự viên đã nêu lên nhiều câu hỏi, nhiều ý kiến khác nhau tạo nên một cuộc tranh luận lý thú, hào hứng. Các anh Trần Hoài Thư, Trần Doãn Nho và Trần Trung Đạo đã lần lượt trả lời các câu hỏi của các nhà văn, nhà thơ trên thế giới liên hệ đến bản chất của cuộc chiến tranh Việt Nam, vấn đề tự do sáng tác ở Việt nam, cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ ở Việt Nam. Qua các câu trả lời, các nhà văn cũng đã nêu được những thành tựu của nền văn học Việt Nam ở Hải Ngoại so với nền văn học ở trong nước. Cuối cùng, các nhà văn nhà thơ đã lên tiếng yêu cầu các nhà văn, nhà thơ thế giới có mặt trong buổi hội thảo hãy ủng hộ cho cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ ở Việt Nam.

Các tham dự viên nhiều lần đứng lên vỗ tay tán thưởng những ý kiến phát biểu của các thuyết trình viên. Phần trình bày của các nhà văn nhà thơ Hải Ngoại kéo dài gần 1 giờ 30 phút, quá 50 phút so với quy định. Khi ra về, các anh Trần Hoài Thư, Trần Doãn Nho, và Trần Trung Đạo đã được nhiều nhà văn, nhà thơ tham dự tới bắt tay, hỏi han thân mật và nồng nhiệt cám ơn vì đã cho họ một cái nhìn mới mẻ về cuộc chiến Việt Nam cũng như sức sống của một nền Văn Học Việt Nam Hải Ngoại và cộng đồng Hải Ngoại, điều mà từ lâu họ hầu như không hề hay biết.

Nhìn chung, đây là một thành công khá lớn của cộng đồng Việt Nam vùng Boston cũng như các anh em văn nghệ sĩ vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, lần đầu tiên được cất tiếng nói của người Việt tỵ nạn trong một buổi hội luận có tính cách quốc tế như vậy. Điều này có thể giúp tạo một nhịp cầu thông cảm giữa khối người Việt yêu chuộng tự do và nhân dân các quốc gia đã từng chịu đựng chiến tranh, và đồng thời có thể tạo một tiền lệ tốt cho người Việt Hải ngoại trong việc đòi hỏi phải có tiếng nói tại bất cứ cuộc hội thảo nào liên quan đến Việt Nam, nếu trong đó có sự hiện diện của phái đoàn Cộng Sản.

ĐAN VŨ,
tường trình từ Boston,
Massachusetts

SAN JOSE

Nhạc sĩ Hoàng Trọng qua đời

Trưa ngày 16 tháng Bảy vừa qua, nhạc sĩ Hoàng Trọng đã từ trần một cách bất ngờ vì bệnh tim tại San Jose, thọ 77 tuổi.

Nhạc sĩ Hoàng Trọng

Hoàng Trọng tên thật là Hoàng Trung Trọng, sinh năm 1922 tại Hải Dương, Bắc Việt, ông cùng gia đình sinh sống tại Nam Định từ khi lên năm tuổi. Học nhạc với người anh ruột là Hoàng Trung Quí từ năm 11 tuổi, ông thành lập ban nhạc đầu tiên với các anh em (Hoàng Trung An, Trung Vinh) và các bạn (Đan Thọ, Vũ Dự, Đặng Thế Phong, Bùi Công Kỳ, Tạ Phước...) Buổi đầu đây chỉ là ban nhạc nhẹ, giải trí, nhưng năm 1945, ban nhạc này mang tên Thiên Thai và trình diễn mỗi tối tại phòng trà cùng tên ở Nam Định cho tới khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ.

Nhạc sĩ Hoàng Trọng là tác giả nhiều bài ca nổi tiếng như Mộng Ban Đầu, Khóc Biệt Kinh Thành, Phút Chia Ly, Nhạc Sầu Tương Tư, Tiếng Lòng, Gửi Hương Hco Gió, Trăng Sầu Viễn Xứ, Mộng Lành v.v... Hai bản tango Bóng Trăng Xưa và Phút Chia Ly được coi là những bản tango tuyệt vời của thập niên 1940-50. Từ 1945, Hoàng Trọng làm những bài hành khúc như Hồn Thanh Niên, Chí Nam Nhi, Trên Đường Xông Pha, Khúc Ca Lên Đường...

Năm 1968, tại Sài Gòn, ông đứng ra thành lập ban nhạc Tiếng Tơ Đồng, quy tụ hơn 40 ca nhạc sĩ có tầm vóc lớn nhất thời đó. Hàng tuần khán thính giả đài tuyền hình VN và phát thanh Sài Gòn đều mong đợi đón nghe chương trình ca nhạc Tiếng Tơ Đồng với các bản nhạc bất hủ do các danh ca trình bày với sự phụ họa của giàn hợp xướng và ban đàn dây phong phú.

Hoàng Trọng cũng đã sáng tác nhiều nhạc phim, nổi tiếng nhất là phim Người Tình Không Chân Dung. Nhạc phim Triệu Phú Bất Đắc Dĩ đã mang lại cho ông giải nhất Văn Học Nghệ Thuật của Tổng Thống VNCH năm 1972-73.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Gió Quyện Hương Đồng

tập truyện của **Thái Quốc Mưu**, Dân Việt xuất bản, 239 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Dân Việt, P.O. Box 47074 Atlanta, GA 30362. Tel: (770) 451-2282.

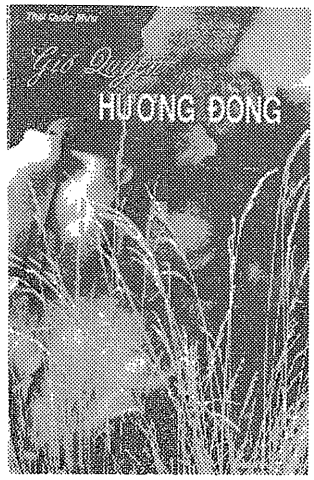

Nhìn tên sách *Gió Quyện Hương Đồng* người ta dễ có cảm tưởng đây là cuốn truyện viết về "miệt vườn," tức thôn quê vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cảm tưởng ấy đúng, vì phân nửa số truyện, và có lẽ là phần hay nhất, có bối cảnh nông thôn miền Nam. Tác giả sinh trưởng ở Kiến Hòa, chịu ảnh hưởng sâu đậm của nếp sống và tinh thần của người dân quê, nhất là quan niệm đạo đức và tính nghĩa khí của những tâm hồn bình dị, dân giã. Trong truyện ông luôn đề cao những đức tính ấy: *Họ hiếu khách, thật thà, nghệ sĩ tính, bất cứ lúc nào cũng có cái gì tiềm ẩn trong họ như một bản sắc anh hùng!*

Những truyện về nông thôn của ông đọc hấp dẫn và cảm động, vì ông hiểu biết nhiều về vùng đất này, tình cảm ông tha thiết, và nhất là văn của ông hợp với những cái bình dị, chân chất. Truyện rất nhiều sự kiện, và chính các sự kiện diễn tả tình cảm, phẩm chất của đời sống thôn dã chứ không phải các đoạn tả tình tả cảnh. Điều đó chứng tỏ tác giả là một người giàu óc quan sát, ghi nhận, và nhất là từng trải.

Tính chất ấy càng rõ trong các truyện ở phần thứ ba của cuốn sách, là các truyện về nội bộ của cộng sản. Dĩ nhiên gọi là truyện thì phải có phần hư cấu, nhưng người đọc nhiều lúc không thể không nghĩ rằng tác giả ắt phải có những nguồn tin tức tài liệu đặc biệt về những người thật, việc thật. Những tài liệu ấy giúp cho truyện thêm phần hấp dẫn, "có vẻ thật," nhưng cũng chính vì chúng nằm trong dạng truyện nên tính chất tài liệu của chúng, nếu có, trở nên kém thuyết phục, vì không biết đâu là chân, đâu là giả.

Nhìn chung đây là một cuốn sách hay, đọc rất lôi cuốn, đúng như lời giáo sư Lê Bá Kông: *"...đọc tác phẩm của bạn Thái Quốc Mưu, nó đã lôi cuốn tôi một mạch ba đêm liền..."*

Sư Phụ

tập truyện của **Trần Long Hồ**, Minh Văn xuất bản, 185 trang, giá US$11.00, ngoài Hoa Kỳ $13.00. Liên lạc: Minh Văn 2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042, USA. Tel: (703) 698-8490.

Cả cuốn sách, với sáu truyện, đều là các minh họa cho tư tưởng của Lão tử. Ngay ở bìa sách đã có sự hiện diện của nhà hiền triết này: bức tranh Lão tử cưỡi trâu cùng tiểu đồng qua hẽm núi Hanku. Các bức tranh phụ bản khác trong sách cũng đều là tranh cổ Trung Hoa cùng một đề tài trên. Truyện thì là truyện Việt Nam, với một số địa danh quen thuộc, nhưng lại mang nhiều màu sắc cổ tích và không khí truyện Tàu do vẻ huyền hoặc của đạo giáo luôn luôn lãng đãng. Hầu hết các truyện đều có khuynh hướng không xác định không gian và thời gian. Cái dòng sông Tiền nơi giòng họ Nguyễn Sinh cư ngụ không có hơi hướng gì của đồng bằng Cửu Long, mà là một dòng sông huyền thoại của bất cứ một thuở xa xôi nào (truyện Sinh Tử Phù); ngôi chùa Bạch Vân nơi cậu bé Huỳnh Đệ được gởi tu hành, với những Chấp Pháp Đường, La Hán Đường, Tàng Kinh Các... thì gợi hình ảnh chùa Thiếu

Lâm bên Tàu hơn là một ngôi chùa Việt Nam (truyện Sư Phụ). Cảm hứng bởi tư tưởng vô vi của Lão giáo và muốn trình bày tư tưởng ấy, có lẽ tác giả thấy tạo cái không khí mơ hồ huyền hoặc thì thích hợp với sự chuyên chở hơn. Các đối thoại trong truyện thường mang một ý nghĩa gởi gắm, chẳng hạn:

Tới và lui dựa nhau mà hành xử. Người ta chết vì biết tới mà không biết lui. Người ta trở thành ngu si, đần độn vì biết lui mà không biết tới. Ngươi chỉ lui sau khi đã tới. Ngươi không thể tới mãi mà cũng không thể lui mãi.

... Chẳng qua ngươi tự cho ngươi là lớn nên có kẻ nhỏ. Ngươi tự cho ngươi là cao nên có kẻ thấp. Ngươi tự cho ngươi là già nên có kẻ trẻ. Người đời cũng đồng ý với ngươi như vậy.

Viết truyện để minh họa cho một tư tưởng như của Lão tử thật không phải dễ. Cứ để cho tư tưởng ấy thấp thoáng ẩn hiện đâu đó, trong khi sự huyền hoặc, ly kỳ vẫn có cái hấp dẫn của nó, sẵn sàng lôi cuốn người đọc cho đến khi gấp sách.

Đi Tìm Kinh Dịch Nguyên Thủy

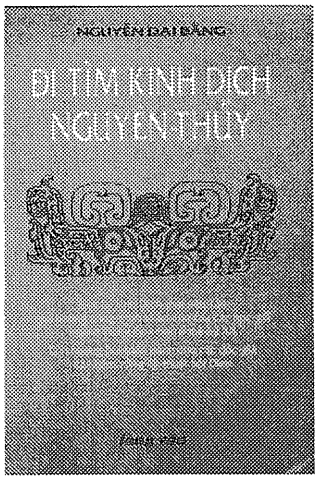

biên khảo của **Nguyễn Đại Bằng**, Làng Văn xuất bản, 267 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Làng Văn, P.O. Box 218, Station "U" Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada. Tel: (905) 607-8010.

Tác giả, Nguyễn Đại Bằng, sinh năm 1962 tại Sài Gòn, hiện là bác sĩ Y khoa ở Pháp. Tuy thuộc tầng lớp hoàn toàn "tân học," ông lại say mê khảo cứu về kinh Dịch, trước đây đã có một số bài thuộc đề tài này đăng trên Thế Kỷ 21. Về lý do biên soạn cuốn sách này, ông viết:

... Chúng tôi đã không quản ngại tài năng kém sức học mọn mà viết ra quyển sách nhỏ này đó là vì những hiểu biết về Chu Dịch đã thay đổi khủng khiếp ở thế kỷ XX, đặc biệt là 18, 20 năm gần đây, và vì đợi mãi mà chúng tôi vẫn không thấy một thức giả nào biên soạn về vấn đề này — một vấn đề có chút quan trọng đối với văn hóa nước nhà mặc dù ngày nay ảnh hưởng Tây phương đã lấn át rõ rệt cái học Trung Hoa cổ xưa.

Trong cái học truyền thống của Trung Hoa, Kinh Dịch được xem là một trong sáu tác phẩm căn bản (lục kinh) của Nho gia, trong đó chứa đựng nhiều tư tưởng triết học. Nhưng các cuộc khai quật khảo cổ đã đem lại cho giới nghiên cứu nhiều ghi chép thời xưa trên xương thú, trên đồ đồng, và mới đây nhất, vào năm 1973, người ta khai quật ở mộ Mã Vương Đôi một số sách vở bằng lụa từ thời Tiền Hán (năm 168 trước Tây lịch), trong đó có một bản Dịch Kinh, được xem như bản cổ nhất có được cho đến hiện nay. Các chứng cớ khảo cổ ấy cho một hình ảnh kinh Dịch không hoàn toàn giống với bản trong Lục Kinh của Nho gia, mà giúp mọi người "nhìn lại được bộ mặt ban đầu của Chu Dịch." Đó là một bộ sách bói toán, nhưng cũng là chứng tích của lịch sử cổ đại Trung Hoa.

Tác giả Nguyễn Đại Bằng có công tập hợp tài liệu để giới thiệu bộ mặt mới ấy của Kinh Dịch. Công việc tương đối kỹ lưỡng, vừa trình bày các nghiên cứu khoa học của giới Trung Hoa học quốc tế, vừa giới thiệu các phép giải đoán của môn bói Dịch nguyên thủy. Tác giả còn chia sẻ với độc giả một số quẻ bói cho các nhân vật danh tiếng như Balladur và Chirac chính khách Pháp, Ngô Đình Diệm, Bảo Đại, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông v.v... mà chính ông đã thực hiện. Điều này chứng tỏ tác giả không chỉ nghiên cứu mà còn say mê thực hành cái mục tiêu chính yếu của Dịch, là môn bói toán.

Yêu Em Từ Thuở

truyện dài của **Bình Huyên**, tác giả xuất bản, 367 trang, giá tại Pháp 100 FF, tại Mỹ và Canada US$18.00. Không ghi địa chỉ liên lạc về xuất bản và phát hành.

Tác giả tâm đắc với câu sau đây của người Pháp "Mỗi người chúng ta là một lịch sử tuyệt vời - Tout homme est une histoire sacrée," mà tác giả xem như viên đá lát đường để mình tiến tới trong việc

viết nên tác phẩm này. Câu chuyện bắt đầu từ một nơi gọi là Ty Thôn ở Thanh Hóa năm 1947, với nhân vật là một cô bé chừng sáu bảy tuổi tên Huyên, và cô, mỗi ngày một lớn lên, sẽ tiếp tục đóng vai chính suốt cuốn sách cho đến thời điểm 1975 ở Sài Gòn. Tác giả nói rõ đây là chuyện thật, chuyện đời tác giả được tiểu thuyết hóa, và chủ đề chính của suốt mấy trăm trang tự thuật không gì khác hơn là tình yêu. Một người con gái từ khi tự ý thức được về mình, ngầm mang một nỗi niềm mơ ước thắm thiết và một sự chờ đợi về tình yêu đích thực mà mình sẽ gặp, và cuối cùng đã gặp, và ước mơ thành tựu. Đó là một điều kỳ diệu, một "lịch sử tuyệt vời," mà tác giả, với tâm hồn được đào tạo trong nền đạo đức Thiên chúa giáo, quan niệm rằng ... *từ một thực thể vô hình, là tình yêu của Thượng Đế, phát sinh ra tình yêu giữa hai linh hồn, được dành sẵn cho nhau tự thủa nào. Hai linh hồn đó thoát thai vào thể xác, lẽo đẽo tìm nhau, trên quãng đường đời.* Nhan đề cuốn sách, *Yêu Em Từ Thuở*... nói lên tính cách tiền định ấy trong tình yêu, ngay từ khi chưa gặp nhau, chưa ý thức được người yêu của mình sẽ như thế nào mà trong thâm tâm đã chắc mẩm rồi ra mình sẽ gặp một người như thế. Nhân vật Huyên là một kẻ may mắn trong tình yêu, đến tuổi trung niên nhìn lại vẫn thấy tình yêu là một vưu vật, là cái "được" lớn nhất của đời mình.

Diễn tiến của sách là lời kể từng mảng sự việc xảy đến cho các nhân vật, khi thì ở Thanh Hóa, khi thì Hà Nội, khi thì trên đường tản cư, hồi cư, di cư...; lại có cả cảnh đấu tố địa chủ, cảnh đi dân công chiến dịch Điện Biên Phủ... Nhưng tất cả những khung cảnh ấy không bao giờ là những bức tranh đậm nét, để tạo nên và truyền cho độc giả cái không khí thời đại đang được nói tới. Có thể tác giả không chú trọng nhiều đến nghệ thuật miêu tả, chỉ dùng các sự kiện của thời đại như một cái phông mờ nhạt, trên đó diễn ra hoạt động của những nhóm nhân vật, là cái mà tác giả chăm chút đến từng chi tiết nhỏ. Câu chuyện đi suốt một đoạn quan trọng của lịch sử đất nước, nhưng điều chính yếu là cuộc đời cô Huyên, cô dần lớn lên, để *từ vô ý thức sang ý thức, chúng tôi sống qua thời niên thiếu, luôn luôn hướng về một điểm hẹn không tên.* Điểm hẹn ấy, là tình yêu viên mãn, được minh họa bằng một bức ảnh chụp một gia đình đông đúc gồm hai vợ chồng và sáu đứa con mà tác giả cho in ở cuối sách.

Sóng Từ Trường

tiểu luận phê bình của **Thụy Khuê**, Văn Nghệ xuất bản, 225 trang, giá US$12.00; ngoài nước Mỹ $14.00. Liên lạc: Văn Nghệ P.O. Box 2301, Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

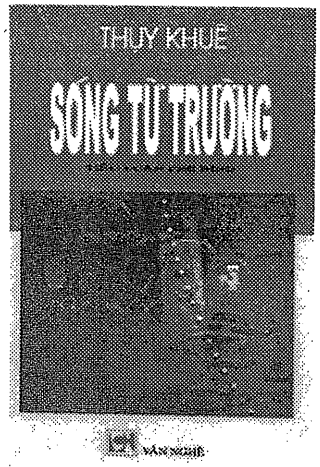

Sách tập hợp những bài phê bình văn học, nghệ thuật của Thụy Khuê viết trong khoảng mười năm trở lại đây. Đó là những bài viết về Thái Thanh, Bảo Ninh, Trần Anh Hùng, Lê Phổ, Phạm Tăng, Phạm Thị Hoài, Lê Thị Lựu, Trần Vũ, Võ Thị Hảo, Phạm Duy, Bùi Hoàng Vị, Lê Bá Đảng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Huy Thiệp, Bé Ký, Lê Đạt. Họ là ca sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ. Thụy Khuê dùng nghệ thuật của mình để nói về nghệ thuật của họ. Người đọc được thưởng thức hai lần nghệ thuật, và hiểu biết thêm về những tác phẩm thơ, văn, nhạc, họa có khi mình đã biết và đã thưởng thức theo lối của mình, có khi xa lạ, lần đầu được giới thiệu. Được đọc một ngòi bút phê bình thông minh, giàu kiến thức và có văn tài trong việc thể hiện các cảm nhận cũng như nhận xét tác phẩm là một điều hạnh phúc — hạnh phúc vì lòng đầy cảm giác tin cậy, rồi lại được thưởng thức cái hay và cái đẹp được tái tạo bằng một cách sáng tạo mới. Đúng như tác giả đã viết:

Phê bình có thể xem như là một sáng tác gián tiếp cộng sinh và tạo sinh: Sáng tác từ *một tác phẩm, sáng tác* từ một cái khác, *cái khác tôi, từ cái ngoài tôi. Khác với sáng tác của nhà văn: Sáng tác trực tiếp,* từ *bản thân, từ tôi, từ cái trong tôi.*

Đó không phải đơn thuần là "lý luận văn học." Tác giả đã thực hiện rất đẹp điều ấy suốt trong những bài phê bình của mình.

Luật Quốc Tế Nhân Quyền

Luật sư **Nguyễn Hữu Thống** phiên dịch và dẫn giải, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam ấn hành, 98 trang, giá US$10.00. Liên lạc: 4745 El Cajon Blvd, Suite #104, San Diego,

CA 92115, USA. Tel: (619) 284-5111.

Sách này gồm ba tài liệu căn bản về luật nhân quyền do Liên Hiệp Quốc ấn hành:

- Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, ban hành năm 1948,
- Công ước Quốc tế về những quyền Dân sự và Chính trị, năm 1966,

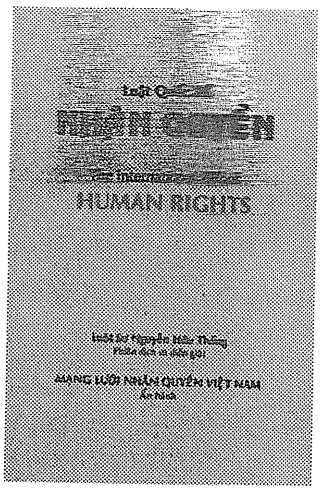

- Công ước Quốc tế về những quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hhóa, năm 1966.

Từ khi có lịch sử, mãi đến thế kỷ thứ hai mươi lần đầu tiên con người mới tự ý thức một cách trọn vẹn các quyền căn bản của mình và tập họp nhau để viết ra những quyền ấy. Từ thế kỷ 18 các nhà cách mạng Dân quyền Pháp đã cảnh giác: *Sự khinh miệt, phủ nhận hay lãng quên nhân quyền là nguyên nhân duy nhất đem lại đại bất hạnh cho dân chúng và sa đọa cho chính quyền*. Nhưng phải qua thế kỷ 20, với hai cuộc đại chiến thế giới và sự ra đời của phong trào Cộng sản tại Nga và Quốc xã tại Đức với những cuộc tàn sát và bóp nghẹt sự sống của con người một cách dã man, đại diện của con người văn minh mới họp nhau lại cùng nhau đặt định trở lại những gì mà con người sinh ra có quyền được hưởng.

Việt Nam ngày nay là một nơi nhân quyền vẫn không được coi trọng vì ở đó vẫn còn chính quyền cộng sản với những chủ trương nô dịch con người cố hữu của họ. Việc cần thiết là mọi người dân phải được biết đâu là những điều mà mình *có quyền* được hưởng với tư cách là một con người, không ai có quyền tước đoạt. Việc phiên dịch, in ấn và phổ biến rộng rãi các văn kiện về quyền làm người của tổ chức Mạng Lưới Nhân Quyền là một việc làm cần thiết và ích lợi cho mọi người Việt Nam trong cũng như ngoài nước. Vì tuy nhân quyền là những quyền mà mọi người sinh ra đều có, nhưng để chúng hiện hữu trong đời sống, chúng ta phải tranh đấu. Mà chỉ tranh đấu được khi ta biết rõ những quyền ấy là gì.

Ngàn Năm Nào Ngưng Đọng

CD [illegible] giọng hát **Dương Thái Dũng** và **Kiều Hưng**, Cái Đình phát hành, giá US$10.00 luôn cước phí. Liên lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36 - 8015 DZ, Zwolle, Holland. Tel: +31 - 384600989.

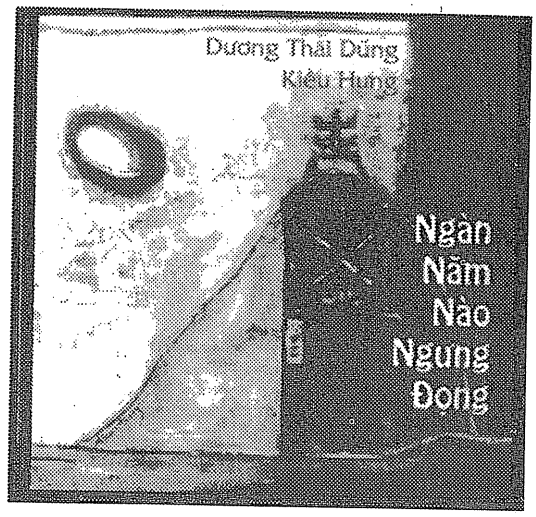

Cái Đình là một nhà xuất bản sách tiếng Việt do một nhóm văn hữu tại Hòa Lan chủ trương. Có lẽ đây là CD đầu tiên do Cái Đình sản xuất, đánh dấu một bước mở rộng hoạt động văn hóa sang một lãnh vực khác. Đĩa "Ngàn Năm Nào Ngưng Đọng" không giống như hầu hết các CD hiện có trên thị trường, thường gồm nhiều giọng hát của nhiều nam nữ ca sĩ khác nhau, với những bài hát phần nhiều là quen thuộc. Ở đây chỉ có hai giọng hát đàn ông, là Dương Thái Dũng và Kiều Hưng, hát mười bài còn xa lạ trong thế giới âm thanh cố hữu của đại chúng nghe nhạc Việt Nam. Đó là những bài Chợt Thức (La Hữu Vang), Nhớ Quê, (thơ Thái Công Khanh, nhạc Kiều Hưng), Ngàn Năm Nào Ngưng Đọng (thơ Nguyễn Hoàn Nguyên, nhạc Nguyễn Quyết Thắng) v.v... Điều đáng nói ngay là hai giọng hát thật là đặc biệt, biểu hiện hai khuynh hướng khác nhau. Dương Thái Dũng, ca sĩ hiện cư ngụ tại Hòa Lan, có tiếng hát ấm, mượt và đầy hiểu biết, diễn tả rất hợp các bài hát có nội dung cô đọng, sâu lắng. Trong khi đó Kiều Hưng, ca sĩ dân ca nổi tiếng của Hà Nội hiện tị nạn tại Đức thì đầy trữ tình, óng chuốt mà lại dễ dàng dung dị gần với tính cách dân giã. Nếu tiếng hát Dương Thái Dũng đẹp như một áng văn bác học thì của Kiều Hưng tươi sáng như một bài ca dao. Hai giọng ấy đảm trách chuyên chở mười sáng tác cũng có khuynh hướng ngả về hoặc là súc tích nặng tính chất suy tư, hoặc các tình cảm giản dị của dân gian.●

Xin tìm nghe dĩa nhạc dân ca Việt Nam

Hò Khoan Lệ Thủy

Qua cầu gió bay * Lý ngựa ô * Cây trúc xinh * Hò khoan Lệ Thủy * Lý chiều chiều * Cò lả * Lý bằng răng * Hoa thơm bướm lượn * Ru con * Lý thiên thai * Duyên phận phải chiều * Chặt gỗ đóng thuyền

với

NGUYỄN THÀNH VÂN

và

QUỲNH GIAO, THU TÂM, BÍCH LIÊN, LINH SƠN, NGỌC SƯƠNG, THANH HẰNG & BAN THIẾU NHI NGÀN KHƠI

hòa âm

MARK KNOX

Thâu thanh tại
San Francisco, Orange County và Philadelphia

Có kèm theo một tập sách 8 trang với phần dẫn giải và lời bài hát, bằng hai thứ tiếng Việt và Anh

Có bán tại các tiệm sách và băng nhạc

LIÊN LẠC: **14265 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843 . Tel: 714-531-2773**
42 Castro Street #6, San Francisco, CA 94114 . Tel: 415-621-3215
Email: vann@cgl.ucsf.edu
Web: http://www.vannguyen-music.com

KT FURNITURE
2775 W. LINCOLN AVE., ANAHEIM
(Góc Lincoln & Dale)
(714) 821-4989

EXPO FURNITURE
149 E. ORANGETHORPE AVE., ANAHEIM
(Góc Orangethorpe & Lemon)
(714) 871-1817

Bộ Giường ngủ Italy

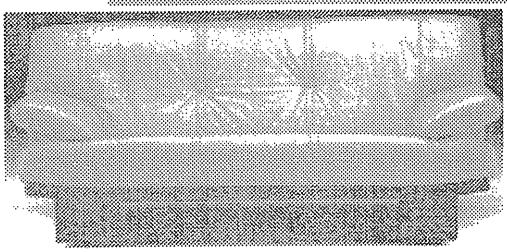

Bộ Sofa - Italy

Bàn ghế phòng ăn, Tủ chưng

Show Room rộng 15,000 sqft
cung cấp đủ loại FURNITURE
sang trọng với giá phải chăng

*** NHẬN LAYAWAY * FINANCING DỄ DÀNG**
*** MASTER CARD * VISA**

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group
Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

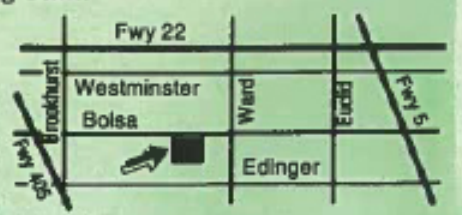

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim